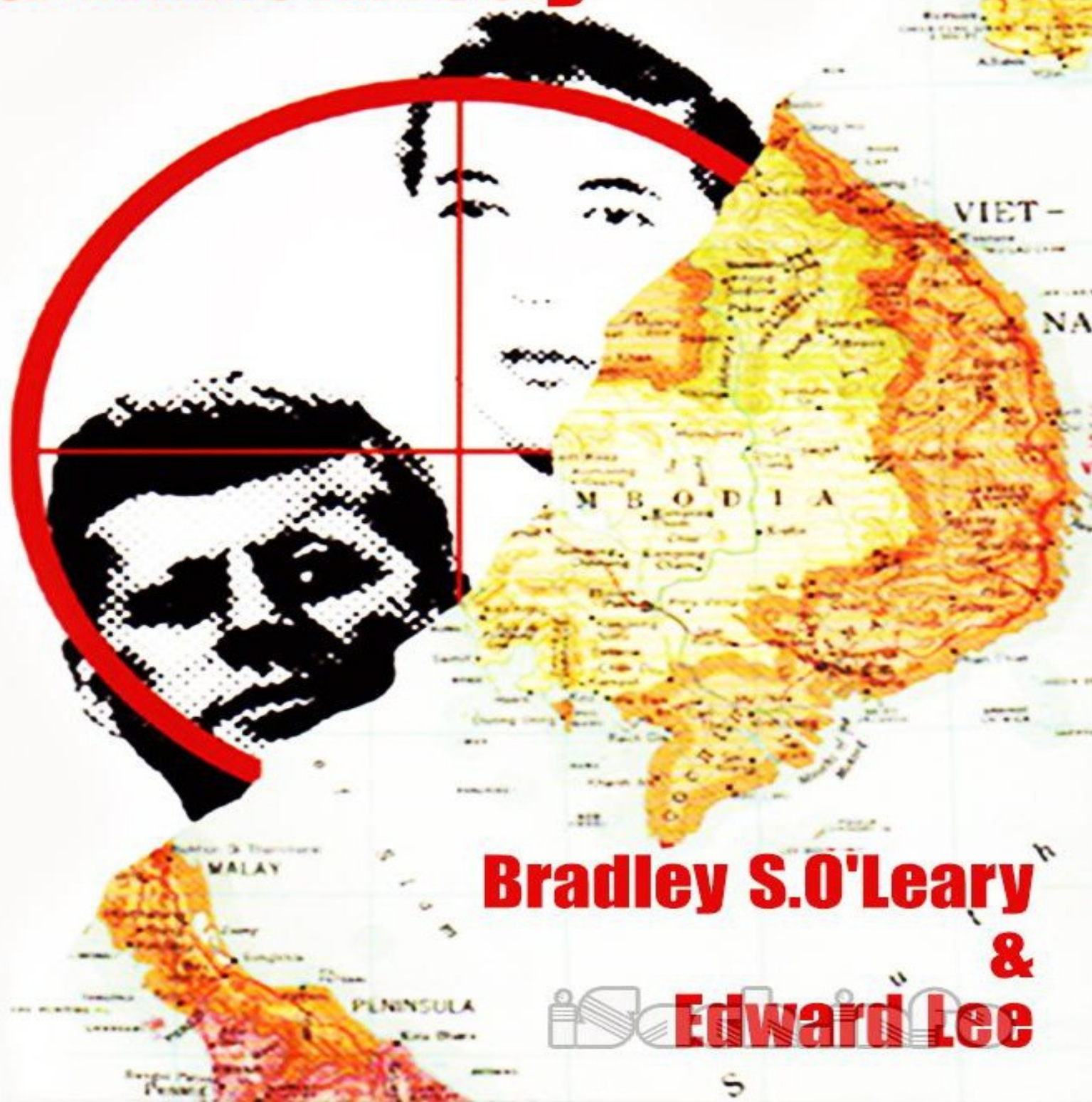


Cái chết của những ông vua thời chiến tranh lạnh

Vụ ám sát Ngô Đình Diệm & J.F.Kennedy



Vụ ám sát Ngô Đình Nhiệm và J. F. Kennedy

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Vụ Ám Sát Ngô Đình Diệm Và J.F.Kennedy](#)

[LỜI TÁC GIẢ](#)

[MỘT CHÀNG TRAI HỐI HẢ](#)

[NGUỒN GỐC CỦA HỖN LOẠN](#)

[CON BÙ NHÌN TỰ GIẬT DÂY](#)

[VIỆT CỘNG](#)

[TAM ĐẦU CHẾ ĐẦY THÙ HẬN](#)

[THUỐC PHIỆN](#)

[ĐẢO CHÍNH KIỂU MỸ](#)

[NHỮNG ÂM MƯU](#)

[VỤ TRỰC XUẤT BÍ MẬT](#)

[TỔ CHỨC CỦA ĐỘI QUÂN NGẦM](#)

[SDECE](#)

[JEAN RENE SOUETRE](#)

[VŨNG LẦY GIẤY TỜ](#)

[NHỮNG KẺ VÔ DANH](#)

[KHỦNG HOẢNG](#)

[Q1 / WIN](#)

[NHỮNG ĐIỀU LỤN VỤT VÀ LẶT VẶT](#)

[TẤM LÁ CHẴN SÁNG VÀ CÂY VĨ CẦM: TÀI THIÊN XẠ CỦA OSWALD](#)

[BỘ NÃO CỦA TỔNG THỐNG ĐÃ THẤT LẠC](#)

[NHỮNG ĐIỀU KHÔNG BAO GIỜ THAY ĐỔI: NHỮNG ẢNH CHỤP KHÁM NGHIỆM TỬ THI](#)

[LỜI THÚ TỘI CỦA MARCELLO](#)

[NHỮNG QUAN HỆ QUÁ TÂM](#)

[ÂM MƯU](#)

[NHỮNG NGƯỜI TRONG BÓNG TỐI](#)

[CUỘC PHỎNG VẤN SOUETRE NĂM 1999](#)

[ĐỪNG NHÌN NHỮNG KẺ THÙ, HÃY NHÌN VÀO BÈ BẠN](#)

[SÀI GÒN](#)

[AI ĐÃ GIẾT DIỆM VÀ JFK?](#)

[PHẦN KẾT](#)

Vụ Ám Sát Ngô Đình Diệm Và J.F.Kennedy

Bradley S. O'Leary & Edward Lee

LỜI TÁC GIẢ

Bạn có biết rằng John F. Kennedy (JFK) đã chuẩn bị việc lật đổ chính phủ công giáo ở Nam Việt Nam?

Nếu bạn có kiến thức trực tiếp về các nguồn cội của chiến tranh Việt Nam, có lẽ bạn không tin vào tuyên bố trên, và có lẽ bạn không tin vào nó cho dù bạn hầu như chẳng biết gì về cuộc chiến tranh này. Quốc gia Việt Nam, sau cùng, là đồng minh của chúng ta. Vì lý do gì mà Kennedy lại phải ủng hộ việc lật đổ một lãnh tụ đồng minh?

Chúng ta đang nói về một người có tên là Ngô Đình Diệm. Ông ta đã là tổng thống của Nam Việt Nam được chín năm. Hầu hết các sách lịch sử đều nói với chúng ta rằng JFK ủng hộ Diệm, và đã ủng hộ suốt nhiều năm. Chính vì Diệm và JFK cam kết sử dụng quân đội Mỹ, quân cụ Mỹ, và hàng triệu đô la từ tiền thuế của dân Mỹ trong một nỗ lực nhằm giúp Nam Việt Nam thoát khỏi mối đe dọa của cộng sản. Diệm là đồng minh của chúng tôi, nên thật sự vô lý khi tin rằng Kennedy muốn lật đổ ông ta. Thế nhưng Diệm đã bị lật đổ và lập tức bị giết chết.

Ba tuần sau cái chết của Diệm, chính Kennedy cũng bị ám sát. Bây giờ có một chủ đề mà tất cả chúng ta đều nghe nói tới: cái chết của JFK, một sự cố có lẽ là ám sát bí ẩn nhất của mọi thời đại. Hàng chục giả thiết đã phát triển quanh vụ ám sát Kennedy trong gần bốn mươi năm qua, tuy rằng chỉ có hai cuộc điều tra chính thức đã được tiến hành.

Những uỷ ban điều tra này của Chính phủ Mỹ đã nói với bạn nhiều chuyện. Bạn được nghe nói rằng chỉ một tay súng đơn lẻ có tên Lee Harvey Oswald là kẻ ám sát. Bạn cũng nghe nói là chỉ có hai phát súng trúng đích vào ngày 22.11.1963 đó, và có một phát bắn hụt. Bạn đã nghe nói rằng những phát đạn bắn ra ngày hôm đó đều xuất phát từ tầng sáu của Kho sách Giáo Khoa Texas. Bạn đã nghe nói rằng JFK bị giết bởi vì ông đang chuẩn bị rút toàn bộ quân đội Mỹ ra khỏi Việt Nam

Tất cả những điều mà bạn được nghe nói đó đều sai sự thật, nhưng cuốn sách này sẽ tiết lộ sự thật đích thực. Sách này sẽ giải thích rằng Robert Kennedy không muốn cho điều tra về cái chết của ông anh mình vì việc đó có thể phơi bày chuyện ông ta, JFK, và toàn bộ Nhà Trắng dưới thời Kennedy, đã vạch ra các kế hoạch hành động nhằm ám sát Fidel Castro sau vụ xâm nhập Vịnh Con Heo, nhưng chỉ vài ngày trước khi bị ám sát, tổng thống đã bí mật lập kế hoạch tiến hành việc lật đổ và sau cùng hạ sát các lãnh tụ theo đạo Thiên chúa giáo của Nam Việt Nam và trao chính quyền cho một tập đoàn tướng lĩnh theo đạo Phật. Bạn sẽ thấy rằng bộ não của JFK – một vật chứng quan trọng có giá trị pháp lý – đã bị một Đô đốc Hải quân Mỹ đánh cắp, theo lệnh của Robert Kennedy.

Chúng tôi hy vọng bạn biết ra nhiều điều do đọc cuốn sách này.

Những tài liệu được giải mật gần đây liên quan đến chiến tranh Việt Nam, KGB, Mafia Mỹ, Mật vụ Pháp, và tập đoàn ma túy quốc tế đã rọi một luồng sáng mới đáng quan tâm vào những sự kiện chung quanh vụ ám sát JFK ngày 22.11.1963. Những tài liệu này đưa ra vô số những mảnh rời mới khớp với câu đố có từ gần bốn mươi năm qua đã kết thúc cuộc đời của vị tổng thống

được yêu thích nhất của nước Mỹ.

Sau đây là một số điều mà bạn sẽ biết được từ cuốn sách này:

Đích thân trùm Mafia Carlos Maecello đã gặp Jack Ruby và Lee Harvey Oswald, và y ta, Marcello, đã nói lộ ra một cách có thể xác minh với các quan chức Liên bang rằng y đã trực tiếp dính líu vào vụ ám sát Kennedy.

Mỹ và Liên Xô đều báo động quân sự khẩn cấp ngay sau cái chết của JFK, tránh cho nhân loại một cuộc hủy diệt hạt nhân trong đường tơ kẽ tóc.

JFK đã đích thân yêu cầu một sĩ quan cao cấp trong Quân đội Mỹ tiến hành ám sát Tổng thống Diệm.

Nhưng quan trọng hơn tất cả nhiều điều đó, cuốn sách này sẽ cho bạn thấy một tài liệu của CIA mà nó có thể là bằng chứng gây chấn động nhất từng nảy sinh từ mớ bòng bong quanh cái chết của JFK.

Tài liệu này xác định rằng một tay ám sát quốc tế đã bị chính quyền Dallas, bang Texas bắt giữ trong vòng chưa tới hai ngày sau khi Kennedy bị bắn, và thay vì tống giam người này, các cơ quan công quyền đó đã bí mật đưa tay ám sát đó ra khỏi lãnh thổ Mỹ và trả tự do cho y.

Chúng tôi sẽ trình cho các bạn thấy tài liệu đó cùng nhiều thứ khác nữa, và rồi chúng tôi sẽ trình bày giả thiết của mình cùng tất cả những mối liên hệ đáng tin đã nối kết chặt chẽ những thông tin trên để kết luận rằng hợp đồng giết tổng thống Kennedy không xuất phát từ CIA hay liên minh quân sự – công nghiệp mà từ một sự hợp tác giữa Mafia Mỹ, tập đoàn bạch phiến Pháp, và chính quyền Nam Việt Nam.

Tháng 7.2000
BRADLEY S.O'LEARY & L.R.SEYMOUR

MỘT CHÀNG TRAI HỐI HẢ

“Đừng đòi hỏi tổ quốc làm được gì cho bạn...”
- JOHN F.KENNEDY-

Những năm đầu thập niên 60 là những năm đầy biến động đối với nước Mỹ. Chỉ cách bờ biển Florida chín mươi dặm, Cuba nằm trong tay một nhà cộng sản lập dị. Một cuộc chiến tranh “lạnh” mới lạ giữa Mỹ và Liên Xô đang xảy ra, Thế chiến thứ 3 có vẻ như chực bùng nổ. Kinh tế biến động, và những bất ổn chủng tộc đang sục sôi. Nước Mỹ không ổn

Vào năm 1960, một Thượng nghị sĩ trẻ trực tính của bang Massachusetts tên là John Fitzgerald Kennedy trở thành tổng thống thứ 35 của nước Mỹ. Ở tuổi 43 ông là người trẻ tuổi nhất, người Thiên chúa giáo đầu tiên và duy nhất từ trước đến nay được bầu vào cương vị này. Kennedy hứa hẹn với dân chúng Mỹ một Biên cương mới, và trong một nghĩa nào đó ông đã cho họ đúng điều đó. Ông cho nước Mỹ cái mà nó cần nhất lúc đó : hy vọng.

Vụ ám sát ông ở Dallas, ngày 22.11.1963 sẽ trở thành cái mà hầu hết mọi người đều coi là tội ác của thế kỷ, nếu không muốn nói đó là vụ ám sát gây biến động lớn nhất trong lịch sử. Nhưng cũng chính vụ ám sát đó đã gieo quá nhiều bóng tối lên cuộc đời thực của con người này. Khi một người bình thường nghĩ tới Kennedy, trong đầu họ lập tức hiện lên vụ ám sát. Nhưng chúng ta hãy để cho họ có cái quyền đó trước đã. JFK đạt được nhiều thành công trước và trong suốt 1.037 ngày làm tổng thống, nhưng đa số những thành công này đã bị che khuất bởi cái chết chấn động của ông .

Ngay cả trước khi bắt đầu sự nghiệp chính trị, Kennedy đã chứng tỏ tài năng quyết đoán và lãnh đạo của mình trong Thế chiến thứ 2. Khi chiếc tàu ngư lôi tuần thám của Kennedy bị một tàu khu trục của Nhật đánh chìm gần đảo Solomon, JFK đã dũng cảm đưa thủy thủ đoàn sống sót về đến bến an toàn. Do hành động anh hùng này, vị tổng thống tương lai được tặng các huy chương của Hải quân và Thủy quân lục chiến.

Trên phương diện chính trị, Kennedy là người chống cộng kiên định, mặc dù ông công khai chỉ trích – rất ngược lại với những ý muốn của cha ông – chủ trương “Tìm và Diệt bọn Đỏ” của Thượng nghị sĩ bang Wisconsin Joseph McCarthy, người đã trở nên nổi danh với những chiến dịch khai trừ đầu những năm 50. JFK là tác giả có sách bán chạy nhất; cuốn sách triển khai luận văn đại học của ông, *Why England Slept* (“Tại sao nước Anh ngủ”), xuất bản năm 1940, đưa ra tài liệu cho thấy Vương quốc Anh không có khả năng thích hợp trong việc chuẩn bị tham gia Thế chiến 2. Cuốn sách bán rất chạy và đưa chàng trai John Kennedy vào danh sách best-seller. Một thành công không nhỏ cho một cậu thanh niên hăm ba tuổi.

Cuốn sách tiếp theo của JFK, *Profile in Courage* (“Những chân dung của lòng dũng cảm”), thậm chí còn thành công hơn vào năm 1957 khi nó được trao giải thưởng cao quý Pulitzer. Cuốn sách miêu tả các lãnh tụ chính trị đương thời, và phần lớn cuốn sách được JFK viết trong thời gian tập luyện hồi phục sau lần mổ lưng nguy kịch.

Kennedy đắc cử vào Hạ nghị viện Mỹ ba nhiệm kỳ liên tiếp (1947-53), và rồi tiếp tục giành

được ghế thượng viện ở Massachussets, hoàn toàn đánh bại ứng cử viên Đảng Cộng hoà Henry Cabot Lodge, một người chống đạo Công giáo và rất cứng rắn. JFK có vẻ là một mẫu người chinh phục mới, quật ngã tất cả các đối thủ ngay tại chỗ bằng tài nói chuyện hùng biện sắc gọn, và sự thành thạo các vấn đề được cử tri quan tâm nhất. Một nhà báo thậm chí đã mô tả ông là “Một chàng trai hồi hả”(1) [(Encyclopedia Britannica, Kennedy, John F(itzgerald))] một cách nói không thể nào thích hợp hơn: Jack Kennedy dẫn thân vào sự nghiệp chính trị như một người chạy nước rút vượt qua mọi chướng ngại, không bao giờ giảm tốc độ để quay nhìn lại. Tiếng tăm càng ngày càng lên cao, và năm 1958, ông đắc cử Thượng nghị sĩ nhiệm kỳ thứ hai tại Massachussets với số phiếu chênh lệch lớn nhất so với bất kỳ cuộc chạy đua nào vào Thượng viện năm đó.

Quả thật Kennedy chưa bao giờ thất cử.

Trong vai trò tổng thống, ông luôn đối đầu với những vấn đề gai góc, ông tán thành việc cải cách triệt để các quyền dân sự, ủng hộ Mỹ chạy đua vào không gian, gây sức ép buộc Pháp trao trả độc lập cho Algeria. Ông tuyên chiến với những kẻ thù chung của con người: “...độc tài, đói nghèo, bệnh tật, và bản thân chiến tranh”(2) [(sdd)] và không một người Mỹ nào quên được bài diễn văn “Đừng đòi hỏi” lừng danh của ông.

Những công trạng nào nữa? Đa số những độc giả am hiểu đều biết rằng JFK là người lập ra Đội Hoà Bình, nhưng mấy ai biết ông cũng chính là người lập ra Liên Minh Vì Sự Tiến Bộ, một tổ chức lôi cuốn công chúng giành sự giúp đỡ và khích lệ cho Châu Mỹ La Tinh? Bạn có biết Kennedy cũng đã ký hiệp ước đầu tiên cấm thử vũ khí hạt nhân? Và bạn có biết, dù là người của Đảng Dân Chủ phóng khoáng, Kennedy vẫn coi một trong những việc mạo hiểm lớn nhất của mình là chương trình cắt giảm thuế một cách sâu rộng? Thậm chí người ta còn cho rằng chiến dịch cắt giảm thuế trên quy mô rộng lớn của Kennedy, dẫn đến sự tăng trưởng kinh tế kỳ lạ, cuối cùng đã tỏ ra là một kiểu mẫu cho trước những luận thuyết cắt-giảm-thuế bảo thủ của những năm đầu thập niên 80 vốn đã giảm hẳn lạm phát và thất nghiệp, và trên thực tế, nó đã tạo thêm nguồn thu cho chính phủ bằng cách tăng thêm nhiều việc làm. (Rất tiếc, mặc dù cố vận động cho biện pháp này tại Quốc hội, Kennedy đã chết trước khi nó trở thành luật, và hầu hết những công trạng lịch sử của bước đi táo bạo này – cũng như cải cách về các quyền dân sự của Kennedy – sẽ rơi vào tay người thừa nhiệm không thích hợp của ông, Lydon Baines Johnson).

JFK thực sự là “một chàng trai luôn hồi hả.” Nhưng điều duy nhất mà ông thực sự hồi hả hướng đến lại là cái chết của ông ta, vì với tư cách tổng thống, ông sẽ phải thừa kế một gánh nặng gay go hơn bất cứ điều gì khác....**Việt Nam.**

NGUỒN GỐC CỦA HỖN LOẠN

“Tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng.

Tạo hoá ban cho họ một số quyền bất khả nhượng”

- HỒ CHÍ MINH, 1945-

Thực sự là có nhiều cuộc chiến tranh Việt Nam, và nếu từng có một nền văn minh nào đã sớm nếm trải xung đột bạo lực, thì đó là văn minh Việt Nam. Chiến tranh là một phần của cuộc sống cứ như việc sinh ra và chết đi vậy. Xuất xứ của người Việt có lẽ là ở gần Đồng bằng Sông Hồng, ngày nay gọi là miền bắc của quốc gia này, cách đây khoảng ba ngàn năm. Sự cố kết của nền văn hoá nguyên thủy của họ, theo nhiều nhà nhân chủng học, có thể nhận dạng được qua nghệ thuật sơ khai, tục xâm mình, và thói quen ăn trầu (một chất kích thích như cà phê), đến nay vẫn còn và để lại những vết ố trên răng. Tự điển Encyclopedia Britanica nêu rõ:

“Mặc dù văn minh Trung Quốc về sau trở thành một ảnh hưởng chính, nhưng việc người Trung Quốc đã không đồng hoá được người Việt Nam đã cho thấy những yếu tố mạnh mẽ của văn hoá bản địa xác thực đã xuất hiện ở thung lũng Sông Hồng từ rất lâu trước khi Trung Quốc thiết lập nền đô hộ một ngàn năm của họ ở Việt Nam”.

Thật vậy, chính Trung Quốc đã tiến hành những cuộc chiến tranh đầu tiên xâm lăng Việt Nam; Trung Quốc rất quan tâm đến đất đai màu mỡ của đồng bằng Sông Hồng và việc sử dụng nó như một thương cảng. Lúc ấy người Trung Quốc đã đại dốt tìm cách nô lệ hoá người Việt Nam vì những mục đích riêng của họ đồng thời tìm cách thay thế văn hoá và tín ngưỡng Việt Nam bằng văn hoá và tín ngưỡng riêng của họ. Nỗ lực này không thành, và vào năm 40 sau công nguyên, hai chị em người Việt – Trưng Trắc và Trưng Nhị – đã khởi binh đánh tan các đạo quân Trung Quốc chiếm đóng và giành độc lập trọn vẹn cho Việt Nam trong ba năm. Đó không phải là một thành tích tồi đối với một nền văn hoá nhỏ bé đương đầu với con rồng vĩ đại Trung Quốc.

Cuộc nổi dậy đầu tiên chống lại nền chuyên chế của một nước lớn đó chỉ là khởi đầu cho nhiều cuộc nổi dậy khác. Qua nhiều thế kỷ. Trên thực tế, sau này nhân dân Việt Nam sẽ bị Trung Quốc đô hộ...nhưng họ không bao giờ ngừng tranh đấu giữ gìn bản sắc riêng của mình, cũng không bao giờ chịu thống trị hoàn toàn trước nền thống trị của Trung Quốc. Sự yêu chuộng tinh thần Việt Nam đích thực đã bắt đầu như thế. Dù bị đàn áp nặng nề tới đâu, họ không bao giờ thôi chiến đấu chống lại những kẻ áp bức, họ không bao giờ đầu hàng. Gia đình và văn hoá của họ là những ưu tiên hàng đầu, và ngay cả khi bị người Trung Quốc cai trị hà khắc, họ vẫn trui rèn kỹ năng đề kháng của mình. Chính những kỹ năng này sẽ được mài sắc thêm mãi cho đến khi họ giành được độc lập hoàn toàn hai ngàn năm sau đó.

Họ không bao giờ đầu hàng.

Vào cuối những năm 1850, một thế lực đàn áp mới xuất hiện. Nước Pháp, với vũ khí tối tân và chiến lược quân sự tốt hơn, đã tuyên bố quyền cai trị của mình trên quốc gia này, họ dùng tới danh Chúa Trời để tìm kiếm thương trường cực kỳ cần thiết ở nước ngoài. Nước Pháp đã

mất mười sáu năm để áp đặt thành công quyền lực đế quốc lên những vùng đất mà họ gọi là thuộc địa Đông Dương, ngày nay là Việt Nam, Campuchia và Lào. Tuy nhiên, Việt Nam là nơi người Pháp cai trị cứng rắn nhất, và họ đã cố tình chia cắt quốc gia này thành những vùng thuộc địa tách rời nhằm làm tiêu tan tính bản sắc văn hoá của dân chúng. Những toàn quyền người Pháp tàn bạo đến đây để âu hoá nền văn hoá “man rợ” và khai thác những tài nguyên của vùng đất này – tất cả vì “Nước Pháp Toàn Cầu”. Nơi đây là món nợ của người da trắng : nạn cưỡng dâm, cướp bóc, nô dịch, làm việc tới chết để tìm cao su và ngà voi. Bất cứ nơi nào có sự phản kháng, quân Pháp liền được phái tới để “bình định”, để lại những mặt đường đầm máu. Người dân địa phương nào không chết vì súng đạn sẽ bị đối xử như những kẻ phản bội và bị xử tử nơi công cộng. Không có gì là thành kiến khi nói rằng người Pháp rất đáng chê trách trong việc đối xử với người “Đông Dương”. Người Pháp đã tự cho thấy họ là những kẻ tra tấn ghê tởm đối với một dân tộc chỉ muốn sống và được tự do như những dân tộc khác, nhưng rồi dân tộc đó chỉ được nhồi nhét giáo lý Công giáo và chết đói vì không đạt được những chỉ tiêu xuất khẩu qua Pháp. Từ những năm 1860 đến những năm 1940, hàng ngàn người chết trong khi làm đường bộ, đường xe lửa, xưởng tàu, và kênh đào. Hàng ngàn người khác chết trong các hầm mỏ, những cánh đồng và kênh mương thuỷ lợi. Những người Việt Nam chết vì đói khát hay kiệt sức trên những đồn điền cao su thường được chôn gần các gốc cao su – một thứ phân bón không tốn tiền – và khi những người nông dân van xin giảm thuế trong lúc đói kém, người Pháp đã từ chối. Đau ốm trong các nhà máy xi măng và xưởng dệt, người công nhân thường bị bỏ mặc cho chết không thuốc men chữa trị, người ta sẽ thay họ bằng người làm công mới, và đó được coi là hiệu quả cao.

Những người Pháp bóc lột không ngừng quất ngọn roi của chủ nghĩa thực dân một cách tàn nhẫn lên lưng người dân Việt Nam... cho đến khi một kẻ mạnh hơn chen chân vào.

Quân đội Nhật.

Tháng 9. 1940, sau khi Pháp đầu hàng Phát xít Đức, vị toàn quyền Pháp ở Việt Nam cho phép Nhật đưa 30.000 quân vào tiếp quản các sân bay để sử dụng vào mục đích quân sự chống lại các nước Đồng minh (3) [(Encyclogpedia Britannica, Vietnam, History)]. Khi người nông dân van xin giảm thuế vì hạn hán, người Pháp đã từ chối, còn người Nhật thì nhún vai bởi vì hợp đồng cộng tác giữa họ với người Pháp không dính dáng đến bất cứ chuyện cai trị nào đối với dân bản xứ. “Hãy mang đơn kiện tới chỗ người Pháp,” họ nói vậy với nông dân. Cuối cùng thì hạn hán đã dẫn tới nạn đói làm chết gần hai triệu người Việt Nam trong lúc người Pháp và người Nhật vẫn ăn uống ngon lành. Lượng gạo dư thừa có thể cứu sống những người đang hấp hối đã được đem xuất khẩu sang Nhật, và người Pháp không phản đối. Chừng nào người Nhật còn được sung sướng, quyền cai trị của Pháp vẫn không bị sút mẻ. Nói cách khác, bằng cách nhân nhượng người Nhật ở Việt Nam, người Pháp đã trực tiếp ủng hộ một cường quốc phe Trục có liên minh với Phát xít Đức, cũng chính là guồng máy quân sự đã điều hành đắc thắng trên các đường phố Paris.

Nói rằng người Pháp khom mình liếm gót thì quả cũng không ngoa chút nào. Và họ sẽ tiếp tục liếm gót cho tới khi cuộc chiến tranh sắp sửa kết thúc, lúc ấy người Nhật, nhận ra tình thế khó khăn của mình, sẽ tổng tất cả lính tráng Pháp vào tù để đề phòng một cuộc nổi dậy. Nhưng

vào lúc này có nhiều người khởi nghĩa hơn – những người khởi nghĩa bản xứ – chống lại sự áp bức của cả Pháp lẫn Nhật. Việt Minh là tên gọi của một nhóm dân quân du kích được tổ chức tốt và lập tức được cả nước đứng sau lưng. Đứng đầu nhóm là người sau này trở thành vị lãnh tụ duy nhất từng giành thắng lợi trong một cuộc chiến tranh chống lại người Mỹ: Hồ Chí Minh.

Thế nhưng có một sự thật ít người biết rằng, vào cuối Thế chiến 2, Hồ Chí Minh là bạn đồng minh của nước Mỹ, hoặc ít nhất ông ta đã đi đến chỗ tin rằng như thế. Đầu tiên, Tổng thống Roosevelt tuyên bố mạnh mẽ chống lại chủ nghĩa đế quốc và sự áp bức ở Châu Á, và Hồ Chí Minh tin ông ta. Hãy nhớ rằng, Hồ Chí Minh lúc bấy giờ chưa phải là một người cộng sản thực sự, nhiệt tình của ông là tinh thần ái quốc thuần túy, là tìm cách lật đổ hoàn toàn nền thống trị đế quốc trên đất nước, giành lại Việt Nam cho người Việt Nam. Ngay cả khi chiến thắng của phe Đồng minh trong thế chiến 2 đã trở nên chắc chắn, thì sự hiện diện của quân Nhật tại Việt Nam cũng gây ra nhiều vấn đề, và các gián điệp Mỹ, Anh được gọi đến để giải quyết. Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh chủ động đánh cắp các kho lương thực của người Nhật đồng thời giải thoát các tù nhân và những phi công Đồng minh bị rớt máy bay. Ngày nước Nhật chính thức đầu hàng sau khi hai thành phố Hiroshima và Nagasaki bị thả bom nguyên tử, vẫn còn 100.000 quân Nhật tại Việt Nam, và chính Hồ Chí Minh là người đã hết lòng giúp đỡ người Mỹ bằng cách chỉ rõ những vị trí trú đóng của quân Nhật cho nhóm OSS của Mỹ, lập tức người Mỹ thông báo điều này cho người Anh là nước chịu trách nhiệm giải giới quân đội Nhật.

Tin tưởng là có sự giúp đỡ của chúng ta, Hồ Chí Minh chính thức tuyên bố đất nước độc lập – nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà – và thậm chí ông đã viết bản tuyên ngôn độc lập dựa trên tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ. Franklin Delano Roosevelt lúc ấy đã chết, Harry S. Truman thay ông làm tổng thống, nhưng khi Hồ Chí Minh yêu cầu Truman đưa ra sự ủng hộ chính thức của Mỹ, ông nhanh chóng nhận ra rằng những phát biểu ủng hộ Việt Nam của Franklin Delano Roosevelt mới đây bây giờ đã không còn được chính quyền mới ở Washington tôn trọng nữa. Truman phớt lờ những yêu cầu khẩn thiết của Hồ Chí Minh, và đã chỉ thị cho Bộ Ngoại Giao Mỹ phải làm mọi cách trong quyền hạn của mình để giúp phục hồi nước Pháp hậu chiến càng hiệu quả càng tốt, kể cả việc cho phép nước Pháp giành lại quyền coi ba nước Lào, Campuchia và Việt Nam là bộ phận của Đế Quốc Thuộc Địa Pháp.

Miệng chửi tay đấm, người Anh đã rất xảo trá tái vũ trang cho quân Nhật và sử dụng họ để lật đổ chính quyền dân chủ mới tuyên bố ở một nửa phía nam của quốc gia này. Đối với Hồ Chí Minh – cũng như đa số dân chúng ủng hộ ông – đây là kịch bản cuối cùng trong trò lật lọng của phương tây. Hồ Chí Minh đã giúp chúng ta rất nhiều trước khi Thế chiến 2 kết thúc – ông đã cứu sống nhiều quân Đồng minh – vậy mà chúng ta đền đáp ông như thế. Chúng ta tái vũ trang chính những kẻ xâm lược mà ông đã giúp chúng ta tước vũ khí, và rồi chúng ta sử dụng vũ lực đó để tìm cách xoá bỏ chính quyền hợp pháp của ông ta.

Campuchia và Lào nhượng bộ; họ chấp nhận độc lập “cục bộ” trong “Liên Hiệp Pháp”. Nhưng Hồ Chí Minh không nhượng bộ. Ông chống lại nước Pháp mới hồi phục, và người Pháp cười nhạo. Người Pháp khoác lác nói rằng đội quân của ông Hồ sẽ bị quét sạch trong tám ngày.

Nhưng sau thời gian tám năm, đến năm 1954, người Pháp đã không quét sạch được cái gì khác ngoài sự ngạo mạn của họ. Cho dù có hai tỉ rưỡi đô la do Mỹ viện trợ để tái lập “thuộc địa”

ở Việt Nam, người Pháp cũng đành thu xếp đồ đạc trở về nước sau thất bại thảm khốc tại cứ điểm quân sự Điện Biên Phủ. Quân Việt Minh nhanh trí hơn, giỏi chiến lược hơn, và thiện chiến hơn quân đội Pháp trên từng giai đoạn của cuộc chiến. Ông Hồ xẻo quân Pháp ra như xẻo một súc thịt. Đây là một tin chấn động, vì một trong những quốc gia chiến thắng trong Thế chiến 2 đã thất bại trước một đội quân được coi là nhỏ yếu lúc bấy giờ. Nhưng rõ ràng họ đã thất bại. Hồ Chí Minh đã phá huỷ hoàn toàn chủ nghĩa đế quốc của Pháp tại Việt Nam, thực vậy, sự kiện đó nghiêm trọng đến mức một hội nghị đa quốc gia đã được triệu tập dẫn đến Hiệp Định Geneva, theo đó nước Việt Nam sẽ tạm thời chia làm hai, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới, cho đến năm 1956 khi một cuộc tổng tuyển cử được tổ chức để quyết định quyền lãnh đạo đất nước sẽ đặt vào tay ai; một uỷ ban kiểm soát quốc tế sẽ giám sát cuộc tổng tuyển cử này và đảm bảo rằng sự thống nhất hai miền Nam và Bắc Việt Nam sẽ diễn ra công bằng, hợp pháp, và trong sạch. Hồ Chí Minh, lúc bấy giờ được coi là người lãnh đạo miền Bắc, phải chấp nhận những điều khoản của hiệp định.

Bạn đoán được ai là người không chấp nhận?

Chính quyền miền Nam được Mỹ hậu thuẫn (4) [(Dữ kiện lịch sử trong chương 2 lấy từ Encyclogpedia Britannica, mục “Vietnam, History and War”; Vietnam: A Televison History (1996) xuất phẩm hỗn hợp của WGHB Boston, Central Independent Televison/ Anh và Antenne-2 / Pháp và LRE Productions (VHS), tập 1)].

Thời điểm lịch sử này của Việt Nam chính là gốc rễ mà từ đó sẽ sớm bùng phát sự hỗn loạn hoàn toàn, và hệ quả của sự bùng phát đó là một con người lập dị, độc thân, tự phụ và được Mỹ ủng hộ mạnh mẽ: Ngô Đình Diệm.

CON BÙ NHÌN TỰ GIẬT DÂY

“Ngô Đình Diệm không muốn tổ chức tổng tuyển cử, và tôi cho rằng chúng ta nên ủng hộ ông ta trong chuyện này”

- JOHN FOSTER DULLES-

Ngoại Trưởng Mỹ(5) [(Tuyên bố của Ngoại trưởng J.F.Dulles, cho rằng Mỹ phải ủng hộ việc Diệm từ chối thi hành Hiệp định Geneva (điều khoản bầu cử toàn quốc năm 1956); được trích dẫn bởi Paul M.Kattenburg, nhân viên cao cấp của Bộ Ngoại Giao, trong Vietnam: A Television History, “America’s Mandarin”)]

Theo Hiệp Định Geneva, việc chia đôi đất nước Việt Nam được ấn định rõ ràng chỉ là tạm thời cho đến khi tổ chức một cuộc bầu cử toàn quốc. Cuộc bầu cử dự trù sẽ diễn ra hai năm sau đó (1956), đủ thời gian cho các đảng phái chính trị củng cố và tự quảng bá mình trước cử tri trong nước. Đảng cộng sản của Hồ Chí Minh ở miền Bắc kiên trì chờ đợi, trong khi đó tại miền Nam, CIA Mỹ hậu thuẫn Ngô Đình Diệm, một trí thức Công giáo; họ tin tưởng ông sẽ là một con bù nhìn hoàn hảo sẵn sàng đáp ứng mọi quyền lợi của người Mỹ. Trong lúc thịnh thời của “Chủ thuyết Domino”, đây là một việc rất hệ trọng. Hồ Chí Minh lúc này được Liên Xô và Trung Quốc ủng hộ mạnh mẽ, nên Mỹ cần một nhà lãnh đạo người Việt tương xứng ở miền Nam giúp Mỹ có được một chỗ đứng hợp pháp để tạo lực đối trọng với những người cộng sản.

Vậy là Phái bộ Quân sự Sài Gòn được thành lập, có thể coi như một tổ chức cố vấn. Tuy nhiên trên thực tế nó là một vỏ bọc của CIA, và một trong những nhân vật chính của tổ chức đó, Đại tá Edward Lansdale, chịu trách nhiệm lo liệu sao cho Ngô Đình Diệm được dân chúng nhìn dưới một ánh sáng tích cực.

Vào thời điểm đó, Ngô Đình Diệm là Thủ Tướng, làm việc dưới sự chỉ đạo của một con bù nhìn chính trị khác là Bảo Đại, người từng nhiều năm phục vụ cho Pháp với tư cách “hoàng đế”. Tuy nhiên Bảo Đại là một tay ăn chơi trác táng, một kẻ phàm ăn. Ông đã đốt phần lớn đời mình trong các buổi tiệc tùng ở Pháp trong khi tổ quốc ông quằn quại trong cơn hoạn lạc và đói kém. Nước Mỹ muốn rút Bảo Đại ra khỏi bàn cờ, nhưng trước khi làm được chuyện này, họ phải đối phó với những đối thủ chính trị của Ngô Đình Diệm.

Landsdale bèn ra tay. Từng làm việc cho OSS (tiền thân của CIA), Landsdale là bậc thầy về chiến tranh tâm lý, và trong bản thành tích của ông có chuyện ông đã giúp nhà lãnh đạo Philippines, Ramon Magsaysay, dập tắt cuộc nổi loạn của cộng sản ở nước này. Landsdale là người hai mặt: bề ngoài ông tỏ ra mềm mỏng, hùng biện, diễm đạm, nhưng bên trong ông là con người hành động hung hăng và là bậc thầy về những trò lừa dối, những thủ đoạn dơ bẩn. Đặt chân đến Việt Nam vào tháng 6.1954, Landsdale đã gây ra một bầu không khí chống cộng dữ dội bằng cách tung ra nhiều tin đồn thất thiệt rằng Hồng Quân Trung Quốc đã đốt cháy nhiều xóm làng người Việt. Ông ta cũng thuê các thầy bói người địa phương để họ phán với khách hàng rằng ông Hồ Chí Minh chỉ có thể mang lại chết chóc và điêu tàn cho đất nước. (Người Việt Nam vốn rất mê tín dị đoan; chuyện họ đi tới gặp thầy bói gần nhà cũng phổ biến như đi chợ vậy) Landsdale thậm chí còn phịa ra những tài liệu Việt Minh giả để khủng bố dân

chúng(6) [(Karnow, Stanley, Vietnam (Viking,1983)]

Tuy vậy đây chỉ là những công việc nhỏ nhất so với thành tích bí mật đáng kể đầu tiên của Landsdale. Vào năm 1955, các đối thủ chủ yếu của Ngô Đình Diệm gồm ba phái chính trị: Cao Đài, Hoà Hảo, và Bình Xuyên. Landsdale nhanh chóng ra một đòn ngầm táo bạo: dụ dỗ những kẻ chủ mưu đi ăn chơi ở Manila. Khi các nhà lãnh tụ đối lập bắt đầu tập trung lại, Landsdale liền nhẹ nhàng lấy tiền từ quỹ của CIA đưa cho họ – mỗi người trên dưới 3 triệu đôla – để họ công khai ủng hộ Diệm(7) [(Karnow, tr 222)]. Nhiều người trong số các tay sừng sỏ này – như Landsdale đã lường trước – lập tức rút lui ôm theo đồng tiền đến vùng biển Riviera của Pháp. Lòng tham mạnh hơn lòng trung thành, tất nhiên. Vậy là vấn đề đã được giải quyết.

Nhưng chưa đủ.

Giáo phái Cao Đài và Hoà Hảo đã trở nên vô hại, nhưng vẫn còn Bình Xuyên, một tổ chức bán quân sự, nắm cảnh sát mật trong tay. Dưới quyền chỉ huy của Lê Văn Viễn (Bảy Viễn), trước đây là một gã côn đồ đường phố mù chữ, Bình Xuyên ban đầu chỉ là một lũ sống ngoài vòng pháp luật, những tên cướp cạn hình thành từ những toán thợ trốn chạy khỏi các hầm mỏ, đồn điền, xưởng máy, nơi họ bị người Pháp bắt làm việc như nô lệ. Tuy vậy, vào đầu những năm 1950, lũ cướp cạn này, dưới sự lãnh đạo của Bảy Viễn, đã lớn lên thành một mạng lưới tội phạm rất có tổ chức hoạt động khắp Sài Gòn. Bảy Viễn là Al Capone của thành phố này; ông ta cùng với giáo phái Bình Xuyên, một lực lượng 40.000 người, kiểm soát tất cả các nhà chứa, sòng bạc, ổ thuốc phiện trong vùng(8) [(McCoy, Alfred W., The Politics of Heroin: CIA Complicity in the Global Drug Trade (Lawrence Hills Books,1991); Vietnam: A Television History, “America’s Mandarin”)]. Ngay cả khi tung ra cả khối tiền hối lộ, Landsdale cũng không mua chuộc được Bảy Viễn, người mà nguồn thu từ buôn lậu thuốc phiện có thể biến đồng tiền hối lộ của Landsdale thành mớ bạc lẻ bỏ túi.

Và chính là Diệm, chứ không phải Landsdale, mới là người có hành động kế tiếp làm kinh ngạc Phái bộ Quân sự Sài Gòn. Cho tới lúc này, Diệm trông chẳng có gì hơn một người với bộ dạng thấp đậm, mặc bộ vét trắng và hay có nụ cười vô thưởng vô phạt. Sức mạnh thực sự của ông ta bây giờ mới bộc lộ, và với sự trợ lực của Ngô Đình Nhu, em trai ông – cầm đầu một đảng phái chính trị rất mạnh – ông quyết định tuyên chiến với Bình Xuyên. Landsdale tìm mọi cách ngăn cản ý định này (ông ta nghĩ rằng Diệm không thắng được), nhưng khi thấy Diệm không lay chuyển, Landsdale phải làm tham mưu cho Diệm. Kết quả còn ngạc nhiên hơn chính hành động. Tháng 4 và tháng 5 năm 1955, các lực lượng của Diệm giao tranh ác liệt với quân đội Bảy Viễn trên các đường phố Sài Gòn. Năm trăm người chết tại chỗ, toàn bộ các quận nội thành đổ nát thành những đồng gạch vụn, và 20.000 thường dân mất nhà cửa, nhưng kết thúc cuộc giao tranh, Diệm là người chiến thắng(9) [(Karnow)]. Tất cả những đối thủ chính trị chủ yếu của ông bây giờ đã bị vô hiệu hoá hoàn toàn.

Sự hiên ngang, đầu óc tổ chức và trù liệu của Diệm đã đủ gây ấn tượng mạnh cho chính quyền Eisenhower, khẳng định một lần nữa Diệm là con bù nhìn thứ thiệt của họ. Và khi những đối thủ của Diệm bị khuất phục, Landsdale chỉ còn có mỗi một việc phải làm. Ông ta cần củng cố Diệm thành một lãnh tụ thực sự tại Nam Việt Nam, có nghĩa là phải đưa người nắm quyền lực chính thức (tay chơi Bảo Đại, người hiện vẫn ở trong lâu đài của ông tại Pháp để cai trị đất

nước) ra khỏi bản đồ chính trị.

Ám sát thì không ổn vì quá phiêu lưu mà hối lộ cũng chẳng được vì Bảo Đại cực kỳ giàu có. Thay vào đó, Landsdale thúc giục Diệm tổ chức bầu cử. Thoạt tiên Diệm tỏ ra hoang mang (vì là người Công giáo, ông không được đa số tín đồ Phật giáo biết tiếng), nhưng Landsdale hứa sẽ có những biện pháp bảo đảm mà chỉ ông ta mới làm được. Quên dân chủ đi – tráo trở và gian lận hiệu quả hơn nhiều, mà trong chuyện này Landsdale rất tài giỏi. Ông ta đem hết các ngón nghề xảo quyệt ra để dàn dựng một cuộc bầu cử. Các thùng phiếu đã được dồn đầy phiếu sẵn. Cử tri bị cưỡng bức thậm chí bị đe dọa. Landsdale còn cho in hai loại phiếu khác nhau, đánh vào tâm lý mê tín dị đoan của dân chúng: phiếu bầu cho Diệm có màu đỏ (tượng trưng cho vận may) và phiếu bầu cho Bảo Đại màu xanh lục (tượng trưng cho điềm xấu). Cuối cùng, Diệm đắc cử với trên 90 phần trăm phiếu bầu, và tại nhiều quận huyện, ông còn nhận được nhiều phiếu hơn số cử tri ở đó(10) [(Karnow)].

Chế độ của Diệm bắt đầu như vậy, và một sức mạnh kỳ lạ từ người đàn ông thấp nhỏ, cứng cỏi này sẽ sớm toả lan khắp miền Nam Việt Nam. Giờ đây, khi đã là tổng thống hợp hiến, ông liền bổ nhiệm Nhu em trai ông vào chức vụ cố vấn và giám đốc mật vụ. (Rốt cuộc thì ai cũng biết Nhu là người nắm quyền lực thực tế sau lưng Diệm và đó quả đúng là một quyền lực nhơ nhuốc). Tuy vậy vẫn còn một trở ngại trước khi Diệm có thể áp đặt quyền cai trị trên khắp đất nước.

Hiệp định Geneva.

Năm 1956 đến nhanh cùng với đòi hỏi của hiệp định là tổ chức bầu cử tự do trên toàn Việt Nam, cả miền Nam lẫn miền Bắc, cho phép dân chúng chọn lựa một người lãnh đạo cho một quốc gia thống nhất. Lúc này Landsdale và tổ chức CIA của ông không kiểm soát được tình hình miền bắc để có thể phá hoại cuộc bầu cử. Diệm và Landsdale đều hiểu rất rõ rằng với một cuộc bầu cử toàn quốc chính thức như vậy, Hồ Chí Minh hầu như chắc chắn chiến thắng nhờ sự ủng hộ của nông dân đang chiếm phần lớn dân số(11) [(Sheehan, Neil, A Bright Shining Lie (Vintage,1989))]. Hoàn cảnh xem chừng rất khó khăn, nhưng có một lối thoát nhanh, và đó là lối thoát được Mỹ hoàn toàn tán thành.

Được Landsdale đảm bảo mọi việc sẽ trôi chảy, Diệm chỉ có việc từ chối thực hiện Hiệp định Geneva, từ chối tổ chức tổng tuyển cử. Cần gì một cuộc tổng tuyển cử chứ? Ông ta đã thắng cử một lần rồi, tổ chức thêm một lần bầu cử nữa là cho phép những kẻ bất đồng chính kiến có thêm sức mạnh trong thời gian quyền lãnh đạo bị bỏ ngỏ.

Diệm đang là người lãnh đạo quốc gia này, và với tư cách một kẻ chống cộng chưa ra mặt, Diệm hẳn nhiên được nước Mỹ hậu thuẫn mạnh mẽ. Trong khi miền Bắc được Liên Xô viện trợ, thì việc Mỹ hậu thuẫn miền Nam Diệm coi cũng công bằng.

Bây giờ Diệm được tự do sử dụng quyền lực của mình trên khắp Nam Việt Nam. Thoạt đầu trong ván bài này, Mỹ chỉ nhìn thấy hai màu trắng và đen. Diệm là người chống cộng, do đó Diệm phải được hậu thuẫn. Nhưng điều mà chúng ta không nhận thấy lúc bấy giờ là Diệm không hiện hữu chỉ với hai màu trắng và đen – ông ta xám xịt, và khi những năm 1950 trôi qua,

bản chất thật của ông ta bắt đầu lộ rõ. Chính tinh thần Công giáo cuồng tín của ông đã làm ông thay đổi thái độ. Người ta đã vẽ sai lệch cuộc xung đột Việt Nam như là cuộc xung đột giữa Chủ nghĩa cộng sản và Dân chủ, trong khi sự thật hầu như không phải vậy.

Xung đột tôn giáo mới là xung đột dễ thấy nhất. Nam Việt Nam là đầm lầy của mâu thuẫn. Tín đồ Phật giáo chiếm phần lớn dân số, trong khi tín đồ Công giáo chỉ chiếm khoảng mười phần trăm. Tuy nhiên ngay sau khi lên nắm quyền, Diệm cho lấp đầy các chức vụ chủ chốt trong chính quyền bằng các thành viên của gia đình và những người thân khác theo đạo Công giáo. Trong giai đoạn ông gọi là “cải cách điền địa”, những dinh điền tốt nhất được giao cho người theo đạo Công giáo, trong khi những người nông dân theo đạo Phật bị đẩy ra những vùng đất kém màu mỡ. Phân bón và thuốc trừ sâu loại tốt – nằm trong chương trình viện trợ của Mỹ – nhanh chóng tìm đường đến với người theo đạo Công giáo, còn người theo Phật giáo chỉ được nhận những thứ phế phẩm hoặc đã bị cắt xén. Ở miền Nam Việt Nam, các ngân hàng đều nằm trong tay người Công giáo, nên chỉ có người Công giáo mới được quyền vay ngân hàng. Người Công giáo rất dễ tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, còn người theo đạo Phật thì cố mà quên nó đi. Đây là cách mà Diệm khởi sự cai trị đất nước, và những kiểu bất công như thế này sẽ gây nên những làn sóng chống Diệm để rồi cuối cùng trở thành tai họa lớn nhất dành cho ông tổng thống.

VIỆT CỘNG

Việt Cộng không nhất thiết là cộng sản; họ chỉ là những người nổi dậy chống lại sự thiên vị của Diệm dành cho thiểu số người Công giáo, một lực lượng du kích đáng gờm buộc quân đội của Diệm phải đối phó thường xuyên. Chính vì áp bức nhân dân mình Diệm đã tạo ra kẻ thù nguy hiểm nhất cho ông ta, và cũng chính kẻ thù này sẽ sớm phát động một cuộc chiến tranh rộng lớn chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm(12) [(Encyclopedia Britannica, Ngô Đình Diệm)]

Mỹ giúp đỡ nhiều về nhân sự và trang bị vũ khí cho tổ chức Dân Vệ của Diệm, nhưng thay vì dùng các đội quân này bảo vệ dân chúng khỏi tay Việt Cộng, Diệm lại dùng để bảo vệ Dinh Tổng Thống và các dinh thự nơi các thành viên gia đình và/ hoặc những người Công giáo được bổ nhiệm đang làm việc. Diệm hiểu rất rõ vai trò quyền lực của ông được người Mỹ dựng lên – thật vậy, nước Mỹ cần Diệm để duy trì thế mạnh chống chủ nghĩa cộng sản. Lúc ấy người Mỹ chậm hơn ông ta, và người Mỹ không biết cách thay đổi suy nghĩ cho thích hợp. Mặc dù nhiều quan chức ngoại giao trong chính quyền Eisenhower không hề ủng hộ Diệm (đặc sứ John Collins bị triệu hồi vì đã công khai nói thẳng những ác cảm của ông ta về Diệm), sự nhất trí chung vẫn là, dù Diệm không phải là nhà lãnh đạo quốc gia đáng tin cậy, ông ta vẫn là lựa chọn tốt nhất lúc này. Một câu nói cho thấy thái độ của Nhà Trắng, Tốt, chúng ta đã đưa gã đàn ông đó lên nắm quyền, bây giờ chúng ta cần phải tính toán sao cho có lợi nhiều nhất từ việc này. Nước Mỹ sẽ rất mất mặt nếu họ thay đổi thái độ về Diệm lúc đó.

Và Diệm biết điều này.

Diệm và em trai ông thích vũ khí và vật chất mà người Mỹ viện trợ cho họ nhưng họ sử dụng chúng theo ý riêng, không nghe theo lời khuyên của người Mỹ, điều này cũng được áp dụng cho quân đội của Diệm (Quân đội Việt Nam Cộng Hòa) – họ bị cấm không được nhận lệnh từ các chỉ huy của Mỹ(13) [(Sheehan)], hay thậm chí bị cấm xem xét những đề nghị tác chiến. Như thế là không khôn ngoan, vì Mỹ tinh thông về chiến sự hơn Quân đội Việt Nam Cộng Hoà nhiều. Thay vào đó, từ rất sớm Diệm đã sử dụng các lực lượng quân sự và cảnh sát của mình để truy lùng, bắt bớ và giết sạch những người Việt Minh “ở lại” (không tập kết ra bắc). Trong cuốn sách best-seller tại Mỹ và được giải thưởng (và gây sốc) A Bright Shining Lie (Lời nói dối toả sáng) của Neil Sheehan, một nét kinh khủng trong thái độ của Diệm đã được bộc lộ. Diệm coi tất cả những người “ở lại” hoặc cựu Việt Minh đều là “ác hoạ”. Diệm ra lệnh bắt giam bất cứ người nào chỉ vì lý do nghi ngờ – không cần xét xử, không cần điều tra. Đối với Diệm, bị nghi ngờ coi như là có tội. Những ai không bị bắn công khai sẽ bị tra tấn liên tục để họ khai ra thêm danh tánh những “tội nhân” khác, cứ thế tiến trình này tự nó kéo dài không dứt. Một người bị tra tấn khai ra vài cái tên, vậy là những người này bị bắt và bị tra tấn. Đàn bà chịu đựng gánh nặng tồi tệ nhất : họ bị cưỡng hiếp và tra tấn, vì cưỡng hiếp được xem là một phần của thủ tục thẩm vấn. Hậu quả là có hàng ngàn người Việt Nam bị giết chết, và trên 100.000 người khác bị giam giữ trong các trại tập trung(14) [(Sheehan)]

Người ta có thể nhìn thấy ở đây một khuôn mẫu. Tra tấn, cưỡng hiếp, các trại tập trung? Diệm bức hại những người Việt Minh ở lại nhưng không hoạt động y hệt cách mà Hitler đã bức

hại người Do Thái. Diệm nặn ra kẻ thù từ những con người không xâm hại gì đến mình, rồi thanh trừng họ một cách hệ thống và tàn bạo. Nhưng nếu Diệm là Hitler của Nam Việt Nam, thì Nhu là Himmler. Nhu điều hành mật vụ (quả thực, theo lệnh của Nhu, mật vụ tiến hành một cách hăng hái việc thẩm vấn, tra tấn, và cưỡng hiếp như vừa kể trên) mà hiểu theo nghĩa nào đó nó là quân đội riêng của Diệm và Nhu – na ná như SS lúc đầu là lực lượng vệ sĩ của Hitler. Nhưng khi những người ở lại đã bị khuất phục, Diệm thấy cần phải tạo ra một vật tế thần mới để tấn công, nhằm làm cho dân chúng thấy rằng ông ta đang bảo vệ họ khỏi tay kẻ thù, dù là kẻ thù tưởng tượng. Diệm là tín đồ Công giáo sốt sắng, lập dị; năm 1950, trước khi trở thành Thủ Tướng của Nam Việt Nam, ông từng sống ở Đại chủng viện Maryknoll bang New Jersey (tại đây, tình cờ ông gặp và gây ấn tượng đúng lúc cho ông nghị sĩ trẻ, táo bạo bang Massachusetts tên là John F. Kennedy), cầu nguyện, suy gẫm, và nghĩ chuyện sống đời tu hành(15) [(Hersh, Seymour M., *The Dark Side of Camelot* (Little Brown, 1977)]. Rõ ràng ông ta đã từ chối viễn cảnh này để tham gia vào chính trị nhưng tuy vậy ông ta vẫn sống độc thân; và sau này trở thành tổng thống, ngay cả khi ra lệnh hành quyết hàng loạt và ném hàng chục người vào các trại tập trung, ông vẫn dự thánh lễ gần như hàng ngày. Cho đến cuối đời, và bất kể mọi sự chết chóc và bất hạnh do mình gây ra, Diệm cũng như toàn thể gia đình vẫn tự cho họ là những tín đồ Công giáo tuyệt đối thuần thành.

Những nhận thức kỳ dị của một con người kỳ dị. (Được biết lòng mộ đạo của Diệm chịu ảnh hưởng phần lớn từ người anh cả của ông, Ngô Đình Thục, người về sau trở thành tổng giám mục và Hồng y của Vatican ở Nam Việt Nam. Thục sẽ là người chủ mưu trong nhiều hành động và những quyết định chính trị gây tranh cãi vào những năm đầu thập niên 60).

Và rồi, vào những năm cuối của thập niên 50, một vật tế thần mới đã được chọn : những người theo đạo Phật. Sự bất công và áp bức của Diệm dành cho những người theo đạo Phật, thành phần đa số ở Nam Việt Nam đã thực sự bắt đầu khi ông lên làm tổng thống; giờ chỉ lập lại một cách khôn khéo hơn thôi. Khi 900.000 người Công giáo Việt Nam được phép rời bỏ miền Bắc vào miền Nam (theo một điều khoản trong Hiệp định Geneva), Diệm liền cấp cho họ đất trồng trọt và công việc tốt hơn những người theo đạo Phật từng sống ở đó trước(16) [(Karnow)]. Những năm đầu thập niên 60 là khoảng thời gian tồi tệ đối với những người theo đạo Phật. Chính quyền Ngô Đình Diệm hoàn toàn không để ý tới những khó khăn của họ. Họ thờ tổ tiên, quân đội của Diệm ồ ạt kéo tới bắt họ phải đốt bàn thờ, cải đạo sang Công giáo nếu không sẽ lãnh nhiều hậu quả(17) [(Vietnam: A Television History, "America's Mandarin")]. Biết rằng văn hoá Phật giáo là rất phức tạp và chi li, Diệm và Nhu thậm chí đã trắng trợn hơn nữa trong việc thể hiện sự thù ghét của mình đối với Phật giáo. Trong tín ngưỡng Phật giáo, không có gì được giữ gìn thiêng liêng hơn nghĩa trang, và không có gì quan trọng về mặt tinh thần nhiều hơn là việc chôn cất người chết đúng cách. (Suy cho cùng, tín đồ Phật giáo rất sùng kính người chết; đối với họ, người chết là thần thánh). Và theo tín ngưỡng này không có gì được coi là bẩn thỉu, tàn ác, và ghê tởm hơn việc báng bổ thần thánh nơi nghĩa trang vì không có gì thiêng liêng hơn một nấm mồ. Cho nên có thể tưởng tượng được sự căm ghét của người Phật giáo ở Nam Việt Nam khi quân đội và cảnh sát quốc gia, theo lệnh của Diệm, bắt đầu báng bổ và ra sức đào bới các đài liệt sĩ Việt Minh và các khu mộ Phật giáo(18) [(Sheehan)], rồi đá lên đó, thậm chí còn chặt đầu, chặt chân tay các thi thể. Đối với tín đồ Phật giáo, cảm giác của họ chẳng khác gì người Công giáo phát hiện thấy chính quyền của họ ra lệnh đào xác các giáo

hoàng lên, bầm nhỏ, và đái lên đó cho ướt đầm.

Chiếc ghế tổng thống càng vững chắc Diệm càng trở nên càn rỡ – hay điên rồ, như nhiều người sẽ nghĩ như thế. Trước bỏ những cơ hội bình đẳng cho người theo đạo Phật và đào bới mồ mả của họ thì cũng vui trong một lúc, nhưng đến đầu thập niên 60 Diệm và Nhu quyết định đẩy lòng thù hận đối với những con vật tế thần lên cực điểm.

Chế độ vừa mới theo đuổi hành động quân sự chống lại những tàn dư lạng lẽ của Việt Minh, giờ thì hành động đó nhằm trực tiếp vào dòng máu của niềm tin Phật giáo ở Nam Việt Nam, và vẫn một kiểu giống nhau bao gồm việc hành hình, tra tấn, và tổng giam vào các trại tập trung.

Tất cả xuất phát từ một con người mà Lydon Johnson từng nhắc tới như là “Winston Churchill của Châu Á”(19)

[(Tư liệu tổng quát trong chương 3 và 4 về việc đàn áp Phật giáo của Diệm, những vụ tự thiêu, bất ổn dân sự gia tăng, các tuyên bố của bà Nhu, vân vân, đã được trình bày rõ trong nhiều tài liệu sử hiện đại. Nhưng chúng tôi khuyên các độc giả có quan tâm nên đặc biệt tham chiếu Vietnam: A Television History, “America’s Mandarin” và các tác phẩm xuất sắc Vietnam: A History của Stanley Karnow; và A Bright Shining Lie của Neil Sheehan, cùng nhiều tác phẩm khác nêu trong thư mục)].

TAM ĐẦU CHẾ ĐẦY THÙ HẬN

“Nếu người Phật giáo muốn có món thịt nướng khác,
tôi sẽ vui lòng cung cấp dầu lửa và diêm “

- NHU, 1963 (20) [(Sheehan)]

Mồng 8 tháng 5 năm 1963, một ngày oi bức. Nhiều đám đông Phật tử tụ tập quanh chùa Từ Đàm tại Huế một thành phố cổ nằm gần bờ biển Vịnh Bắc Bộ thuộc phần cực bắc của Nam Việt Nam. Hôm đó là ngày sinh 2527 của Phật – còn gọi là Phật đản – và những người sùng bái người hân hoan và lặng lẽ đến đây để dự lễ, giống như người Công giáo với lễ Giáng sinh của mình. Một đại lễ của cuộc sống, tín ngưỡng và tình yêu.

Các lực lượng an ninh Dân vệ của Nhu, do một viên chỉ huy người Công giáo dẫn đầu, nhanh chóng có mặt trên những chiếc xe bọc thép, họ đóng cửa đài phát thanh địa phương, rồi tìm cách giải tán đám đông. Nếu quân đội của chính phủ xông vào nhà thờ của bạn trong dịp lễ Giáng sinh hoặc giáo đường Do Thái trong dịp lễ, vượt qua và chĩa súng vào người bạn xưa bạn đi ra ngoài, bạn cảm thấy thế nào?

Như một phần của cuộc lễ, các Phật tử cầm trên tay và phất cao những lá cờ tôn giáo của mình. Và lý do bào chữa cho việc đưa quân đội tới đã rõ: cuộc tụ họp này vi phạm một trong những điều luật của Diệm cấm giương cờ tôn giáo(mặc dù, mới một tuần trước đó, anh cả của Diệm, Tổng giám mục Ngô Đình Thục đã tự tiện treo cờ giáo hoàng trên chiếc xe hơi sang trọng của mình) . Đám đông chống lại, và lệnh nổ súng được đưa ra. Một phụ nữ và tám trẻ em chết. Đám đông xô đẩy nhau chạy toán loạn, hơn một trăm người bị đánh đập, bị bắt và tổng giam. Sau vụ đó những người biểu tình bắt đầu xuất hiện bất ngờ bằng nhiều cách hợp pháp – học sinh sinh viên biểu tình cùng với các tín đồ Phật giáo, công khai lên án chế độ Diệm, và gây nên những trận ném đá bạo động – và tất cả họ đều gặp phải sự phản ứng tức thời của quân đội Nhu.

Vào thời điểm này, John F.Kennedy đang tự tin bước vào nhiệm kỳ tổng thống đầu tiên, và về cơ bản ông đã kiên trì quan điểm của người tiền nhiệm là hậu thuẫn cho Nam Việt Nam trong cuộc chiến chống chủ nghĩa cộng sản. Sự áp bức và bạo lực của Diệm chống người theo đạo Phật trong quá khứ dưới cái nhìn của Washington chỉ là một cuộc xung đột về văn hoá chứ không là khủng hoảng theo những thước đo quốc tế. Vâng Bộ Ngoại giao của Kennedy lệnh cho Diệm ngừng quấy nhiễu người theo đạo Phật, nhưng ngay cả khi lệnh này không được thi hành (Diệm cho rằng Việt Cộng đã gây ra vụ bạo loạn ngày 8 tháng 5 và nổ súng vào đám đông{khi có những báo cáo khám nghiệm tử thi chứng minh ngược lại, Diệm liền cho tịch thu những bản báo cáo này) (21) [(Karnow)], Kennedy vẫn không quá lo lắng về cái được xem là một cuộc cãi cọ phản văn hoá đơn lẻ...

Cho đến ngày 11 tháng 6, khi một chức sắc Phật giáo tên là Thích Quảng Đức ngồi diêm tĩnh trên một đường phố Sài Gòn, tự đổ dầu hoả ướm hết người, và châm lửa. Thân thể người tu hành bùng cháy thành một đồng lửa nhưng ông không hề động đậy, không hề rên rỉ hay gào

thét, thậm chí không hề nhăn nhó. Ông chỉ ngồi xếp bằng theo tư thế hoa sen, cầu nguyện, trong khi đồng lửa thiêu cháy ông. Cuối cùng ông khẽ nghiêng người qua một bên, chết.

Vụ tự hiến tế này thực chất là một hình thức phản kháng truyền thống của Phật giáo; các vị cao tăng, trong suốt lịch sử tín ngưỡng Phật giáo, đã tự đốt mình thành một hành động tượng trưng – họ sẽ trở thành những ngọn đuốc tự nguyện để soi ánh sáng vào bóng đêm áp bức. Tin tức về vụ tự thiêu của Thích Quảng Đức lan nhanh khắp Nam Việt Nam, nhưng có một chuyện khác không được dự đoán trước đã xảy ra .

Tin tức cũng đã lan nhanh khắp thế giới.

Vào những ngày này, Nam Việt Nam là mảnh đất béo bở của các nhà báo, phóng viên ảnh, nhân viên điện tín. Đối với nghề báo, đây quả là một tin sốt dẻo. Ngay sau ngày Thích Quảng Đức tự thiêu, những bức hình về sự kiện này xuất hiện trên trang nhất của các tờ báo lớn trên khắp thế giới, bên cạnh những bài viết lý giải nguyên nhân của thảm kịch. Cả thế giới bị sốc, và tổng thống John Kennedy cũng vậy. Trước khi xảy ra vụ tự sát của Thích Quảng Đức thế giới gần như không hay biết gì về những vụ ngược đãi tín đồ Phật giáo của Diệm, và mặc dù Kennedy cùng với Bộ Ngoại giao của ông – thông qua những kênh thông tin ngoại giao bí mật – đã lên tiếng chỉ trích Diệm, nhưng Diệm vẫn coi đó là chuyện vặt vãnh.

Nhưng rõ ràng, vào ngày 12.6.1963, đó không phải là chuyện vặt vãnh đối với JFK. Chỉ qua một đêm, nước Mỹ – và cả phần còn lại của thế giới – biết hết sự thật về “Winston Churchill” của Châu Á, và chính phủ Kennedy không thể để bị lúng túng thêm nữa

Với những thông tin bộc lộ toàn bộ sự tàn bạo của Diệm đối với tín đồ Phật giáo, Mỹ lập tức tự đặt ra những câu hỏi và suy đoán logic nhất : Tại sao chúng ta lại ủng hộ một chính phủ nước ngoài chủ trương bách hại tôn giáo? Tín đồ Phật giáo là những người ôn hoà, họ không phải là cộng sản; tôi tưởng những đồng đô la đóng thuế của chúng ta đổ vào Nam Việt Nam là để góp sức chiến đấu chống chủ nghĩa cộng sản. Tại sao Tổng thống Kennedy gửi chuyên viên quân sự Mỹ sang giúp đỡ chính phủ của một người luôn tìm cách đẩy dân chúng của mình vào trại tập trung ?

Cho tới lúc đó, nước Mỹ vẫn nghĩ rằng số lượng người Mỹ, nam và nữ, không ngừng tăng lên được đưa tới Nam Việt Nam (xấp xỉ 15000 người vào tháng 6.1963) cùng với khoản viện trợ 1,2 triệu đô la mỗi ngày là để giúp Nam Việt Nam chống lại kẻ thù Việt Cộng không đội trời chung. Nhưng giờ đây Diệm quan tâm nhiều hơn đến việc chống lại các vị sư sãi mặc áo choàng vàng không có vũ khí .

Quả thật chỉ qua một đêm cả thế giới nhận ra Mỹ chỉ là kẻ vô tích sự, đã chọn đúng một bạo chúa để hà hơi tiếp sức. Kennedy tức điên; hơn thế nữa, ông và các cố vấn chính trị đang rất hoang mang. Chỉ còn hơn một năm nữa, mùa bầu cử Tổng thống lại đến; Kennedy đắc cử tổng thống nhiệm kỳ thứ nhất năm 1960 với cách biệt rất nhỏ so với đối thủ Richard Nixon – 118000 phiếu trong tổng số 68,3 triệu phiếu bầu(22) [(Encyclopedia Britannica, “John F(itzgerald) Kennedy”)]. Giờ đây, đối với cử tri Mỹ, làm sao ông có thể vô lý nhiều hơn được nữa khi đã cam kết viện trợ tiền của và xương máu của người Mỹ cho Diệm, một kẻ không khác

gì Hitler? Đảng Cộng Hoà vẫn còn giận sôi gan vì thất bại năm 1960, vì ngay từ đầu họ gọi đó là “cuộc bầu cử bị đánh cắp” dựa trên việc đếm phiếu đáng ngờ ở Illinois; việc ủng hộ một người Công giáo cuồng tín cứ tập trung khùng bố những người theo tôn giáo khác đã biến JFK thành miếng mồi ngon trước miệng hổ đói trong kỳ bầu cử tới vào tháng 11.1964. Và đây là điều bạn đọc cần ghi nhớ trong khi tiếp tục đọc sách này.

Đương nhiên, Kennedy lập tức chỉ thị cho Bộ Ngoại giao khiển trách Diệm, và yêu cầu ngừng tay lại. Chỉ riêng vụ tự thiêu ngày 11 tháng 6 này thôi đã gây cho JFK nhiều rắc rối nhất kể từ vụ Khủng hoảng tên lửa Cuba, vì vậy ông kiên quyết sửa chữa.

Tuân theo chỉ thị, các viên chức Mỹ đã phê phán Diệm thậm tệ. Mọi chuyện mau chóng được hiểu rằng nếu tình trạng ngược đãi tín đồ Phật giáo còn tiếp diễn, Diệm sẽ mất nguồn viện trợ ưu ái của Mỹ. Chấm hết.

Và cách hồi đáp của Diệm chỉ cho thấy ông ta là hiện thân của sự ngạo mạn. Thay vì bắt tay làm việc với cường quốc ủng hộ duy nhất, ông và em trai ông xuyên tạc biến cố này bằng một chiến dịch bôi nhọ, ngang nhiên gọi những tín đồ Phật giáo là cộng sản hoặc là tay trong cho Việt Cộng. Nhu công khai phát biểu những điều trâng tráo đến kinh tởm, đề nghị cung cấp dầu lửa và diêm quyet cho những vụ tự thiêu khác rồi tiếp tục khẳng định những người theo đạo Phật là gián điệp cho kẻ thù. Thêm nữa, vợ Nhu, Bà Nhu gây lăm tranh cãi – cũng được gọi là “Bà Rồng” hay “Đệ nhất Phu nhân của Việt Nam” – xuất hiện nhiều hơn để ủng hộ không chỉ những lời buộc tội vô căn cứ cho rằng người Phật giáo là cộng sản, mà thậm chí còn gieo rắc hận thù. Trong một buổi phỏng vấn có thu hình, bà tuyên bố một cách lỗ bịch rằng sự hy sinh đầu tiên lẽ ra đã hiệu quả hơn nếu các tín đồ Phật giáo dùng dầu hoả trong nước thay vì dầu hoả nhập khẩu(23) [(Vietnam: A Television History, “American’s Mandarin”)]về sau bà còn phát biểu về những vụ tự thiêu tiếp theo như “Món thầy chùa nướng” và “Cứ để họ tự, về sau bà còn phát biểu về những vụ tự thiêu tiếp theo như “Món thầy chùa nướng” và “Cứ để họ tự thiêu, chúng ta sẽ vỗ tay”.(24) [(Karnow)]

Diệm, Nhu, và bà Nhu giờ đây đang tự lộ mình ra như một chế độ quả đầu hay một tam đầu chế, chứ không phải như những nhà lãnh đạo của một chính quyền tự cho là dân chủ. Khi Diệm phớt lờ những yêu sách kiên quyết sau đó của Mỹ là ông phải ngừng áp bức người Phật giáo, JFK rút đại sứ Mỹ đương nhiệm (Frederick Nolting) về nước và bổ nhiệm Henry Cabot Lodge thay thế, đây là một người có gốc gác chống Công giáo kịch liệt và, đặc biệt hơn cả, ông là một đảng viên Cộng hoà cứng rắn. Kennedy chọn Lodge vì ba lý do. Một, là người của đảng Cộng hoà, việc bổ nhiệm Lodge sẽ làm dịu bớt sự phản đối ngày một tăng trong quốc hội đối với cách tiếp cận vấn đề Việt Nam của JFK. Hai, đặt Lodge vào vị trí đó, Kennedy có một người Cộng hoà để đổ trách nhiệm nếu tình hình Việt Nam ngày càng bất ổn trong thời gian ông cầm quyền. Và ,ba – mà có lẽ là trên hết – đây là một thông điệp mạnh mẽ nhất tới giờ này mới gửi cho Diệm để Diệm suy nghĩ. Nolting không chỉ là người ủng hộ trung thành mà còn là bạn thân tình của Diệm. Kennedy kéo ông bạn nồng ấm đó về và thay bằng một người lạnh lùng.

Tin tức này không được tiếp nhận đúng cách. Với Nolting, tam hùng Diệm, Nhu, và bà Nhu tin rằng họ có một người thân cận một tay trong. Nhưng kế hoạch của Kennedy đã làm thay đổi hết. Diệm sẽ bị lung lay, sẽ bị cảnh cáo và hăm dọa. Triệu hồi Nolting về nước chẳng khác

nào tạt vào mặt họ, nhưng thay vì cúi đầu chấp nhận, Diệm đã thoi lại

Ông ta vẫn tiếp tục tấn công dữ dội tín đồ Phật giáo theo kiểu Hitler.

Suốt trong tháng 7 và tháng 8 , Diệm cùng tay chân day đặng và công khai vu khống các tín đồ Phật giáo là cộng sản, liên tục tung ra những lời chỉ trích rẻ tiền và những nhận xét kiểu “thịt nướng”, tệ hại hơn, họ vẫn tiếp tục lòng sục, cướp phá các ngôi chùa Phật giáo, tiếp tục đánh đập, bắn giết và ném thêm hàng ngàn tín đồ Phật giáo vào trại tập trung (25) [(Sheehan; Karnow)].

Kết quả? Vẫn lại có thêm các sư sãi tự thiêu để phản đối. Và chính quyền Kennedy lại tiếp tục bị phê phán kịch liệt, bởi vì hiện nay sự tàn bạo đối với người theo đạo Phật đã được đưa lên báo nhiều hơn bản thân cuộc chiến tranh Việt Nam, cũng trong thời gian này Việt Cộng tự do hoạt động, đánh mìn các công sở, ám sát các viên chức của chế độ Diệm, lính Việt Nam Cộng Hoà, và kể cả các cố vấn quân sự Mỹ.

Chuyện gì đã xảy ra cho cuộc chiến chống chủ nghĩa cộng sản?

Ngay trước khi Henry Cabot Lodge chuẩn bị nhận chức đại sứ Mỹ, Nam Việt Nam đã trên đường sụp đổ. Và thanh danh của John F Kennedy cũng vậy.

Diệm. Nhu. Bà Nhu. Cả ba người – cái bộ ba bạo chúa đầy hận thù này – đang cùng nhau lừa gạt cả nước Mỹ(26) [(Xem lại chương 2)].

THUỐC PHIỆN

Sau khi Nhu đảm bảo an toàn cho những chuyến hàng thuốc phiện, phi đội gồm những máy bay Beechcraft hai động cơ của Francisci bắt đầu thường xuyên thực hiện những vụ thả dù bí mật trong lãnh thổ Nam Việt Nam (27) [(McCoy, đề từ thích hợp này được dẫn từ sách của Alfred McCoy mà theo chúng tôi là tác phẩm hay nhất về đề tài buôn bán bạch phiến quốc tế. Tuyên bố của McCoy (chú thích 19) là một cách diễn đạt từ một cuộc phỏng vấn mật viên Luicien Conein)].

Bây giờ chúng ta hãy quay nhanh về lại thời điểm năm 1958, khá lâu trước khi những vụ đàn áp Phật giáo của Diệm được báo chí quốc tế nêu lên hàng đầu. Ở đây chúng ta sẽ chứng kiến sự kỳ quái và sự điên loạn hoàn toàn của chiêu bài Công giáo của Diệm

Như đã kể trên, các lực lượng của Diệm, với sự giúp sức của Edward Landsdale do CIA phái qua, đã đánh bại và loại trừ giáo phái Bình Xuyên khét tiếng cùng đầu đàn là tướng Bảy Viễn. Bình Xuyên hoạt động như Mafia ở Sài Gòn mà Viễn là ông trùm. Nhưng sau khi đầu hàng, các cơ sở làm ăn của họ (sòng bạc, nhà chứa, và ma túy) đều bị đóng cửa. Tuy nhiên, chỉ trong một thời gian ngắn, các sòng bạc và nhà chứa lặng lẽ được phép mở cửa trở lại. Nói cho cùng, ở đâu cũng có tệ nạn, nhưng thế giới đã thấy luật cấm nấu và bán rượu (thời kỳ 1920-1933) ở Mỹ có hiệu lực như thế nào. Nhưng với tinh thần Công giáo khắc nghiệt của mình, một tệ nạn mà Diệm cho rằng cực kỳ vô đạo đức và hoàn toàn bị cấm đoán là sử dụng thuốc phiện. Để tỏ rõ lập trường chống các tệ nạn của Viễn và đồng bọn, Diệm cho tổ chức thiêu đốt công khai các vật dụng hút thuốc phiện, một kiểu như chiến dịch Nói Không Với Ma Tuý. Nhưng khi việc đánh bại Bình Xuyên làm đóng cửa tất cả ổ hút thuốc phiện thì nhờ Trời, các hang ổ này đã đóng cửa nguyên như thế. Cho đến khi thấy thích hợp Diệm đã cho phép mở cửa lại.

Lại thêm một bằng chứng cho thấy bản chất đạo đức giả của Diệm. Nhu, em ông, đã tiếp thu lực lượng cảnh sát mật của quốc gia (do Viễn nắm giữ trước đây) và ông vẫn duy trì mạng lưới tình báo rộng lớn. Mặc dù viện trợ của Mỹ cho Diệm là cực kỳ lớn (đến năm 1963 đã tăng lên gần nửa tỉ đô la hàng năm), nhưng Diệm vẫn cần thêm các khoản thu này để nuôi dưỡng quân đội thường trực và chính quyền của ông. Các hoạt động đặc tình và mật thám của Nhu sắp rơi vào bế tắc vì thiếu tiền.

Giải pháp cho vấn đề tài chính này thật đơn giản. Mở lại các ổ thuốc phiện và phục hồi việc buôn bán của vô số con nghiện đang đói thuốc ở Sài Gòn. Vậy là vào năm 1958, Nhu đã làm đúng những điều đó (28) [(McCoy)].

Một số ít người thân Diệm quả quyết rằng Nhu làm vậy theo ý riêng mà không được sự đồng ý của ông anh, nhưng làm sao có thể tin được như vậy? Làm sao mà người đứng đầu nhà nước không hay biết hay không được báo cho biết rằng có hàng trăm ổ thuốc phiện đã được mở cửa làm ăn trở lại một cách đột ngột tại thành phố thủ đô? Chẳng lẽ Nhu xoay xở cung cấp tiền bạc được cho cảnh sát mật và mạng lưới tình báo rộng lớn của ông với hơn 100000 đặc vụ bán chuyên nghiệp (28) mà ngài tổng thống anh ông chẳng bao giờ tìm biết ra sao?

Không thể như vậy được.

Không, Diệm biết chuyện này và tán thành, vì ông rất cần mạng lưới điệp viên của Nhu để tiếp tục theo dõi rất nhiều kẻ thù của chế độ – Diệm mang bệnh hoang tưởng kiểu Stalin. Đối với Diệm, thu lợi từ những kẻ phạm tội không phải là một cái tội.

Theo đuổi mục đích này, Nhu sử dụng tài năng của một chuyên gia được nêu tên trên tạp chí Fortune 500 (tạp chí hàng năm lập danh sách 100, 500, 1000 tập đoàn công nghiệp lớn nhất Mỹ – ND). Để có thể cung cấp đủ lượng thuốc phiện rất có lãi cho vô số con nghiện tại Sài Gòn, ông cần phải có một đường dây cung ứng tin cậy. Và đường dây này được xây dựng từ Lào, ở đông bắc Việt Nam, từ những cánh đồng anh túc phì nhiêu nằm trong khu Tam Giác Vàng nổi tiếng. Và chính một người đàn ông Pháp bị bỏ quên từ thời Pháp thuộc ngày nào sẽ trở thành cộng sự độc quyền của Nhu.

Bonaventure Francisci, biệt danh “Đá”, một người Pháp hoà nhã, đẹp trai thích những bộ vét lụa trắng, quần áo thêu hoa, và đồ trang sức xa xỉ lòe loẹt loại ngoại nhập. Tóc đen mượt chải ngược ra sau, râu tía tốt kỹ lưỡng, bề ngoài hấp dẫn, ăn nói lưu loát với một phong thái lịch sự, ông lẽ ra phải làm nghề môi giới cao cấp hoặc buôn bán kim cương. Nhưng Francisci buôn bán một thứ còn giá trị hơn nhiều. Trước đó một thời gian ông đã thiết lập được quan hệ làm ăn khấm khá – tuy có khó khăn – với thị trường thuốc phiện ở Lào, vì Francisci làm việc cho một người khác tên là Antoine Guerini đứng đầu một tập đoàn ma túy ở Marseille miền nam nước Pháp. Tập đoàn Marseille thu hút nguồn nhân lực dồi dào từ tập đoàn Corse (Tập đoàn Corse này gồm toàn côn đồ, lính Pháp đào ngũ và cả những người yêu nước trước đây đã chọn đi theo con đường tội phạm: đâm thuê chém mướn, mua bán thuốc phiện, tổng tiền, vôn vôn. Tập đoàn Marseille và Tập đoàn Corse thường được coi là những thực thể giống nhau, là bởi vì nền tảng nhân lực của thế giới ngầm Marseille vốn xuất thân từ đảo Corse – và sự bần cùng kèm theo – đi tìm những nghề làm ra nhiều tiền hơn trong giới tội phạm có tổ chức. Từ đây trở đi, để cho gọn, chúng tôi sẽ gọi thực thể thế giới ngầm này là “Tập đoàn Marseille”)

Dù sao đi nữa, chính các lò bạch phiến của Tập đoàn Marseille đã bán chính phẩm của nó cho các ông chủ thế giới ngầm ở Mỹ theo một hợp đồng dài hạn được lập ra bởi ông trùm tội phạm Meyer Lansky ở New York vào đầu thập niên 50. Từ thời điểm đó, phần lớn lượng bạch phiến bán cho các con nghiện Mỹ đều được làm ra tại Marseille (28), và Francisci Đá bảnh bao của chúng ta là người đứng giữa hai đầu: sản phẩm thô và thành phẩm phân phối.

Francisci Đá làm việc hoàn toàn cho băng Marseille, lúc bấy giờ do Antoine Guerini và anh trai của y là Barthélemy điều hành. Không có gì quá đáng khi nói rằng đặc quyền buôn bán bạch phiến ở Mỹ cũng như Tây Âu hoàn toàn bị anh em Guerini chi phối. Và năm 1958, khi Diệm-Nhu tái lập lưu thông thuốc phiện về Sài Gòn, Francisci khó có thể hoan hỉ hơn vì nó đã làm sống lại nghề cũ của ông là vận chuyển thuốc phiện từ gốc vận chuyển ở Lào đi thẳng về Nam Việt Nam bằng một phi đội máy bay riêng của hắn. Nhưng thậm chí có thể kiếm được nhiều tiền hơn từ việc bán thuốc phiện trực tiếp cho hàng trăm ổ hút và hàng ngàn con nghiện ở Sài Gòn. Việc sản xuất thuốc phiện ở các nơi khác trên thế giới – đặc biệt là Thổ Nhĩ Kỳ và Mexico – ngày càng thất thường và không chắc chắn vì liên tục bị pháp luật ngăn trở. Tình hình này chỉ làm lợi thêm cho Guerini bởi vì nó gia tăng thị phần ma túy của y. Chuyện này xảy ra

như thế nào ?

Nhu và Francisci Đã thực hiện một hợp đồng phân phối cơ bản. Francisci sẽ vận chuyển thuốc phiện đến Sài Gòn cho các ổ hút của Nhu nhưng hắn còn chở nhiều thuốc phiện cho các điểm thả dù ở Sài Gòn, tại đây thuốc phiện sẽ được máy bay vận tải chở sang các xưởng chế biến ở Marseille. Tại Marseille, thuốc phiện sẽ được chế biến thành bạch phiến chất lượng cao để bán cho các trùm ma túy ở Mỹ như Santos Trafficante, Carlos Marcello, và Sam Giancana. Tất cả đều làm giàu trong chuyện này, và ai cũng thấy được rằng đó là chuyện làm ăn rất an toàn, bởi vì Nhu có thể được coi như một thứ Bộ trưởng Tư pháp của Nam Việt Nam, ông không phải ưu tư hay trả lời trước bất cứ một cơ quan thi hành pháp luật nào. Ông ta là luật pháp, và ông ta sử dụng sức mạnh này để đảm bảo cho Francisci – và khách hàng của ông ở Marseille – một nguồn cung cấp thuốc phiện ổn định để sản xuất bạch phiến.

Một vụ làm ăn ngon lành.

Với vị trí quyền lực trong chính phủ Nam Việt Nam, Nhu có thể đảm bảo rằng các máy bay chở đầy thuốc phiện của Francisci (đội lốt vận tải “ngoại giao”) có thể bay từ Lào đáp xuống Sài Gòn và chuyển hàng xong hết mà không gặp nhiều kiểm tra phiền toái. Thậm chí Nhu còn tăng năng suất đều đặn trong hai năm 1961 và 1962 bằng cách huy động Đội Vận tải số 1 của riêng ông (chuyên hoạt động tình báo trên không, thỉnh thoảng bay phối hợp với CIA) vào việc đó (28). Giữa năm 1958 và 1963, Sài Gòn thực sự trở thành kho hàng chứa thuốc phiện thô mà phần lớn sẽ chuyển tới Marseille để cuối cùng thoả mãn nhu cầu của con nghiện bạch phiến ở Mỹ.

Tuy nhiên Nhu còn có những khuyến khích khác cho hợp đồng béo bở này. Trong lúc các máy bay vận tải thuê riêng của Francisci – thường gọi là Hàng không Thương mại Lào – hàng ngày chở thuốc phiện tới Sài Gòn mà không bị luật pháp gây rắc rối, thì những tay cung cấp nhỏ hơn không được an toàn như vậy. Lực lượng cảnh sát của Nhu sẽ lập tức hỏi thăm họ vì đã dám lấn sân của Francisci (28).

Anh em Guerini không thể nào phẩn chấn hơn trước hợp đồng của Francisci, và cũng không thể hài lòng hơn về Nhu vì ông đã giúp thực hiện được hợp đồng đó. Hợp đồng này giúp cho anh em Guerini trở thành những ông trùm ma túy toàn cầu vào cuối thập niên 50 đầu thập niên 60, đồng thời nó tạo ra một liên minh tội phạm vững như bàn thạch giữa Nhu và tập đoàn Marseille. Nhu, Diệm và toàn bộ dòng họ Ngô Đình ai cũng nổi lên giàu có khác thường nhờ vào liên minh này (trong khi vẫn kiểm được nguồn tài chính bất minh cần thiết cho cảnh sát mật và tình báo). Quan trọng hơn thế, anh em tội phạm Guerini thậm chí còn tích lũy được nhiều của cải hơn, và những khách hàng chủ yếu của họ – Mafia Mỹ – cũng vậy.

Cho nên, về căn bản, tập đoàn Marseille, Mafia Mỹ, và chính quyền Ngô Đình Diệm đã biến thành những đối tác làm ăn của nhau trong mạng lưới ma túy toàn cầu. Có nghĩa là tiền tỉ – tiền tấn – chảy vào túi người nào có dính dáng, dĩ nhiên là thế. Và nguồn sức mạnh mẽ không ngừng phát sinh ra tiền bạc và sức mạnh này chính là Ngô Đình Nhu.

ĐẢO CHÍNH KIỂU MỸ

“Chính phủ Mỹ sẽ ủng hộ một cuộc đảo chính...”

- DEAN RUSK,

Ngoại Trưởng Mỹ,

29.8.1963(33) [(Bộ ngoại giao Mỹ, Foreign Relation of the United States (1961-1963/Vol.IV/ Vietnam, August-December, 1963)]

Lời đề từ trên đây trích từ một bức điện tín do Dean Rusk gửi cho đại sứ Mỹ tại Việt Nam Henry Cabot Lodge. Xin đừng quên Rusk không chỉ là ngoại trưởng mà còn là kẻ ba phải hàng đầu của Kennedy. Ngay sau cuộc họp của Hội đồng An ninh Quốc gia, Rusk cho chuyển bức điện tín xuyên đại dương này, trong đó ông nêu rõ những chỉ dẫn đầu tiên cho một cuộc đảo chính được Mỹ tán thành chống lại đồng minh là Chính phủ Nam Việt Nam.

Vào ngày 29.8.1963, Lodge vừa mới nhận nhiệm vụ đại sứ được một tuần, và đây là loại điện văn từ Washington mà ông ta nhận ngay lập tức. Không chối cãi gì nữa, Lodge ủng hộ mạnh mẽ việc lật đổ chính quyền Diệm, và Rusk cũng vậy. Bộ trưởng Tư pháp Robert Kennedy cũng đồng ý. Các Thứ trưởng Ngoại giao Chuyên trách Những Vấn Đề Viễn Đông Averrel Harriman và Roger Hilsman cũng đồng ý. Cố vấn An ninh Quốc gia McGeorge Bundy và em trai là William ở Bộ Quốc Phòng cũng đồng ý.

Nói cách khác, đó là tất cả những cận thần quan trọng nhất của vua. Mà John F.Kennedy là vua.

Đây là những nhân vật được tổng thống lắng nghe nhất những con người đầy quyền lực và rõ ràng là có đủ tư cách nhất để lo liệu cho những chỉ thị của Kennedy được thực thi đến từng chữ một.

Không cuốn sách lịch sử nào phủ nhận một điều như đinh đóng cột là tất cả những con người kể trên – Kennedy và ê kíp của ông – đều muốn Diệm, Tổng thống của chính phủ Nam Việt Nam bị lật đổ và bị giết, bởi vì tài liệu dẫn chứng có quá nhiều. Những người quan tâm (và đặc biệt là những người nghi ngờ sự quả quyết này) nên nghiên cứu ấn phẩm của Vụ Ân loát Chính Phủ mang tựa đề Foreign Relations of the United States, 1961-1963, Volume IV, Vietnam: August – December 1963 (“Quan hệ ngoại giao của Mỹ, 1963-1964, Tập IV, Việt Nam: Tháng 8 – Tháng 12 1963), hai mươi năm qua vẫn chưa được công bố rộng rãi. Đây không phải là một bản văn lịch sử trù tượng. Không phải là sách tóm tắt được viết dưới dạng xã luận, và cũng không phải là “The Pentagon Papers” (Hồ sơ Lầu Năm Góc). Nó là một ấn bản hồ sơ lưu trữ chính thức về chính sách ngoại giao của Mỹ liên quan đến Việt Nam trong khoảng thời gian đó. Cuốn sách chứa đựng những báo cáo đánh giá, các tờ trình của chính phủ, các bài thẩm tra những kỳ họp tại Nhà Trắng với Kennedy, và đặc biệt là tất cả những điện văn trao đổi giữa Nhà Trắng và Toà Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn. Nhiều trang trong cuốn sách này còn vạch rõ trách nhiệm của Chính phủ Kennedy khi quan hệ với Chính phủ của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Và

điều mà cuốn sách này chứng minh, một cách toàn diện, là Chính phủ Kennedy đã dính líu vào những hành động phản bội nhất: nó đổ đầu cho cuộc lật đổ một nguyên thủ quốc gia là đồng minh của mình

Chính Harry Truman đã nói “Trách nhiệm ở đây chịu” và đúng là như vậy. Tổng thống Mỹ phải chịu trách nhiệm tối hậu về mọi hành động của chính phủ, nhưng trước khi đi sâu hơn về vấn đề đó và những chuyện có liên quan, chúng ta hãy dành chút thời gian ngược trở lại với thời điểm khủng hoảng của chế độ Diệm và những gì xảy ra liền sau đó ...

Vào ngày 21.8.1963 – sau khi chính quyền Kennedy đưa ra những lời cảnh cáo cứng rắn – Diệm và Nhu vẫn tiến hành một loạt các trò đàn áp bạo lực nhắm vào người theo đạo Phật, chủ yếu là tại Chùa Xá Lợi, một ngôi chùa linh thiêng nhất của Phật tử tại Sài Gòn. Trong suốt cuộc tấn công dồn dập, binh lính của Nhu lộng hành cướp bóc và lùng sục bắt giam cả ngàn tăng ni. Và rồi, rất nhiều người trong số “những kẻ phá rối công cộng” này đã lạng lẽ biến mất(34) [(Karnow.)] và không ai còn gặp lại họ nữa.

Xin nhớ rằng, từ tháng 6.1963, những hồi chuông báo động đã vang lên ở Nhà Trắng, vì sự đối xử thù nghịch của Diệm dành cho người theo đạo Phật – và những cuộc biểu tình phản đối liên tiếp diễn ra với nhiều nhà sư tự thiêu cho đến chết – đã bắt đầu lên trang nhất của báo chí thế giới, tiếp sau đó nó bắt đầu chỉ ra một nước Mỹ ám muội vì đứng sau một chính phủ áp bức như vậy. Tuy nhiên, ngay cả trước đó chúng ta cũng có một manh mối tốt từ một nguồn đáng tin cậy. Ngày 8.3.1963 – bảy tháng trước khi cuộc đảo chính Diệm thực sự xảy ra – Đại sứ Việt Nam tại Mỹ (Trần Văn Chương, cha của Bà Nhu, nhạc phụ của Nhu) nói với chuyên viên Hội đồng An ninh Quốc gia Michael Forrestal (được Forrestal kể lại trong hồ sơ lưu trữ chính thức) : “...Chúng ta không thể thắng cuộc chiến khi Diệm nắm quyền. Do đó chỉ có một con đường mở ra trước chúng ta là thay đổi chính quyền, và chỉ có thực hiện được điều đó bằng bạo lực” (35) [(Foreign Relation of the United States, 1961-1963, Vol III,(từ đây gọi là FRUS)]].

Đây là những lời Đại sứ Nam Việt Nam nói với đại diện Hội đồng An ninh Quốc gia Mỹ, rằng quốc gia của họ không thể chiến thắng nếu còn Chính quyền Ngô Đình Diệm, và một giải pháp duy nhất là thay đổi Chính quyền Diệm bằng bạo lực.

Tiếp sau là một kết luận thích đáng lấy ra từ báo cáo đánh giá của Tình báo Mỹ trong đó mô tả cảm tưởng của Nhà Trắng lúc ấy: “Khủng hoảng Phật giáo ở Nam Việt Nam đã lên cao, làm sâu sắc thêm sự bất mãn lâu dài và rộng khắp đối với chế độ Diệm và kiểu cách cai trị của nó” (36) [(Herring, George C.(ed), The Pentagon Paper(McGraw- Hill, 1993)]].

Kennedy có thể ngồi chờ biến cố to lớn này xảy ra, và điều ông có thể thấy nữa là cơ hội tái đắc cử của ông, trong hơn một năm sắp tới đây, tuôn hết xuống ống cống. Xét cho cùng, Diệm là vị tổng thống được người Mỹ hậu thuẫn bằng vô số tiền bạc và vật chất (không kể hàng ngàn nhân viên), nhưng ông ta chỉ tiếp tục làm người Mỹ ngượng ngùng trước sự soi mói của thế giới. Một cách hợp lý, Kennedy đã đưa ra một loạt lời đe dọa, liên tiếp những phát đạn chính trị hứa hẹn hành động mạnh tay hơn hẳn về phía Diệm. Diệm nhận được lệnh phải chấm dứt tất cả những việc làm sỉ nhục người theo đạo Phật... nếu không.

Nếu không mọi sự viện trợ sẽ bị cắt. Nếu không, có thể người Mỹ sẽ rút hết cố vấn Mỹ khỏi Việt Nam.

Rõ ràng, không có sự hỗ trợ của Mỹ thì Diệm và Nhu và vị trí quyền lực của họ ở Nam Việt Nam không thể tồn tại lâu dài được. Hoặc có thể họ không tin điều đó; hai người đàn ông này đã có cái tôi lớn hơn cả Dinh Tổng thống. Dù gì đi nữa họ cũng phớt lờ những lời cảnh cáo của Mỹ. Khi khủng hoảng ngày càng nóng dần lên, Lodge được phái tới nhận nhiệm vụ Đại sứ, vì lúc này Nolting đã bị nắm cổ lôi về nước (Nolting bị mất ghế chủ yếu vì lập trường thân Diệm của ông. Thậm chí có hàng đồng bằng chứng tội ác của Diệm trong tay, nhưng vì là bạn của Diệm, Nolting không ngót khăng định rằng Diệm là một bảo đảm cho những “nguyên tắc dân chủ” và “công bằng xã hội”) (37) [(Karnow.)]. Kennedy nổi giận; vậy thì Nolting phải rời sân thôi, và Lodge sẽ vào sân để thực hiện những mệnh lệnh của Kennedy.

Lodge lập tức tiếp xúc Diệm tại Dinh Tổng Thống... và hẳn đã bị xúc phạm đến hết mức vì thái độ của Diệm. “Tôi nêu ra ở đây vấn đề đưa Nhu ra khỏi đất nước” Lodge nói trong một cuộc phỏng vấn năm 1983, “và Diệm tuyệt đối từ chối không bàn luận về bất cứ việc gì mà tôi {được Kennedy chỉ thị} phải bàn luận. Thú thực là tôi hơi bị choáng váng. Tôi nghĩ là khi một đại sứ ra mắt một nguyên thủ quốc gia, ông đại sứ sẽ phải trình bày một số vấn đề theo lệnh của tổng thống nước mình, thì ít nhất vị nguyên thủ kia cũng nên bàn qua chứ” (38) [(Vietnam: A Television History, “America/s Mandarin”)].

Quan điểm của Diệm và sự ngạo mạn của ông ta thật dễ hiểu. Ông không thể phản bội em Nhu của ông; ông sẽ không đuổi Nhu đi, không thay đổi lập trường chống Phật giáo, không rời ngôi tổng thống. Ông ta thậm chí từ chối bàn luận về những việc này. Kennedy hiểu hành động xấc láo của Diệm như một cú đá vào bụng dưới của người Mỹ; Diệm là kẻ ăn cháo đá bát.

Nhưng Kennedy cũng không vờ.

Các tướng lĩnh chính của Diệm ngày càng bất mãn với đường lối của chính phủ đương nhiệm (nhiều người trong số này không theo đạo Công giáo; họ có gốc gác Phật giáo), và người ta được biết, vào đầu năm đó, đã có một cuộc nói chuyện giữa các thành viên trong Bộ Tổng Tham mưu bàn việc lật đổ Diệm. Nhà Trắng nghe phong phanh tin này qua nhiều kênh khác nhau: Nhóm Cố vấn Quân sự, các đơn vị tình báo Lục quân, Hải quân, và Không quân, và CIA. Các chính phủ khôn ngoan luôn lưu ý đến những viễn cảnh xấu nhất, và Kennedy đã và đang làm đúng ngay việc ấy, thậm chí khá lâu trước khi những vụ đàn áp Phật giáo tràn ngập trên báo chí và đe dọa bôi xấu việc điều hành chính sách ngoại giao của ông. Ông ta thường xuyên đọc cả núi báo cáo đánh giá không chỉ về diễn tiến của cuộc chiến mà còn về năng lực của Diệm trên cương vị tổng thống (39) [(Karnow)]. Những bánh răng đang chuyển động. Kennedy là một người rất thông minh, và ông biết lường trước những trở ngại chính trị tiềm tàng; ông đang không ngừng xem xét hiện tại trong các mối liên quan tốt hay xấu của nó đối với tương lai. Kennedy cân nhắc mọi động thái của Nhà Trắng vì có thể nó sẽ bị khai thác thành vũ khí cho Đảng Cộng Hoà trong cuộc bầu cử sắp tới.

Vào lúc 1 giờ chiều ngày 1.11.1963, cuộc lật đổ bằng quân sự, cuộc đảo chính chống chính quyền Diệm do tướng Nam Việt Nam Dương Văn Minh (biệt danh là “Minh Lớn”) lãnh đạo, đã

bắt đầu. Để phòng ngừa, Minh Lớn ra lệnh giết một tướng chỉ huy hải quân thân Diệm rất có thể lực và nhiều chỉ huy của lực lượng đặc biệt Nam Việt Nam ngay trước khi cuộc đảo chính chính thức nổ ra, bóp chết từ trứng nước mọi ý đồ tập hợp lại lực lượng. Và rồi giao tranh bắt đầu bằng các cuộc tấn công chớp nhoáng vào các trung tâm truyền tin, các đài phát thanh, các sở cảnh sát, và Dinh Tổng thống lỏng lẻo của Diệm. Trong khi đó, các đơn vị quân đội chủ lực có thể được sử dụng để bảo vệ Diệm đã bị khôn khéo điều động ra khỏi vòng giao tranh. Khi cuộc nổi dậy bắt đầu, Lodge liền được tổ đặc trách CIA thông báo. Khi Diệm cho gọi đích thân vị đại sứ này và yêu cầu được biết thái độ của Mỹ, Lodge đáp: “Tôi cảm thấy không đủ thông tin để có thể trả lời ngài” (40) [(Foreign Relation of United States, 1961-63: Vietnam, Vol IV)].

Sao ông đại sứ lại có thể trả lời người đứng đầu một nước đồng minh như thế?

Lodge cho rằng ông không biết gì về lập trường của chính phủ ông! Diệm gác điện thoại.

Cuộc đảo chính diễn tiến như một bộ máy đồng hồ. Khi đụng độ dữ dội nổ ra tại Dinh Tổng Thống, Diệm và Nhu tìm cách tẩu thoát qua một đường hầm ngầm, sau đó được một người bạn ở Chợ Lớn che giấu (Chợ Lớn là nơi Nhu có nhiều người quen thân thông qua mạng lưới thuốc phiện). Thật thú vị để nói thêm ở đây, như một chi tiết bổ sung cho bản chất của Diệm và Nhu, rằng các lực lượng bảo vệ trung thành của tổng thống trong dinh tiếp tục chiến đấu thêm nhiều tiếng đồng hồ nữa và hy sinh mà không hay biết rằng vị tổng thống mà họ đang chiến đấu bảo vệ đã bỏ chạy từ lâu. Khi đã đến được chỗ an toàn cách xa dinh, lẽ ra Diệm có thể gọi một cú điện thoại theo cách không thể truy ra người gọi để khuyên các lực lượng bảo vệ của mình trong dinh đầu hàng phe đảo chính để giữ mạng sống. Nhưng Diệm không là thế ông ta quyết định để cho họ chết).

Nhưng chính Diệm cuối cùng cũng phải đầu hàng – vì quá ít lựa chọn – và cuộc giao tranh chấm dứt. Sau một hồi mặc cả, Diệm đồng ý tiết lộ chỗ trốn của mình và công khai đầu hàng Minh Lớn và các tướng lĩnh nổi dậy của ông nếu như họ hứa để cho Diệm và Nhu an toàn chạy ra nước ngoài. Minh đồng ý.

Lúc đó Diệm cho biết ông và Nhu đang lẩn trốn trong một nhà thờ Công giáo ở Chợ Lớn, và ông đảm bảo rằng họ sẽ chờ quân của ông Minh tới bắt đưa về dinh tổng thống để ông chính thức thoái vị. Minh phái các vệ sĩ của ông và một trung đội quân xa đi thi hành lệnh bắt Diệm. Khi họ đến nhà thờ, Diệm và Nhu hoà dịu nộp mình. Sau đó hai ông được hộ tống ra khỏi nhà thờ và đưa vào trong một chiếc xe bọc thép.

Ngay khi cánh cửa chiếc xe bọc thép vừa đóng lại, Diệm và Nhu liền bị đánh đập, trói gô bốn vó, rồi bị bắn cho tới chết (41) [(Đây chỉ là một bài học tóm lược các khía cạnh kỹ thuật của vụ đảo chính dẫn đến cái chết của Diệm và Nhu. Độc giả quan tâm có thể tìm thêm chi tiết trong Vietnam: A History của Karnow.)]

Câu chuyện trên đây nghe cụt ngủn và khô khan. Các tướng lĩnh Nam Việt Nam bất mãn lật đổ chính quyền rồi giết tổng thống và cũng là tổng tư lệnh của họ. Không có người lính Mỹ nào nhúng tay vào. Vậy thì có gì liên quan đến tội đồng lõa của chính phủ Kennedy?

Chúng ta hãy nhìn kỹ những chi tiết để trả lời câu hỏi này.

Trước nhất, Lucien Conein, nguyên là lính nhảy dù tính tình thô lỗ hung bạo và là một chiến sĩ kháng chiến Pháp, giờ đây – năm 1963 – là đặc tình cấp cao của CIA. Lodge chọn Conein làm trung gian bí mật giữa các tướng lĩnh nổi loạn và văn phòng Lodge. Conein sinh ra ở Pháp; ông biết tiếng Pháp và các phong tục của nước này, và điều này rất quan trọng bởi vì Minh Lớn và nhiều tướng lĩnh nổi loạn của ông đều lớn lên trong nền văn hoá Pháp. Conein có thể quan hệ ngay với những người này theo cách mà các gián điệp Mỹ khác không làm được. Nhiệm vụ của Conein – mà ông đã thực hiện hoàn hảo – là đảm bảo với Minh Lớn và bộ tham mưu của ông rằng Mỹ sẽ đứng sau lưng họ trong cuộc đảo chính lật đổ Diệm. Conein là sứ giả (một sứ giả mật, vì hầu hết những cuộc họp giữa ông với các tướng lĩnh nổi loạn không bao giờ được tường trình lại cho các chỉ huy quân đội Mỹ ở Nam Việt Nam) giữa các tướng lĩnh và Lodge, trao đổi thông tin qua lại theo chỉ thị của Lodge(42) [(Sheehan)]. Conein là người trong nội bộ của Minh Lớn, người đồng chí tin cậy giữ kín không cho những phương án đảo chính của họ đến tai Phái bộ Quân sự của Mỹ vốn thân Diệm. Conein thậm chí còn là người thắt chặt những tình bạn gần bó, trước khi Lodge đến làm đại sứ, với những người như tướng Trần Văn Đôn(43) [(Karnow.)], cánh tay phải của Minh Lớn trong suốt cuộc đảo chính.

Do đó, Conein là một viên chủ yếu của CIA tại Sài Gòn trong chừng mực có liên quan đến cuộc đảo chính. (Đó chắc chắn không phải là Giám đốc phân bộ CIA John Richardson. Richardson, cũng như cựu đại sứ Nolting và chỉ huy trưởng Phái bộ Cố Vấn Quân Sự Mỹ Paul Harkins, đã kịch liệt phản đối cuộc đảo chính chống Diệm; Kennedy đã cho bãi chức ông ta vào tháng 10.1963(44) [(Corey, C. L,” Whatever Shot Ngo Dinh DIEM, It Couldn’t Have Been the CIA”, trong Insight on the News, 15.3.1999.)]. Cái cách búng các quan chức Mỹ phản đối đảo chính ra khỏi chức vụ của họ không kỳ cục sao)?

Nhưng chính xác thì Conein đã làm gì dính tới việc lật đổ Diệm ngoài chuyện trao qua trao lại những thông tin giữa Lodge và các tướng lĩnh mưu loạn?

1) Trước khi cuộc đảo chính chính thức bắt đầu, Conein được gọi đến tổng hành dinh của Minh Lớn và được giao một đường dây thông tin trực tiếp đến văn phòng tiền phương của CIA tại Sài Gòn (45) [(Karnow.)]. (Để củng cố chi tiết này, gần đây, người ta biết được là trong suốt cuộc đảo chính, Conein thường xuyên liên lạc điện tín với McGeorge Bundy tại Phòng Tình Huống Nhà Trắng. Bundy là cố vấn Hội đồng An ninh Quốc gia thân cận của JFK)(46) [(Bird, Kai, “ Cries and Whispers”, trong Washingtonian, tháng 10.1998.)]

2) Một bận tâm lớn nhất của Minh Lớn và các tướng lĩnh của ông là nhận được “lời chúc lành” của Mỹ, có thể nói như vậy, dành cho nỗ lực lật đổ Diệm của họ. Họ muốn biết quân đội Mỹ có can thiệp hay không, và chính Conein là kẻ cam đoan với họ rằng Mỹ sẽ không can thiệp. Họ muốn được cam kết rằng viện trợ quân sự của Mỹ sẽ tiếp tục một khi Diệm ra đi, và cũng chính Conein đảm bảo với họ viện trợ sẽ tiếp tục. Điều mà Minh Lớn và các tướng lĩnh của ông muốn – điều họ cần hơn bất cứ gì khác – là Mỹ “bật đèn xanh” để khởi động cuộc đảo chính

Và đây là những gì Conein đã nói liên quan tới chuyện đó trong một cuộc phỏng vấn nhiều năm sau: “Tôi biết rằng tôi đã bật đèn xanh cho họ bằng vào những chỉ thị của chính phủ tôi”(47) [(Từ đoạn phỏng vấn Conein trong Vietnam: A Television History, “America/s Mandarin”).]

3) Lodge và các đường dây CIA cung cấp cho Minh và những kẻ nổi dậy tiền bạc và vũ khí để phục vụ đảo chính(48) [(Hersh.)]. Thông tin tình báo cũng được cung cấp cho phái nổi dậy: vị trí đóng quân của các đơn vị chiến đấu có khả năng vẫn còn trung thành với Diệm cũng như vị trí các kho đạn dược và quân nhu mà Nhu từng giấu kín quanh Sài Gòn nhiều tháng.

Một ngày trước khi bắt đầu cuộc lật đổ, Lodge thậm chí còn gửi đi một thư xác nhận kinh phí có thể trở nên cần kíp đối với các tướng lĩnh phút cuối cùng sẽ được chuyển giao, và “Tôi tin là chúng tôi phải trang bị cho họ đầy đủ,” ông ta nói(49) [(Herring, The Pentagon Paper.)]. Khi được Minh mời tới tổng hành dinh ngay trước khi cuộc đảo chính bùng nổ, Coeин còn mang theo một bao đựng đầy tiền (tiền giấy Việt Nam tương đương với 40.000 đô la Mỹ [cần nhớ rằng, 40.000 đô la Mỹ năm 1963 có thể tính ngang với hàng trăm ngàn đô la Mỹ trong điều kiện kinh tế hiện nay]) như khoản kinh phí khẩn cấp phút chót, và, hơn nữa, đây là lộ phí dành cho các tướng lĩnh trong trường hợp cuộc đảo chính thất bại(50) [(“The Dislodging of Diem” trong The Boston Globe, 1.12.1998.)]. (Mới đây, hồi tháng Tư, 2000, người ta biết rằng bản thân Diệm, trong đêm xảy ra đảo chính, có mang theo một chiếc cặp đựng 1.000.000 đô la Mỹ. Minh Lớn đã đoạt chiếc cặp đó, và cho đến nay, không ai biết số tiền đó từ đâu đến và Minh đã sử dụng nó vào việc gì)(51) [(Brinkley, Douglas, “Of Ladders and Letters,” Time, 24.4.2000)].

4) Khi Diệm phôn tới tổng hành dinh của các tướng lĩnh nói đồng ý đầu hàng để đổi lại được đảm bảo ra đi an toàn, Minh đồng ý. Nhưng rồi Minh vẫn ra lệnh hành quyết Diệm và Nhu như thường. Tại sao? Bởi vì khi Minh yêu cầu Coeин cấp một máy bay cho Diệm và Nhu trốn ra khỏi nước, Coeин nói không. Coeин nói không thể nào điều động được một máy bay trong vòng 24 tiếng đồng hồ(52) [(Karnow.)]. Minh Lớn hiểu rõ nếu Diệm và Nhu không được bốc ra khỏi nước ngay tức khắc, thì cuộc đảo chính sẽ xảy ra. Do vậy, chỉ còn một lựa chọn là hành quyết. Đối với một việc quan trọng như thế này, chắc chắn Mỹ có thể cung cấp ngay một máy bay (tổng hành dinh chỉ huy cuộc đảo chính nằm trong câu lạc bộ sĩ quan tại sân bay Tân Sơn Nhất, nơi Mỹ có hàng chục nếu không muốn nói là hàng trăm máy bay có thể dễ dàng được giao nhiệm vụ này!). Nên nhớ Coeин chính là người bật đèn xanh cho Minh Lớn, dựa trên những chỉ thị của chính phủ Mỹ, khởi đầu cuộc đảo chính; rồi cũng dựa trên những chỉ thị của chính phủ đó, Coeин thông báo việc từ chối cấp một máy bay cho Diệm và Nhu ra đi an toàn, khiến Minh không còn cách nào khác hơn là ra lệnh giết Diệm và Nhu.

Có thể Kennedy không khăng khăng đòi giết Diệm và Nhu, nhưng chắc hẳn ông cần họ chết. Nếu không, một khi được tị nạn chính trị ở đâu đó, họ sẽ đóng đinh Kennedy trên báo chí thế giới và thông tin này sẽ được các đối thủ chính trị thuộc đảng Cộng Hoà lợi dụng để chống lại ông trong cuộc tái tranh cử tổng thống. Một nước Mỹ khiếp đảm cộng sản sẽ nghĩ gì về Kennedy sau khi đồng minh Diệm mới bị hạ bệ tung ra một chiến dịch bôi tro trát trấu vào mặt Kennedy? Bao nhiêu người sẽ bỏ phiếu cho Kennedy trong cuộc bầu cử sắp tới?

Không, truat phé chưa đủ.

Diệm và Nhu phải bị giết, và phải là các tướng lĩnh của Diệm ra tay. Coeин đã tác động đến việc này mà không cần khổ công gì cả. Một chú thích sau cùng về bản chất của Coeин? Chưa đầy mười năm sau đó, E. Howard Hunt, gián điệp “đột nhập”(black-bag) của CIA đã cân nhắc kỹ việc tuyển Coeин làm thành viên của nhóm chuyên đột nhập mà sau này khét tiếng với tên gọi

Những tên đột nhập Watergate. Về chuyện này, Coein quả quyết: “Nếu có tôi, chúng ta làm ăn đàng hoàng hơn”.(53) [(Fussel, James A,” Coein....Lucien. Who Was He?”(Kansas City Star: 20.9.1998)]

Cho nên có một nhận định khá rõ về Lucien Coein. Tránh né- thật chất là phớt lờ- người phụ trách của mình(Richardson, Giám đốc Phân bộ CIA tại Sài Gòn), Coein làm việc trực tiếp với Lodge, và Lodge làm việc trực tiếp với Kennedy. Thật sự, tác giả Neil Sheehan mô tả Coein đúng hơn hết: “Chỉ có vài gián điệp từng có được cơ hội leo lên đỉnh cao nghề nghiệp bằng việc sắp đặt cuộc lật đổ một chính phủ. Coein mang quyền lực của nước Mỹ để tác động các tướng lĩnh bắt họ phải tuân lệnh”.(54) [(Sheehan.)]

Coein là sứ giả của thần chết đứng giữa lương tri của Nhà Trắng và cuộc cách mạng đã chôn vùi chính quyền hợp hiến Nam Việt Nam, một chính quyền mà Mỹ đã hết lòng ủng hộ từ năm 1954. Một đồng minh.

Chúng ta vừa tìm hiểu qua về Coein, một diễn viên chính, bây giờ hãy nói về vài nhân vật khác, và đưa ra thêm vài luận điểm nằm chỉ ngón tay kết tội chính phủ Kennedy nói chung và Kennedy nói riêng. Nhưng trước hết hãy tóm tắt lại:

JFK thực sự là kẻ thù kiên định của chủ nghĩa cộng sản, nhưng khi bộ mặt thật của Diệm bắt đầu lộ rõ- một kẻ khủng bố, một bạo chúa, một nguyên thủ quốc gia mà lại bắt bớ tăng ni và trẻ em đưa vào trại tập trung- Kennedy bị dội ngược về mặt chính trị, như bất cứ ai khác. Nhưng thay vì nói với dân chúng Mỹ: “Chao ôi, chúng ta đã phạm một sai lầm lớn ở đó. Thì ra cái tay Diệm này đang đàn áp một tôn giáo chiếm đa số, cho nên chúng ta cần phải làm điều gì đó,” Kennedy đã quyết định sử dụng đúng cái thủ đoạn đã cứu ông trong thời gian xảy ra vụ Khủng hoảng Tên Lửa Cuba:” các kênh thông tin cửa sau” bí mật dàn xếp vấn đề. Kennedy đã hoàn toàn phớt lờ những người am hiểu tình hình nhất. Không ai trong giới quân sự và chính trị ở Mỹ thật sự ưa thích Diệm, nhưng chùng nào họ còn muốn ngăn chặn cộng sản tại Nam Việt Nam, thì Diệm vẫn được coi là vũ khí tốt nhất dưới mắt các cố vấn tiền phương tài giỏi nhất của Kennedy. Và rồi hoá ra, những ông cố vấn này- chẳng hạn Đại sứ Nolting, Giám đốc Phân bộ CIA Riichard, Tướng Harkins phụ trách nhóm Cố vấn Viện trợ quân sự Mỹ, Giám đốc CIA John McCone và phụ tá William Colby- đều đúng. Nhà văn, nhà sử học, Giáo sư C.L.Corey nói về điều này rất ấn tượng trong bài báo ra tháng ba, 1999: “Chính quyền Kennedy và các phương tiện thông tin đại chúng, bằng cách tiêu diệt chính quyền Nam Việt Nam, đã biến cuộc chiến tranh trở thành con quái vật không đầu”(55) [(Corey, C.L, Whatever Shot Ngo Dinh Diem, It Couldn't Have Been the Cia”, trong Insight on the News, 15.3.1999.)]

Sau khi Diệm chết, miền Nam Việt Nam lần lượt phải chịu đựng những chế độ cai trị mục nát, bất hảo và chưa lúc nào chống lại có hiệu quả ảnh hưởng cộng sản ở trong nước- điều này Kennedy đã được các cố vấn thân Diệm của ông cảnh báo trước. Trước khi Diệm bị sát hại, nước Mỹ chỉ chứng kiến khoảng 150 quân nhân ngã xuống trong khi làm nhiệm vụ; sau khi Diệm bị giết chết, trong mười năm tiếp theo, nước Mỹ sẽ chứng kiến 58.000 nam nữ quân nhân Mỹ chết. Cho dù bằng một cách gián tiếp, ngay cả sau khi chết, Kennedy vẫn phải chịu trách nhiệm về số người đã hi sinh này. Kennedy phớt lờ các cố vấn tiền phương của mình để lắng nghe những Ông ba nịnh hót trong Bộ ngoại giao vì họ đã vẽ ra một bức tranh dễ dãi nhất để

ông được tái đắc cử. Hãy để các tướng lĩnh nổi dậy lật đổ Diệm và Nhu, họ nói lý thuyết với Kennedy, và hãy để các tướng lĩnh nổi dậy giết chết Diệm và Nhu... rồi thì mọi lo lắng về cuộc tái tranh cử của ngài sẽ được giải quyết.

Con đường dễ dãi đối sánh với con đường ngoại giao.

Kennedy đã chọn con đường thứ nhất.

Một chuyên gia khác về Việt Nam, William J.Rust,nó một cách súc tích trong cuốn sách có lẽ đã mô tả chi tiết hơn bất cứ cuốn sách nào về lệnh hành quyết Diệm. “ Mặc dù các quan chức Mỹ ở Washington và Sài Gòn đã biết trước cuộc đảo chính và mối nguy hiểm mà Diệm có thể gặp phải, nhưng không có cuộc sắp đặt nào đưa Diệm ra nước ngoài.” Và “... mười bảy giờ sau khi nổ ra cuộc đảo chính, vẫn không thấy nỗ lực nào bốc Diệm bay ra khỏi nước”.(56) [(Rust, William J. Kennedy in Vietnam(Da Capo Press, New York, 1985)]

Bạn vẫn chưa tin chắc rằng Kennedy và chính phủ của ông ta sốt sắng thúc đẩy một cuộc đảo chính chống lại một nước đồng minh sao? Hãy xem xét các bức điện văn trao đổi xuyên đại dương giữa Nhà trắng và Đại sứ quán Mỹ tại Sài Gòn, và cùng với nó, hãy nhìn những Ông ba nịnh hót đứng sau John F. Kennedy. Sau đây là một bức điện của Ngoại trưởng Dean Rusk gửi Lodge, vào hồi 12 giờ 4 phút trưa ngày 1.11.1963- một giờ trước khi cuộc đảo chính bắt đầu: “Nếu cuộc đảo chính thành công, dân chúng ở đây sẽ rất tán thành và hiểu rõ hơn về mục đích của cuộc đảo chính nếu các tướng lĩnh và quan chức dân sự tiếp tục phát huy mạnh mẽ và công khai một kết luận được thông báo trên đài phát thanh của họ, rằng Nhu đã mặc cả với những người Cộng sản để phản bội sự nghiệp chống cộng” (57) [(Frus, Vol IV.)]

Trong bức điện này Rusk cho Lodge biết rằng cử tri Mỹ sẽ được xoa dịu nếu Lodge yêu cầu các tướng đảo chính công khai tuyên bố rằng Nhu là người cộng tác với cộng sản.

Tiếp đó là lời phát biểu của Roger Hilsman, Trợ lý Ngoại giao Phụ trách các Vấn đề Viễn Đông: “Nếu Diệm vẫn ngoan cố không chịu trút quyền Nhu, chúng ta phải đối mặt với nguy cơ bản thân Diệm cũng không thể được bảo đảm an toàn.” Hôm đó là ngày 24.8.1963, hai ngày sau khi Lodge nhận nhiệm vụ Đại sứ(58) [(Herring, The Pantagon Paper.)]

Trong bức điện gửi cho Lodge này, Rusk cũng yêu cầu được trao đổi thông tin với các tướng chống đối, đó là một dấu hiệu rõ ràng cho thấy chính quyền Kennedy tán đồng việc lật đổ một chính phủ đồng minh. Stanley Karnow nói một ẩn ý khá hay trong tiểu luận nổi tiếng của ông về chiến tranh Việt Nam: “Vì nó(bức điện tín) hàm ý, ít nhất là trên lý thuyết, rằng nước Mỹ(tức là Chính phủ Kennedy) giành quyền thao túng một chính phủ phụ thuộc không tuân thủ các chuẩn mực của nó” (59). [(Karnow)]

Ngày 29.8.1963, Lodge gửi bức điện sau đây cho Nhà trắng để xác định thái độ của chính phủ: “ Chúng ta đã rơi vào một giải pháp không có đường thoái lui mà không mất mặt: lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm” (60) [(Frus, Vol IV.)]

Hồ sơ lưu trữ quốc gia nói rất rõ ràng, hiển nhiên và xác định nước Mỹ, dưới quyền Tổng thống Kennedy, bị rơi vào chuyện gì – trừu tượng một cuộc phá hoại ngầm và đi đến lật đổ tổng

thống của một nước đồng minh mà Mỹ đã bỏ ra hàng tỉ đô la và hy sinh một trăm sinh mạng để ủng hộ.

Đến phút chót khi quả bóng đã lăn, ông sợ hậu quả nếu cuộc đảo chính thất bại (phần nào giống với sự dè dặt đã khiến ông nuốt lời vào phút chót không cho quân yểm trợ trong vụ xâm nhập Vịnh Con Heo, khiến bao nhiêu nỗ lực [mà ông ta đã biết và chuẩn y ngay từ đầu] biến thành thảm họa và là nỗi phiền toái duy nhất của ông ta trước công chúng). Dù vậy, chẳng bao lâu sau sự phê chuẩn của ông ta đã trở nên rõ ràng, khi đích thân ông đánh điện cho Lodge và nói rằng: “Nhưng một cuộc đảo chính đặt dưới sự lãnh đạo của những người có trách nhiệm bắt đầu... thì chính vì quyền lợi của nước Mỹ mà nó phải thành công” (61) [(Karnow.)]

Trong cuốn phim tài liệu đặc sắc Việt Nam: Thiên sử Truyền hình, Lodge được phỏng vấn vài năm trước khi mất năm 1985, và ông đã phát biểu một cách cứng cỏi rằng “Tôi đã sống với cuộc đảo chính đó trong nhiều tuần (phải nói là nhiều tháng chứ, Henry) tuy nhiên tôi không thể nói là tôi ngạc nhiên... mà đúng là thú vị khi được chứng kiến cảnh người ta bắn lẫn nhau”.

Chứng kiến cảnh người ta bắn nhau là một điều thú vị? Một người thông minh như Henry Cabot Lodge không thể im lặng hay sao mà lại phát biểu một câu lỗ bịch như vậy? Rồi còn nói “Tôi đã sống với cuộc đảo chính đó trong nhiều tuần...” Ở đây Lodge cố liệu phản bác chuyện ông ta đã tiếp tay kích hoạt cuộc đảo chính. Sự thực được tài liệu xác chứng là Lodge đã thúc đẩy cuộc lật đổ này không phải chỉ trong nhiều tuần mà trong nhiều tháng, thậm chí trước các cuộc họp ở Nhà trắng có ông tham dự, trước khi ông được phái tới Sài Gòn hồi tháng 8 năm 1963.

Seymour Hersh, trong cuốn sách kỳ lạ The Dark Side of Camelot (“Mặt tối của Triều đình Camelot”), trích dẫn nhiều đoạn hồi ký chưa công bố của Lodge để lại sau khi chết, “Tôi được lệnh gửi các bức điện trực tiếp đến [Tổng thống Kennedy], (62) [(Hersh,)] thêm nhiều bằng chứng cho thấy Kennedy chỉ thị cho Lodge phá hỏng các kênh chính thống để sử dụng các kênh “cửa hậu” và thận trọng không để cho các sĩ quan chỉ huy Mỹ ở Nam Việt Nam và những chính khách hoạt động tiền phương phản đối giải pháp của Kennedy biết kế hoạch ủng hộ cuộc đảo chính.

Như đã nói trước đây, kế hoạch của JFK sẽ không thành nế Diệm và Nhu sống sót sau cuộc đảo chính- và họ đã chết- mặt khác kế hoạch cũng sẽ không thành nếu có một vài thành viên khác trong gia đình Diệm hoặc sống sót hoặc không bị vô hiệu hoá hoàn toàn. Bà Nhu nhiều tai tiếng (chúng ta sẽ biết thêm về con người này sau) đang đi du thuyết ở Mỹ lúc xảy ra đảo chính, đã tìm mọi cách – nhưng không được – nài nỉ Mỹ ủng hộ sự nghiệp của của Nam Việt Nam; bà an toàn đứng ngoài cuộc đảo chính và chắc hẳn không thể bị giết chết đột ngột (như nhiều nhân chứng vụ ám sát Kennedy chẳng hạn) bởi vì bà quá nổi bật lúc bấy giờ. Tuy nhiên, Lodge lo liệu các con của bà tránh được nguy hiểm; ông ta đưa họ ẩn trốn trên núi ngay trước cuộc đảo chính, sau đó thu xếp cho họ bay qua Rome. Riêng anh cả của Diệm, Tổng Giám mục Thục, được triệu hồi một cách dễ dàng về Vatican ngay sau khi JFK tiếp kiến giáo hoàng hồi tháng Sáu. Và còn có một người em khác của Diệm, Ngô Đình Cẩn, người được coi là “lãnh chúa” ở Miền Trung Việt Nam. Nhân vật này là một câu chuyện khác- ông ta tỏ ra rất có chính kiến và lớn tiếng nói về những toan tính của Mỹ can thiệp vào chính phủ độc lập của Diệm. Tuy

vậy, trong thời gian xảy ra đảo chính, Cần nhận ra tình trạng gay go của mình bên liên lạc với Lodge xin được tị nạn chính trị, vì biết rằng nếu bị bắt, phe của Minh Lớn sẽ giết ông. Lodge sẵn lòng đáp ứng hoặc có vẻ như vậy. Lodge chỉ cho Cần trốn trên một máy bay Mỹ, trong một khoang dành cho người đưa thư ngoại giao, rồi sẽ được bốc bay đi an toàn rời khỏi nước tới Philippines. Nhưng ngay khi Cần trốn được lên máy bay thì chuyến bay chợt đổi hướng rồi được lệnh hạ xuống căn cứ không quân Tân Sơn Nhất nơi lính Mỹ của Minh Lớn đang đợi. Cần bị bắt ngay lập tức và về sau này bị một đội hành quyết bắn chết(63) [(Sheehan.)]. Lodge đã lừa đưa Cần vào nanh vuốt của chính quyền mới, và họ không có lựa chọn nào khác hơn là sát hại ông ta.

Còn đây là một bằng chứng khác về bản chất khác hai mặt trân tráo đến xấu hổ của Lodge. Sau cuộc đảo chính, ông đại sứ đáng kính đi rêu rao và quả quyết với người Mỹ rằng nước Mỹ hoàn toàn trong sạch trước cuộc đảo chính Diệm và kết cục đẫm máu của nó. Ông viết trên tờ New York Times ngày 30.6.1964:” Cuộc lật đổ chế độ Diệm thuần túy là chuyện nội bộ của người Việt Nam. Chúng ta chưa bao giờ tham dự vào việc bàn mưu tính kế. Chúng ta chưa bao giờ đưa ra một lời khuyên. Chúng ta không làm bất cứ điều gì liên quan đến nó” (64) [(Karnow)]. Nhưng mà hãy xem dòng chữ sau trong bức điện tính Lodge gửi cho Nhà trắng chỉ năm ngày sau khi Diệm và Nhu bị giết: “... mảnh đất nơi hạt giống đảo chính đang lớn mạnh là do chúng ta vun xới và cuộc đảo chính sẽ không thể xảy ra nếu không có sự chuẩn bị của chúng ta” (65) [(Frus, Vol IV.)]. Tất cả đều xuất phát từ chính một người mà sau này sẽ khẳng định với người Mỹ rằng chính phủ Mỹ không làm bất cứ điều gì liên quan đến nó”. Có nhân nhượng lắm thì cũng phải gọi đây là một lời dối trá khủng khiếp.

Bây giờ, chỉ để sáng rõ hơn, chúng ta hãy nhìn lướt những diễn tiến ở Việt Nam sau khi cuộc đảo chính do Mỹ nuôi dưỡng diễn ra, vì theo như đánh giá của Kennedy và Bộ ngoại giao của ông ta thì cuộc xâm lăng của cộng sản sẽ không thể ngăn chặn được nếu còn chính quyền Diệm. Diệm cầm quyền trong chín năm, còn người kế nhiệm ông ta, Minh Lớn, sẽ chỉ tại vị được hai tháng trước khi chính ông ta bị phe quân đội của ông lật đổ. Sau đó, trong mười một năm tiếp theo, cuộc xung đột Việt Nam leo thang thành một cuộc chiến tranh toàn diện sẽ cướp đi sinh mạng 58.000 người Mỹ và hàng triệu người Việt Nam ở cả hai miền- cuộc chiến tranh duy nhất mà người Mỹ sẽ thất bại và là một trong những vết nhục đen tối nhất trong lịch sử của nước Mỹ. Chức vụ tổng thống Nam Việt Nam sẽ trở thành miếng mồi béo bở: các ông tướng thối nát lần lượt lên ngôi sau những trang giành đấu đá lẫn nhau nhằm chiếm cho được chiếc ghế cao trọng nhất trong Dinh Tổng thống và tận hưởng giàu sang.

Nói cách khác, phải thừa nhận rằng những người kế vị Diệm sẽ không bao giờ giữ được phòng tuyến chống chủ nghĩa cộng sản như Diệm đã làm. Cái chết của Diệm là tiền đề dẫn tới cái chết ở miền Nam Việt Nam. Thời gian cho thấy những người phản bội như Tướng Paul Harkins. Giám đốc CIA McCone, và cựu Đại sứ Nolting đã có lý. Có thể Diệm không phải là nhà lãnh đạo tốt nhưng chắc chắn là tốt hơn bất cứ kẻ nào thay thế – như một thập kỷ đẫm máu, chết chóc, và kinh hoàng sau đó sẽ chứng minh – và mặc dù cách đối xử của Diệm với người Phật giáo là hoàn toàn không chấp nhận được, thì thêm nhiều sức ép ngoại giao nữa chắc chắn sẽ buộc được Diệm và Nhu chấm dứt những cuộc tấn công đàn áp. Xét cho cùng, điều ưu tiên hàng đầu ở Nam Việt Nam là cố gắng tránh khỏi chế độ cộng sản, và Diệm đã làm được điều

này. Vì vậy, “giải pháp” của Kennedy thực sự đã giúp huỷ hoại mục đích ban đầu đó. Diệm bị giết bởi vì sự đàn áp số đông người Phật giáo của ông đe dọa những hy vọng tái tranh cử của JFK, nhưng điều đáng lưu ý là sau cái chết của Diệm, việc đàn áp Phật giáo vẫn không dừng lại; trong thực tế vẫn có thêm nhiều sự sai tự thiêu để phản đối chính quyền sau khi Diệm bị tổng tiền (66) [(Bouscaren, Anthony T., The Last of the Mandarins: Diem of Vietnam(Duquensne University Press, Pittbiurgh, 1965)].

Sự đồng lõa trực tiếp của Mỹ trong cuộc đảo chính Diệm không thể phủ nhận được, và bằng cách phớt lờ những đề xuất cụ thể của đội ngũ cố vấn và CIA, Kennedy dựng lên một nhóm trợ thủ đặc biệt, họ sẽ bí mật thực hiện quyết tâm của ông là lật đổ đồng minh. Và toàn bộ tâm trạng của JFK, vì rằng Diệm và Nhu đã chết, có thể tìm thấy trong dòng cuối cùng của bức điện ông ta trực tiếp gửi đến Lodge ngày 6.11.1963. Tôi khẳng định sự đánh giá cao đối với một công việc được hoàn thành tốt đẹp, John F. Kennedy(67) [(Frus, Vol. IV.0)].

NHỮNG MÂU THUẤN

“Chính phủ [Mỹ] đã sát hại Diệm”

- RICHARD M. NIXON (68) [(“Tapes Reveal Nixon Blaming JFK in Killing” The Times – Picayune, 26.2.1999)].

Tới đây, chúng ta sẽ dừng lại một chút và xem xét vài sự kiện có vẻ khó tin liên quan đến những tài liệu mà tới giờ chúng ta đã tán thành đưa ra:

1) Thoạt tiên Kennedy không biết chắc cuộc đảo chính có phải là ý tưởng tốt hay không: Minh Lớn và những kẻ âm mưu đã hoãn cuộc đảo chính vài lần, khi những thông điệp mật mà Coein nhận được từ Nhà trắng cho thấy nỗi nghi ngại về khả năng thành công. Nếu cuộc đảo chính thất bại, JFK và các quan chức Bộ Ngoại giao sẽ gặp nhiều rắc rối; bởi vậy, sự dao động lúc đầu không chỉ diễn ra trong tâm trí Kennedy mà còn trong những bức điện tín trao đổi giữa Washington và Sài Gòn. Cũng thái độ chập chờn và thiếu quyết đoán này đã gây nhiều khó khăn cho JFK trong vụ xâm nhập Cuba, và bây giờ, chúng ta lại chứng kiến một cái gì tương tự. Mới phút trước Kennedy còn sôi nổi với cuộc đảo chính, thì phút sau ông đã nguội lạnh. Những độc giả tò mò khi đọc kỹ nội dung các bức điện của Bộ Ngoại giao trong Foreign Relation of the United States, 1961-63, Tập IV chắc hẳn sẽ tìm thấy nhiều đoạn văn, nhất là trong các bức điện Nhà trắng gửi cho Lodge, cho thấy sự bất an về cuộc lật đổ Diệm sắp xảy ra, cộng với những ý kiến nói rằng Lodge nên ép các tướng nổi dậy trì hoãn cuộc đảo chính. Đây hoàn toàn là sự thật và không thể phủ nhận. Nhưng thời điểm cuối cùng là một chuyện hoàn toàn khác. Dấu tay Kennedy, do dự hay quả quyết, đã để lại trên toàn bộ cuộc đảo chính. Nói rằng JFK vô can là không thể được, và cũng là vô lý về mặt chính trị. Làm thế nào mà cả Lodge, Rusk lẫn Harriman, Hilsman tự ý sắp đặt việc lật đổ Diệm và tìm mọi cách giữ kín không cho Kennedy biết ngay cả khi Kennedy được Harkins, Nolting, Richardson, Giám đốc CIA McCone và nhiều người khác thường xuyên đưa ra lời khuyên chống lại cuộc đảo chính? Không thể được. Với kết cục Diệm và em trai nằm chết trong chiếc xe bọc thép M 113 của Mỹ, Kennedy và Bộ Ngoại

giao của ông đã hài lòng với kết quả đó. Nếu Kennedy không hài lòng, thử hỏi làm sao ông gửi điện tín cho Lodge hôm 6...11.1963, viết: “Tôi khẳng định sự đánh giá cao đối với một công việc được hoàn tất tốt đẹp.”?

2) Bạn có chắc là Richardson, Giám đốc Phân bộ CIA ở Sài Gòn, phản đối cuộc đảo chính Diệm? Vâng, quả đúng vậy. Richardson lúc nào cũng ủng hộ Diệm hết lòng với một lý do như tướng Harkins và Đại sứ Nolting: Diệm không giỏi, nhưng ông ta vẫn là người tốt nhất khả dĩ đương đầu với Việt Cộng, và chính vì mục đích đó mà người Mỹ ủng hộ Diệm. Khủng hoảng Phật giáo có thể chữa chạy kịp thời bằng sự giải hoà đích thực và sức ép ngoại giao. Tuy nhiên, sự thực là có một bức điện tín được biết đến nhiều nhất trong cái tên gọi là Pentagon Papers (“Hồ sơ Lầu Năm Góc”) (một tập tài liệu về chính sách ngoại giao của Mỹ liên quan đến chiến tranh Việt Nam rất thú vị và rất được dư luận chú ý) được Richardson chuyển đi ngày 28.8.1963. Và đây là những đoạn trích quan trọng nhất: “Tình hình ở đây đã đến mức không thể lùi được nữa ... Cuộc họp giữa Coe và Tướng Khiêm (một trong những chiến hữu của Minh Lớn) cho thấy đa số áp đảo trong hàng ngũ các tướng lĩnh ... đã thống nhất ... Chúng tôi hiểu nỗ lực này [đảo chính] phải thành công và về phần mình, chúng ta buộc phải làm bất cứ điều gì cần thiết”. Đủ rồi. Tới đây chúng ta có nhân vật chủ chốt của CIA ở Sài Gòn hoàn toàn đứng đằng sau cuộc đảo chính chống Diệm, mặc dù trước đó vài tháng ông ta phản đối. (Richardson quan hệ rất tốt với Diệm và Nhu). Điều này có thể do vài nguyên nhân. Có lẽ theo thời gian Richardson đã thật lòng thay đổi ý kiến. Hoặc có thể Richardson đang hiệu chỉnh những bức điện tín của mình vì giờ đây ông biết rằng cuộc đảo chính là không thể tránh được. Hay có lẽ Richardson chỉ đơn giản quyết định tuân theo kế hoạch của Kennedy để khỏi bị sa thải (sau khi Đại sứ Nolting bị cách chức, Richardson biết sắp sửa đến lượt ông), nhưng ý định này thất bại bởi lẽ Richardson bị triệu hồi vào tháng Mười. Tuy vậy, điều đó không quan trọng phải không? Richardson là một giám đốc tiền phương giỏi, có thành tích tốt trong “ngành”, và ông ta bị lôi kéo về vì cùng quan điểm với Nolting và Harkins. Nhưng tính chất quan trọng thực sự của bức điện này thì quá rõ: có thêm bằng chứng cho thấy Coe, một điệp viên của chính quyền Mỹ, đang bí mật tiếp xúc với các tướng mưu loạn – có thêm chứng cứ về sự dính líu của Mỹ vào cuộc lật đổ một nguyên thủ quốc gia đồng minh.

3) Không phải mọi người đều biết rằng điệp viên CIA E. Howard Hunt thực sự đã nguy tạo một số tài liệu của Bộ ngoại giao để cho thấy Kennedy vướng vào cuộc thẩm sát Diệm? Vâng. Trong Plausible Denial (“Lời phủ nhận đáng tin”), tác giả / luật sư Mark Lane có dịp chất vấn Hunt trong một phiên tòa về tội phỉ báng. Nhiệm vụ của Lane là vạch trần sự dối trá của Hunt trước bồi thẩm đoàn, và ông đã làm việc này với phương pháp tinh thông bằng cách buộc Hunt thú nhận một loạt lời dối trá và lừa lọc. Nhưng trong thời gian chất vấn, Lane còn rất khéo léo làm cho Hunt thừa nhận đã giả mạo một số bức điện của Bộ ngoại giao khiến người đọc tin rằng Kennedy ra lệnh ám sát Diệm. Hunt làm việc này với sự thông đồng của phụ tá Chính phủ Nixon là Charles Colson. Hunt nguy tạo những bức điện này bằng máy đánh chữ của ông cho có vẻ đáng tin, rồi tìm cách công bố như thật trên báo Times và Life(69) [(Lane, Mark, Plausible Denial (Thunder’s Mouth Press, 1991))]. Quá khứ mờ ám của Hunt không có gì bí mật (ông ta từng tiếp tay tổ chức một vụ đột nhập Watergate đầy tai tiếng), và cũng không còn lạ gì sự thù hằn của ông đối với John Kennedy (Hunt hoàn toàn đổ lỗi cho Kennedy về thất bại trong vụ Vịnh Con Heo, và càng coi thường Kennedy hơn nữa trước việc ông giảm bớt quyền hành của

CIA tại Việt Nam) / Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là những bức điện do Hunt ngụy tạo không phải là những bức điện của chính phủ mà chúng ta trích dẫn trong cuốn sách này. Hunt không ngụy tạo ra tập IV Foreign Relations of the United States, 1961 –1963, gồm 793 trang hồ sơ về sách lược ngoại giao của chính phủ trong khoảng từ tháng Tám đến tháng Mười hai, 1963: ông ta ngụy tạo nhiều tài liệu đối ngoại và tìm cách làm cho người ta tưởng thật. Nói cách khác, sự giả mạo của Hunt không nằm trong tập IV Foreign Relation United States, 1961 –1963, cũng không có mặt trong bất cứ hồ sơ lưu chính thức nào. McCoy đã nói hết bằng sự thực. Những ai còn nghi ngờ sự đồng lõa của Kennedy trong cuộc lật đổ Diệm chỉ cần đọc lại hồ sơ chính phủ chứa đựng hàng trăm trang điện văn trao đổi qua lại, sẽ thấy rõ Kennedy và các thành viên chính phủ đã khuyến khích, vận động, và xúi giục Minh Lớn cùng các tướng lĩnh của ông ta truất phế Diệm và Nhu, một động thái dứt khoát dẫn đến cái chết của hai người này đồng thời nhanh chóng giúp Kennedy thoát khỏi búa rìu dư luận quốc tế.

4) Phải chăng có những mâu thuẫn trong một số cuốn sách lịch sử viết về cái chết của Diệm và Nhu, đặc biệt là sự từ chối trưng dụng một chiếc máy bay đưa anh em họ Ngô đi tị nạn chính trị của Coein? Có và có, nhưng kết cục vẫn vậy. Những chi tiết tỉ mỉ về vụ ám sát Diệm và Nhu bị giấu kín một cách khéo léo. Tuy vậy, không có gì để bàn cãi nữa, chính Minh Lớn đã ra lệnh giết họ. Chỉ có thể tranh luận là Minh Lớn có tự ý ra lệnh hay không hoặc ông ta có bị buộc phải làm thế hay không sau khi Coein nói khó có thể cấp một máy bay trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Một số cuốn sách lịch sử đặc sắc đã nêu những chi tiết khác nhau đôi chút liên quan đến vụ thảm sát thực sự đã xảy ra. Chúng ta hãy lướt qua hai trong số những cuốn sách hay nhất cho tới bây giờ viết về Chiến tranh Việt Nam: A Bright Shining Lie (Lời nói dối toả sáng) của Neil Sheehan và Vietnam: A History (“Việt Nam: Một thiên sử”) của Stanley Karnow, cả hai đều là những câu chuyện kể khai thác rất ráo các tài liệu và có độ dài như Kinh Thánh. Trong sách của Sheehan, tác giả quả quyết rằng Minh Lớn ra lệnh cho một thiếu tá giết hai anh em họ Ngô. Viên thiếu tá bắn họ bằng súng lục bên trong chiếc xe bọc thép, sau đó vài người lính cuồng điên dùng lưỡi lê đâm nhiều nhát lên xác của Nhu(70) [(Sheehan)]. Sách của Karnow kể cặn kẽ hơn, một thiếu tá thiết giáp (Nghĩa) và một vệ sĩ chuyên nghề giết mướn của Minh (Nhưng) được phái đi bắt Diệm và Nhu theo lệnh của tướng Xuân, người có mối bất mãn cá nhân với Diệm vì bị đối xử phân biệt trong công việc. Nhưng ngoài ra, Minh Lớn còn ra lệnh cho Nhưng giết Diệm và em ông ta. Theo lời kể của Karnow, Nghĩa bắn hai người đàn ông bằng súng tự động đặt trên tháp pháo (có sự nhầm lẫn, bởi vì xe bọc thép M113 không có tháp pháo; nó chỉ có một ổ súng trên đó thường gắn khẩu súng máy M2.50, là loại vũ khí chủ lực; lời tường thuật của Karnow dường như muốn ám chỉ rằng thoát đầu Diệm và Nhu bị bắn khi vẫn còn ở bên ngoài xe, điều này là không thể được vì sự hiện diện của nhiều nhân chứng và sự hỗn độn sau đó, còn Nhưng bắn bằng loại súng gì không rõ và sau đó lấy dao găm đâm tới tấp vào hai cái xác (71) [(Karnow)]. Tuy nhiên những chi tiết dù khủng khiếp mấy cũng không quan trọng. Vấn đề là Diệm và Nhu, tin rằng mình sẽ được an toàn rời khỏi đất nước, đã bị hành hình một cách dã man. Mặc dù vậy, dường như có sự không thống nhất liên quan đến Coein và chiếc máy bay. Karnow thuật lại rất rõ ràng rằng Coein tuyên bố tuyệt đối không thể cấp một chiếc máy bay cho Diệm và Nhu rời khỏi nước(72) [(Karnow)], một lời tuyên bố man trá bởi vì thật ra nhiều máy bay Mỹ đang nằm ở sân bay, mà một trong số đó, thông qua Lodge, đã được cấp không chút rắc rối cho Cẩn, em của Diệm, và như chúng ta biết đó đúng là chiếc máy bay cuối

cùng Cẩn sẽ được ngồi lên. Đây nữa, Seymour Hersh trong *Dark Size of Camelot* cũng dẫn ra nhiều chi tiết tương tự, rằng Coein, vào năm 1975, khai rõ Minh có yêu cầu ông cấp một máy bay để bốc Diệm trốn đi nhưng Coein từ chối lời yêu cầu viện cớ không thể trưng dụng. Rồi Hersh kết luận một cách mạnh mẽ ...” vì Coein biết Diệm đang ở trong tay một đám quân nhân mà họ sẽ giết ông ta. Trong bất kỳ tình huống nào, một chiếc máy bay thích hợp có thể dễ dàng được cấp trước nhưng rồi không có. Jack Kennedy đã gạch tên Diệm, và mọi người ở Sài Gòn đều biết như thế”(73) [(Hersh)]. Tuy nhiên, có một điều còn thú vị hơn nữa tìm thấy trong chính cuốn sách điều tra tỉ mỉ này, là Coein, trong một cuộc phỏng vấn vào năm 1996, đã phát biểu rằng không hề may mắn gì về chuyện Minh Lớn lập kế hoạch giết Diệm và Nhu, nên ông (Coein) đã lập tức báo lại ngay cho Lodge biết thông tin này(74) [(Hersh)], và Lodge trực tiếp báo với Kennedy. Coein nói láo? Dù gì đi nữa thì ông ta cũng dính líu quá nhiều vào âm mưu được Mỹ hậu thuẫn này như ông ta đã từng thú nhận khi trả lời phỏng vấn trong *Việt Nam Thiên Sứ Truyền Hình* rằng ông đã “bật đèn xanh” của Mỹ cho những kẻ chủ mưu nổi dậy đảo chính. Nhưng một lần nữa, đoạn kết này hầu như không có gì đáng để ý. Đây chỉ là một dẫn chứng mạnh mẽ hơn cho thấy Kennedy muốn Diệm và Nhu biến khỏi chính trường, và ông ta sử dụng những thành viên nội các ba phải và tin cậy nhất để ủng hộ mưu đồ đó của Minh Lớn nhằm đạt kết quả này. Không cần phải quan tâm đến sự bất nhất trong lời khai và trả lời phỏng vấn của Coein, trong mọi trường hợp ông ta luôn cho thấy mình là quân cờ mạnh có thể thực hiện ý muốn loại bỏ Diệm và Nhu của chính phủ Kennedy.

5) Kennedy có thực sự muốn chấm dứt sự dính líu quân sự của Mỹ tại Việt Nam? Đã tốn nhiều bút mực cho câu hỏi này không kém gì tung tích bí ẩn của kẻ giết người thứ ba trong *Macbeth*. Hãy lưu ý một trong những câu nói nổi tiếng của JFK liên quan tới vấn đề này. Người phụ tá của Kennedy, ông Kenneth O’ Donnell xác định JFK nói chuyện riêng với Thượng nghị sĩ Mike Mansfield và nói bóng gió với thượng nghị sĩ này rằng quân đội Mỹ sẽ được rút khỏi Việt Nam.” Nhưng tôi không thể làm việc đó cho tới năm 1965 – sau khi tôi tái đắc cử -, nghe đâu JFK đã nói vậy(75) [(Hersh)]. Nhưng đây không phải là lời trích dẫn JFK trực tiếp. Không phải ngu dốt, nhưng đó là chuyện có một người nói rằng một người khác kể lại với ông ta Kennedy đã phát biểu như thế, hay nói cách khác, Kennedy O’ Donnell được Thượng nghị sĩ Mansfield cho hay Kennedy đã đưa ra lời phát biểu đó. Chúng ta không có lý do gì để nghi ngờ câu chuyện này, nhưng cũng phải lưu ý rằng có thể Kennedy đang nói đùa về cuộc bầu cử sắp tới, hoặc có thể ông đang làm điệu bộ trước Mansfield, người chỉ trích gay gắt việc Mỹ dính líu vào Việt Nam.

Tuy nhiên, ngụ ý chung là hoàn toàn chính xác. Đối với Kennedy, sẽ là tự sát về chính trị nếu rút phần lớn nhân sự Mỹ khỏi Việt Nam trước kỳ bầu cử 1964, và không ai biết điều này rõ hơn Kennedy. Ông ta sẽ bị quy kết là mềm yếu trước chủ nghĩa cộng sản, và sẽ bị mất phiếu nặng nề (nên nhớ, mặc dù đến năm 1966 chiến tranh Việt Nam sẽ trở thành mối ác cảm trong lòng người Mỹ, nhưng vào năm 1963, hầu hết cử tri đều ủng hộ những cố gắng của chính phủ dành cho Việt Nam). Chắc chắn, và điều đặt biệt là sau khi được biết về cuộc khủng hoảng Phật giáo cùng thái độ ngoan cố của Diệm, có lẽ Kennedy đã chán ngấy Việt Nam và mong muốn nó biến mất cho xong. Ai mà không muốn? Nhưng ông cũng biết cái cách mà dân chúng Mỹ nhận thức phương pháp mà ông xử lý sự dính líu của Mỹ sẽ mở ra hoặc bóp chết những cơ may trong cuộc bầu cử sắp tới. Nói cách khác, nếu mối đe dọa cộng sản vẫn còn mạnh mẽ tại Việt Nam

nên nếu Kennedy ra lệnh rút quân toàn bộ hay phần lớn trước năm 1964, thì những cơ hội tái đắc cử của ông sẽ bị tiêu hủy.

Đã nói tới như thế thì chúng ta hãy tiếp tục. Một số những lý thuyết được ủng hộ về vụ ám sát JFK – mà phần nhiều tạo nên cơ sở thúc đẩy nhà làm phim Oliver Stone làm phim JFK – quả quyết rằng Kennedy bị giết bởi một tập đoàn quân sự và CIA (với sự trợ giúp của băng đảng Mafia cung cấp lương thực cho quân đội cấu kết với CIA) chủ yếu vì một tài liệu gọi là Giác thư hành động An ninh Quốc gia 263 (NSAM 263, có thể tìm thấy được ở trang 395 và 396 của bộ sách Foreign Relation of the United States, 1961-63, tập IV) liên tục được trích dẫn như là một bằng chứng cho thấy Mỹ sẽ dứt khoát rút 1000 quân vào tháng 12.1963, và toàn bộ quân Mỹ vào năm 1965.

Hãy nhìn vào nội dung Giác thư NSAM 263. Đó là một thông báo của người đứng đầu hội đồng an ninh quốc gia McGeogre Bundy gửi Ngoại trưởng Dean Rusk, Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara, và Tham mưu trưởng Liên quân, Tướng Maxwell Taylor. Nhiều độc giả đã đọc tài liệu này rồi, nhưng hãy chịu khó đi cùng chúng tôi vì bạn đọc có thể chưa đọc kỹ từng chi tiết. Tài liệu Tối mật lúc bấy giờ tự nó nêu rõ:

Tại cuộc họp ngày 5.10.1963 Tổng thống xem xét những đề nghị ghi trong báo cáo của Bộ trưởng McNamara và tướng Taylor về sứ mệnh của họ tại Nam Việt Nam.

Tổng thống chấp thuận những đề xuất quân sự trong phần IB (1-3) của bản báo cáo, nhưng yêu cầu không được thông báo chính thức việc thực hiện kế hoạch rút 1000 nhân viên quân sự Mỹ vào cuối năm 1963.

Sau khi thảo luận những đề nghị còn lại của bản báo cáo, Tổng thống phê chuẩn một chỉ thị cho Đại sứ Lodge được trình bày trong bức điện của Bộ ngoại giao số 534 gửi Sài Gòn.

Thế là tốt, rất tốt. Những gì Bundy viết chủ yếu là một bức thư dán kín đề cập đến vấn đề về chính sách ngoại giao đã tồn tại như bộ phận của nhiều tài liệu khác. Bây giờ hãy mở tài liệu 179 như số tham khảo chỉ dẫn, và bản báo cáo được đề cập trong cuộc họp của Tổng thống ngày 5.10.1963.

Tài liệu 179 là một giác thư trên hai mạng do Michael Forrestal, ủy viên Hội đồng An ninh Quốc gia chuẩn bị, và số tham khảo không nói tới trong bản báo cáo của cuộc họp mà chỉ nói tới bản báo cáo đánh giá của Bộ trưởng McNamara và Tướng Taylor căn cứ vào chuyến đi của họ tới Nam Việt Nam hồi tháng 9.1963, được ghi chép trong tài liệu 167, đề ngày 2.10.1963. Chúng ta biết đúng như vậy bởi vì không có phần IB (1-3) trong tài liệu 167. Không nghi ngờ gì nữa, các nhà báo tường thuật vụ ám sát muốn kết tội tập đoàn công nghệ quân sự/CIA đã phát hiện trong bản báo cáo này (167), tại đoạn 1 và 2 của phần I B, những nội dung sau:

B. Những đề nghị:

Chúng tôi đề nghị:

1. Tướng Harkins cùng với Diệm xem xét lại những thay đổi quân sự cần thiết để hoàn

thành chiến dịch quân sự tại Bắc Bộ và Trung Bộ (I, II, và quân đoàn II) vào cuối năm 1964, và tại đồng bằng Sông Cửu long (quân đoàn IV) vào cuối năm 1965. Việc xét duyệt này sẽ tính tới sự cần thiết phải có những thay đổi sau:

- a. Dịch chuyển hơn nữa ảnh hưởng và sức mạnh quân sự đến Đồng bằng sông Cửu long.
- b. Tăng cường nhịp độ quân sự khắp các vùng chiến thuật...
- b. Đẩy mạnh các cuộc hành quân “ quét sạch và chiếm giữ” ...
- c. Gia tăng quân số cho các đơn vị chiến đấu để có được sức mạnh tối đa.
- d. Nhanh chóng huấn luyện và trang bị vũ khí cho dân quân làng xã.
- e. củng cố chương trình ấp chiến lược...

2. Tổ chức chương trình huấn luyện người Việt Nam để đến cuối năm 1965 họ có thể đảm trách được những nhiệm vụ thiết yếu mà hiện nay nhân viên quân sự Mỹ đang giữ(76).
[[FRUS]]

Một phần bản báo cáo đánh giá này đưa ra những đề xuất “xem xét” với Diệm, nghĩa là đánh giá hành động bởi tổng thống Diệm. Điều mà báo cáo này muốn nói là: “Jack, để thoát khỏi Việt Nam một cách sạch sẽ, chúng ta phải ủng hộ mạnh mẽ Việt Nam để họ có thể ngăn chặn Cộng sản một cách hữu hiệu. Nếu chúng ta muốn thoát khỏi nơi đây vào cuối năm 1965, thì đây là những gì chúng ta cần làm”.

Khi McGeogre Bundy, trong NSAM 263, nói rõ Kennedy đã “chấp thuận những đề xuất về quân sự trong phần I B(1-3) của báo cáo”, ông không có ý nói rằng JFK sẽ rút toàn bộ quân Mỹ vào cuối năm 1965, ông chỉ muốn nói, để theo đuổi khả năng tăng sức mạnh cho Nam Việt Nam tới mức có thể chống lại sự chiếm đóng của Cộng sản, Tổng thống đã đồng ý “xem xét sự cần thiết phải có những thay đổi” để tác động tới viễn cảnh tối ưu này, điều đó bao gồm việc tăng viện trợ và nhân sự Mỹ tại Việt Nam. Kennedy chấp thuận những đề nghị cố gắng rút ngắn cuộc chiến tranh. Ông ta không chấp thuận một sự rút quân toàn bộ dù có suy diễn kiểu nào đi nữa. Nội dung cuộc họp không có ý đó, và ai cũng thấy được như vậy. Đó là sự chấp thuận những đề xuất được đưa ra để suy đoán. Trở lại với Tài liệu 179, chúng ta thấy điều này:

Tổng thống cũng nói rằng quyết định của Mỹ rút 1000 cố vấn vào tháng Mười hai năm nay không được công bố chính thức với Diệm. Thay vào đó, động thái này phải được thực hiện thường xuyên như một phần trong chủ trương chung của chúng ta là rút đi những người khi họ không còn cần thiết nữa(76a) [[FRUS, Vol.4]].

JFK công nhận quyết định rút 1000 cố vấn Mỹ vào cuối năm 1965, và ông nói việc này không được công bố “chính thức” với Diệm. Nhưng còn “không chính thức” thì sao? Liên quan đến toàn bộ vấn đề này, Ngoại trưởng Dean Rusk gửi cho Lodge bức điện “chỉ người nhận đọc” vào ngày 5.10.1963, lúc 5 giờ 38 phút chiều (bức điện số 180) nói rằng:

“Sau khi phê chuẩn bức điện tiếp theo sau gồm những chỉ thị chi tiết, Tổng thống yêu cầu

tôi gửi đến ông ta thông điệp riêng của ngài.

Tổng thống cho rằng điều tối quan trọng là chúng ta không nên công khai giai đoạn tiếp theo này cho báo chí. Những quyết định và những chỉ thị trong bức điện tiếp theo sau [đây là bức điện 180; bức điện tiếp theo sau là 181, được gửi sau một phút, tức 5 giờ 39 phút chiều] đang được giữ tuyệt mật tại Nhà trắng và chúng ta đang tìm mọi cách có thể không cho dư luận bên ngoài biết...(77). [(FRUS, Vol. 4)]

Ở đây Rusk đang nói cho Lodge biết rằng Kennedy không muốn dân chúng Mỹ nghe được quyết định “phê chuẩn” rút 1000 quân Mỹ. Tại sao? Bởi vì Diệm biết chuyện này trên báo chí Mỹ, vì nếu Diệm biết, nước Mỹ cũng sẽ biết. Thay vì như thế, JFK để cho chuyện đó đến tai Diệm “một cách không chính thức”, nghĩa là tin tức tình báo rò rỉ. Tất cả nội dung NSAM 263 này chỉ là động tác phù phép – giả vờ như là “chính thức” – làm cho Diệm khiếp hãi khi nghĩ rằng Mỹ sắp rút hết viện trợ. Nếu Diệm nghĩ chuyện này có thật, thì ông ta sẽ có những tiến bộ đáng kể rồi bắt đầu làm những gì Mỹ yêu cầu ông ta làm nếu ông ta muốn chiến thắng.

Nhưng chúng tôi dựa vào cái gì để quả quyết như vậy?

Số tham khảo hoàn toàn dẫn về một nguồn, là Giác thư NSAM 263. Số tham khảo này chỉ ra Tài liệu Số 181, đó chính là bức điện mà Rusk đã báo trước cho Lodge. (Xem chú thích 77 ở cuối sách) Bây giờ chúng ta chuyển qua Bức điện 181, được gửi sau một phút, để xem nó nói gì về tất cả những động thái trên đây.

Đoạn văn thứ 2 nói rõ với Lodge:

“2. Những hành động được thiết kế nhằm cho Chính quyền Diệm biết chúng ta không hài lòng về các chính sách chính trị của họ và khiến chính quyền này và các phe phái người Việt chủ chốt đều không chắc chắn được về những dự định tương lai của nước Mỹ...[78]” [(FRUS, Vol.4)].

Ô! Đợi một chút, Oliver Stone! Các nhà nghiên cứu cầu ông không cho ông biết điều này sao? Tài liệu Bộ ngoại giao Mỹ chính thức này nêu rõ rằng phần nền tảng của NSAM 263 không là gì khác hơn ngoài sự tuyên truyền với dụng ý uy hiếp buộc Diệm phải cải thiện phương pháp điều hành chính quyền. Một thủ đoạn thường thấy của một chính phủ lớn đối với một chính phủ nhỏ nhằm giữ được sự tán thành của công chúng trước một nỗ lực chính trị.

Tất cả đều sò sò trong văn bản lưu trữ chính thức.

Và bây giờ chúng ta hãy xem xét các cơ sở động cơ được ưa chuộng hạng nhì của những lý thuyết muốn nói rằng Kennedy bị ám sát vì ông ta sắp rút quân khỏi Việt Nam, (cơ sở được ưa chuộng nhất thì cho rằng “Tập đoàn công nghiệp quân sự” muốn chiến tranh Việt Nam tiếp tục vì bọn họ có thể làm giàu nhờ một nền kinh tế dựa vào chiến tranh).

Rất tiếc phải nói đó chính là một tài liệu Bộ ngoại giao khác, Giác thư Hành động An ninh Quốc gia 273 (NSAM 273), mà nhiều người đã quá rõ. Có một lý thuyết tóm tắt lan truyền từ lâu rằng Giác thư NSAM 273, với việc chấp thuận tăng nhanh sự hiện diện của quân Mỹ ở Nam

Việt Nam, là sự đảo ngược hoàn toàn Giác thư NSAM263 vốn tuyên bố Mỹ rút quân khỏi Nam Việt Nam. Quái, chúng tôi đã cho thấy NSAM 263 không chứa một sự việc như vậy, mà nó đã bị hiểu sai hoàn toàn, đến mức báo động, bởi những tác giả chuyên viết về JFK nào đó. Cho nên bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu Giác thư NSAM 273 tai tiếng này, và những chi tiết của nó:

Tổng thống [bây giờ là Lydon Baines Johnson – LBJ] đã xét lại những bàn luận về Nam Việt Nam diễn ra ở Honolulu [tại một cuộc họp của các cố vấn cao cấp của Kennedy hai ngày trước khi JFK bị ám sát; xem lại chú thích 79 ở cuối sách] và đã bàn thêm về vấn đề này với đại sứ Lodge. Ông ta yêu cầu tất cả những ai có liên quan phải theo sát sự chỉ đạo sau:

1. Mỹ vẫn tiếp tục theo đuổi mục tiêu chủ yếu ở Nam Việt Nam là giúp đỡ dân chúng và chính phủ của quốc gia này chiến thắng trong cuộc đấu tranh chống lại mưu đồ nguy hiểm của Cộng sản được bên ngoài trực tiếp hỗ trợ. Thử nghiệm cho mọi quyết định và hành động tại đây của Mỹ sẽ phải là mức hiệu quả đóng góp của chúng cho mục tiêu đó.

2. Các mục tiêu của Mỹ liên quan đến cuộc rút quân nhưng Mỹ vẫn không khác gì với tuyên bố của Nhà Trắng ngày 2.10.1963. [Những đề xuất của McManara/ Taylor về việc tăng cường viện trợ cho các vùng Bắc, Trung, và đồng bằng Sông Cửu Long cho đến một lúc nào đó quân đội Nam Việt Nam tự chiến đấu được].

3. Mỗi quan tâm chính của chính phủ Mỹ là chính quyền tạm thời hiện tại của Nam Việt Nam cần được giúp đỡ để tự củng cố, giữ gìn và phát huy nguồn viện trợ đã được tăng lên. Tất cả viên chức Mỹ phải nhắm tới mục tiêu này để hành xử(80). [(FRUS, Vol.4)]

Còn nữa, nhưng toàn bộ vấn đề là ở chỗ Tổng thống Mỹ giờ đây đã chính thức cam kết nước Mỹ kiên trì viện trợ quân sự cho chính quyền mới ở Nam Việt Nam (Diệm đã chết, Minh Lớn hiện là nhà lãnh đạo thực sự của quốc gia này). Điều làm cho những người tin rằng CIA/ tập đoàn công nghiệp quân sự là thủ phạm ám sát JFK thêm nhỏ rỗi là Giác thư này được Tổng thống mới, Lyndon Johnson, đặt bút ký bốn ngày sau cái chết của JFK, và lý thuyết của họ luôn luôn chỉ ngón tay kết tội thẳng vào mặt vào LBJ do đã làm điều gì đó dính tới vụ ám sát bởi vì bản dự thảo của NSAM 273 thực tế chỉ được viết hai ngày trước khi JFK bị giết.

Chúng ta sẽ đưa ra vài ví dụ cụ thể về sự diễn dịch sai này và/ hoặc sự sắp xếp các sự kiện một cách gượng gạo. Trong Kill Zone (“Vùng giết chóc”) của Craig Roberts (một cuốn sách thú vị về nhiều phương diện) tác giả nói rằng NSAM 273” được McGeogre Bundy viết để ủng hộ chính sách của LBJ cam kết viện trợ người và tiền của cho Nam Việt Nam”(81). [(Roberts, Craig, Kill Zone (Consolidated Press International, 1994))].

Tác giả Robert đã lầm. NSAM 273 được viết KHÔNG PHẢI để ủng hộ chính sách cam kết viện trợ cho Nam Việt Nam của LBJ. Bản phác thảo văn kiện này được viết hai ngày trước khi Kennedy bị ám sát; do vậy nó KHÔNG được viết cho LBJ, nó được viết cho JFK. Đưa ra một giả thuyết khác đi nghĩa là buộc tội TẤT CẢ THÀNH VIÊN tham dự Hội nghị Honolulu đã trực tiếp dính líu vào vụ ám sát Kennedy và đã biết trước chuyện đó, những người như Ngoại trưởng Dean Rusk, Bộ trưởng quốc phòng Robert McManara, Đại sứ Henry Cabot Lodge, Tướng Paul Harkins và Tướng Maxwell Taylor. Điều chúng tôi muốn chỉ ra ở đây là Hội nghị Honolulu là

cuộc gặp gỡ giữa các bộ óc quân sự và ngoại giao để quyết định cần phải thay đổi những gì trong chính sách của Mỹ liên quan tới Nam Việt Nam vì giờ đây những kẻ gây rắc rối cho họ – Diệm và Nhu – đã chết. Nói chính xác hơn, hội nghị Honolulu – cơ sở của NSAM 273 được triệu tập để đưa ra những đề xuất cho TỔNG THỐNG KENNEDY, người vẫn còn sống vào thời điểm đó. Johnson ký Giác thư vì tình trạng khiếm diệm, bởi vì ông chỉ trở thành tổng thống hai ngày SAU KHI nó được viết ra! Nó được các cố vấn cao cấp của Kennedy viết cho KENNEDY, không phải cho JOHNSON. Thậm chí Robert Groden, người đã dành cả đời mình tìm hiểu vụ ám sát Kennedy và những cuốn sách của ông nằm trong vài cuốn hay nhất từ trước tới nay viết về đề tài này, đã quả quyết trong một cuốn sách của ông, *The Killing of a President* (“Vụ sát hại một tổng thống”), rằng NSAM 273 là “hệ quả chính trị trực tiếp đầu tiên của vụ ám sát Kennedy” (82). [(Groden, *The Killing of a President*)]

Như hồ sơ lưu trữ chính thức về chính sách ngoại giao của Mỹ có nói, NSAM 273 KHÔNG PHẢI là hệ quả của việc ám sát Kennedy. Rành rành, dứt khoát, và không thể bác bỏ được, Giác thư đó được viết CHO Kennedy TRƯỚC KHI ông bị giết. Đây không phải là tin tức cũ xì; dù nó được viết cách đây gần bốn thập niên. Gần đây nhất, trong *The Color of Trust* (“Màu sắc của sự thật”), một cuốn sách được gởi phê bình đánh giá cao (do nhà xuất bản Simon và Schuster phát hành cuối năm 1998), tác giả xuất sắc đồng thời là biên tập viên cho tờ *The Nation* Kai Bird nhắc đến Giác thư này như sau: “Thực vậy, với việc Diệm ra đi, thái độ của Washington là giờ đây việc giành thắng lợi trong cuộc chiến sẽ được xúc tiến mạnh” (83) [(Bird, Kai, *The Color of Truth* (Simon và Schuster, 1998))]. Cuốn sách của Bird không chỉ được hỗ trợ bởi những khả năng nghiên cứu đáng ngạc nhiên của ông mà còn bởi tài liệu của nó; nó là tiểu sử của hai cố vấn hàng đầu của JFK, McGeoghe và William Bundy, và được bảo đảm bởi gần một trăm cuộc phỏng vấn với gia đình Bundy và người quen của họ. (Sự thực, đây là cuốn sách toàn diện nhất từ trước đến giờ viết về nhóm thân cận trong Nhà trắng của Kennedy và sau này là Nhà Trắng của Johnson. Những độc giả quan tâm đến vấn đề sẽ thiệt thòi nếu không đọc cuốn này.)

Bây giờ, về Giác thư NSAM 263 và NSAM 273, chúng ta hãy xem một cuốn sách khác, *JFK: The CIA, Vietnam, and the Plot to Assassinate John F. Kennedy* (“JFK: CIA, Việt Nam, và âm mưu ám sát John F. Kennedy”) của L.Fletcher Prouty (nó bênh vực cho lý thuyết chính trong phim của Oliver Stone). Ở trang 267, Prouty bắt đầu đưa ra lý giải riêng của ông về hai tài liệu liên quan tới chính sách này và ý nghĩa của nó. Ông lý giải, như chúng ta đã biết, rằng nếu không tham khảo đầy đủ Báo cáo McManara/ Taylor, thì Giác thư NSAM 263 không có giá trị suy diễn; cụ thể hơn, ở trang 268, Prouty viết: “Không có chính cái báo cáo đó trong hồ sơ thì bức thư dán kín này hoàn toàn vô giá trị.”

Chúng tôi đồng ý.

Tiếp theo, Prouty đã rất đúng đắn khi tiếp tục trích dẫn những điều khoản của NSAM 263 trong phần I B (1-3) của báo cáo, như chúng ta đã biết.

Tuy nhiên, thật kinh ngạc, tác giả đã dừng lại đúng chỗ mà nhiều nhà lý thuyết về vụ ám sát đã dừng lại. Ông không đề cập đến những điều khoản còn lại rất quan trọng trong Giác thư. Hơn thế nữa, ông không đề cập đến bức điện 181 gửi Lodge giải thích nhiệm vụ thực tế và bản

chất của hành động an ninh quốc gia này.

Thật đáng kinh ngạc là Prouty đã không đề cập đến những điều này, nhất là khi Prouty nhận là đã tham gia soạn thảo toàn bộ Giác thư đó. Ông nói, “Dựa vào chính sách của Nhà Trắng, nhiều nội dung của Giác thư thật sự được thủ trưởng của tôi tại Ngũ Giác Đài, Tướng Krulak, nhiều nhân viên khác của ông ta, và bản thân tôi chấp bút”(84). [(Prouty, L. Fletcher, JFK:The CIA, Vietnam and the Plot to Assassinate John F. Kennedy (Citadel Press, 1996))]

Nhìn chung, Prouty đã chịu khó thuyết phục người đọc rằng bất kỳ sự diễn giải nào khác đối với vấn đề Giác thư NSAM 263 chỉ là câu chuyện “câu khách” của các sử gia và các nhà nghiên cứu ám sát lười biếng mà lý thuyết của họ thì đơn thuần không nhất trí với lý thuyết của ông. Thậm chí Prouty còn viết: “Tôi đã cẩn thận trích dẫn những sự kiện này nhằm làm rõ chính sách mới của tổng thống [chúng ta phải lưu ý rằng chính sách mới của tổng thống ra ngày 11.10.1963 rõ ràng vẫn chưa được quyết định ở thời điểm đó] và so sánh nó với những gì được thực hành từ những ngày đó bởi những kẻ mong muốn che giấu hoặc làm rối tung các sự kiện...”(85). [(Prouty)]

Dựa vào những đoạn trích trên đây và những yếu tố căn bản khác trong NSAM 263 mà Prouty đã không đề cập tới, các nhà phê bình khắt khe có thể dễ dàng kết tội chính Prouty đã che dấu và làm rối tung các sự kiện.

Tất nhiên chúng ta hoàn toàn tin chắc rằng ngài Prouty đã bỏ qua chúng một cách sai lầm.

Nhưng dù có vậy chăng nữa, cuốn sách của Prouty cũng đưa ra lời tuyên bố độc nhất không ai có đến hàng ngàn độc giả - trong khi phim JFK của Oliver Stone có hàng triệu người xem - “Chính sách nêu trong Giác thư NSAM 263 của Kennedy sẽ đảm bảo rằng hàng trăm ngàn người Mỹ sẽ không bị gửi tới chiến trường Nam Việt Nam”(86) [(Prouty)], trong khi trên thực tế chính sách trong Giác thư NSAM 263 của Kennedy hoàn toàn không đảm bảo một điều như vậy.

Vẫn chưa hết, Prouty còn nói một điều không ai biết tương tự: “Nếu John F. Kennedy còn sống, người Mỹ sẽ không phải ra trận và chết tại Việt Nam...(87) [(Prouty)]. Lời tuyên bố này hoàn toàn thiếu chính xác, dù ta có tưởng tượng đến mức nào . Foreign Relation of the United States, 1961-1963, tập IV là một bằng chứng.

Prouty còn đi xa hơn khi cho rằng NSAM 273 là “Giác thư NSAM của Johnson”(88) [(Prouty)]. Chuyện này vẫn thường xảy ra. Đây không phải là Giác thư NSAM 273 của Johnson, nó là của JFK. Để thu dọn vấn đề, chúng ta sẽ trích dẫn từ cuốn sách có tính khai phá do nhà xuất bản Simon và Schuter phát hành năm 1999, Vietnam: The Necessary War (“Việt Nam: Cuộc chiến tranh cần thiết”) của nhà sử học chính trị lừng danh Michael Lind. Đây là những gì ông ta phải nói về “kế hoạch bí mật” rút khỏi Việt Nam của Kennedy: “Luận điểm của Oliver Stone được thể hiện trong phim JFK thậm chí còn ngớ ngẩn hơn, rằng các thể lực bí mật trong chính quyền Mỹ sắp đặt việc ám sát Kennedy để thay thế bằng Lyndon Johnson, người sẽ thực hiện kế hoạch leo thang chiến tranh tại Việt Nam. Nếu Kennedy còn sống và từ bỏ Nam Việt Nam thì thành tích của ông ta trong chính sách ngoại giao sẽ là thành tích thất bại tuyệt đối ở

Cuba, Berlin, và Đông Nam Á”(89) [(Lind, Michael, Vietnam:The Necessary War (Simon và Schuster, 1999))]Ngoài ra có một chuyên gia khác đồng ý, và đó sẽ là Dick Shultz, tác giả của The Secret War Against Hanoi (“Cuộc chiến tranh bí mật chống Hà Nội”) và là giám đốc các chương trình nghiên cứu quốc tế của Đại học Tufts. Shultz cho rằng ý định muốn rút quân khỏi Việt Nam của Kennedy là một “huyền thoại”, và trong bài báo đặc sắc in trên Boston Globe tháng 1.2000, ông mạnh mẽ lý giải trên cơ sở một loạt sự kiện, rằng năm 1963 Kennedy tìm cách bí mật leo thang chiến tranh hết mức, chứ không rút lui”(90). [(Schultz, Dick, “How Kennedy Launched His Secret War in Vietnam,” The Boston Globe, 31.1.2000)]

Chúng tôi đã nói tất cả những gì cần nói về vấn đề này. Hồ sơ lưu trữ chính thức thông qua Vụ Án Loạt Chính Phủ luôn sẵn có cho bất cứ ai quan tâm tìm đọc, và để tóm tắt, toàn bộ cuộc tranh luận về Giác thư NSAM 263 và NSAM 273 đã được tổng kết cực kỳ rõ ràng trong The Assassination of John F. Kennedy (“Vụ ám sát John F. Kennedy”) của James P. Duffy và Vincent L. Ricci: “Những người đề xướng lý thuyết Kennedy bị giết vì được cho là có những kế hoạch rút khỏi Việt Nam đã phớt lờ bằng chứng rất đanh thép rằng nếu Kennedy còn sống, chiến tranh có thể tiếp tục như dưới thời Lyndon B. Johnson. John Kennedy không phải là “kẻ phản chiến” như nhiều người toan tính gán cho ông. Những người khuyên Johnson mở rộng chiến tranh chính là những cố vấn thân cận nhất của Kennedy...”(91) [(Duffy)]

Nếu như Kennedy muốn rút tất cả lực lượng Mỹ ra khỏi Nam Việt Nam, thì tại sao ông lại có câu nói này trong một diễn văn được nhiều người ủng hộ: “Không có Mỹ, Việt Nam sẽ sụp đổ trong một đêm”(92). [(Bishop, Jim, The Day Kennedy Was Shot (Harper Perennial, 1992))].

6) Nói gì được đây về Edward Lansdale, một mật viên tiền phương của CIA, người được giao nhiệm vụ giúp Diệm đánh bại các đối thủ sừng sỏ của ông giữa thập niên 50? Ông ta có dự phần trong sự dính líu của Mỹ vào cuộc đảo chính Diệm không? Không đáng kể lắm, nhưng rõ ràng Lansdale không xa lạ gì với chuyện giết chóc; ông đã có quá trình giấu mình trong các điệp vụ bí mật xoay quanh việc giết hại những phần tử cộng sản nổi loạn.(Neil Sheehan đánh giá Lansdale là “một gián điệp mật huyền thoại”)(93) [(Sheehan)]. Trước khi nhận nhiệm vụ tại Việt Nam, ông ta đã giúp nghiền nát các lực lượng nổi loạn ở Philippines, và khi tới Sài Gòn ông ta có vai trò đáng kể trong việc giữ gìn ngôi tổng thống của Diệm. Trước tiên, trong khuôn khổ nỗ lực của CIA, ông đã thuyết phục được Bảo Đại nhường chức thủ tướng cho Diệm, và rồi loại bỏ Bảo Đại bằng cách dựng lên một cuộc bầu cử có lợi cho Diệm. Chính nhờ sự cố vấn về chiến lược của Lansdale mà Diệm đã đánh bại 40.000 binh lính của phái Bình Xuyên vào năm 1955. Mỹ đã chọn ủng hộ Diệm như là nhà lãnh đạo thực sự của Nam Việt Nam, và chính Lansdale là người thực hiện việc ủng hộ đó. Nhưng Lansdale có phải là kẻ sát nhân không? Ông ta có phải là một nhân vật huyền thoại làm việc hết mình cho CIA? Những câu hỏi còn tồn nghi, nhưng cần lưu ý rằng Lansdale không dính tới những cuộc tàn sát thẳng tay những người Việt Minh “ở lại” vào giữa thập niên 50. Chắc hẳn Lansdale biết rằng hầu hết những người này không phải là cộng sản thứ thiệt nhưng bởi vì một ít trong số đó có thể là cộng sản, nên ông sẵn sàng tán thành việc giết hại, tổng giam và khủng bố họ, và ông gọi một cách bừa bãi đó là tiến trình “thanh lọc”(94) [(Sheehan)]. Lansdale có phải là kẻ bất lương? Không(thực vậy, qua hầu hết những tường thuật, ông được mô tả như một anh chàng tử tế), nhưng ông ta làm nhiệm vụ hết mình, mà nhiệm vụ của ông ta thực chất chỉ xoay quanh việc giết hại những

người Cộng sản. Lansdale là một anh hùng và một nhà yêu nước, hoàn thành mọi nhiệm vụ được chính phủ giao như bất kì người lính đánh tin cậy nào khác: không có gì bàn cãi. Nhưng đó là vào giữa thập niên 50, trong khi mọi chuyện đã biến đổi đột ngột vào năm 1963. Vậy thì rất thú vị khi dẫn ra đây một tiết lộ trong cuốn sách best – seller của Seymour Hersh. Mùa thu năm 1963, Lansdale được gọi đến gặp riêng tổng thống Kennedy; và rồi khi biết những quan hệ gần gũi trước đây của Lansdale với Diệm, Kennedy hỏi Lansdale có muốn trở lại Sài Gòn để tìm cách thuyết phục Diệm loại trừ Nhu ra khỏi chính phủ Nam Việt Nam không. Lansdale sốt sắn nhận lời, vì ông luôn là bạn thân của Diệm nhưng không bao giờ tán thành Nhu, người được coi là gây nhiều rắc rối nhất cho Chính phủ Kennedy. Lansdale, đang cân nhắc chuyện về hưu lúc đó – chủ yếu vì buồn chán – phẩn chấn trước lời đề nghị của JFK... cho đến khi ông ta nghe được những chuyện sau đó.

Như một người đứng ngoài, Kennedy hỏi liệu khả năng loại Nhu ra khỏi sự liên kết chính trị với Diệm có thực hiện không, hay nếu ông (JFK) thay đổi ý kiến và quyết định phải xoá bỏ Diệm, thì Lansdale có còn muốn nhận nhiệm vụ không? Lansdale, với tất cả thành thật, và mặc dù muốn nhận công việc, đã phải từ chối lời đề nghị của tổng thống trong những điều kiện chi tiết đó. Lansdale lý giải ý nghĩa tối hậu của những điều JFK trình bày là: “Ông có chịu giết Diệm không nếu tôi quyết định điều đó là cần thiết?” Lansdale, một gián điệp lão làng thuộc trường phái cổ điển, thấy quá rõ đó là những gì JFK muốn nói(95) [(Hersh, từ cuộc trao đổi giữa Lansdale và Daniel Ellsberg, theo Hersh trích dẫn)].

(Một chú thích cuối cùng: Mặc dù đã trích dẫn một số điểm chúng tôi không đồng ý, chúng tôi không hề coi thường những cuốn sách khác viết về vụ ám sát Kennedy. Thật vậy, nhiều cuốn sách có tư liệu dẫn ra cụ thể trong chương này – The Killing of a President của Groden, The Dark Side of Camelot của Hersh, Vietnam: A History của Karnow; Paulsible Denial của Lane, JFK: CIA, Vietnam, and the Plot to Assassinate John F. Kennedy của Prouty, Kill Zone của Roberts, A Bright Shining Lie của Sheehan – nhưng chúng tôi không đánh giá cao tất cả được. Tất cả được viết bởi những cây bút tài giỏi trong lĩnh vực chuyên môn và có uy tín đáng kính, và hầu hết đều là những tác giả best – seller của New York Times. Chấn hận Oliver Stone, ông đúng là nhà làm phim xuất sắc nhất của thời đại chúng ta; chúng tôi không coi thường ông hoặc các bộ phim của ông; chỉ đơn thuần là chúng tôi không đồng ý với một vài luận điểm của ông. Cuối cùng, bộ phim JFK của ông có lẽ là phương tiện tốt nhất cho đến bây giờ – phim hoặc sách – truyền đến số đông công chúng những vấn đề nghiêm trọng liên quan đến Báo cáo Warren và những lời nói dối mà nó đã tiêm nhiễm vào ý thức người Mỹ.

NHỮNG ÂM MƯU

“Tổng thống John F. Kennedy có lẽ đã bị giết hại do một âm mưu” (96) [(Summary of Findings and Recommendations, “Findings of the Select Committee on Assassination in the Assassination of President John F. Kennedy in Dallas, Tex., November 22, 1963”)]

- TIỂU BAN HẠ VIỆN VỀ NHỮNG ÁM SÁT, 1979-

Thế giới quên đi vụ ám sát ông Diệm rất nhanh, vì chỉ hai mươi ngày sau, chính John Kenney cũng bị ám sát, hệ quả của vụ này sẽ trở thành một trong những kỳ án rối rắm nhất thế giới.

Nhưng kể từ cái ngày tồi tệ đó của tháng 11 năm 1963, một lực lượng thực sự gồm những người nghiên cứu về cái chết của Kennedy đã ra đời – thường xuất phát từ óc tò mò của riêng mình hoặc vì phần nộ – họ cố gắng tìm ra điều tương đương với vụ bí hiểm nhất trong các kỳ án sát nhân. Lực lượng này, trong hơn ba thập niên qua, đã khảo sát mọi khía cạnh có thể có trong vụ ám sát JFK cho đến từng mẫu chứng cứ cuối cùng và nhỏ nhất và cả những chứng cứ giả nữa, từng nhân chứng, từng tin đồn, từng bức ảnh thật cũng như ngụy tạo, và những hồ sơ dính đến Oswald và từng lối cải trang của Oswald. Nói rằng “chẳng còn viên gạch nào mà không bị lật lên” có lẽ cũng là một cách nói bóng bẩy quá yếu ớt, và nếu vụ ám sát JFK là một đụn cỏ khô, thì có lẽ cũng chính xác khi mô tả rằng mọi cọng cỏ cọng rơm trong đụn đều đã bị xem xét, khảo sát và nghiên cứu. Kết quả, phần lớn, đã là một điều đáng kể: những người tìm kiếm sự thực được tự do tìm kiếm và trình bày ý kiến dựa trên những phát hiện của mình với công chúng đang náo nức muốn biết. Thực vậy, nếu có một cuộc thăm dò dư luận toàn quốc, và những người nhận phiếu thăm dò được yêu cầu tiết lộ điều mà họ xem là thắc mắc lớn nhất trong đời mình, thì chúng ta cũng dám đoán chắc rằng đa số dân chúng sẽ trả lời: thắc mắc đó là “Ai giết Tổng thống Kennedy?”

Đó là điều mọi người muốn biết, và chính vì thắc mắc đó, vô số cuốn sách đã được viết ra bởi vô số tác giả vốn quyết tâm suy nghĩ tìm ra câu trả lời. Và người Mỹ chúng ta có thể cảm ơn thượng đế hoặc định mệnh nào đó về chuyện chúng ta đang sống trong một đất nước có đủ tự do để báo chí có thể tiến hành những điều tra phỏng vấn thấu đáo. (Nhưng nghĩ lại, có lẽ đất nước này không hẳn tự do như chúng ta nghĩ, vì hàng trăm người dính dáng đến vụ ám sát JFK – gồm các nhân chứng, nhà báo, tác gia, thanh tra hình sự, nghị can,... - đã chết một cách đáng ngờ). Nhưng dù có thể là thế, thì cuộc tìm kiếm bất tận nhằm tìm ra thủ phạm giết JFK và động cơ ám sát, đã tạo ra những sự nghiệp, và kết thúc một số sự nghiệp khác; nó đã làm thiệt mạng một số người, tạo ra những cuộc tranh luận dữ dội, và thúc đẩy công chúng suy nghĩ kỹ về việc tin cậy chính quyền của họ. Sau cùng, cuộc truy tìm sự thực này đã cho ra đời hơn sáu trăm cuốn sách, hàng ngàn bài báo và hàng triệu triệu chữ trong một nỗ lực đem lại một lời giải thích cho cái biến cố bi thảm ở Dallas trong một ngày nắng ấm khác thường cuối tháng 11.1963 đó.

Kết quả vô số giả thuyết đã hình thành, một số thuyết rất ly kỳ, một số khác thì không đến mức đó. Lời kết tội giết hại JFK đã nhắm vào cả chục nhân vật, từ Lee Harvey Oswald cho đến

E.Howard Hunt. Lyndon Johnson đã ra lệnh giết Kennedy, Jimmy Hoffa đã ra lệnh giết Kennedy, Carlos Marcello và/hoặc Santos Trafficante đã ra lệnh giết Kennedy, và cũng đừng bỏ sót Fidel Castro, Nikita Khrushchev, hội John Birch, và tập đoàn dầu khí Texas. Về nhân vật duy nhất không bị kết tội đã ra lệnh giết Kennedy là Đại tá Sanders... và, nghĩ thử coi, ông ta đang ở đâu vào ngày 22.11.1963 đó?

Ngoài ra còn hàng chục giả thuyết khác nữa, từ giả thuyết rất gây chấn động (CIA giết Kennedy) cho đến thứ thậm chí vô lý (JFK bị Không quân Mỹ giết vì ông định công bố thông tin của chính phủ về các hình thái sinh vật ngoài trái đất). Tóm lại, hầu hết những lý thuyết được trình bày đều xuất phát từ những lý giải cho các bằng chứng, sự kiện, các tường thuật cá nhân, và đã đóng góp rất nhiều và rất thành thực vào cuộc hành trình đi tìm sự thực này.

Tuy nhiên, một tuần sau cái chết của JFK (như hầu hết độc giả đã biết) cuộc điều tra đầu tiên của chính phủ đã được tiến hành để tìm ra kẻ đã giết Kennedy. Nó được khởi sự bởi chính tổng thống kế nhiệm, Lyndon B. Johnson với Chỉ thị Hành pháp 11130, nhưng sau này được biết đến qua tên gọi Ủy ban Warren (97) [(Duffy, James P., và Ricci, Vincent L., Assassination of John F. Kennedy (Thunder's Mouth Press, 1992))]. Và như hầu hết độc giả biết, Ủy ban Warren hoá ra là một thứ vờ vĩnh, một con dấu chính thức của chính phủ đóng trên một lời dối trá khổng lồ. Sau cùng, báo cáo chính thức dày 26 tập của Ủy ban được coi như đã tức thời đưa lại cho dân Mỹ một câu trả lời về thủ phạm giết JFK (họ nói đó là Oswald, một tay súng đơn độc và không xuất phát từ một âm mưu nào cả) và lý do tại sao (vì thủ phạm là một tên điên ủng hộ Cuba) và còn nhúng tở cho dân chúng thấy rằng chính phủ Mỹ đã lắng nghe yêu cầu của dân chúng và, do đó, đã đáp ứng.

Thực ra, Ủy ban Warren và báo cáo của nó đã chẳng trả lời câu hỏi nào mà dân chúng Mỹ đã trông đợi. Thay vào đó, họ cố tình bỏ qua các bằng chứng khác với ý kiến của họ, từ chối triệu tập những nhân chứng quan trọng, và không thừa nhận sự biện hộ, lời chứng, tài liệu chứng cứ gửi đến bất cứ điều gì ngoài những điều mà Ủy ban muốn trình ra trước công chúng. Ủy ban Warren còn hơn cả một lời dối trá; nó không phải là một ủy ban tìm kiếm sự kiện, mà là một ủy ban thủ tiêu sự kiện với mục đích duy nhất là cố tình dẫn dắt dân chúng tin vào kịch bản thuận tiện nhất, và cũng là khó tin nhất. Lý do tại sao Ủy ban Warren làm như thế vẫn còn là đề tài khai thác cho những người nghiên cứu về vụ Kennedy, ở hiện tại và cả trong tương lai nữa. Tuy vậy điều tóm lại sau cùng là: có một đường dây nào đó của chính phủ đã quyết định rằng nhất thiết không được để cho người Mỹ biết được sự thực về chuyện tại sao vị tổng thống nổi tiếng nhất trong lịch sử Mỹ lại bị bắn chết trong một chuyến đi vận động tranh cử bình thường.

Tuy rằng một số những dự án điều tra có hình thành và mau chóng tắt ngúm, Tiểu ban Hạ viện về những vụ ám sát cũng đã được triệu tập vào năm 1976. Ở mặt ngoài Tiểu ban này được thành lập để tìm sự thật đằng sau cái chết của JFK, một đối cực với cái mà người ta đã gán cho Ủy ban Warren. Ủy ban Warren được thành lập để che giấu sự thật, trong khi tiểu ban Hạ viện này được giao trách nhiệm sửa sai tất cả những chuyện đó, và sau cùng tiến hành một cuộc điều tra trung thực và đáng tin cậy. Tiếc thay, kết quả sau cùng lại đáng ngờ. Tiểu ban khởi sự với sự rùm beng đầy tranh cãi đi tới rối loạn, tranh cãi, phản đối, và trò lợi dụng thời cơ mờ ám. Những cãi cọ cứ kéo dài quanh những vấn đề như kinh phí, nhiệm kỳ thành viên và cái nỗ

lực bị kết tội là sự cai thiệp bí mật của CIA. Báo chí không hưởng ứng lắm, và trong tình trạng rối loạn nội bộ đó, Tiểu ban đã trải qua ba đời chủ tịch và ba đời giám đốc và nhiều tháng trời bị lãng phí vô lối. Ba nămsau khi thành lập, tiểu ban đưa ra một báo cáo, và trong đó có một mặt tốt rõ rệt. Tiểu ban dám công bố những điều mà ủy ban Warren không dám. Nó công khai khẳng định ý kiến rằng vụ ám sát hầu như chắc chắn xuất phát từ một “âm mưu”, một điều mà các nhà nghiên cứu đã kêu gào ngay từ đầu. Báo cáo của Tiểu ban nói rõ rằng có bốn phát đạn được bắn vào Kennedy chứ không phải ba như uỷ ban Warren khẳng định, và nó ngụ ý tội phạm có tổ chức có thể là một phần trong âm mưu này(điều này uỷ ban Warren đã khéo léo né tránh), và ít nhất có một thành viên Tiểu ban đã thông báo ý kiến của ông ta rằng tối thiểu cũng có ba tay bắn tỉa đã nã đạn vào Kennedy(98) [(Duffy)].

Nhưng báo cáo này cũng có một mặt tệ rõ rệt. Nó không chịu thừa nhận cuộc xác minh các bằng chứng ảnh chụp ngay tại liên quan đến việc khám nghiệm tử thi JFK đã từng bị Robert Gordon phát hiện (một yếu tố quan trọng trong việc chứng minh hướng bắn của các phát đạn gây tử vong), và nó cũng không chịu xem xét tới đề nghị cho khai quật tử thi JFK để khám nghiệm lại(99) [(Grodin, Robert J., The Killing of a President (Viking Penguin, 1993))], một công việc mà nó chắc chắn sẽ chứng minh được vết đạn ở đầu JFK có phải được bắn từ sau tới hay không (tức là từ hướng Kho sách giáo khoa Texas) hoặc nó được bắn từ phía trước JFK (như từ Grassy Knoll chẳng hạn).

Mục đích của cuốn sách này không phải là tranh luận xem “phát đạn trúng đầu” ấy được bắn ra từ đâu. Có những bằng chứng không thể chối cãi, dựa trên những lời khai của nhân chứng, rằng có ít nhất một tay súng (và có thể là hai) đã nã đạn từ phía sau hàng rào bảo vệ của cơ sở Grassy Knoll hoặc gần gần chỗ đó. Nhiều cuốn sách về vấn đề này đã được xuất bản, một số viết rất tốt và chúng tôi muốn giới thiệu những sách này với bạn đọc (xem Thư mục) hơn là trích dẫn và diễn dịch lại những tài liệu này.

Sách này cũng không bàn về việc những phát đạn đã được bắn từ đâu, mà nó cũng không giới thiệu lại vô số những suy luận cặn kẽ đã được xuất bản về vai trò của Lee Harvey Oswald, về động cơ của CIA và quân đội Mỹ, những lưu dân Cuba đầy bất mãn, những Robert Wilfred Easetriling, Roscoe White, Frank Sturgis,... Rất nhiều sách đã mô tả về những giả thuyết này và những hàm ý trong đó rất thuyết phục. Điều khẳng định của chúng tôi là, những sách đó không thể hoàn toàn đúng, nhưng chúng cũng không thể hoàn toàn sai. Tất cả đã lần mò ngược lại, có thể bằng những bước chân đầm máu, tới một câu ngắn gọn mà tiểu ban Hạ viện về Những vụ ám sát đã in ra từ năm 1979:

“Tiểu ban, dựa trên cơ sở bằng chứng có sẵn, tin rằng Tổng thống John F. Kennedy đã bị giết hại do một âm mưu.”

Chúng tôi đồng ý với điều đó. Chúng tôi tin rằng đó là một âm mưu. Nhưng sau đây là những điều chúng tôi không tin.

Chúng tôi không tin rằng cái gọi là “Tập đoàn quân sự – công nghiệp” đã giết Kennedy bởi vì ông ta dự định rút quân đội, trang bị và sự hỗ trợ của Mỹ ra khỏi Việt Nam. (Chúng tôi không tin điều này, dựa trên tài liệu trước đây đã chứng tỏ rằng nó không đúng sự thực). Hơn nữa

chúng tôi không tin rằng Richard Nixon , Lyndon Johnson, Fidel Castro, hoặc Liên Xô đã ra lệnh ám sát Kennedy. Chúng tôi không tin rằng những tay trùm gốc đảo Corse như Lucien Sarti, Sauveur Pironti, hay Jorge Boccogini, như một giả thuyết hồi cuối thập niên 1980 đã nêu lên, đã có mặt ở đâu đó gần quảng trường Dealey, Dallas, vào ngày 22.11.1963 đó. Chúng tôi không tin rằng CIA đã cho giết Kennedy để trả thù cho vụ xâm nhập Vịnh Con Heo thất bại (Tại sao CIA lại muốn giết Kennedy vì một vụ xâm nhập được tổ chức quá tệ? CIA do Hội đồng an ninh quốc gia chỉ huy, và Hội đồng an ninh quốc gia này biết quá rõ rằng Kennedy đã có kế hoạch không chỉ tìm cách tiếp tục xâm nhập Cuba mà còn ít nhất sáu lần tổ chức ám sát Castro. Những sự kiện này đã được nêu rành rành trong hồ sơ mang số NSC F93-1588 [Xem phụ lục N]. Tài liệu đầy trọng lượng này chứng minh rằng CIA đã được thông tin đầy đủ về các dự tính ám sát Castro và tách Cuba ra khỏi chế độ cộng sản của Kennedy. Do đó các giả thuyết về âm mưu phổ biến xưa nay vốn nhất định rằng CIA đã giết Kennedy vì vụ Vịnh Con Heo đều hoàn toàn là vô lý).

Tuy nhiên, chúng tôi thực sự tin rằng một đồng yếu tố đáng kể – Mafia Mỹ – là có liên quan. Chúng tôi tin rằng đã có nhiều hơn ba phát đạn và chúng không xuất phát từ cùng một hướng, và khi nói thế, hiển nhiên chúng tôi tin rằng đã có vài ba tay súng dính vào việc này. Chúng tôi thậm chí không đáng giá thấp một đồng yếu tố khác – rằng có lẽ những thành viên “biến chất” trong chính phủ Mỹ – đã tiếp tay trong việc này.

Với chúng tôi, thực hợp lý luận khi nói rằng xác minh cận kề một trong những xạ thủ là cách tốt nhất để làm rõ lý do tại sao Kennedy bị giết.

Qua từng chương của sách này, chúng tôi sẽ trình bày cho độc giả rõ chúng tôi tin chắc một trong những xạ thủ đó là ai.

VỤ TRỰC XUẤT BÍ MẬT

Kẻ xấu trốn thoát khi không ai truy đuổi

- TỤC NGŨ-

Hãy tưởng tượng điều này:

Một kẻ bị tình nghi sát nhân và là một tay khủng bố người nước ngoài có tiếng lại đang được tự do và đi đây đó tùy nghi. Y đang tìm cách trốn khỏi lãnh thổ Mỹ. Chúng ta biết rằng tay khủng bố này trước đây đã được huấn luyện kỹ lưỡng trong quân đội một nước khác, và là thành viên của một tổ chức bán quân sự trá hình đã từng sát hại hàng chục, nếu không muốn nói là hàng trăm người và đã gây ra những vụ nổ bom nơi công cộng, tiến hành những chiến dịch tuyên truyền bài – Mỹ, tổ chức ám sát nhiều sĩ quan quân đội và cảnh sát, và đã là chính khách dân cử một cách hợp pháp.

Người này là ai? “Tay khủng bố” này là ai?

Chúng ta có thể ngờ rằng, theo những tí trên báo ngày nay, một người như thế có thể là thành viên của đủ thứ tổ chức khuynh hữu bán quân sự đang lan tràn hiện nay, vốn bị ám ảnh bởi cùng một loại tình cảm đã đẩy họ tới việc đánh bom toà nhà liên bang ở Oklahoma City chẳng hạn. Hoặc có thể là một ai đó có liên hệ với một giáo phái kiểu Gadhafi hay một bộ phận thân Saddam Hussein, hoặc gần đây hơn, có thể là một mật viên có liên hệ chặt với Osama bin Laden, kẻ bị nghi là đã hỗ trợ những vụ đánh bom vào toà đại sứ Mỹ ở Kenya và Tanzania đã làm chết hàng trăm người và làm bị thương hàng ngàn người khác.

Nhưng, không, tay khủng bố đang được bàn tới đây không liên quan gì đến những mặt trận nói trên.

Hắn ta là người Pháp.

Bây giờ, hãy tưởng tượng tiếp:

Tay khủng bố này, tay sát thủ lừng danh này, đã bị phát hiện bởi FBI và Sở Nhập cư và Nhập tịch Mỹ (INS), hai cơ quan của Bộ Tư Pháp Mỹ, và hai cơ quan này đã bắt giữ kẻ tình nghi ấy sau một cuộc săn lùng sâu rộng và phối hợp tốt. Tay khủng bố nguy hiểm này hiện đang được FBI và INS giữ tại một chỗ an toàn. Vấn đề thế là đã được giải quyết, đúng không?

Sai.

Tay khủng bố ấy chưa từng bị truy tố về bất cứ tội gì. Y chưa từng bị đem ra trước bất kỳ quan toà nào, mặc dù một nước đồng minh của chúng ta đã có lệnh truy nã y. Tay khủng bố ấy cũng không bị câu lưu, tổng giam, hoặc thậm chí là thẩm vấn một cách chính thức. Thay vì thế, y lập tức được chuyển đi và trực xuất êm thấm ra khỏi nước Mỹ mà không làm ai ngạc nhiên.

Bộ Tư Pháp Mỹ có lệ tạo ra cái gọi là lối thoát an toàn, hay bất kỳ danh xưng nào khác, cho những tay khủng bố quốc tế từ hồi nào vậy? Tại sao tay khủng bố này không bị ít nhất là câu

lưu để thẩm vấn, và tại sao cuộc thẩm vấn chính thức ấy không được ghi thành hồ sơ?

Những câu hỏi hay đấy, nhưng sau đây lại thêm một điều nữa cho bạn tưởng tượng.

Địa điểm tiến hành trục xuất là Dallas, Texas, và ngày tháng tiến hành là 24.11.1963, hai ngày sau vụ ám sát tổng thống John F. Kennedy.

Bạn tưởng tượng được một kịch bản như thế không?

Chẳng ai cần phải tưởng tượng chuyện đó... bởi vì nó hoàn toàn là sự thật. Và các tài liệu trong sách này chứng tỏ điều đó.

Thực ra, vụ trục xuất này và cái kẻ xấu xa nằm trong ruột vụ đó đã là đối tượng của nhiều cuộc điều tra đi điều tra lại của Bộ Tư Pháp trong hơn ba thập niên, những cuộc điều tra được giấu kín và cố tình không cho công chúng và toàn thế giới biết. Hơn nữa, không chi tiết nào của vụ trục xuất đáng ngờ này từng được báo cáo cho Ủy ban Warren.

Trước khi giải thích kỹ hơn, mời bạn đọc xem bản in lại đúng từng chữ của một tài liệu CIA mà cho đến gần đây vẫn được lưu trong văn khố của chính phủ Mỹ dưới nhãn phân loại MẬT. (Chúng tôi cho sắp chữ in lại tài liệu này để dễ đọc, bạn có thể thấy bản chụp tài liệu này trong phần Phụ lục)

MẬT

Vụ trục xuất Jean SOUETRE khỏi lãnh thổ Mỹ

CHƯƠNG TRÌNH CIA XÉT LẠI QUÁ KHỨ

CÔNG BỐ TRỌN VẸN NĂM 1955

Jean SOUETRE, còn gọi là Michel ROUX, còn gọi là Michel MERTZ – Ngày 5.3.1964, ông Papich khuyến cáo rằng người Pháp đã tìm tới Tuỳ viên Pháp lý tại Paris và đồng thời người của SCEDE đã truy hỏi văn phòng Cục ở New York City liên quan đến đối tượng tuyên bố rằng hắn ta đã bị trục xuất khỏi lãnh thổ Mỹ tại Fort Worth hoặc Dallas 48 giờ sau vụ ám sát[*]. Hắn ta đã ở tại Fort Worth buổi sáng 22 tháng 11 và tại Dallas vào buổi chiều đó. Người Pháp tin rằng hắn ta bị trục xuất sang Mexico hoặc Canada. Tháng 1 hắn ta đã nhận được thư của một nha sĩ tên là Alderson sống tại 5803 Birmingham, Houston, Texas. Đối tượng được xác định là giống với một đại úy đã đào ngũ khỏi Quân đội Pháp và là tay hoạt động quá khích trong OAS. Người Pháp rất quan tâm chuyện này vì De Gaule đã dự định viếng thăm Mexico. Họ muốn biết lý do trục xuất hắn ta khỏi đất Mỹ và hắn được trục xuất sang nơi nào. Hồ sơ của Văn phòng Cục không xác minh được điều gì và họ đang thẩm tra lại ở Texas và với INS. Họ muốn xác minh hồ sơ của chúng ta về chi tiết cho thấy cái gì có thể đã được chuyển sang cho người Pháp. Ông Papich được trao một bản sao hồ sơ CSCI – 3/655,742 đã được cung cấp cho Văn phòng Cục trước đó và hồ sơ CSDB – 3/655,207 cùng với ảnh chụp của đại úy SOUETRE. WE/3Public; CI/SIG; CI/OPS/Evans.

Số hồ sơ 632-796

MẬT

(Xem thêm phụ lục A)

Bây giờ ta hãy khảo sát kỹ hơn tài liệu này (để ngắn gọn, từ đây về sau chúng tôi gọi tắt tài liệu này là 632-796) và tóm lược ý nghĩa cũng như mối liên quan tổng thể của nó.

Trong câu, “...Ông Papich khuyến cáo rằng người Pháp đã tìm tới Tuỳ viên Pháp lý tại Paris,” rõ ràng từ “người Pháp” ở đây ám chỉ một cơ quan nào đó của chính phủ Pháp, còn “Tuỳ viên Pháp lý” là văn phòng Tuỳ viên Pháp lý thuộc Đại sứ quán Mỹ tại Pháp. Nó một cách đơn giản thì, khi Chính phủ nước A có điều cần hỏi Chính phủ B, cách thức đầu tiên và trực tiếp nhất là chính phủ A trao đổi bằng miệng hay văn bản về điều cần hỏi với Tuỳ viên Pháp lý tại toà đại sứ của nước B. Đó là điều đã xảy ra ở đây. Chính phủ Pháp hỏi người Mỹ, thông qua tuý viên pháp lý, về thông tin chung quanh một người có tên Jean Rene Souetre. Ta không rõ “Ông Papich” là ai, và điều này cũng không quan trọng (tuy nhiên có thể suy diễn rằng Papich có lẽ là nhân viên CIA hoạt động độc lập trong văn phòng Tuý viên Pháp lý, là một nhân viên giám sát, hay chỉ là một nhân viên thường giữ việc liên lạc cho đại sứ quán Mỹ). Nhưng 632-796 cũng nói rằng “người của SCEDE đã truy hỏi Văn phòng Cục {tức Cục điều tra Liên bang FBI} ở New York City.” Vậy là xuất hiện một cơ quan khác của Pháp, đó là SDECE, tức Service de Documentation Exterieur et Contre-Espionage (Cơ quan thu thập tình báo hải ngoại và phản gián). Đại khái đây là cơ quan của Pháp giống CIA ở Mỹ – đó là tổ chức tình báo quan trọng của Pháp thời đó (và cũng nhiều tai tiếng, chúng ta sẽ bàn sau về chuyện này). Dù thế nào thì những điều chúng ta đọc được trong 632-796 cũng cho thấy không chỉ Đại sứ quán Mỹ ở Paris được gạn hỏi về một người tên Souetre, mà ta còn thấy nhân viên SDECE cũng đã hỏi thăm về Souetre tại chi nhánh FBI tại New York City.

Thế tay Souetre này là ai?

Dựa trên thông tin ít ỏi từ 632-796, chúng ta chỉ biết được vài điều. Chúng ta biết rằng hẳn nhận được thư của một nha sĩ tên Alderson ở Texas vào tháng 1.1964 (điều này cũng cho thấy SDECE hay một cơ quan nào đó của Pháp đang lùng kiếm Souetre, nếu không, tại sao lại có chuyện giám sát thư từ của hắn?), và chúng ta cũng biết rằng hắn “được xác định là giống với một đại úy đã đào ngũ khỏi Quân đội Pháp và là tay hoạt động quá khích trong OAS.” (vì đây là tài liệu CIA, tại sao CIA lại nghi ngờ một điều như thế? Ta sẽ bàn thêm sau). Bây giờ chúng ta biết rằng Jean Rene Souetre là cựu sĩ quan quân đội Pháp đã đào ngũ và gia nhập một tổ chức quá khích có tên là OAS. Ở đây, trong một lượng dữ liệu có vẻ ít ỏi, tài liệu này đã nói với chúng ta rất nhiều về nhân vật bí ẩn có tên là Jean Rene Souetre. Với những độc giả trẻ tuổi ở cuối những năm 1990, và với những người không rành những tiểu tiết lịch sử, thì OAS (Organisation de l’Armee Secrete – Tổ chức quân đội bí mật) là một nhóm quá khích cánh hữu gồm những người đã đào ngũ khỏi quân đội Pháp để phản đối việc Tổng thống Charles DeGaulle đột ngột có chủ trương trả tự do cho Algeria, một thuộc địa của Pháp. OAS thực tế là một đạo quân ngầm, bởi vì trước khi các thành viên của nó chính thức đào ngũ thì trong lúc thịnh thời, họ đã tham gia vào vô số những hoạt động khủng bố và ám sát.

Có một từ then chốt: ám sát.

Và đây là ý nghĩa quan trọng của 632-796. OAS đã tham gia vào việc ám sát chính trị, và một trong những thành viên của nó, Jean Rene Souetre, đã bị cơ quan công quyền Mỹ bắt giữ trong vòng chưa đầy 48 giờ sau vụ ám sát có tầm quan trọng chấn động: vụ ám sát John F.Kennedy

Ta hãy đọc lại các dòng chữ trong tài liệu: “Hắn ta [Souetre] đã ở tại Fort Worth buổi sáng 22 tháng 11 và tại Dallas vào buổi chiều đó.”

Có ai khác đã ở Fort Worth vào sáng ngày 22 tháng 11 và ở Dallas vào buổi chiều đó? Câu trả lời cho câu hỏi này có thể vượt thời gian và được khắc ghi mãi mãi vào lịch sử.

Vào sáng hôm đó, tại Fort Worth, Kennedy đã đọc một diễn văn trước Hotel Texas. Vào buổi chiều, tại Dallas, ông đã bị bắn chết.

Và bây giờ chúng ta lại có một tài liệu của CIA khẳng định rằng một tay khủng bố đã có mặt ở Fort Worth cùng lúc với Kennedy, và cũng tay khủng bố đó đã có mặt ở Dallas khi Kennedy bị ám sát.

Dĩ nhiên nội điều này đã đủ chấn động rồi. Nhưng nó còn chấn động hơn khi chúng ta đọc toàn văn 632-796. Người Pháp có thông tin để chỉ ra rằng tay khủng bố Souetre này có liên quan đến đội quân ngầm cánh hữu, đã bị “trục xuất khỏi lãnh thổ Mỹ tại Fort Worth hoặc Dallas 48 giờ sau vụ ám sát”.

Mớ hệ quả rối rắm này thật tai hại. Điều chúng ta vừa đọc được chính là sự xác nhận rằng Souetre đã bị bắt và rồi “trục xuất” khỏi đất Mỹ. Lý do khiến người Pháp quan tâm được nói rõ là: “Người Pháp rất quan tâm chuyện này vì DeGaulle đã dự định viếng thăm Mexico. Họ muốn biết lý do trục xuất hắn ta khỏi đất Mỹ và hắn được trục xuất sang nơi nào”. Chúng tôi sẽ giải thích tỉ mỉ về lịch sử và ý nghĩa của OAS sau, nhưng điều cần hiểu ngay tại đây là, OAS xem DeGaulle là kẻ thù hàng đầu của họ; thực vậy, họ đã nhiều lần mưu sát DeGaulle. Thông thường, những người bị Mỹ trục xuất thường bị tống qua Mexico hoặc Canada, và DeGaulle dự định viếng thăm Mexico vào mùa hè 1964. Do đó, chúng ta dễ dàng hiểu tại sao người Pháp phải cảnh giác. Bằng cách nào đó, họ được biết rằng Souetre đã bị trục xuất, và nếu hắn ta thực sự đã bị trục xuất sang Mexico thì người Pháp cần phải biết trước. Họ cần phải biết liệu một sát thủ OAS có thể có mặt ngay tại quốc gia mà DeGaulle dự định thăm viếng trong vài tháng tới không

Những ưu tư của người Pháp thì quá rõ ràng; họ muốn xác định xem chuyến viếng thăm Mexico của DeGaulle có là chuyện mạo hiểm về an ninh không; một cơ hội béo bở cho một cuộc mưu sát khác của OAS.

Nhưng còn những ưu tư của chúng ta là gì ?

Tài liệu 632-796 không chỉ cho ta biết Souetre đã bị trục xuất khỏi Texas ngay sau vụ ám sát JFK – một tình huống không hiểu nổi ngay từ đầu – mà còn cho ta biết rằng, xét theo mục đích thăm dò của người Pháp, chính một cơ quan công quyền nào đó của Mỹ đã trục xuất Souetre. Nó có thể là cơ quan nào khác đây? Chẳng lẽ Hội Phụ huynh học sinh Dallas sao? Mọi vụ trục xuất ở Mỹ đều được tiến hành bởi một cơ quan trực thuộc Bộ Tư pháp, đó là INS.

Tại sao một cơ quan của Bộ Tư pháp Mỹ lại trục xuất một tay khủng bố có hạng? Người ta có thể tin rằng Souetre hẳn đã bị bắt giữ, cầm tù, hoặc ít nhất cũng bị gửi về Pháp nơi mà ngành tư pháp ở đó rõ ràng đã xem hắn như một kẻ thù của quốc gia. Nhưng đã không xảy ra chuyện nào như thế. Thực vậy, chẳng có bằng chứng nào cho thấy Souetre đã bị thẩm vấn về sự có mặt của hắn ở Dallas sau vụ ám sát JFK cả.

Không hề có, thay vào đó, Souetre đã được hộ tống và đưa ra khỏi nước Mỹ một cách mau lẹ và êm thấm. Hắn ta bị trục xuất trong vòng hoàn toàn bí mật, và chúng tôi đưa ra kết luận này dựa vào những dữ kiện hiển nhiên. Vụ trục xuất ấy chẳng bao giờ được báo cáo cho Ủy ban Warren vốn được chính thức thành lập chỉ năm ngày sau biến cố ấy. Và vào tháng 4.1964 – ngày tháng của tài liệu 632-796 – cuộc điều tra về vụ ám sát Kennedy của Ủy ban Warren đã ở giai đoạn sôi động nhất. Vậy mà không một ai trong CIA, FBI, INS hoặc văn phòng Tuỳ viên Pháp lý báo cáo về sự tồn tại của tài liệu quan trọng này cho Ủy ban Warren hoặc cho công chúng biết.

Sự thật đã bị giấu khỏi tai mắt của chúng ta... bởi những phần tử nằm trong chính quyền của chúng ta. Chính quyền của chúng ta đã cố tình bưng bít điều này mãi mãi.

Đó là một sự thật đầy chấn động, nhưng vẫn là sự thực. Tuy nhiên, lịch sử của tài liệu này, có từ 20 năm về trước, và lịch sử này được trình bày sơ lược trong cuốn *Reasonable Doubt* (“Mỗi nghi ngờ hợp lý”) của Henry Hurt(100) [(Hurt, Henry, *Reasonable Doubt* (New York; Holt, Rinehart, and Winston, 1986))]. Sự tồn tại của 632-796 ban đầu bị khám phá gần như tình cờ bởi Merry Ferrell, nhà nghiên cứu ám sát ở Texas. Ferrell nổi tiếng trên thế giới nhờ khả năng nghiên cứu của bà (Ferrell chính là người đã cung cấp cuộn băng ghi âm của Sở Cảnh sát Dallas cho Tiểu ban Hạ viện về Những vụ ám sát. Những nội dung trong cuộn băng đã cho ta bằng chứng âm học rất quan trọng: những âm thanh thực sự của những phát súng đã bắn vào Kennedy(101). [(Benson, Michael, *Who’s Who in the JFK Assassination* (Citadel Press, 1993))]

Năm 1977, Ferrell thu thập được hàng ngàn tài liệu CIA đã giải mật bằng cách khai thác Đạo luật Tự do thông tin, đó quả là một kho tài liệu quý – hoặc như bà đã nghĩ vậy. Giống như đa số những tài liệu CIA được giải mật, hầu hết tài liệu trong gói này đọc không rõ – vô số bản chụp những tờ giấy than cũ, hoặc những tài liệu “đã bị biên tập” bởi nhân viên giải mật. (Nói cách khác, tài liệu ấy được sao chụp, rồi một số câu trong bản sao chụp ấy bị bôi đen bằng bút Magic Marker. Nhưng Ferrell không nản chí; dù sao, bà vẫn là chuyên gia khảo sát tài liệu và bà biết một số phương pháp trong nghề. Với kính lúp cực tốt và đèn rọi ngược vào mặt lưng tài liệu, bà đã có thể đọc ra văn bản 632-796 đủ để phơi bày ý nghĩa thực của nó(102) [(Hurt)]. Nhờ đó cái tên Souetre đã đến tai giới nghiên cứu JFK. Ngay từ 1980 đã có người trích dẫn tham khảo tài liệu đã giải mật và giải mã này, đó là Anthony Summer với tác phẩm *Conspiracy* (“Âm mưu”)(103) [(Summer, Anthony, *Conspiracy* (McGraw-Hill, 1980))]

vốn được nhiều nhà phê bình xem như kẻ tiền hô cho các giả thuyết phổ biến nhất hiện nay về vụ ám sát này.

Tuy rằng việc giải mã tài liệu 632-796 rất cực nhọc của bà Ferrell có thể đã bỏ sót vài dòng vài chữ (xem Phụ lục A để thấy bản chụp tài liệu gốc chưa bị biên tập), nhưng nó cũng tiết lộ đủ cho chúng ta biết rằng một tay ám sát người Pháp đã được cơ quan công quyền Mỹ trục xuất khỏi Texas trong vòng 48 giờ sau khi JFK bị ám sát! Phát hiện này chỉ có thể diễn tả được bằng

chữ khổng lồ trong lĩnh vực nghiên cứu về vụ ám sát, và chắc ai cũng nghĩ rằng tất cả những nhà nghiên cứu về JFK sẽ nhảy bổ vào sự kiện này, khảo sát nó đến mọi mức độ mà con người có thể với tới, và rồi đưa tầm quan trọng chấn động của nó vào công trình của họ.

Nhưng điều đó đã không xảy ra.

Thực vậy, điều đó cực kỳ choáng váng đối với chúng ta. Nói thực, chúng tôi chưa đọc hết hàng trăm cuốn sách đã viết về vụ ám sát JFK nhưng chúng tôi đã đọc phần lớn trong đó, và không cuốn nào chú ý lắm tới sự tồn tại của 632-796 và nhân vật Jean Rene Souetre. Thực vậy, những tác giả lớn trong lĩnh vực này hình như đã gạt hẳn sự kiện này ra ngoài, hoặc nếu như họ có nhắc tới thì cũng xem như một ý tưởng muộn màng không liên quan lắm. Chẳng hạn, tác phẩm 640 trang của Summers chỉ nhắc tới vụ trục xuất Souetre và 632-796 trong một cước chú ngắn(104) [(Summer)]. Cuốn Reasonable Doubt của Henry Hurt có chưa tới 6 trang cho dữ kiện này, và tác giả không hề sử dụng tới nó trong giả thiết của mình trong 555 trang còn lại. Về những tác phẩm gần đây hơn, chúng tôi thấy trong Plausible Denial (“Lời phủ nhận đáng tin”) của Mark Lane, The Killing of a President (“Vụ giết một tổng thống”) của Robert Gordon và JFK của Đại tá Prouty không có gì đáng kể về 632-796; và trong phim JFK của Oliver Stone dựa theo sách của Prouty cũng không thấy nói gì tới những tiết lộ của 632-796. Trong tác phẩm xuất sắc The Search for Lee Harvey Oswald (“Cuộc truy tìm Lee Harvey Oswald”) của Groden, tác giả có đưa hai ảnh chụp và một câu về Souetre ở trang cuối của cuốn sách nhưng tuyệt không nói gì về tầm quan trọng của thông tin này.

Thật kỳ lạ. Rõ ràng là rất nhiều tác giả đã kiếm được nhiều triệu đô la bằng việc viết sách về vụ ám sát JFK, và cũng rõ ràng rằng rất nhiều nhà phê bình đã phê phán rằng nhiều tác giả trong cái gọi là “cộng đồng nghiên cứu JFK” đã bỏ hai chục năm qua để dựng nên những giả thiết của họ, và bỏ qua những giả thiết của người khác chỉ vì muốn duy trì sự nghiệp béo bở của mình. Chúng tôi không muốn đưa ra điều gì đại loại như vậy (chúng tôi thích tất cả những sách đó, và chúng tôi thấy những giả thiết của họ là những bộ phận quan trọng của đại kỳ án này). Còn bây giờ, đầu thiên niên kỷ mới, vụ ám sát Kennedy đã trở thành một đề tài bất tử, một cuộc trao đổi các ý nghĩ, ý kiến và cách diễn đạt, và chúng tôi chào đón sự minh chứng cho tự do ngôn luận này của chúng ta. Hơn nữa, chúng tôi rất phấn khởi trước sự đóng góp thêm thông tin mới của bất kỳ tác giả nào vào vụ kỳ án nhức nhối này.

Tuy nhiên, một cách đáng tiếc, hình như chẳng có điều gì thực sự mới mẻ về đề tài này được viết ra trong thời gian gần đây. Thay vào đó hình như lại có hàng chục hàng chục cuốn sách xuất bản trong mấy thập niên qua chỉ nói đi nói lại một chuyện, có điều bằng những lời lẽ khác nhau. Tác giả này sử dụng những công trình khác để chế biến giả thuyết căn bản thành một cái gì đó có thể gọi là giả thiết của mình. Nhưng với 632-796 – và cả dòng thông tin theo sau đó về nhân vật Souetre – một điều rất mới mẻ đã được tiêm vào cuộc nghiên cứu ở đề tài này, vậy mà có vẻ như nó đã bị bác bỏ.

Câu hỏi hiển nhiên nhất mà tất cả chúng ta có thể nêu lên là : Tại sao?

Một cách trả lời có thể là: các chuyên gia trong lĩnh vực này cảm thấy rằng 632-796 và những nội dung của nó thì chẳng có gì đặc biệt quan trọng. Câu trả lời của chúng tôi là: Làm

sao mà chuyện một tay ám sát người ngoại quốc bị trục xuất bí mật ra khỏi Dallas hai ngày sau khi JFK chết lại Không quan trọng?!!!

Hoặc còn điều này thì sao? Có lẽ các chuyên gia đó đã không muốn tượng ra tầm quan trọng trọn vẹn của 632-796. Có lẽ họ không tin “Souetre” lại có thể dính dáng vào vụ ám sát JFK bởi vì họ không tìm ra những mối liên hệ đáng tin tưởng nào để đề xuất những cách lý giải khác.

Nhưng chúng tôi đã khám phá ra những mối dây liên hệ đó, và bây giờ chúng tôi sẽ phơi bày chúng ra.

TỔ CHỨC CỦA ĐỘI QUÂN NGẦM

“Những trò tàn bạo của OAS đã mau chóng phát triển thành những vụ ám sát các viên chức cao cấp trong chính quyền...”

- DOUGLAS PORCH

The French Secret Services(105) [(Porch, Douglas, The French Secret Services (Farrar, Strauss and Giroux, 1995))]

Để hiểu hết tầm quan trọng trong việc xuất hiện một thành viên OAS tại Dallas trong ngày Kennedy bị ám sát, đầu tiên chúng ta phải hiểu rõ OAS, không những trong những mối liên hệ của nó với tình hình thế giới đầu thập niên 1960, mà còn trong mối liên hệ với Tổng thống Mỹ trong cùng thời kỳ đó. Hiểu được điều này, chúng ta phải xem lại chút đỉnh lịch sử Pháp thế kỷ 20

Khi Charles DeGaulle và nền Đế ngũ Cộng hoà của ông ta lên nắm quyền ở Pháp năm 1958, hai vấn đề khủng hoảng đã chờ đợi ông ta: lạm phát phi mã và chiến tranh Algeria. Đây là một cái vòng luẩn quẩn khi chiến tranh chính là nguyên nhân trực tiếp của lạm phát. DeGaulle đối phó khá tốt với lạm phát bằng cách thi hành một loạt những điều chỉnh kinh tế cũng như kêu gọi dân chúng thắt lưng buộc bụng hơn. Các kế hoạch này có hiệu quả, và thậm chí được lòng dân, nhưng vẫn còn đó mối xung đột cay đắng ở Algeria, một quốc gia Bắc Phi từ lâu đã là bộ phận của Liên hiệp Pháp – hay cụ thể hơn, đó là một nạn nhân của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Chiến tranh đã nổ ra từ 1954, khiến Pháp phải phái nửa triệu quân sang để giữ đất nước này trong vòng chế độ được gọi là bảo hộ của mình. Nhưng cho dù sau cùng nước Pháp không còn tin chắc vào những sự nghiệp đế quốc của mình nữa, vì dù sao họ đã bị Hồ Chí Minh đánh bại tại Việt Nam với bao thiệt hại nhân mạng và uy thế, và bây giờ chuyện tương tự có vẻ sắp xảy ra ở Algeria. Nhưng về phương diện quốc gia thì chuyện ở đây có khác đi một chút. Chính phủ Pháp trước đây, nền Đế tứ Cộng hoà yếu ớt, đã trả độc lập trọn vẹn cho Morocco và Tunisia (hai nước bảo hộ khác của Pháp), nhưng quân đội Pháp ngày càng bất mãn đến độ Pháp đang rơi dần vào một cuộc nội chiến; nhưng khi DeGaulle lên làm tổng thống năm 1958, ông ta đã mở ra viễn tượng tốt đẹp khi cam kết giữ vững Algeria (và những mỏ dầu mới phát hiện ở nước này) trong vòng kiểm soát của Pháp. Điều này trấn an quân đội Pháp, nhưng rồi DeGaulle cảm nhận được những áp lực quốc tế. Ở cuối thập niên 1950, “chủ nghĩa đế quốc” là một khái niệm tồi tệ, và ngày càng nhiều xu thế nhạy cảm trên toàn cầu ủng hộ khái niệm rằng mọi quốc gia phải có quyền tự trị. Có lẽ như để đáp ứng, năm 1960 DeGaulle trao độc lập trọn vẹn cho một lãnh thổ bảo hộ khác – Congo thuộc Pháp – nhưng Algeria vẫn là một điểm nóng. Bây giờ DeGaulle ở cảnh tấn thoái lưỡng nan. Một mặt ông ta bị áp lực quốc tế phải trả tự do cho Algeria, nhưng mặt khác ông phải đối mặt với quân đội mà trước đây ông đã hứa hẹn rằng Algeria sẽ tiếp tục nằm trong vòng kiểm soát của Pháp. Tuy nhiên, áp lực mạnh hơn sau đó đòi tự do cho Algeria lại xuất phát không từ ai khác mà chính là từ Tổng thống John Kennedy.

Chậm rãi nhưng chắc chắn, DeGaulle xử lý tình thế của mình, đầu tiên là đề nghị nói lỏng kiểm soát của Pháp ở Algeria, rồi đề nghị hoà đàm, và gợi ý một nền độc lập “cục bộ”. Trong

khi đó chiến tranh cứ tiếp diễn (10.000 lính Pháp đã chết trong cuộc chiến) và các phần tử bản xứ khởi nghĩa hẳn đã chẳng thêm lý tới nền độc lập “cục bộ” của DeGaulle. Với họ, tự do “cục bộ” nghĩa là áp bức “cục bộ”, và họ đã quá ngán điều này. Đó là chưa kể tới công luận Pháp một khi những thống kê thương vong được công bố, dân Pháp bắt đầu ủng hộ việc triệt thoái. (Họ cũng không chịu nổi cảnh thấy con cái mình trở về trong những quan tài, y như dân Mỹ vào cuối thập niên 1960).

Tình thế chẳng cho DeGaulle lựa chọn gì khác ngoài việc tiến tới đề nghị trả độc lập hoàn toàn cho Algeria, và một khi quân đội Pháp biết được tin này, họ xem đó là giọt nước cuối cùng làm tràn ly. Ban đầu chính sự ủng hộ của quân đội đã đem DeGaulle lên chức tổng thống, rồi bây giờ họ cảm thấy mình bị ông ta đâm sau lưng.

Từ đó dẫn tới việc thành lập OAS – Đội quân ngầm – dẫn đầu bởi những cựu binh trong chiến tranh Algeria và Tướng Raoul Salan rất được lòng quân đội. Salan đã khuyến khích các quân nhân bất mãn tham gia chống lại sự phản bội của DeGaulle. Họ là những người quốc gia cánh hữu cực đoan, và quan điểm của họ là họ đã chiến đấu và chết ở Algeria từ 1954, và nếu DeGaulle rút khỏi Algeria, thì 10.000 lính Pháp chết ở đó là đã hy sinh mạng sống vô ích. Hơn nữa, OAS tin rằng Pháp chỉ tự làm suy yếu chính mình khi trả tự do cho các lãnh thổ bảo hộ. Họ đã mất Đông Dương, Morocco, Tunisia và Congo, và bây giờ họ sắp mất nốt lãnh thổ hải ngoại cuối cùng.

Kế hoạch của Salan là chọn một lập trường quân sự mạnh chống lại chính phủ DeGaulle, và ông ta hy vọng rằng toàn quân đội – cả ở Algeria lẫn ở Pháp – sẽ ngã theo lập trường của ông ta và sau đó lật đổ DeGaulle.

Tháng 4.1961, OAS bắt đầu hành động. Salan và đội quân ngầm tiến hành đảo chính và nắm quyền kiểm soát thủ đô Algeria là Algiers. Nhưng điều Salan kỳ vọng nhất – sự ủng hộ trọn vẹn của quân đội Pháp – đã không hề xảy ra. Lực lượng DeGaulle phản công và chiếm lại được Algiers. Salan và đồng sự phải bỏ trốn.

Nhưng cuộc xung đột không hề chấm dứt.

Cuộc đảo chính thất bại nhưng Salan, một bậc thầy chiến thuật từng trải qua ba cuộc chiến, vẫn kiên trì tiếp tục những nỗ lực chống lại vị tổng thống ngày xưa ông ta từng ủng hộ mà nay lại rất căm thù. Năm kế tiếp, OAS tiến hành một cuộc chiến tranh khủng bố nhắm vào các lực lượng trung thành với DeGaulle, quân khởi nghĩa Algeria và những phe cộng tác với người Algeria nói chung. Chiến dịch khủng bố tỏ ra rất hiệu quả, và khảo sát vấn đề này là điều rất quan trọng. Quân của Salan là những kẻ cực kỳ bảo thủ, những người sống sót trong cuộc chiến Algeria, nhiều người trong bọn họ đã chiến đấu trên mảnh đất này trong nhiều năm. Họ là những người được huấn luyện tốt nhất, những người dày dạn chiến trận nhất, những người quen thuộc nhất với lãnh thổ và văn hoá Algeria và là những người gắn bó nhất với quyền lợi của Pháp tại đây. Rất nhiều những người lính trẻ ban đầu tới Algeria để chiến đấu vì tổng thống đã mau chóng rời doanh trại để về nước trong những túi nhựa đựng xác. Họ là miếng mồi ngon dễ bị thu hút vì kỹ năng tiêu diệt đối phương rất tinh xảo của OAS. Cảnh hỗn mang xảy ra sau đó cũng nhanh chóng; OAS hình như có khả năng huỷ diệt và tàn sát một cách hoàn

hảo. Họ đánh bom các toà nhà, đánh cắp vũ khí và quân dụng, cướp ngân hàng để gây quỹ hoạt động, và với những tay bắn tỉa thiện xạ, họ có thể ám sát các quan chức bất cứ lúc nào. Thậm chí họ còn có những chuyên gia chống khởi loạn, một đơn vị chiến tranh tâm lý, và một mạng lưới tình báo riêng rất hữu hiệu với nhiều cảm tình viên trên đất Pháp. Chẳng bao lâu sau họ đã có thể tiến hành chiến dịch khủng bố ngay tại Paris.

Với OAS, DeGaulle rơi vào vị trí yếu thế nhất trong sự nghiệp chính trị của mình. Chuyện đảo chính quân sự trên qui mô toàn quốc có vẻ như sẽ xảy ra trong nay mai. Trong khi đó, dân Pháp cảm thấy hoang mang và lo sợ. Làm sao mà vị tổng thống cựu anh hùng thời chiến này lại trở nên yếu thế như vậy trước một nhóm người mà báo chí gọi là bọn ngoài vòng pháp luật? Tồi tệ hơn, OAS còn bắt đầu thành công trong việc xâm nhập vào quân đội tại chính quốc với lời hô hào lật đổ ông tổng thống phản bội đã nói dối với dân chúng và làm nhục nước Pháp.

Và rồi, Salan cùng những tay khủng bố của mình bắt đầu theo đuổi những hành động liều lĩnh nhất.

Họ bắt đầu với những kế hoạch ám sát DeGaulle(106) [(Tóm lược về cuộc xung đột Algeria và sự hình thành và sự hoạt động của OAS, xem Encyclopaedia Britannica, Salan, Raoul (Albin-Louis); Porch)]

SDECE

“SDECE đã từng ngày làm cho FBI của Hoover
trông giống như một nhân viên trường mẫu giáo chuyên giúp trẻ băng qua đường”

NHÂN VIÊN TÌNH BÁO VÔ DANH(107) [(Becket, Henry S.A.,The Dictionary of Espionage (Stein
and Day, 1986))]

Thực sự, OAS đã nhiều lần mưu sát DeGaulle, và một số vụ được coi như suýt thành công. Một số vụ thì báo chí Pháp biết được, một số khác thì không – DeGaulle, dĩ nhiên là không thích báo chí đưa tin vì ông ta rất quan tâm chuyện cho dân chúng thấy ông ta là người bình thản; ý nghĩ về việc những cựu thành viên trong quân đội của ông đang tìm cách giết ông không phải là dấu hiệu của một tổng thống đang kiểm soát được tình hình. Nhưng cuộc khủng hoảng đã ngày càng nghiêm trọng, và DeGaulle biết rằng ông ta phải tìm ra một giải pháp mau lẹ và hữu hiệu nếu ông ta muốn giữ được mạng sống và chính phủ của mình. Ông ta từ lâu đã coi thường các hoạt động của các cơ quan tình báo, của chính ông ta cũng như của các nước khác trên thế giới(108) [(Porch)]. Nhưng với việc OAS đe dọa phá tan nền Đế quốc Cộng hoà, ngay cả sau những vụ phản công dồn dập – mà tất cả đều thất bại ố vị tổng thống cao lớn ấy đành phải nhờ đến cái tổ chức giống CIA của mình.

SDECE, Mật vụ Pháp

SDECE, được phát âm như chữ “steck”, có trách nhiệm trong lãnh vực an ninh và tình báo quốc nội, tình báo hải ngoại, và phản gián. Trong số các cơ quan tình báo, SDECE bị tai tiếng là tàn bạo và những cách tiến hành công việc rất phi nhân (Trong những ngày đầu của vấn đề Algeria, SDECE giả vờ ủng hộ thủ lĩnh phong trào quốc gia Algeria là Muhammad Ben Bella và hứa đưa ông này an toàn trở về Algeria. Khi máy bay lên độ cao khoảng 6.000 mét, họ đã tống ông ta ra khỏi máy bay)(109) [(Becket)]. SDECE cũng nổi tiếng là bậc thầy trong nghề tra tấn, và một số những tay tiền nhiệm ở đây cũng là những kẻ đã huấn luyện lực lượng cảnh sát chìm của Ngô Đình Nhu về nghệ thuật dã man này. Nên khi chính phủ DeGaulle đứng bên bờ sụp đổ, SDECE được trao toàn quyền hành động để ngăn chặn OAS. Có hai người đi đầu trong nỗ lực này: Jacques Foccart, Bộ trưởng Phi châu vụ của Pháp; và Roger Fret, Bộ trưởng nội vụ (trong khi CIA nằm dưới sự chỉ đạo của Hội đồng an ninh quốc gia, thì SDECE là một bộ phận của Bộ Nội vụ Pháp). DeGaulle chỉ đạo cho Frey và Foccart giải quyết nhanh gọn vấn đề OAS. Ông không định cho họ những khuôn khổ giới hạn, cũng không bảo họ phải làm như thế nào. Ông chỉ ra lệnh hãy làm việc đó cho xong. Bằng bất cứ giá nào(110). [(Newsday, Staff and Editors, The Heroin Trail (Holt, Rinehart and Winston, 1973,1974))]

Frey và Foccart tự vạch ra công việc cho mình rồi cho những người khác, vì công việc không giống bất cứ công việc nào họ đã làm trước đây. Đây là một đạo quân ngầm gồm những người lính Pháp được huấn luyện cực tốt mà họ phải đánh bại, và công việc lại càng khó khăn hơn vì OAS đã am tường các chiến thuật khủng bố và kỹ thuật chiến tranh du kích. Nói cách khác, đây không phải một lực lượng mà quân đội chính qui Pháp có thể đối mặt trên trận địa. Đến mùa thu 1961, các đơn vị lực lượng đặc biệt của OAS đã giành thắng lợi lớn trước các đơn vị cảnh

sát ở Algeria, và danh sách lính tử trận cứ dài ra. Thêm vào đó là những thành công của những tay OAS bắn tỉa, họ không chỉ thanh toán các quan chức chính quyền ở Algeria bất cứ lúc nào họ muốn, mà còn ám sát cả thị trưởng Evian ngay tại Pháp, nơi hai bên đang tiến hành hoà đàm(111) [(Porch)]. Chính trong giai đoạn này mà OAS bành trướng mạnh nhất, và với những thắng lợi trên trận địa, họ bắt đầu thu hút thêm nhiều cảm tình viên đối với mục đích đấu tranh của họ: các thành viên trong chính phủ Pháp, quân nhân và ngay cả nhân viên SDECE, điều này khiến công việc của Frey và Foccart trở nên khó khăn gấp ba. Tuy về khách quan thì OAS có thể được coi như một tổ chức gồm những quân nhân bất tuân thượng lệnh, nhưng vẫn có nhiều quân nhân và viên chức xem họ như những anh hùng và vẫn ủng hộ sự nghiệp của họ, và hơn nữa, thật dễ hiểu khi một số quân nhân và nhân viên tình báo không muốn làm gì chống lại những đồng bào của mình.

Bây giờ đến lượt Frey và Foccart bị kẹt giữa hai làn đạn cùng với ông tổng thống của họ. Không thể tin tưởng những nhân viên tình báo của chính mình, họ bắt đầu tuyển mộ những người mà họ có thể tin tưởng được, những con người mà SDECE đã có những quan hệ rất kín đáo và đáng tin cậy từ hồi kết thúc Thế chiến 2.

Đó là dân giang hồ.

Giới giang hồ Marseilles và đảo Corse là một kiểu Mafia ở Pháp, và cần ghi nhận rằng nhiều cơ quan tình báo phương Tây đã có quan hệ cộng tác với thế giới ngầm của bọn tội phạm khi Thế chiến 2 đi vào giai đoạn kết thúc. Thực vậy, Mỹ đã có những quan hệ không thể chối cãi được với Mafia ngay từ trước giai đoạn đó; năm 1942-43, Tình báo Hải quân Mỹ đã có những thoả thuận với trùm ma tuý Meyer Lansky và đồng sự rất thế lực của y là Lucky Luciano. Theo các thoả thuận, bọn mafia đã quét sạch những mật viên và chuyên viên phá hoại của địch quân ra khỏi cảng New York nơi mà nạn phá hoại đã trở thành vấn đề nhức nhối. Một năm sau, theo lệnh của Luciano, dân giang hồ Sicily đã thu thập những tin tức tình báo quan trọng – và thậm chí còn làm công việc giao liên chiến dịch – điều đó giúp cho cuộc xâm nhập Sicily của Đồng minh được mau chóng hơn. Để đáp lễ cho sự trợ giúp quý giá này, quân đội Mỹ sau đó đã chấm dứt hạn tù cho Luciano và cho phép y trở về quê nhà. Việc phóng thích này cho phép Luciano cùng các đồng bọn như Lansky xây dựng được nền tảng cho hoạt động buôn bán ma tuý quốc tế (112) [(McCoy)].

Việc thoả thuận ngầm tương tự giữa các giới chức chính quyền và dân giang hồ đã diễn ra tại Marseilles. Nằm bên bờ Địa Trung Hải ở miền nam nước Pháp, Marseilles là hải cảng quan trọng nhất của Pháp, và điều này khiến nó sau cùng trở thành trung tâm sản xuất bạch phiến mạnh nhất. Ngay sau Thế chiến 2, những mối nguy về cuộc khởi nghĩa cộng sản bắt đầu xuất hiện ở Marseilles, SDECE xem điều này như ưu tư hàng đầu. Nhưng không như đảng Quốc xã Đức, kẻ thù mới này không có thứ đồng phục nào khác hơn thứ y phục bình thường của người lao động. Nên SDECE học theo cách của Tình báo Hải quân Mỹ và bắt đầu tìm cách thương lượng với giới giang hồ trong thế giới ngầm. Dân anh chị giang hồ tỏ ra là những mật báo viên hữu hiệu và đáp ứng nhanh, SDECE đã có thể trấn áp được những phần tử cộng sản chuyên gây rối.

Vấn đề đã được giải quyết... nhưng chẳng ai làm việc mà không đòi thù lao.

Để đổi lấy thông tin quý giá về các hoạt động cộng sản, SDECE đồng ý “làm ngo” trước những âm mưu tội phạm của giới giang hồ. Điều này lý giải tại sao những lò chế biến bạch phiến quy mô của Marseilles vẫn hoạt động bình thường trong suốt 20 năm mà không có sự can thiệp nào của cơ quan công quyền(113). [(McCoy, (ở trang 60-61, McCoy dẫn rằng vài năm sau đó, 1947, không chỉ SDECE dính líu với phần tử tội phạm có tổ chức của Marseille. Mà CIA “đã trực tiếp giao thiệp với các thủ lĩnh tập đoàn Corse thông qua anh em Guerini. Các đặc viên CIA cung cấp vũ khí và tiền bạc cho dân giang hồ Corse để tấn công hàng rào bãi công của đảng viên cộng sản...” McCoy có lẽ là chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực này; các độc giả có quan tâm nhất thiết phải đọc tác phẩm của ông))]

Và nếu như SDECE không gặp đủ thứ rắc rối trong thập niên sau đó với Việt Nam, Tunisia, Morocco và Congo thuộc Pháp, thì chắc mệnh lệnh tiêu diệt OAS do DeGaulle đưa ra hẳn đã là nhiệm vụ gay go nhất của họ. Giải pháp khả thi nhất cho Frey và Foccart là cho phép SDECE tiếp tục tìm tới sự giúp đỡ của thế giới ngầm. Có lẽ điều này là khó hiểu đối với người Mỹ ngày nay, nhưng nếu bạn đặt mình vào vị trí nước Pháp thì sẽ thấy dễ hiểu hơn. Cuộc xung đột vũ trang đáng kể cuối cùng tại Mỹ là cuộc nội chiến cách nay cũng hơn 130 năm, nhưng nước Pháp là một câu chuyện khác. Người Pháp đã nếm mùi khởi loạn vũ trang suốt trong lịch sử của họ, và với chuyện OAS gây rối trong đầu thập niên 1960, nước Pháp thấy có một cuộc nội chiến khác đang gần kề. Những thời điểm tuyệt vọng dẫn tới những hành động tuyệt vọng, và đó là lý do tại sao Frey, Foccart và SDECE đi tìm sự giúp đỡ của tập đoàn tội phạm Marseilles: tiếp tay cứu nguy đất nước(114). [(The Heroin Trail)]

Như đã đề cập trước, nhiều thành viên SDECE đã có cảm tình với sự nghiệp của OAS. Frey và Foccart không thể tin cậy những nhân viên hành động của mình, và việc tách bạch những cảm tình viên OAS ra khỏi những nhân viên SDECE trung thành có lẽ gần như không thể được trong khuôn khổ thời hạn DeGaulle cho phép. Không có con đường nào khác, Frey và Foccart đã tuyển mộ lực lượng thanh trừng của họ từ hàng ngũ anh chị giang hồ Marseilles.

Những tay giang hồ này được đưa vào một đơn vị bán quân sự được gọi là SAC (Service d'Action Civique – Vụ hành động công dân – một loại đơn vị chiến thuật trá hình); nhưng dân trong nghề thì gọi đó là bọn barbouze (lính kín, mật thám)(115). [(Porch)]

Frey và Foccart là những người tinh khôn; họ biết rằng sức mạnh đơn thuần không thể đánh bại OAS. Chính bộ óc, chứ không phải cơ bắp mới là nhân tố chính của thành công. Do đó, Frey và Foccart, sử dụng một ít nhân viên SDECE có thể tin cậy, phái những lính kín này sang Algeria để xâm nhập vào hàng ngũ OAS và thu thập tin tức tình báo mà SDECE cần. Đó là những tay giang hồ – tội phạm, ma cô, con buôn ma túy – nhưng chúng cũng là những tay chuyên nghiệp trong lĩnh vực của mình.

Và họ đã làm được những gì mà SDECE muốn khi chiêu mộ họ. Nhưng một con virus xâm nhập một tế bào và công phá từ bên trong, bọn lính kín khiến OAS trở nên vô dụng và cứu nước Pháp khỏi một cuộc bạo loạn đang cận kề.

Và một trong những lính kín này – một tay đâm chém, tội phạm và buôn bán ma túy đã trực tiếp cứu mạng Tổng thống DeGaulle(116) [(The Heroin Trail)].

JEAN RENE SOUETRE

“Sau DeGaulle... OAS ghét Kennedy nhất”(117)

[[The Heroin Trail]]

Jean Rene Souetre. Một quân nhân Pháp đào ngũ. Một thành viên OAS và là kẻ phản bội đối với đất nước mà trước đây hắn đã cống hiến cả đời mình. Một con người tự nguyện trở thành kẻ khởi loạn và khủng bố. Và – một sát thủ đã có mặt tại Dallas đúng trong ngày Kennedy tới Dallas?

Đó là những gì hồ sơ 632-796 cho chúng ta biết về người này. Nhưng chúng ta còn biết gì nữa về Jean Rene Souetre?

Nhiều lắm.

Việc 632-796 xác định rằng Souetre là một cựu đại úy trong quân đội Pháp, người sau đó gia nhập OAS, đã được chứng thực trong hồ sơ CSCI – 3/776.742 của CIA, với một phụ chú đầy cảnh báo. Hồ sơ này (xem Phụ lục B) nói rằng vào tháng 5.1963 tại Lisbon, Bồ Đào Nha, OAS đã có một cố gắng để thuyết phục CIA giúp đỡ cho âm mưu ám sát tổng thống DeGaulle của họ. Nên nhớ rằng, vào năm 1963, OAS đang suy tàn; cơ sở hạ tầng của nó đã bị triệt hạ do chiến dịch sử dụng barbouze của SDECE – và hầu hết những kẻ giỏi nhất của OAS, kể cả các thủ lĩnh, đều đã ngồi tù vào thời điểm đó. Những kẻ còn sót lại của Đạo quân ngầm bây giờ đầy tuyệt vọng, và như hồ sơ này cho thấy, họ thậm chí còn yêu cầu CIA hậu thuẫn. Và các bạn đoán ra thành viên OAS nào đã làm việc này không? Chúng ta hãy trích dẫn hồ sơ:

“Người cố gắng thuyết phục ấy là đại úy Jean Rene Souetre...”

Souetre tới gặp một đại diện CIA với danh nghĩa “người điều phối ngoại vụ của OAS”, sau đó vị đại úy bí ẩn của chúng ta đã đề nghị rằng CIA và OAS có thể có cùng một lợi ích trong việc loại bỏ DeGaulle khỏi chính quyền và sau đó cũng đủ mạnh dạn để yêu cầu CIA “hỗ trợ vật chất và tiền bạc”. Oà, những người kiên trì không phải lúc nào cũng kiên trì. Souetre đã chơi bài liều, thử thăm dò một chuyến, nhưng CIA chẳng có lý do gì để dính líu với OAS và những hoạt động của nó, và đại diện CIA trong cuộc gặp gỡ đó đã nói rõ ràng với Souetre rằng, “...Mỹ tuyệt đối không có ý định hợp tác với bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào nhằm chống lại chính quyền hợp hiến của Pháp”. Không có gì ngạc nhiên ở đây. Lời thỉnh cầu của Souetre bị bác bỏ lạnh lùng, nhưng trước khi kết thúc buổi gặp gỡ, Souetre đã lộ ra một số thông tin lạ lùng và quan trọng”. Souetre giải thích rằng hắn ta du hành bằng nhiều hộ chiếu khác nhau, trong đó có cả một hộ chiếu Mỹ”(118). [[Tài liệu CIA: CSCI – 3/776.742 (Phụ lục B)]]

Những tay tội phạm có tên tuổi, những kẻ trốn tránh pháp luật, và nhất là những tay khủng bố đã có hồ sơ thì không thể xin được hộ chiếu, tức là, xin một cách hợp pháp. Vậy mà tay tội phạm kiêm khủng bố Jean Rene Souetre này lại có “nhiều” hộ chiếu khác nhau, trong đó có cả hộ chiếu Mỹ. Sao có chuyện như thế được? Souetre tìm ở đâu ra thứ giấy tờ rõ ràng là giả đó?

Lúc thịnh thời, OAS đã thu nạp được một số những chuyên viên được huấn luyện tốt nhất trong quân đội. Không chỉ có các binh sĩ chiến đấu mới gia nhập OAS, mà còn có sĩ quan tình báo, nhân viên hậu cần, bảo trì và tình báo, và xin hãy nhớ, còn có cả nhân viên SDECE trong OAS. Lý do duy nhất giải thích chuyện các sát thủ OAS thoải mái đi lại giữa Algeria và Pháp chính là điều chúng ta đang bàn tới đây. Bất kỳ một tổ chức quân sự hữu hiệu nào cũng có những phương tiện phản gián để chế tạo những giấy tờ giả nhưng rất đáng tin cậy. Cũng như OSS, CIA, KGB, GRU, MI6, và các cơ quan tương tự, từ lâu đã chế những giấy tờ giả cho nhân viên của mình, OAS cũng đã làm như vậy; nếu không các đơn vị khủng bố của họ hẳn đã phải bơi qua Địa Trung Hải để vào đất Pháp. Hoàn toàn cũng có thể rằng Souetre đã có được mọi giấy tờ giả cần thiết từ OAS để hẳn có thể làm công việc của mình. Cũng cần nói thêm rằng các giấy tờ giả có khả năng nhất trong việc lọt qua mọi biện pháp kiểm tra là những giấy tờ mang tên một người khác có thật. Như chúng ta biết qua 632-796 (và những hồ sơ khác sau đó) rằng Souetre có thể đã dùng tên giả. Xem lại dòng đầu của 632-796, bạn sẽ thấy nó đề cập đến những tên khác của Souetre: Michel Roux và Michel Mertz. Cả Roux và Mertz rõ ràng là những con người có thật (như chúng tôi sẽ chứng minh sau), và vì chúng ta đã biết rằng Souetre có “nhiều hộ chiếu khác nhau”, nên có thể cho rằng hẳn ta đã dùng những giấy tờ chứng minh hẳn ta là một người khác “có thật”. Đây là một lý lẽ rất quan trọng khi chúng ta nhớ lại rằng Souetre được ghi nhận là đã ở Dallas trong ngày Kennedy bị bắn chết. Phương cách để hẳn ta nhập cảnh vào Mỹ cũng rất đáng quan tâm, vì lẽ Souetre có nhiều hộ chiếu, kể cả hộ chiếu Mỹ.

Nhưng đó cũng chưa phải tất cả thông tin về Souetre mà hồ sơ thứ nhì này đem lại cho chúng ta. Chúng ta biết được rằng Souetre đã phục vụ dưới quyền chỉ huy của “Thiếu tá Pierre Sergent”, điều này càng chứng thực lai lịch của hẳn, vì Sergent là một trong những tay OAS cuồng tín từng tiếp tục đánh phá kể cả lúc lãnh tụ của họ, Tướng Salan, đã bị bắt giữ. Chúng ta biết rằng Souetre sinh ra ở “tỉnh Girondin của Pháp” ngày 15.10.1930 (như thế hẳn 33 tuổi vào năm 1963). Chúng ta biết rằng hẳn đã trốn khỏi trại giam nhốt đầy thành viên OAS năm 1961 (cùng lúc đó các barbouze của SDECE đã xâm nhập vào một trại giam OAS và đã thu lượm được tin tức về một âm mưu ám sát DeGaulle). Sau cùng, chúng ta biết được rằng “hẳn ta bị coi là có dính líu trong một âm mưu ám sát DeGaulle”(119). [(Tài liệu CIA: CSCI – 3/776.742)]

Nếu điều đó chưa đủ lạ lùng, mời bạn trở lại với 632-796, tài liệu đầu mối cho mọi sự. “Tháng 1 hẳn ta đã nhận được thư của một nha sĩ tên là Alderson sống tại 5803 Birmingham, Houston, Texas”. Bạn có thể tin chắc tay nha sĩ này đã bị điều tra và phỏng vấn, không những bởi nhân viên Bộ tư pháp mà còn cả những cá nhân nữa. Sau khi chuyên gia văn khố Mary Ferrell nối ráp xong những mảnh rời của hồ sơ này trước khi nó được giải mật, bà đã nói chuyện này với nhiều người trong cộng đồng nghiên cứu Kennedy, trong đó có J. Gary Shaw, đồng giám đốc của Trung tâm thông tin về vụ ám sát JFK tại Dallas và là tác giả của nhiều cuốn sách thú vị về đề tài này(120) [(Benson)]. Biết được thông tin trên, Shaw đã tìm ra và phỏng vấn ông nha sĩ ấy qua điện thoại vào ngày 5.10.1977. Tên đầy đủ của ông nha sĩ là Larry M. Alderson đã cư ngụ ở Houston, Texas như 632-796 đã đề cập. Bạn có thể thấy toàn văn bản ghi lại buổi phỏng vấn cũng như bản ghi nhớ phỏng vấn ở Phụ lục D, nhưng chúng tôi muốn trích ở đây vài đoạn để phân tích.

Nhìn chung, cuộc phỏng vấn của Shaw đã xác nhận một điều gì đó bao hàm trong 632-796,

hồ sơ này nói rằng Alderson nhận thư của Souetre; vậy là đã có mối liên hệ gì đó giữa Souetre và Alderson. Họ là bạn bè chẳng? Nếu vậy, họ trở thành bạn trong hoàn cảnh nào? Họ có phải bạn làm ăn không? Có thể họ đã có liên hệ xa xôi hay gián tiếp nào đó chẳng? Có thể có mối quan hệ gì giữa Souetre, một tay khủng bố người Pháp và có thể là kẻ ám sát, với Alderson, một nha sĩ ở Texas?

Cuộc phỏng vấn của Shaw trả lời vấn đề quan trọng này ngay lập tức. Hoá ra Souetre và Alderson đã là bạn của nhau – Alderson biết Souetre “rất rõ”, ông ta khẳng định như thế và theo dõi cuộc phỏng vấn chúng ta biết được họ trở thành bạn bè như thế nào. Họ là “dân lính trắng” theo cách nói nào đó. “Khi tôi biết anh ta”, Alderson nói, “thì tôi đang là sĩ quan an ninh làm việc chung với anh ta tại Pháp và tôi đã sống với anh ta”. Nói cách khác, Alderson và Souetre đóng quân trong cùng một trại tại Pháp, tại một cứ điểm phối hợp nơi quân nhân Mỹ làm việc chung với quân nhân Pháp. Sau đó, Alderson quay về đời sống dân sự ở Texas, nhưng vẫn còn liên lạc với Souetre trong nhiều năm, gửi thiệp Giáng sinh cho nhau và chắc có cả thư từ nữa. Nhưng không có bất kỳ thư từ nào với Souetre cho Alderson biết rằng Souetre đã đào ngũ và gia nhập OAS; mà ông ta biết điều đó qua bà vợ Souetre, người mà Alderson cũng có trao đổi thư từ. “Nhưng anh ấy {Souetre}, tôi độ rằng, cũng đã bỏ vợ luôn”, Alderson nói với Shaw. Vợ Souetre là một phụ nữ đẹp xuất thân từ một gia đình làm rượu vang giàu có ở miền nam nước Pháp. “Tôi đã không nghe tin tức gì của bà suốt nhiều năm” Alderson nói, nhưng “... bà ta chính là người cho tôi hay rằng anh ta đã bỏ quân đội Pháp và đã đi vào hoạt động ngầm để cứu lấy Algiers”.

Alderson cũng cho chúng ta mô tả nhân dạng Souetre: “Anh ta dễ coi, cao, mặt hơi có góc cạnh, theo như lần cuối tôi được gặp. Anh ta có tóc hơi quăn, màu nâu sẫm, một tay dễ coi, đẹp trai đấy”(121). [(Từ “Telephone Interview with Dr.L.M.Alderson and J.Gary Shaw – October 5, 1997; 4:30 pm” (Phỏng vấn bác sĩ L.M.Alderson và J.Gary Shaw qua điện thoại – 5.10.1977; 4:30 chiều) (Phụ lục D))]

Nhưng ngày hôm sau, 6 tháng 10, Alderson lại được phỏng vấn nữa, và qua bản ghi nhớ về cuộc phỏng vấn, ta thấy Alderson cho biết thêm:

Souetre vào khoảng 25 tuổi ở đầu thập niên 1950.

Souetre là nhà ngữ học có thể nói lưu loát tiếng Anh mà không nặng giọng Pháp; hẳn ta còn nói được tiếng Tây Ban Nha và Đức.

Hắn ta ăn mặc sắc sảo và thu hút phụ nữ.

Hắn ta quen biết với “mọi chính khách Pháp”

Hắn cao khoảng 1,9 mét, nặng hơn 85kg.

Như thế ta có bức tranh rõ hơn về nhân vật này, về thể chất và có tính chủ quan. Người sĩ quan tận tụy nhưng là một ông chồng không tận tụy đến thế. Một người được mô tả là cao ráo, da ngăm, đẹp trai, hấp dẫn phụ nữ và là người ưa giao tế, quen biết “mọi chính khách Pháp”(122). [(“Memorandum of Interview by J.Gary Shaw with Dr.Lawrence M.Alderson,

Tuy nhiên, quan trọng hơn hết là chuyện khi Shaw nói rằng hồ sơ 632-796 đã xác định Souetre có mặt ở Dallas trong ngày JFK bị bắn và Souetre đã bị trục xuất ít lâu sau đó thì Alderson biết ngay về chuyện đó.

Làm sao ông ta biết?

Nhân viên FBI bắt đầu “bám đuôi” Alderson ít lâu sau khi Kennedy bị ám sát, và sau cùng đành thôi trò này và trực tiếp thẩm vấn ông nha sĩ. Xin nhớ rằng, cuộc phỏng vấn của Shaw xảy ra năm 1977, nhưng lần thẩm vấn của FBI thì xảy ra “ngay sau vụ ám sát” và họ tuyên bố rằng họ đã tiếp xúc với Alderson vào lúc đó “bởi vì có một tấm thiệp giáng sinh cũ đã bốn hay năm năm mà ông này đã gửi cho Souetre”(123). [(Sdd)]

Điều này có nghĩa rằng FBI đã biết chuyện Souetre có mặt ở Dallas ngày 22.11.1963, và vụ trục xuất hẳn ít lâu sau đó – vài tháng trước khi hồ sơ 632-796 của CIA tiết lộ sự kiện rằng người Pháp (vào tháng 3 năm 1964) có hỏi thăm FBI về việc trục xuất và nơi đến của Souetre.

Đây là một tiết lộ quan trọng đến mức chấn động, và chúng tôi sẽ bổ sung bằng một điều còn quan trọng chấn động hơn trong chốc lát nữa đây.

Hiển nhiên, điều mà FBI muốn biết nhất là liệu Alderson có biết chi tiết vụ trục xuất Souetre ở Dallas hay không, lý do là FBI, ngay sau vụ sát hại JFK, đã coi Souetre là thủ phạm tình nghi! Chúng ta biết điều này vì Alderson đã nói với Shaw: “Họ cảm thấy rằng Jean biết ai, hoặc chính anh ta không chừng, đã ám sát Kennedy”(124) [(“Telephone Interview with Dr.L.M.Alderson and J.Gary Shaw – October 5, 1997; 4:30 pm”)].

Aø, thật là lạ. FBI coi Souetre là thủ phạm tình nghi nhưng họ đã không đề cập điều này với Ủy ban Warren?

Hơn nữa, Alderson cũng nói với chúng ta rằng chính ông ta đã báo cáo những điều mình biết về Souetre cho “Tiểu ban”. Ông ta không nói đích xác đó là Tiểu ban nào nhưng chúng ta có thể cho rằng ông ta không nói tới một công ty xe lửa. “Tôi chưa từng nghe tin gì từ cuộc điều tra”, Alderson nói với Shaw, “tôi đoán có lẽ tôi đã tiếp xúc với một Tiểu ban đã bị giải thể không còn hoạt động nữa hoặc, cho dù họ có tồn tại hay không thì tôi cũng không biết, họ đã trải qua bao rắc rối khó khăn trong năm rồi hay đại khái như thế”(125). [(Sdd)]

Cái tiểu ban duy nhất từng trải qua khó khăn rắc rối trong thời kỳ này là Tiểu ban Hạ viện về Những vụ ám sát. Thực ra, họ không bị giải thể năm 1977 nhưng bất kỳ ai cẩn thận theo dõi hoạt động của tiểu ban này qua báo chí chắc chắn đã e rằng nó bị giải thể khi thấy rằng liên tục có người phản đối sự tồn tại của nó vì lý do ngân sách và những rối loạn đấu đá nội bộ không ngừng giữa các thành viên. Điều bác sĩ Alderson nói ở đây là ông ta đã báo cáo thông tin về Souetre cho Tiểu ban Hạ viện về Những vụ ám sát. Ông ta cũng nói với tiểu ban đó rằng FBI đang điều tra về Souetre – và đã xem tay này là thủ phạm tình nghi – ngay sau cái chết của JFK.

Và tiểu ban không hề trở lại với ông ta.

Thay vì thế, Tiểu ban đã quyết định bỏ qua thông tin quan trọng này. Giống như Tiểu ban đã bỏ qua khám phá của Robert Groden, chuyên gia về ám sát, vốn cho rằng các ảnh chụp khám nghiệm tử thi JFK là ngụy tạo(126). [(Groden, The Killing of a President)]

Giống như Ủy ban Warren đã bỏ qua hàng lô hàng lố bằng chứng hoàn toàn khác với báo cáo cuối cùng của Ủy ban.

Cái kiểu mảnh lới tránh né và che giấu này thì chẳng có gì mới trong cung cách của chính quyền khi giải thích cho công chúng hiểu điều gì đã thực sự xảy ra tại Dallas ngày 22.11.1963 đó. Nhưng bây giờ, nó đúng là điều ai cũng dự đoán được.

Trở lại với Souetre, chúng ta đã nghe những điều Alderson đã nói năm 1977, và chúng ta hiểu những hàm ý khủng khiếp sau đó, rằng FBI đã Souetre như một kẻ có tham dự vào vụ ám sát JFK mà không nói một lời nào về chuyện này cho các giới chức thẩm quyền. Bây giờ ta hãy trở lại với đoạn đầu của 632-796, hồ sơ chính thức đầu tiên cho chúng ta biết Souetre là một tay khủng bố tại Dallas vào buổi chiều ngày xảy ra vụ ám sát và sau đó bị trục xuất khỏi Mỹ. Hồ sơ 632-796 tiết lộ rằng vào ngày 5.3.1964, người Pháp đã dò hỏi ở văn phòng tùy viên pháp lý ở Paris, và nó cũng cho ta biết rằng tình báo Pháp (SDECE) cũng đã dò hỏi FBI tại New York – về Souetre. FBI đã tiến hành điều tra ngay.alderson nói rõ ràng với FBI chuyện ông ta quen với Souetre lúc nào (1953), và ở đâu (Patette Malioun gần Rheim, Pháp)(127) [(Tài liệu FBI 105-128-529, ngày 6.3.1964)]. Hồ sơ này đề ngày 6.3.1964 – ngày hôm sau đó – và từ đó ra đời một loạt hồ sơ FBI khác: điều tra Alderson, điều tra các tên giả của Souetre, điều tra các chuyến bay dân dụng có thể đã chở trục xuất Souetre. Những hồ sơ đó không cho chúng ta nhiều chi tiết lắm, nhưng chúng chứng thực rằng trong khi Ủy ban Warren còn đang làm việc, thì FBI đang điều tra về Souetre.

Có lẽ FBI đã báo cáo những điều họ biết về Souetre và trục xuất hắn cho Ủy ban Warren, và nếu như vậy thì chính ủy ban đã ém nhẹm bằng chứng này. Chuyện này là lỗi của bên này hoặc bên kia thôi. Chúng ta biết có một tay khủng bố bị trục xuất ra khỏi Dallas ngay sau vụ ám sát chấn động nhất lịch sử Mỹ, và có rất nhiều phần tử trong chính quyền Mỹ biết chuyện này và không bao giờ nói ra với công chúng Mỹ. Và nếu như thế chưa đủ tệ, chúng tôi lại có bằng chứng rõ ràng rằng một cơ quan nào đó trong chính phủ Mỹ đã tiến hành vụ trục xuất đó(128) [(Hurt)]. Nói cách khác, chính chính phủ Mỹ đã bí mật đưa Souetre ra khỏi lãnh thổ Mỹ.

Ta chỉ có thể nghĩ ra một tình huống tồi tệ hơn tình huống này, đó là FBI đã biết về Souetre trước khi Kennedy bị ám sát. Điều này không hậu thuẫn cho những qui kết nói rằng FBI đã nhận được tin báo về một âm mưu ám sát JFK trước khi Kennedy thực sự bị giết sao?(129). [(Phim JFK của Oliver Stone mô tả rõ ràng rằng một ghi chú viễn ký được chuyển tới Văn phòng tiền phương của FBI tại New Orleans ngày 17.11.1963, nói rằng FBI đã biết về mối đe dọa ám sát JFK tại Dallas. Tiểu ban Hạ viện gạt bỏ thông tin này với lý do rằng người tuyên bố ban đầu, thư ký an ninh FBI, William S.Walter, đã nói dối (Summer) cho dù nhà nghiên cứu Mark Lane tìm được bản sao văn bản viễn ký đó nhờ Luật Tự do Thông tin (Benson). Một số nhà phản bác tuyên bố rằng bản viễn ký là ngụy tạo cho dù không có bằng chứng nào cho tuyên bố đó)].

Dĩ nhiên điều đó là rất có thể. Đó sẽ là một tiết lộ kinh hoàng vì nó sẽ chứng tỏ rằng Bộ Tư pháp không chỉ biết về một âm mưu ám sát JFK mà còn biết một kẻ ám sát có thể có dính líu đến âm mưu này – một kẻ ám sát mà tên của y không phải là Lee Harvey Oswald. Nó sẽ chứng tỏ rằng hoặc Bộ tư pháp Mỹ đã tham gia vào vụ sát hại JFK (điều này chúng tôi không tin) hoặc họ đã được cảnh báo phải ngăn chặn vụ mưu sát này và đã không làm được chuyện đó vì không đánh giá đúng tầm quan trọng của nó hoặc vì bất tài bất lực và rồi tìm cách ém nhẹm những sự kiện để tự bảo vệ cho mình, để “giữ lấy cái mạng mình”, có thể nói như thế (điều này chúng tôi tin).

Thế là quá rõ, nhưng để chứng minh kịch bản này, chúng ta phải chứng tỏ rằng FBI đã biết về Souetre trước vụ ám sát, đúng không? Trong cuốn Reasonable Doubt của Henry Hurt, tác giả đã nói rõ rằng: “không có bằng chứng rõ ràng nào cho thấy FBI đã liên lạc với Alderson trước khi họ nhận được dò hỏi thông tin từ phía người Pháp”. (ngày 5.3.1964)(130) . [(Hurt)]

Chúng ta hãy mổ xẻ tỉ mỉ. Trừ khi họ muốn đào đến chân tơ kẽ tóc, thì lý do duy nhất khiến FBI có thể đã điều tra về Alderson là nhằm xác minh ông ta biết gì về Souetre. Do đó, việc FBI đã điều tra Alderson trước khi xảy ra vụ ám sát JFK có thể chứng minh rằng họ đã quan tâm về Souetre trước khi xảy ra sự vụ. Và cuốn sách của Henry Hurt đã nói với chúng ta rằng không có bằng chứng nào hậu thuẫn cho khả năng này.

Được rồi...

Hồ sơ FBI 105-120510-2 chứng tỏ rằng FBI đã thực sự điều tra Alderson... vào ngày 4.4.1963 {xem phụ lục C}.

Tức là hơn bảy tháng trước khi xảy ra vụ ám sát(131). [(Tài liệu FBI 105-120510-2, ngày 8.4.1963. tài liệu này xác định rằng FBI đang tích cực tìm kiếm thông tin về Alderson. Nó viết: “Houston được yêu cầu xác minh gia đình Alderson, và khi thông tin này được chuyển tới, FBI được yêu cầu đưa ý kiến, nếu có, liệu thông tin này có thể được cung cấp cho nguồn nói trên không” (xem Phụ lục C)]]

VŨNG LẦY GIẤY TỜ

“Quý vị không hiểu. FBI chỉ là một cơ quan liên ban có cả ngàn ngàn hồ sơ một lưu trữ rải rác khắp nước. Khi luật pháp buộc chúng tôi giải mật và công bố cả ngàn ngàn hồ sơ mỗi năm, các nhân viên giải mật đôi khi cũng lằm lẩn. Với một nhóm ít ỏi nhân viên thì công việc như thế là quá nhiều; thật không thể đọc từng dòng của mỗi hồ sơ sắp được giải mật và đồng thời vẫn làm công việc của mình. Đôi khi chúng tôi có lằm lẩn. Đôi khi chúng tôi cho công bố những thứ không được phép công bố.”

NHÂN VIÊN GIẢI MẬT BỘ TƯ PHÁP(132) [(Phỏng vấn điện thoại của đồng tác giả Lee với nhân viên bảo mật hồ sơ của Bộ Tư pháp; nhân viên này yêu cầu giấu tên vì e ngại những hậu quả bất lợi)]

Cuốn Reasonable Doubt của Henry Hurt là một trong những công trình nghiên cứu tốt nhất và thấu đáo nhất từng được viết về vụ sát hại John F.Kennedy, và nó đã đưa Hurt vĩnh viễn lên đỉnh cao của dòng nghiên cứu này. Tuy nhiên, đến nay, cuốn sách đã hơi lỗi thời (nó được xuất bản từ năm 1985) và từ đó đến nay, sách vở về tư pháp đã chịu sự chế tài của Công pháp 102-526, Đạo luật về thu thập hồ sơ quanh vụ ám sát JFK ban hành năm 1992, Đạo luật về tiết lộ tài liệu quanh vụ ám sát, và Ủy ban điều nghiên các hồ sơ về vụ ám sát. Đó là những thoả ước pháp lý, là thành phẩm của 35 năm công chúng phản đối quanh cái chết của JFK, và là phương tiện để xoa dịu sự phản đối đó và đặt thêm nhiều hồ sơ chính phủ hơn nữa vào tay công chúng.

Từ 1992, một dòng chảy đều đặn những hồ sơ có liên quan đến cái chết của JFK đã đột nhiên xuất hiện sẵn sàng cho công chúng tham khảo tại Văn khố Quốc gia. Cho đến gần đây, tháng 10.1998, dân chúng Mỹ đã thấy được một hành động của chính phủ trong vấn đề này. Đó là khi Ủy ban điều nghiên các hồ sơ về vụ ám sát sau cùng cũng công bố một báo cáo 208 trang. Ủy ban này đã được thành lập bởi Quốc hội trong “những cố gắng” giải toả mối nghi ngờ của người dân Mỹ cho rằng chính phủ đã cố tình ém nhem các dữ liệu liên quan đến vụ ám sát mà cho đến nay vẫn được chính thức gán tội cho Lee Harvey Oswald, cộng thêm những lỗ hổng khổng lồ trong báo cáo của Ủy ban Warren và nhất là những khẳng định hùng hồn về một âm mưu thông đồng giữa CIA và quân đội Mỹ được mô tả trong bộ phim của Oliver Stone. Sau đây là những gì chúng ta có được nhờ hành động này của quốc hội:

“Kinh nghiệm của Ủy ban điều nghiên cho thấy khá rõ rằng chính quyền liên bang đã bảo mật hồ sơ một cách không cần thiết và phí phạm và do đó ngăn không cho công chúng tiếp cận vô số hồ sơ quan trọng không cần phải bảo mật như thế”, Ủy ban nêu lên như vậy trong báo cáo 8 triệu đô la của họ. Điều này ban đầu nghe có vẻ thẳng thắn, nhưng khi chúng ta đi qua những rào đón hoa mỹ, chúng ta không nhìn thấy cách chọn lựa từ ngữ rất cẩn thận và có suy tính trước của họ hay sao?

“Kinh nghiệm” của Ủy ban? Sao không nói khảo sát chính thức của Ủy ban? “...ngăn không cho công chúng tiếp cận vô số hồ sơ quan trọng” là sao? Tại sao lại nói như thế, các ngài? Tại sao không bước ra khỏi lớp vỏ tu từ cẩn thận và **NÓI CHO CHÚNG TÔI NGHE SỰ THẬT?** Thông tin này đến từ một bài của hãng tin AP trên tờ USA Today nói về việc công bố báo cáo chính

thức của Ủy ban, và AP đã mô tả thế này: “Chính phủ qua nhiều thập niên đã ngăn chặn một cách ‘không cần thiết’ và ‘phí phạm’ hàng triệu hồ sơ về vụ ám sát Tổng thống Kennedy, khiến dân chúng Mỹ mất niềm tin vào chính phủ”(133) [(Associated Press, “Government Faulted for JFK Secrecy”, 28.9.1998)].

Có lẽ chúng ta đã quá chú ý vào những chi tiết lật vật... nhưng không phải đã tới lúc chính phủ cùng các ủy ban, tiểu ban và ban điều nghiên của nó chấm dứt trò ăn nói vòng vo và trình bày thẳng thắn mọi sự thật rồi sao?

Rồi, đọc thêm vài dòng trong bài báo, chúng ta biết được rằng Ủy ban điều nghiên các hồ sơ về vụ ám sát đã không có nhiều quyền hạn lắm. “Tuy nhiên, ủy ban không được giao nhiệm vụ tiến hành lại cuộc điều tra, và khi tăng thêm hồ sơ cho hàng triệu hồ sơ có sẵn trong Văn khố Quốc gia quanh vụ ám sát này, ủy ban đã không đụng gì tới câu hỏi ai đã giết Kennedy”

Oà, tuyệt vời thế. Tám triệu đô la tiền thuế của chúng ta cho cái ủy ban điều nghiên vốn không hề cố gắng khám phá ra ai đã tham gia vào vụ ám sát mà ủy ban đã ăn lương để điều nghiên. Nó giống như trả tiền cho một anh thợ để xem xét cái xe của bạn, rồi anh thợ nói, “À, cái xe của ông có gì trục trặc đấy, nhưng tôi không cho ông hay đâu”.

Cám ơn.

Kế đó còn những điều ngu xuẩn khác: “Tuy ủy ban điều nghiên có ý định tìm kiếm bất kỳ hồ sơ ‘có bằng chứng tố cáo’ có thể tồn tại đâu đó, nhưng ủy ban biết rằng đóng góp lớn nhất của nó có thể là cung cấp cho công chúng những hồ sơ lưu trữ định hình được sự cố bi thảm đó”, báo cáo tổng kết của ủy ban nói như vậy.

Đó là báo cáo tổng kết sao? “Có ý định tìm kiếm bất kỳ hồ sơ ‘có bằng chứng tố cáo’ nào sao?”. Điều mà đoạn văn vô lý này gợi lên là, ủy ban có thể đã có ý định tìm kiếm các hồ sơ quan trọng nhưng đã không tìm. Bởi vì nếu họ đã tìm thì họ đã nói ra điều đó. Họ hẳn sẽ nói Ủy ban điều nghiên đã tìm kiếm bất kỳ hồ sơ “có bằng chứng tố cáo” có thể tồn tại đâu đó. Nhưng họ không nói như thế. Nếu chúng ta phân tích lập tức toàn câu văn ngớ ngẩn đó, chúng ta có thể vạch ra nó muốn nói rằng tuy ủy ban có thể đã có ý định tìm kiếm các hồ sơ quan trọng, nhưng họ đã quyết định không tìm, mà thay vào đó đã quyết định chuyển các hồ sơ có liên quan đến JFK vào văn khố quốc gia mà không nói gì về ý nghĩa của các hồ sơ đó.

Oà, được rồi. Ít nhất là ủy ban cũng đã làm được điều gì đó, đúng không? Bài báo hàm ý rằng ủy ban đã thu nhập và công bố 60,000 hồ sơ của FBI, CIA và nhiều cơ quan liên bang khác, và những hồ sơ này sẽ được lưu tại Văn khố Quốc gia. Thế còn tốt hơn là không có gì cả. Ít ra bây giờ công chúng có thể đến Văn khố Quốc gia và đọc các hồ sơ, đúng không?

Sai.

Sau đây là đoạn cuối của bài báo: “Các hồ sơ lưu sẽ được giữ tại Văn khố Quốc gia. Một số cần xử lý trước khi công chúng có thể nghiên cứu. Những đoạn bị bôi đen trong một số hồ sơ sẽ được đưa ra ánh sáng vào những thời điểm khác nhau từ nay đến 2017”.

Thật là một trò nhảm nhí. Chúng ta vừa đọc một trích đoạn trong báo cáo tổng kết của uỷ ban, và nó nói rằng “đóng góp lớn nhất của nó {uỷ ban} có thể là cung cấp cho công chúng những hồ sơ lưu trữ...” nhưng khi đọc hết bài báo chúng ta biết rằng công chúng không chắc sẽ được cung cấp bất kỳ thông tin mới nào trong vòng 17 năm nữa.

Cũng lại trò đó...

Và tất cả việc nói đi nói lại của chúng ta chỉ làm lộ ra lần nữa một điểm phản đối đã có bao lâu nay. Với tất cả những cái gọi là “bằng chứng” mà chính phủ thực sự muốn đem lại cho dân chúng đã bầu họ lên, và trả lời cho những câu hỏi mà đám dân chúng ấy yêu cầu họ trả lời, thì liệu tất cả những uỷ ban, tiểu ban và ban điều nghiên có thể điều tra trung thực các cơ quan công quyền đến mức nào? Điều này được nói rõ hơn trong tác phẩm The Assassination of John F.Kennedy của Duffy and Ricci đã nói ở mấy chương trước:

“Những người phê phán cả Uỷ ban Warren lẫn Tiểu ban Hạ viện về Những vụ ám sát tự hỏi liệu có thể nào một cơ quan đại diện cho chính phủ liên bang lại tiến hành được một cuộc điều tra vô tư về một vụ ám sát mà những cơ quan khác của chính phủ có vẻ như có can dự vào đó”(134) [(Duffy)].

Một chỗ hợp lý để nói ở mức thấp nhất .

Oà, có vẻ như chúng ta hơi lạc đề một chút, phải không? Đôi khi ta không thể không lạc đề khi ta đang xem xét tất cả những chuyện rối rắm của cái đề tài cực kỳ rối rắm này.

Trong chương này, chủ đề là chính phủ liên bang đã lưu trữ, bảo mật, giải mật và rồi công bố thông tin cho dân chúng như thế nào. Chúng tôi không hề có ý phê phán tác phẩm đồ sộ của Henry Hurt khi nói rằng câu ông ta đã viết – “Không có bằng chứng rõ ràng nào cho thấy FBI đã liên lạc với Alderson trước khi họ nhận được dò hỏi thông tin từ phía người Pháp” – là đã lỗi thời và không còn chính xác nữa. Hồ sơ FBI 105-120510-2 được ghi ngày 8.4.1963 – khá lâu trước khi JFK chết – và tuy nhiều phần của hồ sơ này đã bị xóa đen, chúng tôi sẽ in nó lại ở đây cho bạn đọc (bản sao chụp toàn văn có thể xem ở Phụ lục C):

Chính phủ Mỹ

Bản ghi nhớ

GỬI: GIÁM ĐỐC FBI

(QUA:ĐƠN VỊ LIÊN LẠC HẢI NGOẠI)

NGÀY: 8.4.63

TỪ: SAC, NEW YORK XXXXXXXXXXXX Mật báo viên

05-

VỀ: NHÀ ALDERSON,

Còn một hồ sơ FBI khác (105120510-1) từ văn phòng giám đốc gửi tới Đơn vị liên lạc hải ngoại, được ghi ngày sau đó một tháng, và nó cho thấy rõ ràng một cuộc điều tra toàn diện của FBI về Alderson. Ông nha sĩ Houston này được điều tra kỹ lưỡng đến độ nhân viên FBI không những xác minh được thời kỳ phục vụ quân đội của Alderson mà cả những chỗ làm trước đó, những địa chỉ trước đó của ông ta, những trường mà ông ta từng học, và cả lý lịch tư pháp của ông (cái này chứng tỏ ông ta không phạm pháp điều gì). FBI còn điều tra cả vợ và cha mẹ của Alderson nữa. Và một tờ đính kèm vào hồ sơ này, ghi ngày 21.5.1963, chứng tỏ rằng cuộc điều tra này xuất phát từ việc Alderson trước đó có quen biết với Souetre, vì nó ghi rằng: “Những hồ sơ của chúng ta không có thông tin nào cho thấy bác sĩ Alderson và vợ đã từng ra khỏi nước Mỹ hoặc từng tham gia vào bất kỳ hoạt động chống Pháp nào”(136) [(Tài liệu FBI 105-120510-1, ngày 3.5.1963; và hồ sơ đính kèm đề ngày 21.5.1963)]. Những hồ sơ ấy chứng tỏ FBI đã quan tâm sâu xa về Souetre từ lâu trước ngày 22.11.1963. Không có những mẫu hồ sơ quý giá này,

chúng ta hẳn sẽ không bao giờ có thể xác định chắc chắn sự kiện này.

Từ vị trí này, các bạn có thể thấy – đó là tất cả về hồ sơ cũng như về sự thật. Mọi thứ khác đều là nghe nói. Mọi thứ khác đều là những manh mối suy đoán, các lời chứng cấp hai hoặc cấp ba (qua nhiều người nói lại) và đủ kiểu suy diễn của các giả thiết mơ hồ và không cụ thể. Con đường duy nhất có thể đi để tìm ra điều gì thực sự đã xảy đến cho Jack Kennedy là đi tìm ra các hồ sơ chính phủ nói được điều đó. Hiển nhiên, những hồ sơ đó đã bị giữ ngoài tầm tay của chúng ta. Nhưng chính xác thì những hồ sơ ấy ở đâu?

Chúng có thể nằm ở hàng trăm nơi. Nó không giống chuyện vào thư viện tìm một cuốn sách. Nó giống như đi tới hàng trăm thư viện vậy, và trong mỗi thư viện ấy, các sách bạn cần đều bị giấu kín. Mỗi bộ phận của chính phủ liên bang có đủ loại cơ sở và phương tiện để lưu giữ hồ sơ. FBI, CIA, NSA, Lục quân, Hải quân và Không quân, rồi DEA, DIA, BFT, và hàng lô hàng lốc những cơ quan khác mà chính phủ cần đến để định hình chính nó. Ngay cả trong thời vi tính điện tử của những món như kỹ thuật số, cơ sở dữ liệu kỹ thuật cao, và những ổ đĩa chỉ bằng đồng xu mà chứa cả triệu trang văn bản, chính phủ liên bang vẫn có hàng tỉ hàng tỉ trang hồ sơ cần được xếp loại, phân mục và lưu trữ. Chẳng hạn như FBI, có ít nhất ba nơi lưu trữ hồ sơ: một ở Washington DC, một ở Clarkburg, bang Tây Virginia, và một ở Pocatello, bang Idaho (mà chỉ có một ít nhân viên bảo mật để quản lý tất cả những hồ sơ đó). Một thí dụ khác, ngành tình báo lục quân thực sự có quan hệ với vô số tổ chức khác có liên quan đến tình báo như INSCOM (Ban chỉ huy tình báo và an ninh), ASA (Cục an ninh quân đội), AISA (Hoạt vụ hỗ trợ quân báo). Trong Hải quân cũng tương tự như thế: ONI (Phòng tình báo hải quân), NSC (Ban chỉ huy an ninh hải quân), NSOG (Tổ phụ trách các chiến dịch an ninh hải quân), và NSGA (Hoạt vụ tổ an ninh hải quân). Quá nhiều phòng ban nội bộ của các phòng ban ngoại vi, mỗi phòng ban lại có bộ phận bổ sung riêng của nó chuyên lưu trữ hồ sơ. Rồi đến vô số các cơ sở lưu trữ không thể nhận dạng rõ được, chẳng hạn như Kho tái kiểm hồ sơ, cơ sở dữ liệu tái xử lý (nghe đồn là trực thuộc CIA), và Đơn vị lưu trữ thông tin liên bang. Nếu ai đó quan tâm tới một hồ sơ nào đó của FBI mà nó không có ở Văn khố Quốc gia, thì nó có thể ở một chỗ nào khác (ấy là chưa nói chuyện nó cần được bảo mật) nhưng rồi cũng vậy, cho dù có những đơn vị “liên lạc” giữa các cơ quan liên bang, như IGA (Hoạt vụ nhóm liên ngành) vốn tồn tại như một kênh liên lạc chính thức giữa FBI và Hội đồng an ninh quốc gia. Hoặc có lẽ một tài liệu nào đó đã được lưu trữ bởi DIS (Vụ điều tra quốc phòng) vốn có quan hệ với NSC, FBI, CIA và mọi bộ phận tình báo quân đội khác.

Luận điểm cuối cùng của chúng tôi là: qua nhiều thập niên, những tài liệu quan trọng đã được phát tán đi khắp đất nước, đi vào vô số “hầm lưu trữ” khác nhau. Ai thực sự biết có bao nhiêu tài liệu ở những chỗ ấy? Và cho dù điều đó có được chính thức ghi nhận thì ai biết ở đâu?

Và trong toàn bộ hàng tỉ hồ sơ ấy, rất nhiều hồ sơ đã được bảo mật vì lý do chính đáng. Chắc chắn công chúng có quyền được biết chính phủ của mình đang làm gì – và đã làm gì – nhưng không thể nếu thông tin ấy có thể lưu truyền tới những phần tử trong hoặc ngoài nước vốn không có quyền được biết đó – cụ thể là những kẻ thù của nước Mỹ. Đây là mục đích hợp pháp khi hạn chế một số thông tin nào đó, và cũng với tính hợp pháp tương tự nó bảo vệ lợi ích an ninh quốc gia, và ít ai có thể tranh cãi điều này.

Nhưng mặt khác, cũng chính tính hợp pháp trong việc hạn chế thông tin này cũng đã bị bóp cong, bóp méo một cách cố ý, và bị lạm dụng nhằm mục đích tránh né sự thật, và lời tuyên bố chính thức mà chúng ta thường được nghe (“bị hạn chế vì lợi ích an ninh quốc gia”) đã trở thành một cái cớ thịnh hành để từ chối cung cấp thông tin cho dân chúng. Một câu thịnh hành khác mà gần đây có vẻ đã bị bỏ quên, đó là “một chính quyền vì dân, do dân”. Có gì đã xảy đến cho câu này? Chính quyền này không “do dân” nữa khi những viên chức dân cử cứ tiếp tục ngăn không cho người dân biết được những sự thực quan trọng. Có một từ ngữ khác cho cái cung cách đó: chủ nghĩa phát xít trá hình. Đến nay đã hơn 37 năm rồi kể từ ngày JFK bị sát hại, vậy mà chúng ta “những người dân” vẫn phải nghe cái chính quyền do ta bầu lên nói rằng việc công bố mọi hồ sơ liên quan đến vụ ám sát JFK sẽ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

Sau bao năm như vậy, chúng ta đã có một Ủy ban Warren nói dối với chúng ta năm 1964, một Tiểu ban Hạ viện về Những vụ ám sát cố tình bỏ qua bằng chứng năm 1979, và một Ban điều nghiên các hồ sơ về vụ ám sát năm 1998 lại nói với chúng ta rằng các hồ sơ quan trọng về JFK sẽ còn được giữ ngoài tầm tay công chúng cho đến tận năm 2017.

Điều này nghe không ra vẻ một chính quyền vì dân chút nào. Nó nghe giống như một chính quyền đang nói dối với dân chúng đã bầu họ lên hơn. Nước Mỹ không được cho phép sự lạm dụng quyền hạn kéo dài này và trò lừa dối sau đó được. Nước Mỹ không thể bị bắt phải chờ đến tận 2038 hay 2017 rồi mới biết được sự thật. Nước Mỹ không thể bị buộc phải chờ đến một ngày khác được.

Nhưng chúng ta sẽ chờ. Và ai biết được sau đây còn những trò lừa dối nào nữa?

Nhưng một lần nữa, sau bao nhiêu đó năm, có lẽ thời gian đã vận hành có lợi cho dân chúng – do tình cờ, cũng như do khối lượng khổng lồ các hồ sơ được lên lịch để giải mật và công bố một cách hợp pháp bởi vì thông tin chứa trong các hồ sơ ấy không xâm hại đến an ninh quốc gia.

Chính phủ có một thủ tục lên lịch trình công bố với dân chúng hàng ngàn hồ sơ mật mỗi năm khi những thông tin trong đó không còn được xem là có tính nhạy cảm (dễ gây chấn động) nữa. Có một số tiêu chuẩn cho việc này, nhất là khoảng thời gian tính từ ngày hồ sơ được đưa vào bảo mật, và tất nhiên là có tính đến bản chất của thông tin trong hồ sơ đó. Điều này có nghĩa rằng có những người – những nhân viên chính phủ nhưng cũng là con người như bạn và chúng tôi – được giao nhiệm vụ quyết định về những hồ sơ được chọn để công bố. Những quyết định này rất thường là những nhận định chủ quan. Nói cách khác, với mỗi hồ sơ muốn được giải mật và công bố đều có một người đánh giá về mối tương quan giữa hồ sơ đó và an ninh quốc gia. Một ai đó ngồi ở bàn giấy trong một kho lưu trữ mờ tối nào đó đọc hồ sơ và đưa ra quyết định chính thức là việc công bố hồ sơ đó có nguy cơ xâm hại an ninh quốc gia hay không nếu nó được công bố.

Vì việc này cần được tiến hành không mắc sai sót, nên người phụ trách công tác đó phải là một nhà tâm lý học, tâm thần học, một sử gia tận tụy và một chuyên gia thượng thặng về chính sách ngoại giao Mỹ. Nhưng hầu hết những người làm công việc này chẳng thuộc loại nào trong số nói trên. Họ chỉ là những con người bình thường. Họ là nhân viên thư ký. Họ là những trợ lý

văn phòng. Họ là những người cạo giấy mỗi ngày từ chín giờ sáng tới năm giờ chiều, và đa số bọn họ chắc chắn làm việc hết sức mình. Nhưng trong tất cả những phê phán trước đây của chúng tôi đối với đủ loại uỷ ban, tiểu ban và ban điều nghiên của chính phủ vốn kiên trì thao túng các thông tin sẽ được công bố cho chúng ta, thì có thể nói rằng khối lượng khổng lồ các hồ sơ cũng quá sức của họ. Có quá nhiều chuyện phải theo dõi, quá nhiều tài liệu ở quá nhiều nơi khiến bất kỳ cơ quan công quyền nào cũng không thể am tường hết sau một thời gian hơn 35 năm. Ta hãy đọc lại đề từ ở đầu chương này:

“Với một nhóm ít ỏi nhân viên thì công việc như thế là quá nhiều; thật không thể đọc từng dòng của mỗi hồ sơ sắp được giải mật và đồng thời vẫn làm công việc của mình. Đôi khi chúng tôi có lăm lăm. Đôi khi chúng tôi cho công bố những thứ không được phép công bố”.

Đây là một tuyên bố với chúng tôi qua một cuộc phỏng vấn bằng điện thoại với “một nhân viên giải mật” vô danh làm việc trong một bộ phận của Bộ Tư pháp Mỹ. Chúng tôi sẽ không nói đó là bộ phận nào, nhưng điều đó cũng không quan trọng. Tuyên bố của ông ta đã cụ thể hoá một vấn đề bao trùm. Quá nhiều tài liệu cho một số quá ít nhân viên. Do đó mới có chuyện “Đôi khi chúng tôi cho công bố những thứ không được phép công bố”. Điều này dễ hiểu, và đương nhiên chúng ta sẽ đặt câu hỏi hợp luận lý kế tiếp. Chính xác thì ai là người quyết định về cái gì “được phép” công bố và cái gì không? Câu trả lời, nếu có, thì rất mơ hồ. Có thể nói đó là một chuỗi những mệnh lệnh. Tuy nhiên, rõ ràng rằng khi một hồ sơ được công bố mà nó lại không được phép công bố, thì nhân viên công bố tài liệu đó dứt khoát sẽ nghe được phản hồi. Tức là từ cấp trên của cấp trên của cấp trên của nhân viên giải mật ấy. Một cấp thẩm quyền ở những chỗ chóp bu nào đó.

Nhưng quả tình điều này nghe rất có lý.

Ta có thể thấy rằng hầu hết những nhân viên hồ sơ ở năm 2000 có lẽ đều chưa ra đời vào năm 1963, hoặc nếu có thì lúc ấy họ còn rất nhỏ tuổi không thể hiểu được làm sao chuyện xảy ra vào thời điểm đó lại có thể xâm hại đến an ninh quốc gia tận bốn thập niên sau được. Mê cung hồ sơ của nhà nước giờ đã quá lớn đến độ chính nhà nước cũng không quản lý nổi. Điều này có thể giải thích tại sao nhiều hồ sơ quanh vụ ám sát JFK vẫn còn nằm ngoài tầm được biết của dân chúng Mỹ nhưng nó cũng giải thích tại sao một số hồ sơ loại đó lại lọt ra ngoài.

Những hồ sơ như 632-796 của CIA, hay hồ sơ 105-120510-2 và 105-120510-1 của FBI, và nhiều hồ sơ khác mà chúng tôi trình bày trong sách này là thuộc loại ấy. Hãy xem trường hợp 632-796, Henry Hurt đưa ra một nhận định quan trọng: “Không có lý do gì để tin rằng vấn đề này sẽ được đưa ra ánh sáng nếu như không nhờ việc hỏi thăm thông tin bình thường của tình báo Pháp. {Việc dò hỏi thông tin về sự có mặt của Souetre tại Dallas trong ngày JFK bị ám sát}. Khó mà nghĩ được rằng nhân viên CIA giữ việc quyết định công bố các giấy tờ mật năm 1976 lại có được chút ý niệm về những điều mà hồ sơ này tiết lộ”(137) [(Hurt)]. Tương tự như thế là trường hợp hồ sơ 105-120510-2 của FBI, cùng nhiều hồ sơ khác. Đặc biệt, hồ sơ 105-120510-2 còn có ghi rõ ở cuối trang là ĐÃ ĐƯỢC NHÓM CÔNG TÁC VỀ JFK CỦA FBI XEM LẠI NGÀY 26.2.97 và chỉ thị bảo mật ghi là CÔNG BỐ MỘT PHẦN(138) [(Tài liệu FBI 105-120510-2, ngày 8.4.1963)]. Luận điểm của Henry Hurt về hồ sơ FBI mà nó chứng tỏ FBI đã điều tra về Souetre nhiều tháng trước khi JFK bị ám sát lại càng đáng kể hơn vì khó có chuyện nhân viên nghiên

cứu hồ sơ FBI cho công bố 105-120510-2 vào đầu năm 1997 lại có chút hiểu biết nào về tầm quan trọng của hồ sơ này 34 năm sau khi nó được soạn thảo. Chuyện đó cũng giống như việc trông mong người thiết kế máy bay phản lực vào năm 1999 lại có khả năng nghiên cứu cải tiến một động cơ cánh quạt của năm 1963 vậy. Khó có chuyện đó lắm.

Và nhân nói đến những sự cố lặt vặt trong việc lưu trữ và giải mật những hồ sơ nhạy cảm, có một câu chuyện thú vị chúng tôi muốn kể lại ở đây: Đôi lúc, ngay khi chính phủ nhằm lẫn và công bố những hồ sơ mà họ chưa muốn công bố, họ thường có thể mau lẹ cứu vãn sai sót đó. Sau đây là một thí dụ. Khi đồng tác giả của sách này, Brad O'Leary, chỉ đạo cho trưởng nhóm nghiên cứu tài liệu là Tim McGinnis, đi tìm những hồ sơ DEA có liên quan việc buôn bán ma túy quốc tế vào đầu thập niên 1960, Mc Ginnis đến Văn khố Quốc gia, và cùng với trợ lý là Brent Ruhkamp, họ tìm được 36 thùng hồ sơ chưa được đánh chỉ số. Điều này khiến họ chẳng có lựa chọn nào khác ngoài việc lục từng thùng một và đọc lướt từng hồ sơ một – một công việc khá cực nhọc vì ta biết có nhiều ngàn hồ sơ tách biệt nhau. Công việc mất nhiều ngày và sau khi đi hết khoảng 20 thùng, họ bắt đầu đào trúng mả: họ bắt gặp những hồ sơ DEA liên quan đến Marseilles, Pháp và những lò chế biến bạch phiến ở đó. Họ có thể thu hẹp và đọc lướt từng hồ sơ một – một công việc khá cực nhọc vì ta biết có nhiều ngàn hồ sơ tách biệt nhau. Công việc mất nhiều ngày và sau khi đi hết khoảng 20 thùng, họ bắt đầu đào trúng mả: họ bắt gặp những hồ sơ DEA liên quan đến Marseilles, Pháp và những lò chế biến bạch phiến ở đó. Họ có thể thu hẹp được những ngày tháng cần tìm vào hai thùng hồ sơ, nhưng lúc đó lại đến giờ đóng cửa Văn khố. McGinnis và Ruhkamp phải ra về, nhưng còn nhớ cất hai thùng đó vào chỗ riêng. Họ chuẩn bị sẵn sàng để trở lại vào sáng hôm sau và khởi sự sao chụp những hồ sơ đó.

Nhưng khi Ruhkamp trở lại vào sáng hôm sau để lấy ra các thùng cất riêng đó, anh ta được thông báo rằng có vấn đề xảy ra, một vấn đề lớn. Anh ta được đưa tới gặp hai chuyên gia văn khố cao cấp chịu trách nhiệm về mớ hồ sơ đó và được thông báo rằng DEA chưa xử lý xong những hồ sơ đó để công bố. Hơn nữa, anh ta còn được thông báo rằng toàn bộ 36 thùng đó đều chưa được xử lý để công bố cho những ai cần đọc.

DEA đã phạm một nhầm lẫn lớn, và cả Mc Ginnis lẫn Ruhkamp đều không bao giờ biết được trong hai thùng họ chọn ra ấy có chứa những gì. Chuyện đó chỉ khiến ta tự hỏi: tại sao hai thùng hồ sơ DEA cũ gần 40 năm ấy lại có vẻ nhạy cảm đến độ không thể công bố?

Chúng ta chẳng có giải pháp nào ngoài việc chờ đợi đến năm 2017 để tìm ra câu trả lời!

Dù sao đi nữa, gần hai thế hệ đã trôi qua kể từ vụ ám sát JFK. Hầu hết những người nắm quyền lúc đó giờ đã qua đời. Từ đó mới để ra những “nhầm lẫn” trong việc giải mật và công bố hồ sơ. Nhưng những nhầm lẫn ấy hoá ra lại là kho báu cho những ai truy tìm sự thật.

Tạ ơn chúa vì những nhầm lẫn ấy.

NHỮNG KẺ VÔ DANH

Đừng làm chứng gian mà tiếp tay với kẻ xấu

- EXODUS 23:1-

Đến đây có lẽ bạn đang nghĩ: “Chờ chút xem, tôi nghĩ cuốn sách này có liên quan đến chuyện chính quyền Nam Việt Nam dính líu vào vụ ám sát JFK chứ”.

Đúng vậy. Nhưng hãy cố một tí. Ta cần xây dựng thêm cơ sở sự kiện.

Chương vừa rồi có vẻ hơi ra bên lề, nhưng thật ra thì không. Chúng tôi nói ra thông tin này để trình bày chu đáo một luận điểm cho độc giả về điều sắp nói tới. Ở trước, chúng tôi đã trình bày về Jean Rene Souetre, thành viên cao cấp của nhóm khủng bố Pháp có tên gọi OAS, và chúng tôi đã nói tới sự kiện rằng hắn ta đã có mặt ở Dallas, Texas, vào cùng buổi chiều mà JFK bị bắn chết, và chúng tôi còn trình bày làm sao mà Souetre không bị bắt và câu lưu, mà lại được mau chóng và lạng lẽ đưa ra khỏi đất Mỹ bởi phần tử nào đó trong chính quyền Mỹ trong vòng chưa đầy hai ngày sau vụ ám sát. Chúng tôi đã cho các bạn thấy các hồ sơ chính thức của chính quyền chứng minh điều này, và chúng tôi cũng trình bày những hồ sơ và các cuộc phỏng vấn chính thức khác chứng tỏ rằng Souetre đã bị FBI điều tra bảy tháng trước khi Kennedy bị giết.

Thông tin này – chùm sự kiện này – tiêu biểu cho một khác biệt nghiêm trọng với những gì mà chính phủ Mỹ, trong gần bốn thập niên qua, đã cố nhồi nhét vào đầu công chúng. Chùm những sự kiện được chính thức lưu trữ này (mà nó chưa từng được báo cáo cho Ủy ban Warren và cũng chưa từng được Tiểu ban Hạ viện về Những vụ ám sát thừa nhận) cho chúng ta thấy rõ ràng một tay khủng bố trung thành với một nhóm sát nhân cánh hữu (một nhóm thường xuyên ám sát những đối thủ của họ) đã ở rất gần JFK khi ông ta bị ám sát. Chúng tôi cũng đã chứng minh, qua lịch sử của OAS, rằng nhóm võ trang này có mọi lý do chính trị để giết Kennedy (chính Kennedy đã thúc giục DeGaulle trả độc lập trọn vẹn cho quốc gia mà OAS đang chiến đấu để giữ nó trong vòng thuộc địa của Pháp: Algeria). OAS đã nhiều lần mưu ám sát DeGaulle, kẻ thù hàng đầu của họ. Kennedy là kẻ thù thứ nhì của họ... Nên tại sao lại không thể có chuyện OAS cũng mưu ám sát JFK luôn?

Bất kỳ ai có lý trí cũng có thể thấy rằng điều đó hoàn toàn có thể. Nó rất có thể. Và ai có khả năng trong việc hoàn tất một chiến công khủng bố như thế hơn OAS, một băng nhóm gồm những tên bạo loạn, sát nhân và bắn tỉa được huấn luyện kỹ? Chuyện đã quá rõ.

Nhưng bây giờ hãy nhìn lại dòng đầu của hồ sơ 632-796.

8. Jean SOUETRE còn gọi là Michel ROUX còn gọi là Michel MERTZ

Chúng ta có được hai tên giả của nhân vật này. Hai người với tên Michel, một người mang họ Roux và người kia họ Mertz. Chuyện những tên giả này làm sao xuất hiện được trong một hồ sơ CIA thì ta chỉ có thể ước đoán, nhưng cũng hợp lý luận khi cho rằng thông tin này là do nhân viên SDECE cung cấp, người đã tới hỏi thăm FBI về việc trục xuất Souetre. SDECE – cơ

quan tình báo Pháp – hẳn biết rõ hơn ai hết về mọi bí danh hay tên giả của các thành viên OAS. Nên nhớ, trong quãng thời gian này, SDECE vừa đánh gục phong trào OAS nhờ những chiến dịch phản gián khôn ranh dựa vào đám giang hồ – những barbouze – xâm nhập vào cơ sở hạ tầng của OAS. OAS chẳng kịp hiểu ra sao, và kết quả là họ tan rã, chứng kiến chậm rãi nhưng chắc chắn các đầu lĩnh từng một thời rất hiệu năng của mình bị chính quyền Pháp bắt giữ và tổng giam. Cách làm của SDECE là sử dụng một chiến thuật phổ biến của CIA và các cơ quan tình báo phương Tây khác, đánh đổi một số ưu đãi cho thế giới ngầm của bọn tội phạm để lấy tin tình báo về các phong trào cộng sản địa phương. Chuyện ở đây cũng vậy, có điều lần này SDECE không đối đầu với phong trào cộng sản mà là những tay cánh hữu cực đoan. Còn mấy điều nên nhớ khác đã nói trong chương về SDECE: OAS và chủ trương khủng bố của họ đã đe dọa nghiêm trọng sự tồn tại của chính phủ DeGaulle (chưa kể tới những âm mưu ám sát chính DeGaulle), nên khi DeGaulle ra lệnh cho Frey và Foccart giải quyết vấn đề OAS thì nó được coi như chuyện ưu tiên của quốc gia. Sử dụng SDECE, Frey, Foccart và thuộc hạ đã hoàn thành được nhiệm vụ (nhưng cũng chịu những hậu quả tai hại mà chúng ta sẽ bàn sau) và trong quá trình đó họ đã thu thập được một khối lượng tin tình báo đáng kể về các thành viên OAS mà sau này họ bắt giữ được. Và chúng ta biết rằng bản thân Souetre là một trong những kẻ đã bị bắt đó vì theo hồ sơ CSCI – 3/776.742 của CIA, “Các nguồn tin của Pháp cho thấy Souetre là tên của một cựu đại úy quân đội Pháp đã trốn khỏi một trại giam năm 1961”. Không những SDECE tiếp cận được kho hồ sơ quân nhân Pháp (điều này rất quan trọng, vì hầu hết thành viên OAS trước đó là lính Pháp) mà họ còn dần tích tụ được tin tình báo về những người đó sau khi họ đã đào ngũ và gia nhập OAS. SDECE làm được điều này thông qua các phương cách rất tiêu chuẩn: những mật báo viên đáng tin cậy, nghe lén, những tồ theo dõi, và những cách tương tự(139){(Porch)}. (Và cũng đừng quên biện pháp tra tấn, một trong những trò ưa thích của SDECE). Một chuyện rất đáng nhớ khác là chuyện bắt giữ một liên lạc viên của OAS vào tháng 9.1961 và việc tịch thu một cái cặp đựng đầy hồ sơ cá nhân của OAS(140){(Porch)}. Bên cạnh đó, chúng ta còn có bọn barbouze (xuất thân là dân giang hồ Marseille) đã xâm nhập vào OAS và thu nhặt nhiều tin tình báo và dữ liệu nhân sự cho SDECE.

Do đó, thật hợp lý khi SDECE hoàn toàn có khả năng nhận ra các tên giả của nhiều thành viên OAS, trong đó có các tên của Souetre.

Bây giờ ta hãy xem tên giả thứ nhất của Souetre ghi trong 632-796: Michel Roux.

Michel tương đương với tên Michael của người Mỹ, và Roux là một họ phổ biến của người Pháp. Bây giờ, như chúng ta đã xác định trước, rằng có một số phần tử trong FBI đã biết về Souetre trước khi hồ sơ 632-796 ra đời và trước cả cái chết của JFK, chúng ta có thể giả định rằng hầu hết những phần tử còn lại trong FBI không biết những chuyện này. Điều này cũng hợp lý vì ngay sau khi hồ sơ 632-796 ra đời – thậm chí là trong cùng ngày đó, 5.3.1964 – nhân viên FBI và INS ở Texas đã bắt đầu đi tìm dấu vết của một Jean Rene Souetre, Michel Roux, hoặc một Michel Mertz có mặt ở Dallas trong hoặc gần ngày xảy ra vụ ám sát, hoặc bất kỳ bằng chứng nào về bất kỳ ai có tên như thế đã bị trục xuất. Cả ba cái tên ấy đều không dẫn tới dấu vết gì. Kỳ lạ thay, người ta lại tìm thấy một cặp mang tên Roux (Dominique P. và Vivian H.) bay từ Houston, Texas, đi Mexico City ngày 22.11.1963 bằng máy bay của hãng Pan America. Ngoài ra, việc lục soát các hồ sơ còn cho thấy có ba người tên Mertz (John P., Irma Rio de, và Sara)

cũng bay từ Houston đi Mexico City ngày 23 tháng 11(141){(Tài liệu FBI 105-128529, ngày 5.3.1964)}. Đây là sự trùng hợp kỳ lạ, nhưng mặc cho sự thất vọng của các nhà nghiên cứu tận tụy về JFK, người ta không tìm thêm được gì nữa. Những người có tên trên không hề bị trục xuất; họ chỉ là những hành khách bình thường, có mua vé tử tế.

Điều này có thể khiến chúng ta nghi rằng những tên giả của Souetre là do người ta bịa ra. Không có một bằng chứng từ hồ sơ nào cho thấy trong khoảng thời gian đó, cái tên Michel Mertz đã xuất hiện ở bất cứ đâu trong cuộc điều tra của Bộ Tư pháp.

Nhưng vài ngày sau thì cái tên Michel Roux xuất hiện.

Qua một báo cáo viễn ký của FBI từ Dallas gửi về Washington DC ngày 11.3.1964, chúng ta biết được rằng cuộc điều tra đã tìm thấy dấu vết của một người Pháp tên là Michel Roux có mặt ở Texas ngày 22.11.1963. Giống Souetre, ông này nói lưu loát cả tiếng Pháp lẫn tiếng Anh và Đức, và hơn nữa, Michel Roux có phát biểu rằng ông ta đã ở trong quân đội Pháp và phục vụ tại Algeria!

Vậy... liệu FBI có bắt người này không?

Rất tiếc là không. Cho dù trùng hợp như thế nhưng hoá ra Roux, một nhân viên khách sạn đang theo học nghề quản lý nhà hàng ở Paris, đang trong chuyến viếng thăm bạn bè Mỹ vào cuối tháng 11 năm 1963. Ở đâu? Fort Worth, Texas – không xa Dallas lắm.

Một doanh nhân thành đạt và nghiêm túc, Leon Gachman, và gia đình của ông ta, đã đón tiếp Roux trong chuyến du lịch đến Fort Worth này. Họ trở thành bạn của nhau hồi tháng trước khi Gachman sang Paris vì công việc kinh doanh; và Roux làm hướng dẫn du lịch cho ông ta. Sau đó, Roux nhận lời mời của Gachman để đến Fort Worth chơi. Có lẽ Gachman còn thu xếp một công việc trong nghề nhà hàng cho Roux. Nói tóm lại, Roux đã sống gần trọn chuyến du lịch với vài người hay toàn gia đình Gachman. Ngày 22.11.1963, từ 10 giờ đến 12 giờ trưa, Roux ngồi cùng lớp học với con trai của Gachman là Arnold, cùng vô số người khác có thể làm chứng cho việc này, và 30 phút sau, khi JFK bị ám sát ở Dallas, Roux và Arnold đang ăn trưa tại một quán ở Fort Worth, chung quanh cũng có cả đồng người làm chứng nữa. Chính tại quán này Roux và Arnold đã nghe được tin về vụ ám sát(142){(Tài liệu FBI 105-128529-3, ngày 11.3.1964)}.

Nhưng những điểm tương đồng giữa Roux và những điều ta đã biết về Souetre là gì?

1) Cả hai đều thạo nhiều thứ tiếng. Đúng vậy, nhưng có hàng triệu người Pháp như thế vì nền giáo dục Pháp khuyến khích học sinh học ngoại ngữ.

2) Cả hai đều từng đi lính và phục vụ tại Algeria. Đúng, nhưng cũng có hơn 500.000 người Pháp khác đã ở trong quân đội và phục vụ tại Algeria

3) Cả hai đều có tóc sẫm. Đúng thế.

Chỉ sự khác biệt thể chất thôi cũng đủ chứng tỏ Michel Roux không thể là Souetre cải trang. Năm 1963, Souetre đã 33 tuổi, trong khi theo mô tả của Gachman thì Roux mới khoảng 25.

Souetre cao 1,90 mét và nặng khoảng 82kg vào năm 1953; mười năm sau đó, Roux chỉ cao khoảng 1,70 mét và nặng từ 70 đến 75kg. Cho dù Souetre có sụt hơn 20kg trong khoảng từ 1953 đến 1963, thì cũng khó tin rằng hắn sụt cả hai tấc chiều cao thân thể.

Sau cùng, tuy viễn tượng có vẻ hấp dẫn thế, nhưng chúng ta cũng biết ra rằng Michel Roux, nhờ Leon Gachman giới thiệu việc làm, đã rời Mỹ ngày 6.12.1963 “tại Laredo, Texas, để đi Mexico”(143){(Tài liệu FBI 105-128529-15, ngày 12.3.1964)}. Bây giờ chúng ta rõ được lý do thuyết phục nhất để tin rằng Roux không phải là Souetre: Michel Roux không bị trục xuất khỏi Mỹ trong vòng 48 tiếng sau cái chết của JFK; mà anh ta đã rời Mỹ hợp pháp và có thể chứng minh được vào ngày 6 tháng 12.

Do đó, Roux không phải là nhân vật của chúng ta. Hắn đã mất dấu, và ngày 13.3.1964, tám ngày sau khi hồ sơ 632-796 gióng tiếng chuông cảnh báo, FBI hài lòng thấy rằng Roux vô can, và đã thôi không điều tra về anh này nữa(144){(Tài liệu FBI 105-128529-12, ngày 13.3.1964)}. Chuyện Michel Roux chỉ có thế. Nên rất có thể Souetre đã chọn tên gọi này làm tên giả chỉ vì nó quá phổ biến.

Nhưng còn cái tên giả thứ nhì của hắn thì sao?

MERTZ

“Một kẻ sát nhân hữu hiệu...”
(145){(The Heroin Trail)}

Một đã xong, một còn tiếp. Nhưng với tất cả những hồ sơ của chính phủ mà chúng tôi được đọc trong vài năm qua, nhất là mớ hồ sơ được giải mật và công bố ồ ạt trong khoảng từ tháng 2.1997 đến tháng 10.1998, chúng tôi không tìm được dấu vết nào về tên gọi Mertz trong mớ hồ sơ đó, ngoại trừ việc nêu nó ra như tên giả của Souetre. Cũng khá kỳ lạ khi Bộ Tư pháp có thể tìm ra và điều tra lập tức về một người có thật, tên là Michel Roux, ngay sau khi cái tên ấy xuất hiện trên 632-796... nhưng lại chẳng hề tìm được gì về một cái tên không kém phần phổ biến là Michel Mertz. Có lẽ điều này nghĩa là chẳng có ai tên thật là Mertz có mặt ở Dallas trong và sau ngày JFK bị ám sát.

Có thể lắm.

Nhưng vì người Pháp, mà cụ thể là SDECE, đã tiến hành hỏi thăm thông tin ở phía Mỹ và đã biết rõ các tên giả của Souetre, nên thật vô lý khi giả định rằng SDECE đã lục lại hồ sơ của chính họ để tìm bất kỳ ai đó có tên là Mertz, đúng chưa? Dù gì thì SDECE cũng đã biết rằng Souetre dùng Mertz như một tên giả. Nên cũng hợp lý khi giả định rằng SDECE đã làm thế này: họ đã lục lại hồ sơ của họ để tìm xem có ai tên Mertz mà có thể có liên quan tới Souetre không, và họ chẳng tìm thấy gì cả. Nói cách khác, Bộ Tư pháp Mỹ chẳng tìm được gì về Mertz, và SDECE cũng vậy.

Đó là điều ta có thể giả định.

Nhưng sẽ ra sao nếu chúng tôi nói với bạn, dựa theo tất cả những điều nói trên, rằng SDECE không những có Mertz trong hồ sơ của họ, mà Mertz còn làm việc cho SDECE nữa?

Mertz chắc chắn không phải là một cái tên tưởng tượng. Đó là một con người thực và có cái tên bị Jean Souetre chọn để dùng trong khi đi xa làm việc cho OAS... vì một mục đích sâu xa.

Chúng tôi không chắc tại sao một người như Souetre lại muốn dùng một cái tên quá đổi hiền lành như Michel Roux, nhưng chúng tôi có thể biết chắc tại sao hẳn ta dùng một cái tên giả là Mertz.

Mertz và Souetre đã biết nhau .

Quan trọng hơn, Mertz và Souetre lại là kẻ thù riêng của nhau.

Sự thực, nếu một trong hai sẽ bị coi là có tai tiếng hơn, thì đó sẽ không phải là chiến sĩ Jean Souetre của OAS. Đó phải là Mertz.

Michael (Michel) Victor Mertz, giống như Souetre, là quân nhân Pháp, nhưng đó là 10 năm trước khi Souetre nhập ngũ. Cụ thể là trong Thế chiến 2.

Nhưng trước khi Mertz gia nhập quân đội Pháp năm 1941, ông ta đã được nhận vào quân đội Đức. Mertz sinh năm 1920 tại Moselle/Lorraine miền đông bắc nước Pháp, không xa biên giới Pháp – Đức. Toàn bộ quân đội Pháp đã bị đánh tan trong khoảng một tháng bởi quân đội của Hitler và đến tháng 6.1940, chính phủ Pháp là do Henri Phillipe Petain lãnh đạo. Petain là hình tượng anh hùng do xuất sắc khi đánh bại Đức trong Thế chiến 1 tại trận Verdun, nhưng lúc này ông ta lại cộng tác với người Đức, kẻ thù lịch sử của nước Pháp. Chính ông ta đã trao đất nước cho người Đức, và kêu gọi dân Pháp ngừng chiến đấu và tham gia chế độ bảo hộ của Đức quốc xã.

Chẳng bao lâu, guồng máy chiến tranh Đức bắt đầu tuyển mộ người Pháp để tiếp tục chinh phục cả Châu Âu. Michael Victor Mertz là một trong những thanh niên được tuyển mộ đó, ở tuổi 21, một năm sau khi Pháp đầu hàng. Nên nhớ, đây không phải là đội quân tình nguyện. Dân Pháp, cũng như dân ở những nước khác bị Đức chiếm đóng, được “tuyển” vào lính bằng đe dọa và vũ lực. Mọi kháng cự đối với ý muốn của người Đức sẽ gặp phải những đe dọa cho gia đình người đó. Nếu có ai đó nói với bạn, “Chiến đấu cho chúng tôi hoặc gia đình anh sẽ chết”, thì bạn sẽ làm gì? Chồng bạn, vợ bạn, con cái và cha mẹ của bạn? Tất cả sẽ chết nếu bạn không mặc bộ quân phục này, cầm khẩu súng kia và chiến đấu chống lại những người mà họ muốn bạn chiến đấu.

Nhưng cũng như nhiều thanh niên Pháp yêu nước thời đó, Mertz cũng gia nhập quân đội Đức, rồi đào ngũ ngay khi gặp cơ hội đầu tiên và gia nhập lực lượng Pháp tự do, lực lượng kháng chiến đã tiếp tục chống Hitler bằng mọi giá cho dù Petain đã vội vàng ký hoà ước ngừng bắn với Đức.

Lực lượng kháng chiến Pháp là do tướng Charles DeGaulle lãnh đạo.

Mertz hoạt động ở quận Haute – Vienne và Limousin, dọc sông Vienne, phía tây nam Paris.

Vào lúc đó, đây là một điểm nóng và còn hơn thế nữa. Nền thủ công nghiệp với những lò gốm sứ và lò gạch ở đây đã bị biến cải để phục vụ chiến tranh của Đức quốc xã, và quan trọng hơn, những tuyến đường xe lửa và đầu mối giao thông ở đây chính là điều Hitler cần để duy trì con đường tiếp tế cho đến lúc kết thúc cuộc chiến.

Không hề quá đáng khi nói rằng Michael Mertz đã thích ứng rất tốt với môi trường mới. Chính tại khu Limousin mà ông ta học được tay nghề thực sự đầu tiên: kỹ thuật giết người.

Ông ta học môn này rất giỏi.

Thực vậy, Mertz đã gây thiệt hại lớn cho quân Đức đi vào hay rút khỏi lãnh thổ của ông ta đến độ ông lên chức rất nhanh và được giao chỉ huy đơn vị của mình. Không có tài liệu gì nhiều về tài lãnh đạo của Mertz tại mặt trận Pháp, nhưng ta hoàn toàn có thể cho rằng ông ta thắng tiến nhanh và làm đổ nhiều máu quân Đức. Mertz và đơn vị sát thủ của mình đã trở thành huyền thoại trong lực lượng Pháp kháng chiến, và khi chiến tranh kết thúc và những lá cờ Đệ tam Reich của Hitler bị bỏ xó, Michael Victor Mertz đã nổi lên như một anh hùng kháng chiến. Ông ta được thưởng rất nhiều anh dũng bội tinh.

Một người có tài năng và tầm nhìn như Mertz thì không thể bị bỏ quên. Ít lâu sau khi thế chiến 2 chấm dứt, guồng máy tình báo Pháp lập tức chiêu mộ ông ta, sau đó ông ta trở thành một chỉ huy sau nhiều lớp vỏ. Bây giờ thì Pháp đã thoát ách Quốc xã, họ trở lại mô hình đế quốc của chính mình. Việt Nam lại là của họ, được các nước đồng minh trao lại, và cũng đừng quên những xứ bảo hộ khác của họ: Algeria, Morocco và Congo. Nói cách khác, nước Pháp đã sống sót một cách kỳ diệu qua Thế chiến 2 và những cái túi rỗng của họ bây giờ đầy tiền viện trợ tái thiết của Mỹ qua kế hoạch Marshall, họ muốn lấy lại miếng bánh đế quốc mà họ đã hưởng thụ được cả một thế kỷ qua. Hai tỉ đô la viện trợ bổ sung được Tổng thống Harry S. Truman dành cho họ để chống lại cộng sản ở Đông Dương, nhưng ngân sách cho những kế hoạch khác nhằm khôi phục đế quốc thì hầu như không có. Do đó, SDECE cần những nhân viên giỏi có vỏ bọc kín để tiến hành công việc tình báo tại một số nơi trên thế giới, và chúng ta biết Michael Victor Mertz là một trong những người đó. Một trong những nhiệm vụ đầu tiên sau thế chiến của ông ta là Morocco, nơi ông đóng vai một sĩ quan quân đội. Mertz làm việc tốt tại đây, tiềm năng của ông đã được chứng tỏ với tổ chức bí mật đã chiêu mộ ông. Những công tác khác của ông có việc phụ trách địa bàn ở Thổ và Đức, nơi mà các lực lượng khởi nghĩa cộng sản đang phát triển (và nhất là Thổ Nhĩ Kỳ, vào cuối thập niên 1940 và đầu thập niên 1950 đã là nguồn cung cấp thuốc phiện chủ yếu cho các tập đoàn ma túy Pháp).

Đến đây thì ta biết một anh hùng lực lượng Pháp kháng chiến lại làm việc cho SDECE – điều đó không có gì bất thường, vì các cơ quan tình báo thường tuyển mộ các nhân viên có kinh nghiệm quân sự (Lucien Conein chẳng hạn, ban đầu cũng chiến đấu trong lực lượng Pháp kháng chiến, rồi gia nhập quân đội Mỹ, sau đó được CIA tuyển mộ). Nhưng trường hợp Mertz đặc biệt giúp chúng ta nhìn rõ những vùng xám lơ mờ hình thành giữa hai khối trắng và đen trong giai đoạn ấy

Vì trong khi làm nhân viên SDECE cao cấp, Mertz đã dính vào việc buôn bán ma túy.

Chúng ta không biết chắc điều gì đã khiến ông ta lao vào buôn bán ma túy. Tuy nhiên có bằng chứng cho thấy nhiều nhân viên SDECE cũng dính líu vào việc buôn lậu bạch phiến, và giàu có lên nhờ nó. Người ta cũng biết được rằng Mertz đã lấy con gái của một người tên là Charles Martel, một chủ nhà chứa người Pháp sau này cũng cùng buôn bạch phiến với Mertz. SDECE, hay Martel, đã đưa Mertz vào hoạt động rất phi pháp này?

Ta hoàn toàn có thể nói rằng có lẽ là cả hai. Tuy nhiên, đến 1960, Mertz không còn hoạt động tích cực cho SDECE nữa. Thay vào đó, ông ta trở thành một trong những trùm buôn lậu bạch phiến từ Marseille sang Mỹ. Thực tế, Mertz đích thân làm việc với những tay khác trong đường dây bạch phiến mà họ cũng là thành viên SDECE từ rất lâu. (Cũng thú vị khi nêu rõ rằng vào cuối thập niên 1940 đầu thập niên 1950, phần lớn thuốc phiện đã được chế biến thành bạch phiến tại Marseille là có nguồn gốc từ Thổ Nhĩ Kỳ, và chúng ta biết rằng ở đâu đó trong thời gian đó, Mertz làm việc cho SDECE tại Thổ. Nhưng trong thời Tổng thống Eisenhower, nguồn cung cấp thuốc phiện từ Thổ sang Marseille đã bị cắt vì sự can thiệp của các cơ quan công quyền. Chuyện này gây khó khăn lớn cho giới giang hồ Marseille; không có nguồn cung thuốc phiện ổn định, họ không thể điều hành một đường dây buôn bạch phiến ổn định. Lạ thay, chính Ngô Đình Nhu ở Nam Việt Nam là người, vào năm 1958, đã cho mở lại hoạt động buôn bán thuốc phiện ở miền Nam và trở thành nhà cung cấp thuốc phiện số một cho Marseille). Hệ thống buôn lậu bạch phiến cho Mafia Mỹ của Mertz thật tuyệt hảo. Ông ta điều hành mọi công việc tài chính phức tạp tỉ mỉ (thanh toán tiền bạc, rửa tiền, chuyển tiền bằng điện báo, mở tài khoản mật ở ngân hàng Thụy Sĩ), thuê mướn và huấn luyện và giám sát các nhân viên vận chuyển ma túy (chính Mertz cũng vận chuyển một số lượng khá lớn trong đời mình), và lập chương trình cho các tuyến buôn lậu (chuyện này đặc biệt quan trọng vì nó không những dính tới chuyện chuyển bạch phiến từ Marseille sang Mỹ mà còn quyết định chuyện lên thời biểu và hẹn giờ giao hàng cho trùm ma túy bên phía Mỹ nữa). Mertz hoàn tất những công việc này không chút sai sót, và khỏi cần phải nói chuyện những tay trùm bên trên ông ta – anh em nhà Guerini, những kẻ thống trị giới giang hồ Marseille và tập đoàn bạch phiến toàn cầu của họ vào đầu thập niên 1960 – đều rất hài lòng về Mertz.

Mertz mau chóng trở nên giàu có.

Rất nhiều hoạt động của ông ta có dính líu tới việc chuyên chở xe hơi Pháp (chủ yếu là Citroen) từ Pháp sang Mỹ bằng tàu biển. Bên trong những xe này, những chuyên viên của Mertz đã giấu một khối lượng lên đến 220 cân Anh bạch phiến (khoảng hơn 100 kg). Những xe hơi này được tay chân của Guerini trên đất Mỹ mua một cách hợp pháp và rồi chuyển cho những cơ sở thành viên do Mafia Mỹ kiểm soát. Từ những cơ sở đó, bạch phiến nguyên chất được trộn thêm các thứ phụ gia rồi bán ra khắp nước Mỹ – với mức lãi khủng khiếp – cho vô vàn con nghiện Mỹ. Hoạt động của Mertz cũng giấu những lượng bạch phiến khổng lồ trong những động cơ xe hơi đã được thiết kế lại và những máy móc gia dụng cồng kềnh như tủ lạnh chẳng hạn. Sự thực, Mertz đã thành công đến nỗi tổng kết lại ông ta đã chuyển qua Mỹ số bạch phiến trị giá tới nửa tỉ đô la(146)}{ Một mô tả ngắn về Michael (Michel) Victor Mertz có thể tìm thấy trong The Heroin Trail, tr.109-121. Một sách khác (JFK: Autopsie d'un Crime D'Etat, Flammarion, 1998, của William Reymond) có vẻ cũng là một tường thuật về Mertz; tuy nhiên, chúng tôi không đọc được nó vì chỉ có bản tiếng Pháp)}

Nhưng vào lúc đó, đầu mùa xuân 1961, Mertz đã tạm ngưng công việc buôn bán bạch phiến. Tổ quốc của ông ta lại cần đến ông ta, và Mertz đã tuân lệnh một cách rất sung sướng.

SDECE có một công việc khác cho ông ta.

KHỦNG HOẢNG

“...một cuộc xả láng của thói bạo dân và tàn ác không cần thiết”
(147)[(Porch)].

Xin nhớ cho, vào ngày 22.4.1961, khủng hoảng ở Algeria đã lên tới đỉnh điểm. Đó là lúc viên tướng anh hùng thời chiến Raoul Salan của Pháp, với OAS hậu thuẫn, đã phát động trận đầu tiên của cuộc bạo loạn chống lại điều mà họ xem là sự phản bội của một con người họ từng cống hiến mạng sống của mình: Tổng thống Charles DeGaulle. Bằng vũ lực, họ tiến hành âm mưu đảo chính và chiếm thủ đô Algeria. Âm mưu này thất bại khi lực lượng quân đội Pháp trung thành với DeGaulle tiến hành phản công và chiếm lại thủ đô. Nhưng đây mới chỉ là bước đầu cho Salan và OAS, và cũng là khởi đầu của một thời khủng bố bắt đầu ngay sau đó, đẩy DeGaulle cùng chính phủ của ông ta tới sát bờ vực sụp đổ. Hệ quả là, DeGaulle nhờ đến những phụ tá tin cậy Roger Frey và Jacques Foccart để chống lại cuộc khủng hoảng này. Hai người đó (tương đương với các cố vấn thuộc bộ ngoại giao cho tổng thống Kennedy khi đối phó với cuộc khủng hoảng Ngô Đình Diệm) bèn kêu gọi sự giúp đỡ của các chuyên gia khác trong chính phủ để soạn ra kế hoạch đánh bại OAS và mối đe dọa của nó.

SDECE có vẻ rất giỏi trong việc đương đầu với vấn đề này, nhưng ở thời điểm đó, ngay cả những giám đốc của SDECE cũng không biết có thể tin ai trong tổ chức của mình. Nhiều nhân viên chỉ huy của SDECE cũng như nhiều sĩ quan quân đội Pháp đã đồng tình với OAS và mục tiêu đấu tranh của nó.

Nên SDECE, ở vào thế phải tự xoay xở để giải quyết vấn đề OAS, đã quyết định nhờ cậy những đồng minh trước đây họ có thể tin tưởng. Những người như Michael Victor Mertz từng làm việc cho SDECE trước đây nhưng nay lại làm cho tập đoàn bạch phiến Marseille. Cũng có thể rằng chính DeGaulle đã phê chuẩn việc chiêu mộ thế giới ngầm Marseille để giải quyết vấn đề của ông ta(148){(The Heroin Trail)}.

Và khi SDECE ngỏ lời yêu cầu, Mertz hoan hỉ nhận lời, nhưng ở đây nảy sinh một câu hỏi đặc biệt: tại sao một người như Michael Victor Mertz lại chịu tạm thời rời bỏ việc buôn bán bạch phiến rất béo bở để đồng ý tham dự một chiến dịch đầy nguy hiểm của SDECE?

Có rất nhiều câu trả lời. Thứ nhất, có một yếu tố thúc đẩy. SDECE biết quá rành việc buôn bán bạch phiến của Mertz, và đã chẳng có ý kiến gì bao năm qua. Hơn nữa, rất nhiều đồng sự trong thế giới ngầm của Mertz cũng từng làm việc cho SDECE trước đó. SDECE đã dành một ưu ái đặc biệt cho những người như họ trong quá khứ – bằng cách đơn giản là để yên cho họ buôn bán bạch phiến – và bây giờ SDECE muốn họ trả lễ. Một lý do hợp lý nữa khiến Mertz mau mắn đáp ứng yêu cầu của SDECE là bởi vì những quan hệ cũ ấy vẫn còn là chỗ dựa và đồng lõa với Mertz bao năm qua. Khi bạn bè nhờ giúp thì mình giúp. Nhưng vẫn còn một động cơ khác cho sự hợp tác của Mertz, động cơ mạnh hơn tất cả.

OAS đang đe dọa nghiêm trọng an ninh của chính phủ Pháp ở thời điểm đó, và chính phủ Pháp này đã làm ngơ trước trò kinh doanh bạch phiến của tập đoàn Marseille bao lâu nay(149)

{{ The Heroin Trail}}. Những người như Mertz – và thực tế là toàn bộ tập đoàn bạch phiến của anh em Guerini – cần giữ vững chính phủ hiện tại bởi vì nhờ đó công việc của họ mới đứng vững. Nếu phong trào OAS thắng lợi, thì một chính phủ mới sẽ lên nắm quyền ở Pháp, và như thế rất có thể chính phủ mới sẽ không chấp nhận một đường dây bạch phiến quốc tế lại đóng trụ sở trên lãnh thổ của họ. Rõ ràng, chính SDECE và địa vị của nó trong chính phủ DeGaulle đã tạo ra vỏ bọc che chở cho mafia Marseille; chính sự bao bọc này đã giúp những lò chế biến bạch phiến ở Marseille hoạt động hết cỡ trong hai thập niên mà không bị cơ quan công quyền địa phương can thiệp(150){{ McCoy}}.

Tài liệu cũng ghi nhận rằng nhiều thành viên của tập đoàn bạch phiến Marseille cũng làm việc cho SDECE, và ở đây có thể liệt kê ra một ít:

Joseph Attia: đầu lĩnh ma túy Pháp trong nhiều năm, và cũng là tay ám sát của SDECE

Christan David: một cái tên quen thuộc với giới nghiên cứu JFK, cụ thể là qua cuộn băng tài liệu của Nigel Turner, *The Men Who Killed Kennedy* (“Kẻ đã giết Kennedy”) (ta sẽ bàn sau về những dính líu của David). David từng ở tù vì buôn bán bạch phiến, ông ta cũng được SDECE tuyển mộ để chống lại những lãnh tụ cộng sản khởi nghĩa ở Morocco. Sự thực, David đã khai rằng ông ta nhận khoảng 150.000 USD cho việc tham gia ám sát một lãnh tụ phe tả ở Morocco, rồi đốt và chôn xác ông này.

Andre LaBay: từng ở tù vì buôn bán bạch phiến và qua những đầu mối SDECE, ông ta cũng được tuyển mộ cho những chiến dịch chống OAS.

Ange Simonpieri: cũng bị tù vì ma túy và cũng làm việc cho SDECE chống lại OAS

Roger Delouette: cũng bị tù vì ma túy và cũng làm việc cho SDECE ở Algeria.

Achille Cecchini: trùm ma túy quan trọng ở Pháp. Ông ta làm việc cho SDECE và là đối tác lớn của Michael Mertz. Cecchini là tay phụ trách nhập khẩu thuốc phiện cho cơ sở chế biến bạch phiến của Guerini(151){{ The Heroin Trail}}.

Như một bè lũ phục vụ cho SDECE, những con người này đã góp mặt vào một thứ mà Douglas Porch, trong tác phẩm *The French Secret Services* (“Mật vụ Pháp”), đã gọi là “...một cuộc xả láng của thói bạo dân và tàn ác không cần thiết”. Nói cách khác, họ không thích giỡn chơi. Họ làm thật.

Dù thế nào, khi đồng ý chiến đấu chống OAS, Mertz cùng các đồng sự cũng thực sự chiến đấu bảo vệ chuyện làm ăn đã từng – và sẽ còn – giúp họ trở nên giàu có và thế lực.

Mertz chiến đấu cho quyền lợi của riêng ông ta. Và ông ta đã chiến đấu rất giỏi.

Mertz là mật viên để kết liễu mọi mật viên khác, với kế hoạch cực kỳ kín đáo. SDECE phái ông ta sang Algeria với giấy tờ chứng minh ông ta là một đại úy nhảy dù. Từ đây ông ta mau chóng len vào hàng ngũ OAS và được coi là cảm tình viên thực sự của OAS. Đó chỉ là trò đóng kịch và hơn nữa Mertz đã làm việc này với tài ba của một kịch sĩ Hy Lạp. Đến mùa hè 1961, Mertz đã qua mặt những kẻ thù OAS xuất sắc đến nỗi chính những kẻ thù này quyết định chiêu

mộ ông ta vào hàng ngũ và cử ông ta đi làm nhiệm vụ không chỉ ở Algeria mà còn ở chính quốc Pháp. Thế là Michael Mertz, một tay buôn bạch phiến và nhân viên SDECE, đã thi triển tài năng của mình đến mức được kẻ thù kết nạp vào hàng ngũ. Một công việc quá tuyệt vời.

Nhưng sau cùng, công việc của Mertz không chỉ là xâm nhập vào OAS và trở nên một trong những thành viên đáng tin cậy – điều này ông ta đã làm được – mà còn là cung cấp, bất cứ khi nào có thể, tin tình báo về OAS và chuyển về cho SDECE. Đây là công tác khó khăn và nguy hiểm nhất cho Mertz. Một sơ suất có thể trở thành đại họa. Chỉ một lỗi lầm rất nhỏ thôi, Mertz cũng biết rõ mình sẽ kết thúc với cuống họng bị cắt toạc từ tai bên này sang tai bên kia.

Nhưng Mertz không phạm một sai lầm nào.

Thay vào đó, cách ông ta làm là dàn xếp cho mình bị bắt cùng với một số sĩ quan OAS khác, những sĩ quan tuyệt đối tin tưởng ông ta. Họ chưa bao giờ nghi ngờ lòng trung thành của Mertz đối với sự nghiệp chống DeGaulle. Khi cả bọn bị bắt – vì tội phổ biến những tài liệu tuyên truyền OAS tại Paris – Mertz dàn xếp cho mình bị đưa vào một trại giam OAS cùng với các sĩ quan OAS kia. Lúc đó là tháng 7.1961, và từ chỗ đó, trong trại giam nhốt đầy thành viên OAS, Mertz trở nên cực kỳ hữu ích cho SDECE. Ông ta trở thành tai mắt cho những người đã tin cậy mình.

Mertz là con ruồi trên tường, và con ruồi này biết rất nhiều chuyện.

Ông ta đã xâm nhập vào nhóm sĩ quan thân tín nhất của OAS đến độ ông ta trở thành người được biết về các kế hoạch chiến thuật và chiến lược của OAS.

Một trong những kế hoạch ấy là một chiến dịch tinh vi nhằm ám sát Charles DeGaulle.

Thực vậy, OAS đã tìm cách giết DeGaulle nhiều lần trước đó, nhưng tất cả đều thất bại và những vụ đó đều được giữ kín không cho báo chí và công chúng biết. Một số vụ trong đó cũng được nhắc đến nhưng không được triển khai rộng rãi. Chỉ là những mẩu tin nhỏ chen giữa những bài báo lớn hơn. Chính phủ DeGaulle vẫn còn kiểm soát được báo chí rất chặt chẽ, và họ biết rằng không thể chấp nhận chuyện để cho dân chúng cử tri biết được bè lũ khủng bố có tên là OAS đã nhiều lần suýt hạ sát được tổng thống của họ. (Cảm tưởng này trong tương lai lại hoá ra sai – thực tế nó có thể là vũ khí hữu hiệu nhất cho DeGaulle và chính phủ của ông ta – nhưng chúng ta sẽ bàn chuyện đó sau).

Mertz, trong việc xâm nhập thành công vào hàng ngũ chớp bu OAS bị giam chung với mình, đã biết được âm mưu ám sát DeGaulle bằng một cuộc đánh bom cho nổ tung xe của ông ta trên con đường ông vẫn thường về nhà qua một nơi gọi là Pont-sur-Seine.

Qua những đầu mối liên lạc trong tù, Mertz đã báo được cho SDECE về vụ mưu sát sắp tới này. Foccart và thuộc viên bèn dựng một kịch bản để đưa Mertz ra khỏi trại giam mà không làm cho các sĩ quan OAS sinh nghi. Rồi Mertz có thể trình bày lại toàn bộ các chi tiết của âm mưu cho SDECE, và lập tức sau đó, Mertz được trả về trại để duy trì lớp vỏ bọc đáng tin cậy của mình. Thực ra, Mertz chưa hề bị lộ vỏ bọc. Trong khi đó, SDECE đã chuẩn bị tốt để đối phó với âm mưu của OAS. Kế hoạch này bị ngăn chặn và những tay mưu sát bị bắt giữ.

Mertz một lần nữa lại trở thành anh hùng. Ông ta đã nhận nhiều huân chương trong khi tham gia lực lượng Pháp kháng chiến hồi Thế chiến 2, và bây giờ lại có công trong việc cứu mạng DeGaulle nhờ xâm nhập thành công vào OAS.

Nhưng Mertz còn làm hơn thế nữa.

Chính nhờ những nỗ lực “ái quốc” của bọn barbouze, bọn giang hồ Marseille và đảo Corse, mà SDECE mau chóng thu lượm được đủ tin tức tình báo về OAS và bắt giữ được những thành viên chỉ huy cao nhất của tổ chức này. Trong số đó, tướng Salan, thủ lĩnh của họ, đã bị bắt giữ và tổng giam cùng nhiều thành viên sáng lập quan trọng nhất. Tuy không ai biết đích xác đã có bao nhiêu thành viên OAS đã bị tổng giam nhờ nỗ lực của dân barbouze, nhưng cũng có thể ước đoán, dựa theo nhiều tài liệu, rằng những chiến dịch của Mertz và bọn đồng sự buôn bán ma túy đã cung cấp tin tình báo để chính phủ Pháp nắm được khoảng 600 kẻ tình nghi thành viên OAS và số người này sau đó đã bị bắt và tổng giam. Đáng chú ý hơn là chuyện có 69 người trong số bị kết án và tổng giam này từng là dân ám sát thực sự(152){(Porch)}.

Sau đó, Mertz được cấp trên SDECE khen thưởng. Hơn tất cả những người khác thuộc lớp barbouze, Mertz là kẻ thành công nhất. Ông ta cứu mạng DeGaulle và đem về vô số tin tình báo quý giá cho SDECE, dẫn đến việc bắt giữ được hàng trăm thành viên của tổ chức khủng bố này. Rút lại là thế này: điều DeGaulle cần nhất thì barbouze đem lại được. Một phần tử của thế giới ngầm tội phạm lại một lần nữa liên minh với tổ chức tình báo hàng đầu của chính phủ Pháp, và làm việc đáng đồng tiền bát gạo. Những tay giang hồ đó đã làm được điều mà quân đội Pháp không làm được. Những tên “buôn bán bạch phiến” này đã đạt được những điều mà bằng sức mình SDECE không bao giờ hy vọng đạt được.

Một bè lũ buôn bán ma túy đã góp phần cứu nền Đế ngữ Cộng hoà của DeGaulle.

QI / WIN

“Những tài liệu của Pháp cho thấy Souetre là tên của một cựu đại úy quân đội Pháp từng trốn thoát khỏi một trại giam năm 1961”

- HỒ SƠ CSCI – 3/776.742 CỦA CIA-

Việc các cơ quan tình báo của chính phủ tuyển mộ những tay tội phạm hay thành viên tội phạm có tổ chức để làm một số công tác gì đó, nhất là những công tác không được phê chuẩn (nghĩa là không được chính quyền chính thức bảo trợ) mà cơ quan tình báo đó không thể trực tiếp can dự, cũng không phải là phương pháp hoạt động khác thường gì. Chúng tôi cũng đã nói tới trường hợp CIA sử dụng phương pháp này, thí dụ như trả tiền mặt cho giang hồ Marseille gốc đảo Corse để phá vỡ hàng rào của những công nhân bãi công ở các bến tàu(153) [(McCoy)]. Ta cũng quá biết chuyện các đầu mối liên lạc của CIA cũng từng chiêu mộ những tay Mafia Mỹ như John Roselli, Santos Trafficante, Jr., và Sam Giancana để tổ chức ít nhất là một âm mưu ám sát Fidel Castro(154) [(Roberts)]. Hơn nữa, tài liệu cũng chứng tỏ rằng CIA đã dung túng cho, và thậm chí còn liên kết với, những hoạt động của những tổ chức chống Liên Xô tại Afghanistan chuyên bán thuốc phiện để có tiền dành cho cuộc chiến chống Liên Xô(155) [(McCoy (McCoy cũng nói tới những liên minh của CIA với các tay buôn bạch phiến Lào và giới buôn thuốc phiện người Hoa tại Miến Điện))].

Nhưng xét về SDECE, việc họ liên kết với dân giang hồ bản xứ và dân buôn bán bạch phiến đã đạt được mục tiêu một cách gần như hoàn hảo. Dùng bọn anh chị thâm nhập vào OAS hoá ra là một thủ pháp khôn ngoan. Nhưng phải chăng do tình cờ mà Michael Mertz và Jean Souetre lại ở cùng trại giam OAS năm 1961? Chúng tôi không nghĩ thế. Chúng tôi tin rằng hai người này đã gặp nhau, rằng họ đã biết nhau. Và lý do khiến chúng tôi tin như thế không dựa trên võ đoán. Nhân vật Jean Souetre thực đã thừa nhận điều này với một phóng viên Pháp tên là Jacques Chambaz năm 1983, và với Monique Lajournade (một trong những nhân viên nghiên cứu của O’Leary, đồng tác giả cuốn sách này) vào ngày 9.6.1999(156) [(Hurt; Chambaz, Jacques, “French Terrorist Accused of Murdering Kennedy”, Le Quotidien de Paris, 1.1.1984 (Đây là cuộc phỏng vấn Souetre duy nhất lục tìm được suốt nhiều năm. Tuy nhiên, cuộc phỏng vấn Souetre của chính chúng tôi ngày 9.6.1999 là cuộc phỏng vấn gần đây nhất và bao quát nhất tính cho đến nay))].

Souetre, như chúng ta biết qua hồ sơ CSCI – 3/776.742 của CIA, đã trốn thoát khỏi trại giam đó. Nhưng chúng ta cũng biết rằng Souetre, sau khi trốn thoát, vẫn là một sĩ quan cao cấp của OAS. Hẳn được tin cậy trong công tác tình báo của OAS đến độ được chọn là người tiếp xúc với CIA để xin giúp đỡ cho các hoạt động chống DeGaulle. Souetre được nêu tên như một thành viên tham gia một âm mưu ám sát DeGaulle trước đó. Trong khuôn khổ OAS, Souetre là một nhân vật quan trọng.

Nhưng khi đã biết rằng Souetre và Mertz đã biết nhau (và nhất là khi biết rằng Mertz đã góp phần phá tan OAS bằng cách xâm nhập vào nội bộ) thì có vô lý không khi cho rằng Souetre cũng là một trong những người bị Mertz lừa? Nếu cả hai ở trong cùng trại giam vào cùng một

quãng thời gian – điều này rất có thể – thì cũng không khó gì khi tưởng tượng ra Mertz đã thu được thông tin về một âm mưu mới nhằm ám sát DeGaulle ở đâu ra: chính là từ Mertz, một trong những tay có dính líu tới lần ám sát hụt trước đó. Và cho dù chuyện không phải như thế, thì Mertz và Souetre vẫn ở hai phía đối địch – họ là kẻ thù của nhau. Souetre chiến đấu để phục hồi chủ nghĩa đế quốc Pháp và kết liễu chính phủ DeGaulle. Mertz chiến đấu vì sự sống còn của chính phủ vì nó bảo đảm tài sản và quyền lực cho ông ta, cũng như quyền lực của hoạt động buôn lậu bạch phiến của Marseille.

Sau khi ghi nhớ điều này, ta hãy trở lui lại một chút. Một số tài liệu đáng tin cậy quanh vụ ám sát JFK đã nối Jean Souetre với một dãy mẫu tự sau: QI/WIN.

Rõ ràng đây là một mã danh gì đó của CIA (ta có thể nghĩ nó như một mật danh, tuy gọi là mật danh thì không đúng thuật ngữ)(157) [(Final Repot of the Assassination Records Review Board (Báo cáo chung quyết của Tiểu ban tái thẩm hồ sơ về vụ ám sát), ch.5, tháng 9.1998)]. Đôi khi những mã danh này không liên quan tới một cá nhân đơn lẻ mà tới một điệp vụ gì đó. Nói cách khác, có thể nhiều người dùng chung một mã danh, hoặc đôi khi mã danh chẳng liên quan tới một cá nhân nào, mà tới một chiến dịch của CIA. Thí dụ, mã danh MH/CHAOS vào thập niên 1960 không phải là một cá nhân mà là một chiến dịch liên quan đến những người phản chiến (158) [(Becket)]. Một thí dụ khác, mã danh ZR/RIFLE không dùng cho một nhân viên cấp chỉ huy của CIA mà là một chương trình tuyển mộ những con người hoặc tội phạm nước ngoài có thể sử dụng cho những vụ ám sát chính trị ở nước ngoài(159) [(Duffy)]. (Chính là chương trình trong đó CIA hợp đồng thuê trùm mafia Florida là Santos Trafficante tìm tay bắn tỉa để giết Castro)(160) [(Roberts)]. Ngược lại, và thường thấy hơn, mã danh theo kiểu này cũng được dùng cho một cá nhân, hoặc là cấp chỉ huy trong CIA, hoặc điệp viên, cơ sở hay kẻ tình nghi (GP/FLOOR chẳng hạn được CIA dùng để chỉ Lee Harvey Oswald trong cuộc điều tra sau vụ ám sát)(161) [(Final Repot of the Assassination Records Review Board, ch.5, tháng 9.1998)].

Và trong lĩnh vực nghiên cứu về vụ ám sát Kennedy, mã danh trên – QI/WIN – xuất hiện với một tần số gọi tò mò. Một số chuyên gia về JFK tin rằng Jean Rene Souetre và QI/WIN là một người. Và những chuyên gia này khẳng định rằng QI/WIN là một người nước ngoài có liên lạc với dân giang hồ Mỹ và có dính líu vào chương trình hoạt động của CIA(162) [(Duffy)]. Hãy khảo sát chuyện này một lát. Chúng ta đã biết rằng Souetre ít nhất cũng là một tay ám sát tiềm năng (qua mối liên hệ của hắn với âm mưu ám sát DeGaulle của OAS, đó là chưa nói tới việc OAS từng chủ động ám sát nhiều người chống đối hoạt động của họ); chắc chắn quá trình huấn luyện chiến đấu trong quân đội, kinh nghiệm trận mạc ở Algeria, và những kinh nghiệm trong hoạt động khủng bố với OAS, có thể bày ra những kỹ năng mà CIA tìm kiếm ở những ứng viên cho chương trình ZR/RIFLE. Ngoài ra, chúng ta biết rằng Souetre có liên lạc trực tiếp với các nhân viên CIA ở Lisbon, khi hắn ta yêu cầu CIA ủng hộ OAS chống DeGaulle. Ba dữ kiện nêu trên có thể tạo ra nền tảng vững chắc cho việc suy đoán Souetre là QI/WIN. Tuy nhiên, chúng tôi không nghĩ thế.

Những tài liệu nói về việc Souetre tiếp xúc với CIA để xin giúp đỡ cũng ghi nhận rằng các đại diện CIA đã từ chối Souetre. Họ đã cự tuyệt thẳng thừng. Và điều này hợp lý vì, như hồ sơ

CSCI-3/776.742 hàm ý, CIA chẳng có lý do gì để ủng hộ bất kỳ hoạt động nào chống DeGaulle và chính phủ của ông ta. Trong chừng mực liên quan tới Mỹ, DeGaulle và chính phủ Pháp là đồng minh quý giá và đáng tin cậy. Mỹ chẳng có lý do gì để ủng hộ một nhóm khủng bố cánh hữu lật đổ DeGaulle nhằm giữ chặt Algeria dưới chế độ thuộc địa Pháp, nhất là khi chính John Kennedy là người thúc giục DeGaulle trả độc lập trọn vẹn cho Algeria và triệt thoái mọi ảnh hưởng của Pháp ở xứ sở này.

Phải, nên nếu đó không phải Souetre, thì có lẽ đó là Mertz, người có cái tên thường bị lẫn lộn với tên của Souetre. Dù sao, Mertz cũng có những liên hệ rõ rệt với Mafia Mỹ vốn là khách hàng ma túy tốt nhất của ông ta. Và tuy không thể chứng minh được rằng chính Mertz đã có liên lạc trực tiếp nào đó với CIA, nhưng chúng ta cũng biết rằng những ông trùm bên trên ông ta – anh em Guerini, những kẻ kiểm soát toàn tập đoàn bạch phiến Marseille – cũng có quan hệ khi CIA tuyển mộ họ để giải tán những cuộc bãi công của công nhân bến tàu tại Marseille năm 1947 và năm 1950. Thực vậy, điều này được coi như một “quan hệ” với CIA, nhưng chúng ta đang nói về điều đã xảy ra hơn 30 năm trước so với thời điểm 1963, và lúc đó CIA đã rời khỏi Marseille từ lâu. Đến lúc này, được SDECE bảo vệ kỹ lưỡng, có thể có lý do gì khiến băng Guerini tái lập lại những liên hệ với CIA, nhất là khi ông chủ của CIA – chính phủ Mỹ – lại là một trong những chính quyền phê phán gay gắt nhất về thị trường bạch phiến Marseille? Sau cùng, chính phủ Mỹ thời Kennedy là một kẻ thù cay đắng đối với tập đoàn Marseille, vì tập đoàn này đang chuyển bạch phiến sang cho Mafia Mỹ, mà chính phủ Kennedy đang ra sức chống lại bọn này. Do đó chúng tôi không tin QI/WIN là Mertz. Sự thực, chẳng có gì đủ thuyết phục để ủng hộ ý niệm rằng mã danh QI/WIN của CIA là có liên quan tới Mertz hoặc Souetre. Chúng tôi có thể sai, nhưng chúng tôi không thể hiểu rõ chuyện này.

Khởi đầu phần tham chiếu có vẻ xuất phát từ một điều tưởng như không liên quan nhưng vẫn rất thú vị. Nó dính đến một kẻ lồi thoi có tên là Thomas Eli Davis III, người cùng với Jack Ruby buôn lậu vũ khí vào Cuba(163) [(Benson)]. Davis cũng bị nghi từng là một đầu mối của CIA(164) [(Roberts, Craig và John Armstrong, JFK: The Dead Witnesses (Consolidated Press International, 1995))]. Ly kỳ hơn, Davis đã bị tù ở Tangier, và bị nhà cầm quyền Morocco câu lưu vì sở hữu một lá thư trong đó có nói tới Lee Harvey Oswald và vụ ám sát JFK (Vụ này chưa tới một tháng sau khi JFK chết). Trong tác phẩm Conspiracy (“Âm mưu”) của Anthony Summers, chúng ta biết được phần lớn về giai đoạn rối rắm này. Các hồ sơ FBI xác định Davis là một tay cướp ngân hàng có quan hệ với CIA và có biết Jack Ruby. Davis hoá ra lại là một trong những kẻ đã bị chết một cách mờ ám sau khi người ta thấy hắn có thể có thông tin về vụ ám sát Kennedy. (Hắn bị điện giật trong khi đang cắt dây điện. Hay thật). Nhưng mối liên hệ của Davis với mã danh QI/WIN có nguồn gốc từ hồi hắn bị tù lần đầu ở Tangier. Davis được thả nhờ sự vận động của một nhân viên CIA được biết dưới mã danh QI/WIN. Năm 1975, Ủy ban tình báo thượng viện xác nhận rằng QI/WIN thực sự là một thành viên CIA có những quan hệ với bọn tội phạm và được CIA tuyển mộ đầu đó tại châu Âu(165) [(Summers)]. Cái này là chút bằng chứng quý báu cho thấy rằng QI/WIN có thể là Souetre hoặc Mertz. Peter Dale Scott, trong cuốn Deep Politics and the Death of JFK (“Nền chính trị ngầm và cái chết của JFK”) đưa ra luận điểm rất hay rằng QI/WIN có thể là một điệp viên có liên quan đến chương trình ZR/RIFLE có tên là Charles Siragusa(166) [(Scott, Peter Dale, Deep Politics and The Death of JFK (University of California Press, 1993))].

Nhưng vì nhiều hàm ý đã xuất hiện trong giả thuyết về vụ ám sát JFK cho rằng Souetre và QI/WIN là cùng một người, nên chúng tôi cảm thấy nên đề cập tới giả thuyết đó ở đâu và trình bày những nghi ngờ của chúng tôi. Chúng tôi không quan tâm lắm đến lai lịch đích thực của mã danh bí hiểm này của CIA; điều chúng tôi quan tâm là mối liên quan trực tiếp của Souetre và/hoặc Mertz đối với chuyện đã xảy ra ở Dallas ngày 22.11.1963. Chúng tôi đã trưng dẫn hầu như mọi điều đã được chính thức thừa nhận về Jean Rene Souetre, nên bây giờ chúng tôi tập trung hơn vào nhân vật Mertz – cái tên được nêu trong 632-796 như một tên giả của Souetre. Cần có những điều gì khác về Michael Victor Mertz để ráp xong các mảnh trong bức hình của ông ta?

Sự kiện ông ta biết Souetre – và là một kẻ thù của Souetre – là cực kỳ quan trọng và chúng ta sẽ bàn kỹ hơn về chuyện này sau. Nhưng xin nhớ, chính Mertz đã đích thân xâm nhập vào trại giam và moi được các chi tiết về âm mưu ám sát DeGaulle kể đó, và việc làm của ông ta đã đem lại cho SDECE những thông tin cần thiết để phá tan âm mưu này. Thông tin này không những cứu mạng DeGaulle mà còn góp phần lớn hơn bất cứ gì khác vào việc làm sụp đổ OAS. Không như những vụ mưu sát trước đó, kế hoạch lần này – ở Pont-sur-Seine – được báo chí tường thuật chi tiết, và khi dân chúng biết chuyện này, họ thật sự kinh hoàng. Chút thiện cảm của họ dành cho sự nghiệp của OAS, nếu có, cũng trôi theo dòng nước cống. Sự ủng hộ của công chúng bây giờ hướng về DeGaulle và nền Đệ ngũ Cộng hoà, và OAS từng một thời hùng mạnh bây giờ hoàn toàn sụp đổ.

Từ đó về sau, SDECE rất được DeGaulle ưu đãi. Nhưng chuyện này còn để lại một vấn đề nhỏ.

Khi SDECE đã đạt được mục tiêu vô hiệu hoá OAS, họ thấy mình mắc nợ quá nặng đối với Mertz và những tay giang hồ tham gia chiến dịch này. Giới tội phạm Marseille đã cứu SDECE ra khỏi thế bí...

Bây giờ đã đến lúc phải trả lễ.

Trong khi đi làm công tác mật cho SDECE, Mertz đã bỏ ngang chuyện buôn bán bạch phiến với Mafia Mỹ thông qua những đầu mối ở Montreal và New York City. Nhưng để trả món nợ đó, SDECE thuyết phục Bộ Nội vụ Pháp lo mọi chi phí để chuyển Mertz và vợ sang Canada nơi ông ta có thể tái lập lại đường dây bạch phiến vào New York City với Mafia Mỹ.

Trong vòng một tháng, Mertz đã giàu có trở lại, và đến tháng 1.1962, các đầu mối của ông ta đã được củng cố lại, và ông ta trở về Pháp để điều hành đường dây bạch phiến này ở phía châu Âu cho tập đoàn ma tuý của anh em Guerini. Công việc phát đạt trở lại.

Đến lúc này, Mertz đã có những tài khoản khổng lồ trong ngân hàng Thụy Sĩ để gửi những khoản lợi nhuận kếp xù. Hãy nhớ rằng, trên danh nghĩa ông ta vẫn sống bằng lương hưu của một đại úy, vậy mà Mertz, năm 1969, đã sở hữu một khu đất săn bắn hơn một ngàn mẫu thuộc loại tốt, một sân bay riêng, nhiều căn hộ đắt tiền ở Paris và Metz, những điền trang ở quê nhà Moselle, nhà nghỉ ở Corsica, biệt thự riêng gần Paris và máy bay riêng.

Mertz là một chục lần triệu phú, và ta có thể thấy SDECE trả công phục vụ cho ông ta như thế nào. Họ cho phép ông ta duy trì chuyện buôn bán ma túy, cũng như cho phép tất cả những tay giang hồ khác từng tham gia chống OAS. Họ giúp đỡ bằng cách tiếp tục bao che các lò chế biến bạch phiến ở Marseille và giữ cho đường dây phân phối toàn cầu không bị bất kỳ cơ quan công quyền nào cản trở. Làm khác đi là có nguy cơ gặp tai họa lớn không thể tưởng tượng được. Nếu bộ phận khác nào đó trong chính phủ – độc lập với SDECE – khởi sự tấn công vào đường dây ma túy Marseille và bắt giữ những thành viên trong đó, những tay buôn ma túy nổi giận lên sẽ bắt đầu khai ra SDECE đã chiêu mộ giới tội phạm cho những chiến dịch của chính phủ như thế nào (một số chiến dịch cũng dính đến chuyện ám sát và tra tấn người Pháp). Chuyện này sẽ huỷ diệt không những uy tín của SDECE đối với cộng đồng các cơ quan tình báo quốc tế mà còn bôi đen lên toàn cấu trúc và bộ mặt của chính phủ Pháp.

Không thể để chuyện này xảy ra được, và đó là lý do tại sao SDECE đã cố hết sức mình để bảo vệ quyền lợi của ngành bạch phiến Marseille. (Cũng có thể cho rằng một phần lợi nhuận từ ma túy cũng rơi vào tay một số quan chức SDECE để trả ơn họ cộng tác).

Trong khi đó, về phía Mỹ, Cục ma túy liên bang (tiền thân của DEA ngày nay) bắt đầu bắt giữ được nhiều tay chuyển hàng của Mertz, và một số tên trong đó đã thừa nhận rằng Mertz là tay điều hành đường dây. Sau đó, Cục ma túy liên bang lập tức kiến nghị phản đối với giới chức Pháp rằng Michael Mertz đã cầm đầu một mạng lưới đã buôn lậu hơn ¼ tấn bạch phiến mỗi năm vào đất Mỹ(167) [(Tư liệu về những dàn xếp trực tiếp của SDECE cho Mertz sau những nhiệm vụ trong OAS đã được hoàn tất; tư liệu về các tài khoản trong ngân hàng Thụy Sĩ của Mertz và tài liệu và các sở hữu bất động sản đều dựa trên lương đại úy; và những ngụ ý rằng SDECE từ chối bắt giam Mertz vì tội buôn bán bạch phiến sau nhiều phản đối của Cục ma túy Mỹ; và những ngụ ý khác cho rằng Mertz đã ngồi tù ở mức tối thiểu cho những trọng tội; *The Heroin Trail*, tr.113-119 (Ý kiến cho rằng SDECE nhận tiền từ tập đoàn bạch phiến này mà nó bảo vệ không được nêu trong *The Heroin Trail* nhưng đó là bản kết luận hợp logic của các tác giả sách này)]].

Dĩ nhiên, SDECE cũng có một số ảnh hưởng đáng kể đối với các giới chức Pháp này. Thí dụ, chi nhánh Paris của Cục quản lý ma túy và các thuốc nguy hiểm tại châu Âu chẳng bao giờ nghe nói tới Michael Mertz(168) [(*The Heroin Trail*)]. Họ không có khả năng tìm ra bất kỳ thông tin nào về Mertz, một kẻ chắc chắn có hồ sơ quân nhân. Rõ ràng, SDECE đã giấu những hồ sơ này, và thêm những hồ sơ quan trọng hơn thế nữa. Mọi hồ sơ ghi nhận sự tồn tại của Mertz đã biến mất một cách đơn giản và tiện lợi.

Tóm lược lại, Cục ma túy Mỹ khiêu nại về Mertz với giới chức Pháp suốt bốn năm và họ không có hành động gì cả. Trong thời gian đó, Mertz và tập đoàn Marseille (nhất là Cecchini) tiếp tục đưa những lượng bạch phiến lớn sang đất Mỹ(169) [(*The Heroin Trail*)]. Còn Cục ma túy Mỹ cứ tiếp tục khiêu nại còn phía Pháp cứ làm như chẳng có chuyện gì. Họ không chịu làm bất cứ gì dính tới Mertz, cho dù cả đồng bằng chứng đã được ném xuống bàn của họ.

Tại sao? Đơn giản thôi. Nếu SDECE để cho những người như Mertz bị bắt và tổng giam vì tội ma túy thì SDECE, cũng như chính DeGaulle, sẽ gặp nguy cơ rất lớn. Nhưng khi DeGaulle từ chức năm 1969(ông ta chết một năm sau đó), tổng thống kế nhiệm, George Pompidou, đã tìm

cách khống chế SDECE bằng cách bổ nhiệm một giám đốc mới không có quan hệ chính trị gì cả. Nên khả năng bao che cho tập đoàn Marseille của SDECE sút giảm đáng kể, hoặc ít nhất nó cũng suy giảm đến mức SDECE không còn đủ sức giữ cho Mertz và những người như ông ta không bị bắt giữ nữa.

Rút cuộc, sau nhiều năm Cục ma túy kiên trì gây áp lực, Mertz đã bị bắt và xử vì tội buôn bán ma túy. Công lý sau cùng đã được thực thi... phải vậy không? Mertz lãnh một bản án năm năm – một bản án nhẹ nếu xét tới việc ông ta đã phân phối nhiều tấn (không phải gram, bịch, hay bánh – mà là tấn) bạch phiến tinh chế sang đất Mỹ. Tại hầu hết các nước, kể cả Mỹ, án dành cho buôn bán ma túy với lượng lớn như vậy sẽ lập tức là tù chung thân không phóng thích trước thời hạn... nhưng Mertz chỉ lãnh án năm năm. Cộng sự đắc lực của Mertz, Achille Cecchini, cũng lãnh một mức án như vậy nhưng không ngồi tù ngày nào vì một bác sĩ “do toà chỉ định” xác định rằng hắn ta quá yếu không thể sống được trong môi trường nhà tù. Quá yếu không đủ sức ngồi tù nhưng vẫn đủ sức lui tới những hộp đêm tại Marseille và tiếp tục đi lại với những trùm ma túy thời hậu Guerini(170) [(The Heroin Trail)].

Còn Mertz thì sao? Ông ta được phóng thích sau khi ngồi tù tám tháng cho bản án năm năm ấy, và ta có thể dễ dàng hiểu ra tại sao.

NHỮNG ĐIỀU LỤN VƯỢT VÀ LẶT VẶT

“Bộ não (Kennedy) đã được giao cho Phó Đô đốc Burkley trong một cái xô ...”

- BÁC SĨ THORNTON BOSWELL(172) [(Horne, Douglas ARRB MEMORANDUM FOR FILE: “Questions Regarding Supplementary Brain Examinations Following the Autopsy of President John F.Kennedy”, 28.8.1996 (trích bút lục cuộc phỏng vấn bác sĩ J. Thornton Boswell))]

Trong một lúc – hoặc một đoạn khá dài – ý nghĩ cuối cùng của chương trước và một số phần thuộc các chương khác đã quanh quẩn với những điều vốn không nhất thiết liên quan đến những yếu tố cốt tuỷ của cuốn sách này nhưng vẫn thú vị như thường – những điều mà bạn có lẽ không được biết, và những khía cạnh khác của cuộc tranh luận về việc sát hại JFK mà gần đây đã xuất hiện những tia sáng mới.

Nonsenko và KGB

Từ lâu đã có một lực lượng những người luôn tin rằng Kennedy bị giết trong một âm mưu do Liên Xô và Nikita Khrushchev sắp đặt. Cơ sở bằng chứng cho giả thuyết này nằm trong lời tuyên bố rằng công dân Xô-viết vượt tuyến đầy tai tiếng Yuri Nonsenko chẳng phải là kẻ vượt tuyến sang hàng ngũ địch gì cả, mà y chỉ là nhân viên KGB được phái đi để gỡ mối nghi ngờ đối với Moscow quanh vụ ám sát JFK. Những người theo thuyết này cho rằng, Nonsenko trước đây đã tạo dựng uy tín với CIA bằng cách bán cho họ những tin tức tình báo trong khi đang giữ một chức vụ cao trong KGB. Hai tháng sau khi Kennedy bị giết, Nonsenko thông báo với CIA rằng anh ta muốn đảo ngũ và thời điểm đảo ngũ phải là ngay lúc đó vì thượng cấp của anh ta đang nghi ngờ anh ta.

Do đó, CIA chớp ngay lấy anh này.

Điều chủ yếu trong những thông tin mà Nosenko trao cho những người Mỹ đã cứu giúp mình là lời tuyên bố rằng anh ta chính là người giám sát hồ sơ KGB về Lee Harvey Oswald. Anh ta tuyên bố rằng, cho dù KGB có một hồ sơ Oswald, họ chưa hề tỏ ra quan tâm tới tay này khi cần tuyển nhân viên, chưa hề sử dụng tay này trong bất kỳ hoạt động dưới vỏ bọc hay những hoạt động khác, và đã lập tức loại bỏ ông ta ra như một mẩu giấy vụn. Tất cả những điều này khiến CIA suy ra rằng Oswald không liên hệ gì với KGB khi ông ta giết Kennedy và do đó Liên Xô không liên quan gì tới vụ ám sát này(173) [(Benson)].

Tất cả các thông tin trên chủ yếu là đúng sự thật , tuy nhóm theo giả thiết Liên Xô vẫn cho rằng đó là một trò lừa, và thông tin của Nosenko về Oswald thực ra chỉ là thông tin giả, một lời nói dối nhằm làm lạc hướng nghi ngờ đối với Liên Xô. Sau này người ta khám phá ra rằng Nosenko đã nói dối vài điều quanh vai trò của anh ta trong KGB, và nhóm theo giả thuyết Liên Xô tin rằng nếu anh ta đã nói dối về những điều đó thì anh ta cũng nói dối về chuyện KGB chẳng quan tâm gì tới Oswald, có nghĩa là Oswald đã giết Kennedy như một phần trong âm mưu của Khrushchev/ Liên Xô.

Từ 1995, một số những hồ sơ của chính phủ Mỹ đã được giải mật và công bố toàn văn, và tài

liệu nhiều tiết lộ nhất trong số đó cho chúng ta biết rằng Liên Xô đã trao toàn bộ hồ sơ KGB về Oswald cho chính phủ Mỹ hai ngày sau vụ ám sát – Đại sứ Liên Xô Anatoli Dobynin đã đích thân trao hồ sơ này cho Bộ trưởng Ngoại giao Dean Rusk ngay sau đám tang của JFK. Và đoán thử coi có chuyện gì? Thông tin trong hồ sơ đó tiết lộ hầu như cùng những điều mà Nosenko đã nói với CIA mấy tháng trước đó. Như thế, khi Nosenko kể rằng KGB không hề quan tâm tới Oswald và đã loại bỏ ông này như một mẩu giấy vụn thì ông ta đã nói thật. Kể từ đó, nhất là sau khi Liên Xô tan rã, nhiều quan chức cao cấp của KGB cũng đã xác định tương tự.

Đại tá Oleg Maximovich Nechphrenko, thành viên của Ban giám đốc thứ nhất của KGB, trong tác phẩm *Passport to Assassination*, trích dẫn một thông tin của chính Giám đốc KG Vladimir Semichastny, trong đó Giám đốc xác nhận KGB không quan tâm gì tới Oswald(174) [(Nechiphrenko, Oleg Maximovich, *Passport to Assassination* (Birch Lane Press, 1993)]. Vào tháng 10.1998, một nhân vật lớn khác của KGB, Oleg Kalugin đã xác nhận thêm về điều đó. Khi xảy ra vụ ám sát Kennedy, Kalugin đang làm việc cho KGB dưới vỏ bọc một sinh viên tại Đại học Columbia, và ông ta chứng thực rằng Nosenko đã nói dối một số điều quanh địa vị của anh ta nhưng quả thực anh ta có phụ trách hồ sơ của KGB về Oswald, và quả Oswald đã bị gạt qua một bên vì không sử dụng được cho bất kỳ lợi ích nào của KGB. Lý do chính để KGB theo dõi Oswald là nhằm xác định xem ông ta có phải điệp viên được cài qua phía địch hay không(175) [(Phỏng vấn Kalugin, từ phim video *The Secret KGB/JFK Assassination Files* (1998), Associated Television)]. Không ai tranh luận chuyện KGB theo dõi Oswald vì lý do muốn tìm khả năng chiêu mộ khi ông ta sang Liên Xô lần đầu, nhưng bây giờ chúng ta cũng biết rằng ông ta đã mau chóng bị KGB loại bỏ và xem như vô dụng khi KGB xem ông ta như một “tay loạn thần kinh không trung thành với tổ quốc của mình và mọi thứ khác...”(176) [(Tài liệu FBI 124-10144-10086, tài liệu CIA 62-109060-4321, ngày 1.12.1966; tr 4, giải mật ngày 15.8.1995)].

Trong tài liệu đặc biệt này (Hồ sơ lưu FBI số 124-10144-10086, nếu như bạn không thích lật tới phần chú thích ở cuối sách), chúng ta cũng biết tìm hiểu thêm được vài điều chứng tỏ rằng Liên Xô không dính dáng vào vụ ám sát JFK. Thực vậy, họ đã rất lo lắng Mỹ có thể nghi ngờ họ có thông đồng dự mưu (cả Mỹ lẫn Liên Xô đều đã đặt quân đội vào tình trạng báo động vài giờ sau khi JFK chết)(177) [(Tài liệu dẫn trên, tr 1; và Tài liệu Nhà Trắng, 4.12.1963, Memorandum For Bromely Smith, về: “Changes in defense Readiness Conditions as a Result of the Assassination of President Kennedy”; O.S.Hallet ký, giải mật ngày 7.4.1998 với số hiệu JFK 177-10001-10000)]. Quả là Liên Xô đã lo ngại một sự hiểu lầm có thể dẫn đến chiến tranh hạt nhân đến nỗi họ đã tiến hành một cuộc điều tra riêng(178) [(Tài liệu FBI 124-10144-10086, tài liệu CIA 62-109060-4321, ngày 1.12.1966)], thứ nhất, để bảo đảm rằng không có “tổ hành động” nào của KGB có dính dáng vào vụ này, và thứ nhì, để xác định, nếu có thể được, chính xác điều gì đã xảy ra tại Dallas vào ngày 22 tháng 11 đó.

Chúng ta đã nghe nói rất nhiều lần về tài liệu nói rằng sau cái chết của JFK, các tay súng FBI đã nhiều lần cố gắng tái hiện lại kỹ năng thao tác bắn mà Oswald phải có để làm được công việc ấy nếu ông ta là tay súng duy nhất – và những tay thiện xạ FBI đó đã không làm được. KGB và những quân nhân thiện xạ tại Liên Xô cũng thực hành bài kiểm tra ấy và cũng thất bại như vậy(179) [(The KGB/Oswald Files, phim tài liệu video (Associated Television) tháng 11.1998)]. Kết luận của họ là gì?

Nó cũng giống như kết luận của hầu hết mọi người ngày nay thôi.

Đại tá Boris Ivanov, giám đốc văn phòng KGB tại New York – và là một trong những người đã ra lệnh tiến hành những điều tra ban đầu của KGB – kết luận rằng “cái chết của Kennedy hiển nhiên đã được dàn xếp bởi một nhóm có tổ chức lớn hơn là hành động giết người của một cá nhân đơn lẻ”(180) [(Tài liệu FBI 124-10144-10086, tài liệu CIA 62-109060-4321, ngày 1.12.1966)].

Chúng ta có hàm ý rằng KGB là một nhóm những tay cự phách không? Dĩ nhiên là không. Nhưng trong một ghi chú cuối cùng, hồ sơ này cho chúng ta thấy lý do đích thực cho “cú sốc” của Nga trước cái chết của Kennedy. “Liên Xô có lẽ thích có Kennedy đứng đầu chính phủ Mỹ hơn” bởi vì ông ta có “sự hiểu biết lẫn nhau với Liên Xô, và đã cố hết sức để cải thiện những quan hệ của Kennedy. “Liên Xô có lẽ thích có Kennedy đứng đầu chính phủ Mỹ hơn” bởi vì ông ta có “sự hiểu biết lẫn nhau với Liên Xô, và đã cố hết sức để cải thiện những quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô”(181) [(Tài liệu dẫn trên)]. Nói cách khác, Liên Xô rất muốn JFK tiếp tục nắm quyền bởi vì ít nhất họ cũng biết JFK xuất phát từ quan điểm gì và thậm chí còn ký một hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân với Liên Xô. Người mà Liên Xô ưu tư nhất lại là vị kế nhiệm Kennedy, Lyndon Johnson. Nikolai Fedorenko, đại diện thường trực trong Phái bộ Liên Xô tại Liên hiệp quốc, có nói rằng “Chính phủ Liên Xô không biết hoặc biết rất ít về Tổng thống Lyndon Johnson và do đó, chính phủ Liên Xô không biết Tổng thống Johnson trong tương lai sẽ có chính sách nào đối với Liên Xô”(182) [(Tài liệu dẫn trên)].

Johnson, tân tổng thống, sau khi Kennedy chết, đã trở thành ưu tư lớn nhất của Liên Xô; Johnson là một ẩn số chính trị vì họ không biết chút gì về ông ta. Thực vậy, chính Ivanov là người sau này đã chỉ thị KGB làm một cuộc điều tra rất ráo về Johnson!(183) [(Tài liệu dẫn trên)].

Dù sao đi nữa, chúng tôi hy vọng rằng điều này sẽ xoá được một số những luận điểm sai lầm hiện diện trong các giả thuyết qui kết về Liên Xô/ Khrushchev/ KGB.

TẮM LÁ CHẮN SÁNG VÀ CÂY VĨ CẦM: TÀI THIỆN XẠ CỦA OSWALD

Để so sánh, chúng ta có thể nói một cách chắc chắn là những người như Michael Mertz và Jean Souetre là những tay sát nhân thiện nghệ, cả hai đều có tay nghề được hình thành và rèn luyện trong chiến đấu thực sự. Mertz từng được thưởng anh dũng bội tinh trong Thế chiến 2 khi phục vụ trong lực lượng Pháp kháng chiến, một lực lượng bán quân sự với những tay bắn tỉa xuất chúng thường ám sát các sĩ quan Đức và chính khách trong chính phủ Vichy. Và mặc dù chiến đấu vì một mục tiêu hoàn toàn khác hẳn, OAS về mặt hoạt động vẫn tương tự như lực lượng Pháp kháng chiến ở chỗ nó cũng hoạt động ngầm, và cũng thường sử dụng những tay bắn tỉa tầm xa để ám sát kẻ thù.

Nhưng còn Lee Harvey Oswald?

So với những người như Mertz và Souetre, Oswald chỉ là một thứ tay mơ. Y chưa từng tham dự cuộc chiến nào, chưa từng kinh nghiệm trận mạc, chưa từng xuất sắc trong bất kỳ lĩnh vực nào khi là lính thủy quân lục chiến, thường bị những bạn lính khác chế giễu, thường xuyên bị phạt và ra toà án binh vì bất cẩn hoặc sai phạm kỷ luật, và bị cho giải ngũ sớm hai năm vì một lý do không ai muốn có(184) [(Benson)]. Nói cách khác, Oswald hoàn toàn thất bại trong vai trò một thủy quân lục chiến Mỹ – đơn giản là y chẳng làm gì ra trò.

Tuy nhiên, nhiều tài liệu về vụ ám sát JFK đã khiến độc giả tin rằng Oswald là một tay súng trường thiện xạ. Gerald Posner chẳng hạn, nói với chúng ta rằng vào tháng 12.1956, Oswald bắn súng đạt “212 điểm, hai điểm cao hơn mức yêu cầu đối với loại ‘thiện xạ’, bậc xếp loại cao thứ nhì trong lực lượng Thủy quân lục chiến”. Và vào tháng 5.1959, Oswald “cố gắng đạt được 191 điểm, vừa đủ để được xếp loại ‘bắn giỏi’”(185) [(Posner, Case Closed)].

Thiện xạ! Bắn giỏi! Những tên gọi ấy rõ ràng được dùng để chỉ chuyên gia sử dụng vũ khí, đúng không?

Không, tuyệt đối không, nhất là trong chuyện Oswald được huấn luyện tác xạ trong quân đội.

Sự thật, Oswald chưa bao giờ vượt qua kiểm tra bắn súng trường với số điểm cao trong Thủy quân lục chiến; sự thực, mức chính xác của y giảm dần theo thời gian(186) [(Fetzer)]. Sự thực, trong lần bắn kiểm tra cuối cùng của Oswald trong Thủy quân lục chiến, kết quả bắn của y tệ đến độ chỉ cao hơn mức điểm liệt được một điểm(187) [(Warren Commisison Report (“Báo cáo Warren”))].

Ở đây chúng ta gặp vấn đề về thuật ngữ chuyên môn, hoặc sự chỉ rõ và hàm ý. Nhiều nhà nghiên cứu về JFK biết điều này nhưng không bao giờ đề cập tới vì muốn bảo vệ những giả thiết đang hái ra tiền của mình. Có một sự khác biệt rất lớn giữa thuật ngữ “bắn giỏi” (marksman) trong quân đội với “bắn giỏi” trong ngôn ngữ thông thường. Những nhà nghiên cứu ủng hộ Ủy ban Warren đã cố tình và nhất quán không cho độc giả biết rằng tuy Oswald đạt

loại “bắn giỏi” theo thuật ngữ quân sự, nhưng thực ra “bắn giỏi” là tiêu chuẩn THẤP NHẤT trong quân đội. Trong quân đội Mỹ, nếu bạn không đạt loại “marksman” trong môn huấn luyện súng trường cơ bản, bạn sẽ bị rớt. Hoặc bạn sẽ bị đưa ra khỏi quân đội hoặc bạn phải học lại. Hãy xem một thí dụ khác cho rõ hơn. Khi đồng tác giả Lee của sách này còn trong quân đội, ông ta được chứng nhận đạt loại “chuyên gia” (expert) với súng M1911A 12 ly (một đẳng cấp trên trung bình trong quân đội) và đạt loại “thiện xạ” với súng M-16 (một đẳng cấp trung bình theo tiêu chuẩn quân đội). Ông Lee nói, “Về mặt kỹ thuật, kết quả lần bắn súng trường tệ nhất của tôi thì cũng cao hơn lần bắn tốt nhất của Oswald tới vài ba điểm. Và đó là những mục tiêu cố định, chứ không phải di động. Nhưng tôi có thể nói với ông rằng với một vũ khí tốt hơn khẩu Mannlicher- Carcano, ngay cả với một khẩu súng trường bán tự động thay vì một khẩu bắn từng phát, thì cũng không có cách nào mà tôi bắn trúng đầu một người ngồi trên xe đang chạy ở cùng cự ly đó. Không một ai với tài bắn cỡ tôi hay Oswald lại làm được chuyện đó”.

Vậy mà có nhiều tác giả tiếp tục bóp méo sự thực cho hợp với các giả thuyết của họ. Thực vậy, Oswald đạt loại thiện xạ theo thuật ngữ quân đội, rồi Posner nói với độc giả của ông ta rằng đây là “bậc xếp loại cao thứ nhì trong lực lượng Thủy quân lục chiến”. Bậc cao thứ nhì nghe cũng khá cao chứ, phải không? Nhưng chính điều Posner không nói với độc giả mới là điều làm phiền chúng ta. Trong quân đội Mỹ, chỉ có ba bậc xếp loại, marksman (bắn giỏi) là bậc thấp nhất, sharpshooter (thiện xạ) là bậc trung bình, và expert (chuyên gia) là bậc cao nhất. Phải, Posner nói với độc giả của ông ta rằng “sharpshooter” là bậc xếp loại hạng nhì trong thi bắn súng của Thủy quân lục chiến, như ông ta đã che dấu khi không nói với độc giả rằng đây chỉ là bậc nhì trong ba bậc. Nên “sharpshooter” ở đây chỉ có nghĩa là “trung bình”.

Rồi Posner cũng nói với chúng ta rằng việc đạt loại “sharpshooter” này “cho thấy ở tư thế đứng, ông ta {Oswald} có thể bắn trúng tâm điểm có đường kính 10 inch (cỡ 25cm) ở cự ly 200 thước, mười lần trúng tám”(188) [(Posner, Case Closed)], và ông ta nêu nhận định này dựa trên chứng thực của Ủy ban Warren(189) [(Posner, Case Closed)], cái bộ phận điều tra đã bị nghi là nói dối suốt ba thập niên qua!

Sau cùng, lời chứng của Ủy ban Warren chỉ là ý kiến của một người và chúng tôi không xác tín ý kiến đó. Để làm như thế, chúng tôi sẽ trưng dẫn một ý kiến không liên quan đến Ủy ban Warren tai tiếng đó và ý kiến này gần đây hơn thông tin trên từ 1964. Trong một buổi phỏng vấn Randy Martin, cựu binh chiến tranh Việt Nam và là chuyên gia bắn tỉa, vào tháng 12.1998, ông này đã nói với chúng tôi rằng ông ta đã trải qua huấn luyện tác xạ căn bản y như Oswald trước khi vào trường huấn luyện bắn tỉa (là chuyên gia bắn tỉa trên mặt trận, ông ta đã mười lần hạ gọn mục tiêu ở tầm xa trên trận địa) “tám lần trong 10 lần bắn trúng một mục tiêu 25cm cố định ở cự ly tối thiểu 200 thước là vượt xa tiêu chuẩn của một sharpshooter, cho dù không bị giới hạn về thời gian. Trong huấn luyện tác xạ của quân đội, các điểm số của Oswald cho thấy đó là một tay không có khả năng chơi cây đàn violon trúng vào tấm chắn sáng trước cái đèn rọi sân khấu nữa”(190) [(Phỏng vấn “Randy Martin”, 1.12.1998. Người được phỏng vấn yêu cầu không nêu rõ tên thật vì anh ta làm lính bắn tỉa hồi ở Việt Nam)].

Dĩ nhiên, đến đây, rõ ràng ta phải thừa nhận chuyện phát súng giết chết Kennedy và làm bị thương John Connally không thể là công trình một xạ thủ loại “trung bình”.

Và cũng không cần phải nhắc lại rằng, vào năm 1964, những tay bắn tỉa của FBI cũng không thực hiện nổi công trình tác xạ mà Posner và các tác giả khác cứ nói với chúng ta là Oswald đã làm được(191) [(Summers)]. Nếu một số tay bắn tỉa loại giỏi nhất của FBI còn không làm nổi, thì làm sao Oswald – tối đa cũng chỉ là xạ thủ trung bình – thực hiện được?

Hơn nữa, còn có khẩu súng trường hung khí mà người ta cho rằng Oswald đã dùng để thực hiện được một chiến công bắn tỉa vượt ngoài khả năng của y.

Khẩu Mannlicher – Carcano 6,5 là một khẩu carbine, không phải súng trường của dân bắn tỉa. Nó là thứ vũ khí nhẹ của bộ binh với nòng ngắn được thiết kế cho tầm bắn ngắn, dễ kiểm soát trên trận địa. Sự thực, khẩu súng trường cảnh sát thu hồi được từ tầng sáu của kho sách giáo khoa là một loại vũ khí đã bị rút khỏi sử dụng cho quân đội từ năm 1918 vì cỡ nòng 6,5 ly của nó được coi như không thoả đáp được những mục đích chiến trận hiện đại(192) [(Hogg, Ian và Rob Adam, Jane's Guns Recognition Guide (Harper & Collins, 1996))] (mà năm 1918 thì hiện đại cỡ nào?) Nói một cách đơn giản, thứ vũ khí này không được thiết kế để dùng làm súng bắn tỉa, giống như lý do khiến súng carbine M-1 không được thiết kế làm súng bắn tỉa. Nếu Lee Harvey Oswald muốn giết JFK thì y có thể dễ dàng kiểm được cả chục thứ vũ khí hữu hiệu khác. Chuyện Oswald dùng khẩu Mannlicher – Carcano để giết Kennedy thì cũng khác chi chuyện dùng cái muỗng để đào huyết hoặc lợp mái nhà bằng những tấm bìa carton. Làm thế không được.

Oswald, vào năm 1963, hẳn có thể mua nhiều loại súng trường chính xác hơn tại các cửa hàng ở Dallas với giá cũng không đắt hơn. Thay vào đó, những người ủng hộ Ủy ban Warren lại nói với chúng ta rằng Oswald đã đặt mua bằng thư một loại vũ khí xoàng cho công việc này trong khi y có thể đi bộ tới một tiệm bán súng gần nhất và mua một khẩu tốt hơn nhiều. Posner và Ủy ban Warren hy vọng chúng ta sẽ tin rằng Oswald sẵn sàng chọn một cái xẻng để làm công việc của một xe xúc đất. Đó là chưa kể tới lời chứng khác cho rằng khẩu Mannlicher – Carcano tìm được trong kho sách đã bị lắp ráp sai, cơ bấm không đúng chỗ và không được thiết kế để dùng với ống ngắm. Sự thực, các chuyên gia trong quân đội khẳng định rằng sử dụng một ống ngắm với loại vũ khí này sẽ làm cho nó kém chính xác hơn trong điều kiện tác xạ tại quảng trường Dealey, bởi vì súng này sau khi bắn một phát, phải kéo cơ bấm để chuẩn bị cho phát kế tiếp, và khi làm như thế thì ống nhắm không còn nhắm vào mục tiêu nữa(193) [(Summers)]. Điều này chỉ làm đổ thêm dầu cho một ngọn lửa đã cháy gần 40 năm nay rồi. Rõ ràng Lee Harvey Oswald không có tài thiện xạ cũng như vũ khí thích hợp để làm được điều mà Ủy ban Warren và các tác giả theo thuyết tay súng đơn độc cố gắng chứng minh.

BỘ NÃO CỦA TỔNG THỐNG ĐÃ THẤT LẠC

Trong bảng dẫn phương pháp luận trị giá 8 triệu đô la vốn chẳng xác định cụ thể hồ sơ nào, hay các mã hồ sơ mà công chúng cần biết, Tiểu ban tái thẩm các hồ sơ về vụ ám sát ít nhất cũng làm được chuyện công bố rất nhiều hồ sơ mới về vụ JFK – chính việc tìm ra những hồ sơ này mới là chuyện gay go. Tuy nhiên, Gerald Posner (tác giả cuốn *Case Closed* – “Vụ án đã khép lại” – gây nhiều tranh cãi) hiển nhiên cũng đã tìm ra một số hồ sơ, trong đó đặc biệt có một hồ sơ ghi bằng chứng liên quan đến vụ kỳ án đã làm nát óc công chúng suốt 35 năm qua. Khi các bác sĩ khám nghiệm thi thể JFK tại Phòng cấp cứu I của Bệnh viện Parkland ở Dallas, họ đã báo cáo rằng từ 1/5 đến 1/4 bộ não của Kennedy đã bị viên đạn bắn văng ra khỏi đầu ông ta. Do đó, phần lớn bộ não này vẫn còn nằm trong sọ ông ta khi thi thể ông được đem đi khỏi Dallas. Nhưng khi thi thể này tới bệnh viện Hải quân Bethesda, điều đầu tiên mà nhiều nhân chứng nhận thấy là bộ não của JFK đã biến mất. Cái sọ rỗng không trong khi vài giờ trước đó nó còn chứa ít nhất 75% bộ não của ông ta(194) [(Tuy vấn đề bộ não mất tích của JFK đã được nhiều tác phẩm xuất sắc tường thuật, nhưng chúng tôi thấy nó được trình bày rõ nhất là trong phim video của Nigel Turner: *The Men Who Kill Kennedy*)]. Nhưng bây giờ, nhờ nỗ lực tận tình của Tiểu ban tái thẩm các hồ sơ về vụ ám sát vốn nuốt sạch 8 triệu đô la tiền của dân đóng thuế, chúng ta sau cùng cũng biết được điều gì đã xảy ra cho bộ não Kennedy.

Chúng ta biết được không?

Trong bài báo trên *Newsweek* tháng 10.1998, Gerald Posner viết: “Tiểu ban có vẻ như đã giải quyết được một trong những bí ẩn kinh hoàng của vụ ám sát này”, rồi ông nói với chúng ta rằng Tiểu ban tái thẩm đã tìm được một bằng chứng cho thấy một trong những bác sĩ trong vụ này, Phó Đô đốc George Burkley, đã mang bộ não của Kennedy ra khỏi bệnh viện Bethesda trong một cái xô(195) [(Posner, “Cracks in the Wall of Silence”, *Newsweek*, 4.10.1998)]. Tại sao Đô đốc Burkley làm như thế?

Để giao bộ não đó cho Robert Kennedy, Posner nói như thế, nhưng sau đó ông ta nói rằng người ta chưa xác định được hiện bộ não đang ở đâu và “được coi như” là đã an táng chung với thi thể JFK. Thực tế, ông Posner hoàn toàn không chính xác khi nói rằng điều bí ẩn này đã được giải quyết. Tất cả những gì chúng ta biết hiện nay là người nào đã mang bộ não Kennedy đi, và chúng ta chỉ có thể “coi như” nó được chôn chung với thi hài. Thế này thì khó mà giải quyết được bất kỳ cái gì.

Phó Đô đốc Burkley bây giờ thì đã chết, nhưng nếu như ông ta còn sống, thì hoàn toàn có thể truy tố ông ta về tội cản trở công lý và giấu diếm bằng chứng quan trọng của một vụ sát nhân tày trời. Việc khám nghiệm đạn đạo và tế bào của bộ não có thể chứng minh viên đạn gây tử vong đã xuất phát từ hướng nào và hơn nữa còn làm sáng tỏ vấn đề vẫn còn tranh luận hiện nay là liệu Oswald có phải là tay súng duy nhất trong Kho sách giáo khoa Texas hay còn có những tay súng khác đã bắn vào Kennedy (hoặc chuyện phải chăng Oswald chẳng dính líu gì vào vụ này). Đây là bằng chứng khá quan trọng đáng để bỏ vào một cái xô và mang đi khơi khơi vào quên lãng bởi một tay đô đốc nào đó.

Một mô tả rõ hơn về các sự kiện quanh bộ não của JFK có thể tìm thấy trong cuốn *Live by the Sword* (“Sống nhờ lưỡi kiếm”) in năm 1998 của Gus Russo. Trong tác phẩm nghiên cứu kỹ lưỡng này, Russo đã truy xét việc lưu giữ bộ não của tổng thống cận kề hơn bất cứ tác phẩm nào khác đã viết về đề tài này. Russo khẳng định rằng bộ não đã được giao cho Phó Đô đốc Burkley, ông này đem gởi vào một hầm của Cục mật vụ, giao cho Cục này chăm sóc. Bộ não, lúc đó được bảo quản trong một cái bình, nằm trong hầm ấy khoảng hai năm rưỡi cho đến khi Robert Kennedy chỉ thị cho Burkley giao nó cho thư ký của Kennedy là Evelyn Lincoln. Robert Kennedy nhất quyết đòi nắm được bộ não và những hồ sơ khám nghiệm tử thi “bước đầu”, không một thứ nào được công bố để nghiên cứu mà không có văn bản cho phép.

Từ đó, “tài liệu bước đầu” này được cất kỹ, và về mặt chính thức ta vẫn không biết cụ thể chuyện gì đã xảy ra với chúng sau đó. Nhiều người trực tiếp liên quan đến những tài liệu ấy đã không hờ hởi điều gì với Russo khi ông ta phỏng vấn họ (196) [(Russo, Guy, *Live by the Sword* (Bancroft Press, 1998))].

Thế bộ não ấy ở đâu?

Có lẽ chúng ta chẳng bao giờ biết được, và hầu hết những người có biết (như Robert Kennedy, Evelyn Lincoln và Phó Đô đốc chôn não George Burkley) cũng sẽ không nói gì với chúng ta cả vì tất cả bọn họ đã chết.

Nhưng giống như vô số những câu hỏi khác liên quan đến vụ ám sát Kennedy, câu hỏi về chuyện gì đã xảy ra với bộ não của ông ta sẽ là một vấn đề luôn được nêu ra.

Và câu hỏi này, vào cuối thập niên 1990, đã phanh phui nhiều thông tin hơn về một trò đấu giếm của chính phủ. Sau đây là mấy điều có thể bạn chưa biết:

Không phải một, mà có hai bộ não đã được khám nghiệm...

Câu Chuyện Hai Bộ Não...

Và Hai Báo Cáo Khám Nghiệm Tử Thi

Các nhà phản bác hài lòng rằng không có ai quan tâm đến vụ ám sát Kennedy nữa. Oà, phải? Nếu vậy, tại sao lại có ồ ạt nhiều bài báo mang tính phát giác vào cuối năm 1998?

Ta hãy nêu một bài trên *Washington Post* số ra ngày 10.11.1998. Tựa đề bài báo là:

ẢNH CHỤP LƯU TRONG VĂN KHỐ KHÔNG PHẢI NÃO CỦA JFK

TRỢ LÝ CỦA ỦY BAN TÁI THẨM KẾT LUẬN

Rồi bài báo giải thích làm sao một trong những nhà nghiên cứu của Tiểu ban tái thẩm hồ sơ về vụ ám sát truy ra được bằng chứng cho thấy rằng đã có hai bộ não khác nhau được khám nghiệm trong vụ khám nghiệm tử thi JFK. Hai bộ não à? Làm sao có chuyện ấy được?

Sự thực, chuyên viên phân tích của Tiểu ban tái thẩm hồ sơ về vụ ám sát đã nói trong bài báo *Washington Post* này rằng, “Tôi chắc từ 90% đến 95% là các ảnh chụp lưu trong Văn khố

không phải ảnh chụp bộ não của Tổng thống Kennedy”(197) [(Lardner, George Jr., The Washington Post, “Archive Photos Not of JFK’s Brain, Concludes Aide to Review Board”, 10.11.1998)].

Lời tuyên bố này, và thông tin gây chấn động trong bài báo, được dựa trên sự phân tích của chuyên viên này đối với lời chứng của mấy bác sĩ đã tham gia khám nghiệm bộ não (hay các bộ não) của JFK, một thợ chụp hình của hải quân, và cả một nhân viên FBI nữa, tất cả là từ những tàn dư bằng chứng đã bị giấu nhem hơn 35 năm qua.

Chúng tôi đã giải thích rằng Tiểu ban tái thẩm hồ sơ về vụ ám sát không có nhiệm vụ chuyên tìm kiếm những hồ sơ có liên quan đến JFK mà chúng có thể đem lại manh mối mới về vụ ám sát. Tiểu ban chỉ được giao việc xem xét công bố các hồ sơ có liên quan đến JFK trong một thời biểu cụ thể. Và các tác giả của sách này đã nhận định về đủ mặt của Tiểu ban đó rồi. Những nhận định phê phán đó không hề mang tính cá nhân; Tiểu ban không có lỗi khi khả năng truy tìm sự kiện của họ bị cản trở vì guồng máy quan liêu và một mớ bòng bong những chỉ thị.

Nhưng ít nhất cũng có một thành viên trong Tiểu ban cần được tuyên dương, đó là Douglas Horne, Phân tích trưởng về hồ sơ quân đội thuộc Tiểu ban này, và chính những phát hiện của ông ta đã được tường thuật trong bài báo Washington Post hồi cuối năm 1998 nói trên.

Horne, sau khi có được những phát hiện trong khi làm nhiệm vụ khảo sát với Tiểu ban, đã viết một tường trình 30 trang mô tả chi tiết khả năng có tới hai bộ não khác nhau đã được khám nghiệm bởi các bác sĩ sau khi JFK chết. Một trong hai bộ não ấy là của Kennedy.

Bộ còn lại là thứ đánh tráo.

Sau đây là một mẫu thú vị trong những điều mà Horne viết trong bản tường trình:

“Một cuộc tái thẩm các hồ sơ của Tiểu ban Hạ viện về Những vụ ám sát, cộng với các nỗ lực của Tiểu ban tái thẩm hồ sơ về vụ ám sát để làm sáng tỏ hồ sơ khám nghiệm tử thi JFK... đã phát hiện một kiểu bằng chứng giàu chi tiết cho thấy rằng có thể có hai bộ não đã được khám nghiệm sau khi kết thúc khám nghiệm tử thi JFK... Các hàm ý về hai sự kiện như vậy đã xảy ra (và đặc biệt, theo một cách thức mà một trong hai khám nghiệm hẳn là dành cho một bộ não không phải của Tổng thống Kennedy nhưng đã được cố tình đưa ra như là của ông ấy) là có tầm quan trọng hiển nhiên, và khó mà cường điệu được”.

Bạn không đùa chuyện nó khó mà cường điệu được. Những gì Horse đưa ra là khoảng một tuần sau khi chôn Kennedy, một cuộc khám nghiệm thứ nhì cho bộ não của ông ta đã được tiến hành.

Làm sao có thể như vậy được?

Qua nghiên cứu và điều tra cực nhọc, Horne xác quyết rằng bộ não của Kennedy ban đầu đã được các bác sĩ khám nghiệm ngay ngày JFK chết, rồi nó được khám nghiệm lại vào sáng thứ hai, 25.11.1963, sau đó bộ não lập tức được giao cho Phó Đô đốc Burkley, theo yêu cầu chính thức của Burkley.

Aùì chà, từ ngày 27 tháng 11 đến 2 tháng 12, một bộ não khác – được nói là của JFK – đã được khám nghiệm. Nhưng bộ não này, theo các nhân chứng, là cái khác. Bộ não thứ nhất bị cắt xẻ, còn bộ não thứ hai thì không. Và bộ não thứ hai – rõ ràng không phải của JFK – là bộ với các kết quả khám nghiệm được báo cáo cho Ủy ban Warren!

Làm sao bộ não thứ nhất “có cắt xẻ” được khám nghiệm ngày 25 tháng 11 và rồi được khám nghiệm lại một tuần sau đó và trong tình trạng “không bị cắt xẻ”? (“Bị cắt xẻ”, trong trường hợp này, là nói về một bộ não đã bị phẫu thuật cắt lát ra như một tảng thịt)

Tại sao? Horne đã xuất sắc đưa ra câu trả lời hiển nhiên nhất:

“Động cơ có thể tin được nhất của việc tiến hành khám nghiệm não lần hai (“trễ”) hẳn là để ém nhem bản chất thực của vết thương trên đầu Tổng thống bằng cách ghi vào hồ sơ một kiểu vết thương khác (trên một mẫu khám nghiệm khác)...”

và hơn nữa, thông tin này:

“... hàm ý rõ ràng rằng các ảnh chụp bộ não trong Văn khố không phải là những ảnh chụp bộ não của Tổng thống John F.Kennedy(198) [(Horne, Douglas ARRB MEMORANDUM FOR FILE: “Questions Regarding Supplementary Brain Examinations Following the Autopsy of President John F.Kennedy”, 28.8.1996)]”.

Thế là đủ, phải không? Khả năng rõ ràng là bộ não của ai đó đã được xét nghiệm để dùng trong công bố chính thức của chính phủ về cái chết của Kennedy, và những ảnh chụp bộ não JFK lưu trong Văn khố là đồ ngụy tạo?

Bạn tin đó là âm mưu chưa?

Horne không phải một kẻ kỳ quái hay một nhà nghiên cứu JFK bình thường nào đó – ông ta là nhà phân tích chuyên nghiệp làm cho chính phủ. Và bản tường trình ông viết về những khám nghiệm “chính thức” hai bộ não khác nhau được dựa trên sự phân tích chuyên môn, khách quan và tập trung cao độ các lời khai, các phỏng vấn nhân chứng và những sự kiện rõ ràng.

Nhưng đây chưa phải thông tin duy nhất mà nghiên cứu của Horne mang lại. Trong một tờ trình khác ông ta viết dựa trên những phát hiện của mình gửi cho Tiểu ban tái thẩm những hồ sơ về vụ ám sát, Horne đã mô tả cái khả năng tương tự rằng không chỉ có hai bộ não được khám nghiệm, mà có thể đã có hai báo cáo khám nghiệm tử thi khác nhau đã được soạn ra. Nên ở đây, để tránh làm cho cuốn sách này bị sa lầy vào các chi tiết, chúng tôi sẽ làm một tham khảo nhanh như sau:

“Việc nghiên cứu hồ sơ kỹ hơn đã phát hiện nhiều dấu hiệu rõ rệt cho thấy có khả năng rằng biên bản khám nghiệm tử thi ban đầu được chuyển đi bởi Burkley cùng các món khác... là một biên bản khác (sớm hơn) với biên bản khám nghiệm tử thi được Ủy ban Warren công bố(199) [(Horne, Douglas ARRB MEMORANDUM: “Chain – of – Custody Discrepancy Re: Original Copy of President John F. Kdenney’s Autopsy Protocol”, 2.8.1996)]”.

Và:

“Tuyên bố này... nếu không vương nhằm lẫn, là bằng chứng giàu chi tiết về một báo cáo khám nghiệm tử thi khác ngoài báo cáo đang được giữ làm bằng chứng hiện nay(200) [(Tài liệu dẫn trên)]”.

Ông Horne phải được tuyên dương vì đã bỏ nhiều công phu hơn trong nhiệm vụ của mình với Tiểu ban tái thẩm các hồ sơ về vụ ám sát qua việc cung cấp những phân tích quan trọng và gây chấn động trong những phát hiện của mình.

Sau cùng, đối với hồ sơ khám nghiệm tử thi JFK nói chung, Tiểu ban tái thẩm đã viết đoạn dẫn nhập này vào ngày 31.7.1998:

“Những cuộc khám nghiệm pháp y là không thể thiếu trong những cuộc điều tra án sát nhân được tiến hành đúng cách thức. Một cách lý tưởng, một bác sĩ tiến hành khám nghiệm pháp y cho một nạn nhân bị bắn chết {như Tổng thống Kennedy} sẽ xem xét mọi bằng chứng về đạn đạo, trao đổi với các bác sĩ cứu chữa nạn nhân trước khi nạn nhân chết, khám nghiệm chu đáo y phục nạn nhân mặc lúc bị bắn, tiến hành việc khám nghiệm tử thi một cách chu đáo và có lương tâm, và lập báo cáo về nguyên nhân cái chết có kèm hồ sơ đầy đủ, chi tiết và cụ thể. Trong trường hợp có người tình nghi sau đó bị đưa ra toà vì vụ sát hại đó, người bác sĩ tiến hành khám nghiệm tử thi thường được khảo chứng và chất vấn trước toà đến từng chi tiết nhỏ nhất nhất liên quan đến nguyên nhân cái chết. Việc khám nghiệm tử thi và các hồ sơ của toà trở thành bằng chứng có thể được khảo sát và thẩm tra tường tận bởi các chuyên gia pháp y(201) [(“Draft: Assassination Records Review Board, Staff Report to Accompany Release of Medical and Autopsy Records” của ARRB, 31.7.1998)]”.

Hấp dẫn chứ?

Và đây thêm một ít nữa:

“Một trong nhiều bi kịch của vụ ám sát Tổng thống Kennedy chính là sự thiếu chu toàn của hồ sơ khám nghiệm tử thi và mối nghi ngờ gây ra bởi màn bí mật bao quanh các hồ sơ hiện có. Tuy các nhà chuyên môn đã tham gia vào việc xác lập và xử lý bằng chứng y học có thể đã có thiện ý không công khai tiết lộ thông tin – nhằm bảo vệ sự riêng tư và các tình cảm của gia đình tổng thống – nhưng di sản của sự bí mật như vậy rất cực đã gây hoài nghi và mất mát niềm tin. Những điều này hiện là những lý do nghiêm trọng và hợp pháp cho việc đặt dấu hỏi không những đối với sự thiếu chu toàn trong các hồ sơ khám nghiệm tử thi, mà còn đối với sự thiếu phân tích lập tức và thấu đáo các hồ sơ đó bởi Ủy ban Warren nữa(202) [(Tài liệu dẫn trên)]”.

Hãy suy nghĩ về chuyện đó.

NHỮNG ĐIỀU KHÔNG BAO GIỜ THAY ĐỔI: NHỮNG ẢNH CHỤP KHÁM NGHIỆM TỬ THI

Thật lý thú – và phần khởi nữa – khi sự quan tâm của công chúng đối với cái chết của John Kennedy không hề có vẻ tàn lụi đi; thực vậy, nó chưa hề có vẻ trở nên cũ đi. Nhiều năm qua, chúng ta đã nghe tranh cãi suy diễn quanh những ảnh chụp khám nghiệm tử thi JFK chẳng hạn. Chúng ta đã nghe rằng chúng đã bị thiêu huỷ, chúng ta nghe nói rằng chúng đã bị thay đổi, chúng ta nghe nói rằng chúng đã bị biến cải, chúng ta nghe nói chúng đã bị nguy tạo hoàn toàn. Và bây giờ, nhờ nghiên cứu chuyên môn của Douglas Horne, chúng ta có thêm bằng chứng để hậu thuẫn cho điều này: các ảnh chụp bộ não JFK thực ra là ảnh chụp bộ não người khác. (Thế thì chính xác đó có thể là bộ não của ai? Một gã ăn mày nào đó? Bộ não đánh cắp được từ một xác dùng để thực tập y khoa? Chính phủ sẽ đi đâu khi cần một bộ não thế chỗ cho bộ não của tổng thống?)

Sự thực, cuộc tranh cãi quanh các ảnh chụp khám nghiệm tử thi JFK là điều gì đó không đơn giản biến mất đi được (và chúng ta cho rằng nó có một lý do). Bản tổng kết nêu trên của Tiểu ban tái thẩm đã mạnh dạn nói đến mục đích nằm sau trò trí trá mà dân Mỹ đã phải chấp nhận hơn 35 năm qua. Phần tồi tệ duy nhất là ở chỗ người công dân bình thường muốn đọc được điều này và các báo cáo khác của Tiểu ban tái thẩm phải vượt qua cả một mê cung thủ tục hành chính thì mới tiếp cận được.

Chúng tôi đã nói về điều này nhiều lần và đã phê phán Tiểu ban tái thẩm đến hết sức, nhưng chúng tôi phải khen ngợi mục tiêu ban đầu của họ (xác định những hồ sơ liên quan đến JFK và xem xét để công bố cho dân chúng). Nhưng cho đến mùa thu 1998, có hay không có sự giúp đỡ của Tiểu ban tái thẩm, chúng ta vẫn thấy các bài báo về vụ JFK trên toàn quốc không tìm ra lối thoát.

Nếu không ai quan tâm về vụ ám sát JFK nữa, thì hãy xem bài báo sau của hãng tin AP vào cuối 1998 với tựa là “Những bức ảnh mới làm sống dậy cuộc tranh luận về vụ khám nghiệm tử thi JFK”:

“Lời chúng mới công bố hôm thứ sáu về vụ khám nghiệm tử thi Tổng thống John F.Kennedy nói rằng có một bộ ảnh chụp thứ nhì về những vết đạn của Kennedy nhưng chúng chưa từng được công bố cho dân chúng biết”(203) [(Associated Press, “Photos Renew Dispute About JFK Autopsy”, 1998)].

Lại như thế nữa. Ít nhà điều tra án sát nhân nào có thể phủ nhận rằng công cụ tốt nhất để nhận ra cơ chế một vụ sát nhân chính là khám nghiệm tử thi. Trong trường hợp bị chết vì súng bắn, các ảnh chụp khám nghiệm tử thi trở nên một bộ phận cực kỳ quan trọng của việc điều tra.

Và chúng ta có cái gì?

Ngay từ đầu, chúng ta có hết nhân chứng này đến nhân chứng khác, hết chuyên gia này đến

chuyên gia khác, cứ nhất định rằng có một trò gian trá nào đó quanh các bức ảnh khám nghiệm tử thi JFK.

Tuy vậy, sau ba thập niên, những điểm phản đối ấy bắt đầu nghe như một đĩa nhạc rề; chúng tiếp thêm nhiên liệu cho những tác giả ủng hộ Ủy ban Warren như Gerald Posner vốn có thái độ thần nhiên đối với một hoạt động có tính toán trước mà bất kỳ quan tòa nào cũng coi như việc che giấu bằng chứng. Posner xác định rằng tất cả những ảnh chụp X – quang và ảnh khám nghiệm tử thi JFK đều không được công bố vì gia đình Kennedy “từ chối” không cho công bố(204) [(Posner, Case Closed)].

Nhưng trừ phi những ảnh đó được chụp bởi một thợ ảnh tự do gia đình Kennedy thuê mướn (mà chuyện này không có), nếu không thì gia đình Kennedy KHÔNG THỂ từ chối công bố chúng vì chúng KHÔNG thuộc quyền sở hữu của gia đình Kennedy.

Chúng thuộc quyền sở hữu của mọi người dân đóng thuế cho nước Mỹ, và không gia đình nào, dù hoàng gia quý tộc hay thứ dân, được quyền từ chối không bố chúng.

Nhưng 35 năm sau, cuối 1998, chúng ta biết rằng có “một bộ ảnh chụp thứ nhì” chụp lúc khám nghiệm tử thi, và những ảnh chụp ấy “chưa từng được công bố cho dân chúng biết”. Phải, bây giờ chúng ta biết rằng lại thêm những bằng chứng nữa về vụ ám sát JFK đã bị giấu nhem.

Saundra K. Spencer, một kỹ thuật viên làm việc tại Trung tâm nhiếp ảnh hải quân (NPC) vào thời điểm JFK chết, làm chứng rằng các ảnh chụp khám nghiệm tử thi JFK được lưu trong Văn khố là khác với những ảnh chụp mà cô đã góp phần phóng rửa(205) [(Associated Press, “Photos Renew Dispute About JFK Autopsy”, 1998)]. Điều này chứng minh rõ ràng rằng những bức ảnh bổ sung ấy đã bị cố ý giấu nhem không cho công chúng biết. Khi một người nào đó có thể lực – bất kỳ ai đó có thể lực – tìm cách ngăn cản không cho công chúng có được đánh giá toàn diện về một biến cố mà họ có quyền được biết, thì việc đó gọi là “che giấu trái phép”. Nhưng Posner thậm chí còn giở trò biện minh cho gia đình Kennedy để bỏ qua phát hiện mới này. Vì những bức ảnh mà bà Spencer góp phần phóng rửa cho thấy “không có máu hoặc các lỗ mở”, nên Posner đã viết trong bài báo trên Newsweek tháng 10.1998: “Điều này hàm ý rằng gia đình Kennedy chỉ muốn có những bức ảnh không gây chấn động để có thể công bố cho dân chúng”(206) [(Posner, “Cracks in the Wall of Silence”, Newsweek, 4.10.1998)].

Một lần nữa, xin lỗi ông Posner, nhưng những điều gia đình Kennedy “chỉ muốn” đều không thành vấn đề. Những quan sát của bà Spencer thực sự rất đáng báo động. Bà đã thấy những ảnh chụp “không có các lỗ mở”. Làm sao lại “không có các lỗ mở” trên một cái sọ đã bị trúng đạn súng trường trừ khi cái sọ đó đã bị thay đổi bằng phẫu thuật? Từ lâu người ta đã nghi rằng những vết đạn trên đầu JFK đã bị cố ý sửa đổi để hậu thuẫn cho điều khẳng định trong báo cáo Warren rằng chỉ có một người – Oswald – bắn vào JFK. Bây giờ chúng ta lại có thêm lời chứng chuyên môn để củng cố thêm mối nghi ngờ ấy, nhưng Posner đã gạt bỏ điều này đi như một trò tưởng tượng của “kẻ mê chuyện âm mưu”.

Posner cũng đối xử tương tự với thông tin còn quan trọng hơn mà ông ta nhắc tới trong bài báo nói trên: đó là chuyện Đô đốc Burkley biến đi với bộ não JFK trong một cái xô. Posner viết:

“Sự thực, có lẽ cảm xúc của gia đình {Kennedy}, chứ không phải sai trái về phía viên chức, mới là các giải thích đáng tin hơn cho các câu hỏi quanh biến cố Dallas”.

Nếu một quân nhân lấy đi bộ não của Tổng thống mà không được coi như một sai trái của viên chức, thì chúng ta phải nghiêm túc chất vấn những khái niệm của ông Posner về qui trình pháp định. Thực tế, Posner trong cuốn sách của mình và trong bài báo trên Newsweek, liên tục gọi những người nghiên cứu vụ JFK là “những người nhiệt tình” và “những người am hiểu” – chủ yếu là để cười cợt nỗ lực tìm biết điều gì đã thực sự xảy ra cho tổng thống Kennedy. Ông ta tiếp tục biện minh rằng ít nhiều thì các ý nguyện của gia đình Kennedy vẫn quan trọng hơn quyền được biết sự thật của công chúng.

Hãy nhìn thẳng vào điều đó, có lẽ ở đất nước này, số người tin rằng trái đất phẳng còn nhiều hơn số người tin rằng JFK bị một mình Lee Harvey Oswald bắn chết. Cuốn sách của Posner đầy những châm chích đối với những nhà nghiên cứu có các phát hiện không giống với của ông ta; thực vậy, Posner đã dành cả một chương trong tác phẩm vòng vo của mình cho việc bôi bác các nhà nghiên cứu với những người ông ta phản đối(207) [(Posner, Case Closed, tr 402-420; Posner còn có nhiều phê phán gay gắt với các tác giả khác trong những trang từ 460 đến 470; trong khi nhiều công kích khác rải khắp tác phẩm nhiều không đếm xuể và cũng chẳng đáng để đếm)]. Về cuốn Reasonable Doubt của Henry Hurt, Posner nói, “Hurt đã bày ra những chi tiết ly kỳ của một âm mưu dính dáng đến Oswald, CIA, những kiều dân Cuba chống Castro, chủ yếu dựa trên những lời không được kiểm chứng của Robert Easterling, một kẻ đã bị đưa vào bệnh viện tâm thần”(208) [(Posner, Case Closed)].

Sự thực, tác phẩm được viết rất tốt của Hurt hoàn toàn không có chuyện “chủ yếu” dựa trên “những lời không được kiểm chứng” của Robert Easterling. Thay vì thế, nó dựa trên công phu nghiên cứu xuất sắc vốn chứng tỏ được những liên quan rất thú vị và trình bày một giả thuyết có sức thuyết phục và gợi nhiều suy nghĩ. Hurt nói rất thẳng thắn về sự không đáng tin cậy của Easterling: “Robert Wilfred Easterling là... một kẻ được chẩn đoán là bị bệnh thần kinh và chứng tâm thần phân liệt”(209) [(Hurt)]. Với những ai đã đọc sách của Hurt thì rõ ràng sự kỳ quái trong lời khai của Easterling được đưa vào vì những phần trong lời khai ấy chứng minh những sự kiện có liên quan – chứ không phải “những lời không được kiểm chứng” mà Posner đã nói một cách sai lầm với độc giả của mình. Hung hăng hơn, Posner còn công kích tác giả Mark Lane, kết tội Lane là “chỉ sử dụng bằng chứng hậu thuẫn cho luận điểm của mình...”

Posner còn viết nhiều đoạn thẳng thắn nói rằng các nỗ lực của Lane bị thúc đẩy bởi việc kiếm tiền và rước danh mình lên(210) [(Posner, Case Closed)].

Đây là một trò công kích phi chuyên môn và đáng xấu hổ đối với các tác giả khác trong lĩnh vực này. Ở đất nước này có một thứ gọi là tự do diễn đạt. Các tác giả của sách này chẳng hạn, không đồng ý với một số ý kiến của các ông Lane và Hurt, và ý kiến của những tác giả khác, và chúng tôi cũng phản đối ý kiến của đạo diễn đoạt Oscar Oliver Stone. Đó chỉ là quyền bất đồng ý kiến của chúng tôi. Nhưng chúng tôi tôn trọng tất cả những tác giả đó, tài năng của họ và ý kiến của họ. Chúng tôi không bôi bác họ; chúng tôi chỉ bất đồng ý kiến với họ.

Nhưng ông Posner đã bôi bác nhiều nhà nghiên cứu như vậy. Được rồi, sau đây là một số

phương thuốc cho chính Posner. “Posner liệt kê bất cứ gì có thể biến một lựa chọn ngẫu nhiên thành đáng tin cậy hơn và bỏ qua hoặc bóp méo những bằng chứng bất lợi”.

Câu này là của Giáo sư James H. Fetzer, người biên tập cuốn Assassination Science (“Khoa học ám sát”) năm 1998(211) [(Fetzer, James H., Assassination Science (Catfeet Press – Chicago, 1998)]. Đây là cuốn sách bao hàm những dữ kiện khoa học cụ thể được viết bởi nhiều chuyên gia với năng lực không thể phủ nhận, tập trung vào các bằng chứng cụ thể về đạn đạo, nhiếp ảnh, và khoa học nói chung mà Posner đã khôn khéo bỏ qua hoặc bẻ cong để giữ vững giả thuyết của mình hơn.

Sự thực, cuốn sách của Posner thì đầy những lỗ hổng, những dữ kiện và lời chứng bị bỏ qua, và những diễn giải vô lý, đến nỗi bố già trong nghiên cứu về JFK, Barold Weisberg (cựu điều tra viên của thượng viện và tác giả cuốn sách đầu tiên chỉ ra được những sai sót trong báo cáo của Ủy ban Warren) thấy rằng đáng để viết hẳn một cuốn sách khác – Case Open (“Vụ án còn mở ngõ”) – để phản bác các dữ liệu đáng nghi trong cuốn Case Closed của Posner. Cuốn sách tuyệt vời của Weisberg nêu rõ những bằng chứng đã bị bóp méo, ém nhẹm và bỏ sót, những nguồn tư liệu bị bỏ sót, và những tuyên bố gây lầm lạc cho độc giả. Nếu các bạn đã đọc Case Closed của Posner thì xin hãy đọc Case Open của Weisberg. Các bạn sẽ ngạc nhiên khi biết ra những thói quen nghề báo của Posner(212) [(Weisberg, Harold, Case Open (Carol & Graf, 1994))].

Nên ý kiến của chúng tôi là, nếu có bất kỳ ai “chỉ sử dụng bằng chứng hậu thuẫn cho luận điểm của mình” thì đó chính là Posner. Posner vẽ ra bức tranh dễ dàng nhất về những nhận xét của Sandra Spencer về những ảnh chụp bổ sung việc khám nghiệm tử thi JFK, mà không hề khách quan thừa nhận ý nghĩa tiềm tàng của chúng trong một âm mưu che giấu sự thật. Posner vẽ ra bức tranh dễ dàng về chuyện Đô đốc Burkley chuyển bộ não của JFK, mà không khách quan thừa nhận ý nghĩa tiềm tàng của nó trong một âm mưu che giấu sự thật.

Sự thực, trong cuốn sách 600 trang của mình, Posner hầu như không có một nhận xét đáng kể về hồ sơ 632-796. Điều này có thể so sánh với việc thuyền trưởng tàu Titanic nhún vai khi biết về tảng băng đang trôi lại gần tàu.

Bọn giang hồ

Mafia Mỹ đã luôn luôn xuất hiện trong những giả thuyết phổ biến nhất về vụ ám sát JFK, và những giả thuyết đó được hậu thuẫn bởi một khối bằng chứng quá hiển nhiên. Đi đầu trong số những kẻ tình nghi lớn là Jack Ruby, Sam Giancana, Santos Trafficante và đặc biệt là Carlos Marcello.

Về Ruby, kẻ giết Oswald, Ủy ban Warren nhất định rằng không có bằng chứng nào nối kết Ruby với hoạt động tội phạm có tổ chức(213) [The Warren Commission Report]] trong khi rất nhiều nhà nghiên cứu uy tín về vụ JFK đã khám phá ra cả núi bằng chứng chứng tỏ điều ngược lại(214) [(Các độc giả quan tâm đến sự dính líu của Ruby với tội phạm có tổ chức nên xem những tài liệu tiêu biểu sau: Reasonable Doubt của Hurt (chương 8), Conspiracy của Summers (chương 23), Mafia Kingfish của Davis (chương 24))].

Mùa hè 1999, đồng tác giả Brad O’Leary của sách này đã gặp Bill Bonanno tại Santa Monica.

Bonanno đã viết cuốn *Bound by Honor* (“Ràng buộc vì danh dự”), một tường thuật tiêu biểu về cuộc đời của ông ta trong giới giang hồ. Bonanno là con trai của Joe Bonanno, một trong những trùm mafia thế lực nhất của thập niên 1960. Bill kể với O’Leary những chuyện mà sau này được xuất bản thành *Bound by Honor*, rằng các gia đình băng đảng bên ngoài nhóm Marcello-Trafficante-Giancana lập tức biết giới giang hồ đã dính líu vào vụ JFK khi truyền hình quay được cảnh Jack Ruby giết chết Lee Harvey Oswald. “Trong giới chúng tôi ai cũng biết Jack Ruby”, Bonanno nói trong sách của mình như thế. Khi Bonanno gọi vài cú điện, ông ta đã có thể liên lạc được với một đồng sự của Santos Trafficante (ông trùm Florida), người này bảo với ông ta rằng đó là một “chuyện địa phương”, nghĩa là nó không dính đến những gia đình ngoài nhóm và những gia đình ngoài nhóm sẽ được cách ly khỏi các vấn đề có thể nảy sinh. Về Ruby, Bonanno nói : “Anh ta là của Sam Giancana y như cái nhẫn trên tay lão vậy”. (Thú vị hơn, Bonanno nói với O’Leary rằng ông ta mong được biết về cuốn sách này của chúng tôi trước khi sách của ông ta được in bởi vì nó sẽ bổ sung vài khiếm khuyết trong sách của ông ấy). Cuốn sách của Bonanno cũng đã xác minh mấy điều mà các nhà nghiên cứu đã tin từ lâu, rằng một số thành viên trong Sở cảnh sát Dallas có nhận lương từ trùm Carlos Marcello, nhất là sĩ quan J.D. Tippit. “Cóm Tippit được dự trù là sẽ giết y {Oswald}, nhưng Oswald biết được. Do vậy nên họ xài tới Ruby”. Smitty D’Angelo, một đầu dây liên lạc của Trafficante đã nói như thế với Bonanno ngày 25.11.1963(215) [(Bonanno, Bill, *Bound by Honor* (St. Martin’s Press, 1999))].

Còn gì nữa về Ruby không?

Theo tác giả John H. Davis (người có những phát hiện về Carlos Marcello mà chúng ta sẽ bàn sau), một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Jack Ruby tại Dallas là tìm cách mua chuộc rồi chiêu mộ những sĩ quan cảnh sát Dallas tham nhũng để họ giúp đỡ giới giang hồ; hắn sẽ đưa tiền mặt cho các cảnh sát và cung cấp gái điếm cho họ. Sự thực, Ruby đã giao du thân mật được với cả chục cảnh sát Dallas. Cả nhóm sĩ quan cảnh sát chân chính đã đi lại với nhưng trung gian giang hồ như Ruby là gì? Trả lời: Họ không chân chính; họ nhận hối lộ từ một tay băng đảng làm việc dưới trướng Carlos Marcello. Điều ly kỳ nhất là vào cái đêm trước ngày xảy ra vụ ám sát, một số nhân viên Mật vụ Mỹ đi uống rượu ở một quán tại Dallas. Khi Ruby hay tin này, hắn lập tức phái một số vũ nữ thoát y tới quán đó nhằm lôi kéo các nhân viên đó ở lại chơi lâu hơn và phục rượu cho họ. Đặc biệt, những nhân viên Mật vụ ấy lại nằm trong nhóm bảo vệ cá nhân JFK(216) [(Benson)].

Bản thân Ruby cũng là trường hợp đáng nghiên cứu, nhưng đáng kể hơn lại là những người hắn quen biết và làm việc cho họ: Santos Trafficante, Sam Giancana và Carlos Marcello. Ba người này không chỉ dính líu đến tội phạm có tổ chức, họ chính là tội phạm có tổ chức, các “ông trùm” tại thành phố của họ, các “bố già”, và ba người hợp lại thành một hệ thống phân phối ma túy toàn quốc, rửa tiền, tổ chức mại dâm, cờ bạc, và mọi hoạt động khác có thể đem tới bóp nặn tiền bạc. Trafficante là trùm băng đảng ở Florida, Giancana là ông chủ của Chicago, và Marcello là trùm ở New Orleans và Dallas. Họ có quan hệ với nhau, và từ lâu đã bị nghi là dính líu đến vụ ám sát Kennedy (Ở đây, Posner lại là người bất đồng với sự nhất trí hầu như trọn vẹn này... nhưng chúng ta cứ để như thế).

Sam Giancana chẳng hạn, cộng tác với CIA, sử dụng những đầu mối Cuba của hắn trong ít

nhất một âm mưu ám sát Castro(217) [(Duffy)]. Một số họ hàng của Giancana khẳng định rằng Giancana là nhân vật chính trong vụ ám sát JFK(218) [(Benson)], và hẳn ta có một số động cơ mạnh mẽ để muốn Kennedy bị chết, là động cơ thú vị nhất trong đó là điều khẳng định lâu nay rằng chính Giancana và mạng lưới Mafia Chicago đã giả mạo những phiếu bầu trề ở Illinois có tác dụng đẩy phiếu của Kennedy lên cao trong kỳ bầu cử tổng thống năm 1960(219) [(Roberts, Kill Zone)] trong đó ông ta chỉ thắng cách biệt 118.000 phiếu (một cách biệt rất mong manh trong quy mô bầu cử tổng thống trên toàn quốc). Cảm giác phản bội mà Giancana hẳn đã cảm thấy thì cũng dễ tưởng tượng: sau khi giúp Kennedy đắc cử, Giancana (và các trùm băng đảng khác) đã bị em trai của Kennedy, Bộ trưởng tư pháp Robert Kennedy, liên tục tấn công. Robert quyết biến cuộc sống của Giancana thành cơn ác mộng bằng cách chỉ thị cho FBI thường xuyên giám sát nhân vật này đến mức độ những bạn bè và nhân vật trong thế giới ngầm cảm thấy ngại không muốn đi đâu gần hẳn ta nữa(220) [(Duffy)]. (Một phụ chú thú vị: Giancana bị hạ sát khi nằm dưới sự bảo vệ của cảnh sát ngay trước khi hẳn ta được đề nghị ra làm chứng trước Ủy ban tình báo Thượng viện năm 1975)(221) [(Benson)].

Người kế tiếp trong danh sách các trùm băng đảng bị nghi là có tham gia tích cực vào vụ ám sát Kennedy là trùm Miami Santos Trafficante. Trafficante cũng dính líu với CIA trong các âm mưu ám sát Castro(222) [(Benson)]. Trafficante được ghi nhận là đã nhiều lần nói miệng rằng hẳn ta có dính vào âm mưu sát hại JFK(223) [(Benson)]. Lý thú hơn, sáu ngày sau khi JFK chết, một tờ trình được CIA chuyển đến cho Mac Bundy, trợ lý an ninh quốc gia cho Tổng thống Johnson, trong đó xác nhận rằng khi Trafficante bị Castro cầm tù năm 1959, hẳn ta đã có người tới thăm và người đó không là ai khác hơn Jack Ruby(224) [(Benson)], điều này rõ ràng xác định mối liên hệ chặt chẽ giữa Jack Ruby với tội ác có tổ chức nói chung, và Trafficante nói riêng (một điều mà Ủy ban Warren do Johnson thành lập tuyên bố là không tìm ra bằng chứng!). Trên giường bệnh lúc sắp chết, người ta nói Trafficante đã thừa nhận với luật sư của hẳn ta – Frank Ragano – rằng hẳn ta có dính líu vào vụ ám sát JFK cùng với Carlos Marcello(225) [(Benson)]. Điều này đem chúng ta tới điểm kế tiếp...

LỜI THÚ TỘI CỦA MARCELLO

Có lẽ hơn hẳn mọi trùm Mafia khác, Marcello đã bị trực tiếp tình nghi là có dính líu tích cực vào vụ ám sát JFK ngay khi bi kịch này xảy ra. Giám đốc FBI J. Edgar Hoover, trong toàn bộ sự nghiệp, đã công khai phủ nhận sự tồn tại của Mafia, nhưng trong bí mật ông ta lại tiến hành một cuộc chiến lớn chống lại Mafia(226) [(Davis)]. Nhưng tại sao phải bí mật? Tại sao không công khai thừa nhận cuộc chiến chống Mafia của mình theo kiểu Robert Kennedy đã làm và được công chúng rất ủng hộ? Có lẽ vì chính Hoover cũng có liên hệ gì đó với giới băng đảng chẳng? Có thể vì Mafia biết được chứng đồng tính luyến ái của Hoover và thậm chí chụp được nhiều hình về ông ta chẳng? Một giám đốc FBI mà lại phủ nhận sự tồn tại của Mafia thì cũng phi thực tế như một sở cảnh sát phủ nhận sự tồn tại của tội phạm vậy. Tuy nhiên Hoover làm thế nhưng chưa từng bị sa thải, những đơn xin từ chức của ông ta đã bị Tổng thống Johnson bác bỏ, điều này cho phép Hoover giữ chức giám đốc cho đến cuối đời. Về mặt công khai, Hoover nhắc tới Marcello như chẳng là gì khác hơn một người buôn bán cà chua!

Nhưng thực sự, Carlos Marcello hoàn toàn khác xa điều đó. Hắn là đầu não của gia đình Mafia lâu đời nhất nước Mỹ. Hắn là một thiên tài bí hiểm và là tay có máu sát nhân. Cùng với Santos Trafficante và Sam Giancana, hắn cai trị thế giới ngầm đầy tiền của và tất cả nguồn lợi từ buôn bán bạch phiến và đủ trò làm tiền khác. Marcello, Trafficante và Giancana ngồi trên ngai vàng của thế giới tội phạm có tổ chức. Cả ba tên đều ghét Kennedy và đều có động cơ muốn ông ta chết: vì em trai Robert của ông này đã dùng Bộ tư pháp Mỹ (với FBI, Cục Ma túy Mỹ và văn phòng Bộ trưởng Tư pháp) trong một nỗ lực kiên trì nhằm tiêu diệt Mafia và xóa sạch tàn dư của nó.

Nhiều độc giả đã biết điều này, nhưng với những người không am tường, chúng tôi sẽ tóm lược lại kịch bản. Robert Kennedy đã tấn công Mafia Mỹ mạnh mẽ y như Đức Quốc Xã tấn công Liên Xô... và kết quả phần lớn cũng tương tự như vậy. Đức Quốc Xã thua, Robert Kennedy cũng vậy. Tuy nhiên, thật kỳ lạ là tại sao Robert phát động một chiến dịch không khoan nhượng chống lại tội phạm có tổ chức khi lẽ ra ông ta phải biết rằng tài sản – cũng như thế lực nảy sinh từ đó – của chính gia đình ông ta cũng rút từ những nguồn tương tự. Tài sản của gia đình Kennedy được xây dựng trên việc phân phối rượu lậu trong giai đoạn mà việc sở hữu, tiêu thụ và phân phối các thức uống có cồn là phi pháp trên toàn nước Mỹ theo qui định của Đạo luật Volstead 1919. Đây là sự nghiệp của Joseph Kennedy, cha của John và Robert. Ông này đã tạo dựng được tài sản từ nghề buôn rượu lậu bằng cách liên kết với những đồng sự có quan hệ trực tiếp với những nhân vật trong thế giới tội phạm có tổ chức như Meyer Lansky, Dutch Schultz và Lucky Luciano.

Do đó, Robert Kennedy hẳn phải biết rằng chính gia đình của ông ta cũng mang nợ nặng nề đối với những mạng lưới tội phạm đã từng biến gia đình ông thành một triều đại của tiền tài và xa hoa (cũng chính là những hệ thống tội phạm mà ông ta đang tấn công vào đầu thập niên 1960), và ít nhất ông ta hẳn phải biết chuyện Giancana xào nấu những thùng phiếu Illinois đến mức biến anh ông ta thành tổng thống kế đó của nước Mỹ và nhờ đó Robert mới trở thành Bộ trưởng Tư pháp kế đó. Hãy nói về chuyện ăn dầu “xả” đó. Chúng ta chỉ có thể giả định rằng

cuộc tấn công trực diện của Robert vào chính lực lượng Mafia ấy (mà lợi nhuận của chúng đã giúp ông ta theo học trường luật) là kết quả của những quan điểm của một thanh niên lý tưởng gạt bỏ quá khứ và mưu tìm sự ủng hộ của quần chúng. Đừng lo chuyện trận tấn công này có thể làm tan rã “Hoàng Gia” Mỹ. Không, nó không đứng vững lắm về mặt lý luận, nhưng dứt khoát nó đã xảy ra, và các bạn có thể đọc thấy điều đó trong nhiều tác phẩm, như Mafia Kingfish (“Cá mặt trăng Mafia”) của John H. Davis, The Sins of the Father (“Những tội của người cha”) của Ronald Kessler, The Kennedy Men (“Những người trong nhà Kennedy”) của Nellie Bly, và nhiều cuốn khác. Robert Kennedy không những đã quá liều lĩnh cái mạng của chính mình mà cả mạng sống của toàn gia đình bằng cuộc tấn công hai mặt, tráo trở và mâu thuẫn nhắm vào giới giang hồ. Chúng tôi không phê phán ông ta về chuyện này; chúng tôi hoan hô bất kỳ bộ trưởng tư pháp nào tìm cách chống lại tội phạm. Nhưng thật là lạ vì tại sao Robert – không hẳn là một con người đạo đức (cứ xem các chuyện lằng nhằng của ông ta thì rõ) – lại quyết liệt tấn công giới bằng đảng đến thế trong khi ông ta hẳn phải biết rằng có bao nhiêu đạn dược mà giới giang hồ đang nhắm vào ông ta và gia đình của ông ta.

Tuy thế, Robert đã tiến hành tấn công, và những ông trùm bằng đảng bị ông ta tấn công quyết liệt hơn cả không phải là Giancana hay Trafficante, mà là Carlos Marcello.

Ra đời ở Bắc Phi trong một gia đình người Sicily, Marcello đã di cư sang Louisiana năm 1910 khi chưa thôi nôi. Gia đình hắt khai khẩn một nông trại gần New Orleans, và tay thanh niên Carlos (tên khai sinh của hắt là Calogero Minacore) được nuôi lớn lên trong môi trường lao động cực nhọc và những giá trị lương thiện. Khi đủ lớn, hắt giữ nhiệm vụ chuyên chở hàng hoá của gia đình – bằng ngựa và xe ngựa – đến những khu chợ đông đúc ở New Orleans. Tuy nhiên, những chợ này lại do Mafia kiểm soát, và cũng chẳng bao lâu sau anh chàng Carlos đã có tiếp xúc với bọn đầu gấu và tội phạm địa phương để hiểu ra rằng có nhiều cách kiếm tiền thú vị hơn làm ruộng.

Sau đó, chính hắt cũng trở thành du côn đường phố và khám phá ra thế giới mới rất hào hứng của những trò trộm cắp, trấn lột, cò bạc, cảnh sát và thối nát chính trị. Đây là môi trường rèn luyện cho Carlos, và hắt học tập rất giỏi. Gần 20 tuổi, hắt đã trộm cắp nhà riêng và cửa hàng. Cướp ngân hàng; sau đó hắt lao vào những máy đánh bạc, buôn bán rượu lậu, cò bạc, ma túy, và đến lúc 37 tuổi, Carlos Marcello đã nghiễm nhiên là ông trùm Mafia tại New Orleans.

Không ai dám thách thức Marcello vì lúc đó hắt nắm được cả lực lượng cảnh sát cần thiết và các chính khách, và bằng cách sử dụng khôn khéo lòng tham và nỗi sợ hãi bây giờ hắt trở thành ông trùm thế lực nhất của gia đình Mafia lâu đời nhất nước Mỹ.

Marcello là một người lạc quan – thấp, săn chắc, vạm vỡ – và cung cách hắt ta điều hành tội phạm có tổ chức rất hợp với bề ngoài của hắt. Bỏ học năm 14 tuổi, khả năng tiếng Anh của hắt chỉ vượt quá một chút so với trình độ đường phố và kho tiếng lóng. Nhưng bên dưới lớp vỏ du côn ấy, Marcello chứng tỏ một khả năng đáng ngạc nhiên về toán học và một tư duy kinh doanh ngang tầm Wall Street. Bây giờ quyền lực của hắt bao trùm không chỉ Louisiana mà còn lan sang Oklahoma, Arkansas và Texas và một số hoạt động còn lan tới tận California và Trung Mỹ. Marcello là Al Capone ở miền Nam; thực tế, hắt còn mượn đầu bếp riêng của Al Capone về nấu cho mình(231) [(Davis)].

Tổng hành dinh riêng của Marcello nằm trong một quán rượu hẻo lánh gần những đầm lầy – một phần của điền sản rộng hàng ngàn mẫu của ông ta – và mỗi chủ nhật, chính ở quán rượu này mà ông trùm Louisiana sắp xếp công việc với các đầu lĩnh địa phương coi sóc đủ thứ hoạt động cho ông ta. Tính số cá cược, mại dâm, số đề, cờ bạc và dĩ nhiên là có cả buôn bán bạch phiến nữa. Các chính khách tham nhũng cũng có mặt, bên cạnh những cảnh sát trưởng địa phương, và ngay cả những thị trưởng và các sĩ quan cảnh sát cao cấp nữa. Đây là một chính quyền khác của miền Nam, và Marcello là thủ trưởng ngành hành pháp.

Việc chọn xây dựng điền trang trong vùng đầm lầy phục vụ cho một mục đích hai mặt. Marcello yêu cảnh đẹp sâu thẳm của miền đất này: miền nam của những nhánh sông lờ lững, những cây bách cây du phủ rêu, những con sếu và hải âu bay vọt lên trong nắng. Nhưng miền đất này không chỉ phục vụ để thoả mãn lòng yêu tất cả những gì đẹp đẽ của Marcello, mà nó còn dùng làm bãi thủ tiêu xác lúc cần thiết. Khi những tay thu tiền bảo kê giấu diếm thu hoạch, hoặc các thủ xạ quên “thủ tục phải quấy”, Marcello chỉ đơn giản là ra lệnh cho siết cổ trong khi hấn chứng giám, sau đó xác của kẻ đắc tội sẽ được hoá giải trong những thùng cường toan và toàn bộ sẽ được tổng xuống đầm lầy(232) [(Davis)]. Hiệu quả, không thể truy dấu vết, và lại ly kỳ nữa.

Nhưng chuyện ly kỳ nhất trong cuộc đời Marcello lại dính đến một trong những câu hấn đề cập tới John và Robert Kennedy. Nhiều độc giả đã quen thuộc với câu chuyện này nhưng một số thì chưa biết, nên chúng tôi kể sơ lược lại ở đây, nêu thêm những phát hiện trong cuốn Mafia Kingfish của John H. Davis, tác phẩm bao quát và hay nhất từng được viết về Carlos Marcello.

Năm 1962, trong một toà nhà thuộc điền trang, Marcello gặp gỡ một cặp thủ hạ, Edward Becker và Carlo Roppolo, về một vụ phân phối dầu nhờn. Becker lỡ vô ý nhắc tới Bộ trưởng Tư pháp Robert Kennedy, lập tức Marcello nổi cơn quát tháo một hồi. “Nhổ cái gai trước mắt giùm tao đi!” hấn gầm lên, dĩ nhiên là nói tới Robert, rồi kể đó hấn nói rằng cách duy nhất để nhổ cái gai Robert là giết người anh của ông ta đi, một ý niệm hợp lý. Giết Robert sẽ chỉ thúc đẩy JFK tấn công tội phạm mạnh hơn, nhưng nếu JFK bị chết, Robert sẽ lập tức bị Johnson đưa ra khỏi chức Bộ trưởng Tư pháp, vì Johnson vốn ghét Robert.

(Marcello cảm thấy chắc chắn về điều này vì nó là một kết luận khách quan hợp lý, nhưng chúng tôi cũng phải đưa ra mấy lý lẽ chủ quan nữa. Trong hơn một thập niên, Johnson đã nhận đóng góp vận động tranh cử từ một “nhà tài chính” tên là Jack Halfen, kẻ cũng từng làm việc thu tiền số đề cho Marcello, cho thấy rất có khả năng những khoản đóng góp đó xuất phát từ những nguồn thu phi pháp của Marcello. Sau đó ta có thể suy ra rằng mối liên hệ mờ ám này có thể giải thích tại sao Lyndon Johnson, khi còn là Thượng nghị sĩ, đã tích cực ủng hộ việc kết liễu các đạo luật chống các hình thức bóp nặn tiền bạc (bảo kê, số đề...) vốn có thể làm mất đi nguồn lợi của Marcello trong khu vực Texas của Mafia. Nhiều người sau này cũng suy ra rằng một mối nghi ngờ tương tự như vậy có thể đã ảnh hưởng đến Johnson theo một cách thức khiến ông ta quyết định cho điều tra vụ ám sát John F. Kennedy, cụ thể là một bộ phận tư pháp chuyên trách mà ông ta sẽ đích thân bổ nhiệm, một bộ phận sau này được gọi là Ủy ban Warren)(233) [(Davis)].

Nhưng hãy trở lại với câu chuyện ly kỳ của Becker, trong đó Marcello cho rằng chiến lược hữu hiệu nhất để kết thúc cuộc chiến chống Mafia của Robert Kennedy là giết anh của ông này.

Nhất trí với điều này là một việc quá dễ dàng. Nhưng ngay cả Mafia, với tất cả quyền lực của nó, cũng không thể đơn độc hoàn thành một công việc như thế được. Giết một tổng thống à?

Cách duy nhất để làm việc đó, Marcello đã nói với Becker tối hôm đó, phải là đi thuê những tay ám sát không dính líu gì tới Mafia Mỹ, rồi kiếm ra một thằng “khùng” để tế thần. Theo đúng kiểu họ đã từng làm hồi xưa ở Sicily(234) [(Davis)].

Marcello rất quyết tâm trong chuyện này, thậm chí còn đến mức bệnh hoạn. Chỉ cần nhắc tới tên Kennedy thôi là đủ khiến hắn nổ thành một thứ như giận dữ điên cuồng. Mọi khả năng lý trí đều biến mất, mọi tính thuần lý đều tan biến như hơi nước và biến ông trùm thế giới ngầm New Orleans sắc sảo, đầy tính toán ấy thành một tên khủng mặt đỏ gay, nắm tay đập bàn ầm ầm và chỉ chút xíu nữa là bị đột quỵ tim mạch. Mà không chỉ là chuyện Robert tấn công vào giới tội phạm; lòng thù ghét của Marcello đối với Robert Kennedy mang một dấu ấn cá nhân. Sự thực, dấu vết của Robert Kennedy luôn ám ảnh tâm trí Marcello, vì chính Robert là người đã gây phiền toái lớn nhất cho cuộc đời Marcello.

Tháng 4.1961, Robert cho bắt cóc Marcello, dưới chiêu bài trục xuất, và cho chở đến Guatemala City nơi một giấy khai sinh giả mang tên Marcello đã được “tìm ra” một cách rất tiện lợi. Marcello bị tước quyền gặp luật sư, bị bác bỏ yêu cầu được gọi điện về cho gia đình hoặc thậm chí lấy chút tiền bạc hoặc thay quần áo. Hắn ta đơn giản là bị các nhân viên INS còng tay, tống vào một máy bay không có hành khách nào khác, và sau khi vượt 1.200 dặm, hắn bị tống xuống một phi trường quân sự tại Guatemala City mà không có một xu dính túi(235) [(Davis)].

Nhiều tháng sau, với rất nhiều thời gian lẩn mò trong rừng rậm Marcello mới tìm được đường trở về Louisiana thông qua một phi công có dính tới giới giang hồ tên là David Ferrie(236) [(Benson)], hoá ra chỉ để đổi mặt với một hoá đơn tính thuế 800.000 USD do Sở Thuế vụ nội địa dưới quyền Robert gửi tới.

Nên nổi căm hờn sôi máu của Marcello đối với Robert Kennedy là quá dễ hiểu. Tuy Robert tấn công các ông trùm Mafia Mỹ, nhưng ông ta đã chọn riêng Marcello để quấy phá, điều này làm mất mặt Marcello ở qui mô toàn quốc. Nên có một điều đừng nên làm với một trùm Mafia, thì đó là quấy rầy hắn trước mặt các ông trùm khác.

Với Robert, chúng ta xem đó là công việc làm tốt; chúng ta hoan nghênh cuộc chiến toàn lực chống tội phạm có tổ chức. Nên sẽ ra sao nếu việc trục xuất Marcello là phi pháp về mặt chuyên môn? Chúng ta chẳng thương xót gì nếu như Robert trục xuất Marcello tới Nam Cực. Nhưng tất cả những tay Mafia đều tự xem mình là “những người đáng kính”; đó là một phần trong qui ước của chúng. Làm mất mặt một trong những ông trùm này có nghĩa là đùa với lửa, và khi làm thế, nhất là với Marcello, Robert lúc đó không hề hiểu rằng ngọn lửa sẽ bật trở lại và đốt cháy ông ta thê thảm tới mức nào...

Trong những thập kỷ sắp tới, rất lâu sau khi cả John lẫn Robert Kennedy đều đã chết,

Marcello sẽ còn bị nối kết, gắn liền, qui kết và thậm chí kết tội thẳng thừng là có trực tiếp dự mưu vào vụ ám sát JFK. Những người xuyên tạc các mối liên hệ Mafia khẳng định rằng đó chỉ là bằng chứng nghe nói. Về việc Frank Ragano, luật sư của Trafficante, tuyên bố rằng trafficante đã thừa nhận với ông ta việc y và Marcello có dính líu sâu xa vào vụ ám sát, Gerald Posner cho rằng Ragano đã nói dối bởi vì ông này rất tức giận với Trafficante từ 1976(237) [(Posner, Case Closed)]. Oà có thể lắm; những tay giang hồ băng đảng không hề nổi tiếng nhờ sự lương thiện. Khái quát hơn, Posner còn nói với chúng ta rằng Trafficante và Marcello đã từ chối “đánh” ông trùm ngành vận tải Frank Fitsimmons bởi vì tay này được bảo vệ quá kỹ; rồi Posner khinh khỉnh: “Cũng chính những trùm Mafia từng tránh né một hợp đồng thanh toán một tay kiểm soát ngành vận tải nặng lại được tin là rất quan tâm tới một mục tiêu khó ăn nhất nước, một tổng thống”(238) [(Sdd)]. Aø, trước hết, rất ít giả thuyết khẳng định rằng chỉ một mình Mafia cho ám sát JFK. Thứ nhì, điều này dựa trên một lời kể khác của Frank Ragano, mà Posner dùng lời kể này để hậu thuẫn cho ý niệm rằng Mafia không dính líu vào vụ ám sát, trong khi ở cùng một trang sách Posner lại nói với chúng ta rằng Ragano là không đáng tin cậy. Thế là thế nào, ông Posner? Khi Ragano nói điều gì hậu thuẫn cho giả thuyết ‘không có âm mưu’ của ông, ông bèn sử dụng nó. Khi Ragano nói điều gì không hậu thuẫn cho giả thuyết của ông, ông liền nói y là không đáng tin cậy.

Dĩ nhiên, Posner nói với chúng ta rằng Edward Becker cũng không đáng tin cậy, và Tiểu ban Hạ viện về Những vụ ám sát đã không tin lời chứng của y(239) [(Posner, Case Closed)]. Tác giả Michael Benson, ngược lại, có một cách lý giải khác, nói rằng “Năm 1978, Becker đã lập lại câu chuyện với Tiểu ban Hạ viện về Những vụ ám sát, và họ thấy y đáng tin cậy”(240) [(Benson)] điều này xem ra có lý hơn nhiều so với những gì Posner nói, vì Tiểu ban Hạ viện về Những vụ ám sát kết luận rằng “...tội phạm có tổ chức, như một tập thể, đã không dính líu vào vụ ám sát Kennedy, nhưng bằng chứng có sẵn không loại trừ khả năng rằng các thành viên đơn lẻ có thể có dính líu”(241) [(Report on the House Select Committee On Assassinations)].

Điều đó hoàn toàn khác hẳn những gì Ủy ban Warren nói với chúng ta. Và sau đây là mấy điều mà Tiểu ban Hạ viện về Những vụ ám sát nhận định riêng về Marcello: “Marcello có động cơ, phương tiện và cơ hội để thuê người ám sát John F. Kennedy...”(242) [(Benson)].

Điều đó hoàn toàn khác xa những gì Posner nói với chúng ta(243) [(Trong cước chú ở trang 459-460 của Case Closed, Posner nói rằng điều duy nhất khiến Chủ tịch Blakey của Ủy ban Hạ viện về những vụ ám sát nghi ngờ Marcello là một cuộn băng theo dõi của FBI, trong đó Marcello có vẻ như e rằng phòng đã bị cài thiết bị nghe trộm. Ở trang kế tiếp, Posner trích nội dung cuộc phỏng vấn một nhân viên FBI, người này nói rằng “Giancana và thuộc hạ hoàn toàn trong trắng nếu dựa theo kết quả theo dõi bằng điện tử”)].

Lý do khiến Marcello lúc đó không bị tích cực truy đuổi hơn là vì Tiểu ban Hạ viện về Những vụ ám sát lúc ấy không có bằng chứng để nối Oswald và Ruby với Marcello hoặc các đồng mưu của Marcello(244) [(Benson)]. Đó là chuyện năm 1978. Từ đó đến nay, nhiều nhà nghiên cứu đã xác lập được những mối dây liên kết ấy.

Ruby làm việc cho Joe Civello, đầu lĩnh của Marcello ở Dallas(245) [(Davis)]. Ruby cũng đã gặp mặt nhiều thuộc hạ không phủ nhận được của Marcello như Frank Caracci, Cleeve Dugas,

Nick Giaffagnini và Harold Tannenbaum(246) [(Davis)].

Còn về mối quan hệ giữa Oswald với Marcello? Ông chú của Oswald, Dutz Murret đã làm nhân viên kế toán cho Marcello(247) [(Benson)], còn Oswald là kẻ buôn lậu và tiêu thụ hàng gian trong cùng khu vực với ông chú(248) [(Davis)]. Ngay cả mẹ của Oswald cũng có quan hệ với Marcello: bà ta hẹn hò với một số tay em của Marcello(249) [(Benson)]. (Có lẽ “hẹn hò” là một từ rất lịch sự so với những gì bà ta đã làm) Một tay em khác của Marcello là Nofio Pecora, thậm chí đã có lần đóng tiền tại ngoại cho Oswald(250) [(Davis)]!

Đến đây, nói cách khác, không thiếu gì những thông tin nối kết Ruby với Marcello và nối Oswald với Marcello. Chúng ta thấy đều nghe tới những cáo buộc cho rằng một số vũ nữ thoát y của Jack Ruby còn tận mắt thấy chính Ruby gặp gỡ Oswald. Nhưng ai mà tin được mấy cô vũ nữ thoát y, phải không, ông Posner?

Nhưng còn một tài liệu năm 1967 của FBI báo cáo về lời khai của những con người “bình thường” thì sao? Bà Dwight E. Baily báo cáo cho FBI rằng bà biết nhiều nhân viên của Khách sạn Adolphus – ngay đối diện một trong những câu lạc bộ của Ruby – họ đã nhiều lần thấy Jack Ruby và Lee Harvey Oswald đi chung với nhau. Sự thực, mẹ của bà Dailey đã từng phục vụ bàn cho cả Ruby lẫn Oswald tại quán cà phê của khách sạn(251) [(Hồ sơ FBI 62-109060-4391; Hồ sơ lưu trữ 124-10057-10273, ngày 9.1.1967)].

Khi nghiên cứu sâu hơn, ta nghĩ sao về một tài liệu của chính phủ ghi nhận rằng không những Marcello có quan hệ với Ruby và Oswald mà Marcello còn đích thân gặp cả hai tên đó nữa?

Tài liệu CR 137A-5467-69 của FBI, đề ngày 9.6.1988, đã bị biên tập rất nhiều (những phần chính bị bôi đen) và nó ghi chép lời khai của một mật báo viên với tên tuổi không được tiết lộ vì lý do giữ an toàn cho người đó. Mật viên này báo với FBI rằng:

“Marcello có nói chuyện về nhà Kennedy. Hắn ta bảo tôi và một người bạn nữa về cuộc gặp mặt với Oswald. Hắn ta biết được Oswald qua một người tên là Ferris, phi công của Marcello {rõ ràng chỗ này muốn nói tới David Ferrie} Hắn ta nói rằng cuộc gặp gỡ đã xảy ra trong nhà hàng của người em trai... (Nhà hàng La Louisiana(252) [(Davis)]). Hắn nói rằng Ruby là một thằng chó đẻ đồng tính nhưng lại hữu dụng khi y ở gần bên để nói cho hắn biết đã có gì xảy ra trong thành phố. Hắn nổi cơn giận dữ dội, chửi rủa anh em Kennedy. Hắn nói ừ tao đã cho thịt một thằng chó rồi, và tao sẽ làm thêm một cú nữa...”(253) [(Hồ sơ FBI CR 137A-5467-69, 70, 72; Hồ sơ lưu trữ 124-10182-10430, ngày 9.6.1988; công bố một phần ngày 27.3.1998)]. Tay mật báo viên bí ẩn này là ai? Chúng ta sẽ không biết được, ít nhất là cho đến khi người đó chết. Nhưng rõ ràng đó không phải là Edward Becker vì câu chuyện của Becker xảy ra trước khi Kennedy bị giết, trong khi lời khai này rõ ràng đề cập tới một cuộc trao đổi của Marcello sau vụ ám sát. Nhưng vì mật báo viên hiển nhiên là một tay giang hồ cần được bảo vệ, nên những tay phản biện sẽ nhất quyết rằng người này là “không đáng tin cậy”.

Tốt lắm. Nhưng nếu người đó không đáng tin cậy, điều đó có nghĩa là lời khai của người đó là không xác thực, và nếu lời khai ấy là không xác thực, thì tại sao FBI giữ kín bảy trang tài liệu

đó(254) [(FBI Postponement Information Sheet (JFK Materials); đây là tờ bìa thứ nhì của Hồ sơ CR 137A-5467-69, 70, 72)]? Và tại sao có ba trang đã được công bố trong tình trạng bị bôi đen? Ở dòng cuối cùng không bị bôi đen, mật báo viên vô danh ấy đồng ý ngồi vào máy phát hiện nói dối. Đó là năm 1988 mà! Nếu mật báo viên không qua được máy phát hiện nói dối, thế thì đâu có lý do gì mà FBI cho bảo mật biên bản buổi xét nghiệm nói dối ấy!

Nhưng họ đã làm thế.

Tại sao?

Chúng tôi chỉ có thể suy đoán, và các bạn cũng vậy. Nhưng còn một lô tài liệu FBI khác còn thú vị hơn. Trong tập hồ sơ nói trên, một nguồn thứ nhì cho ta biết rằng Marcello đã thừa nhận hẳn có dính líu đến vụ ám sát.

Nhưng trong một hồ sơ FBI khác, đích thân Marcello thú nhận sự dính líu của mình, mà không phải với những tay giang hồ hay mật báo viên để những tay phản bác có thể gán cho cái nhãn hiệu “không đáng tin cậy”.

Không, ở đây Marcello thú nhận cùng hai sĩ quan cải huấn liên bang. Marcello chết năm 1993. Nhưng năm 1981, luật pháp sau cùng cũng tóm được hẳn, và Marcello bị kết án vi phạm luật RICO và âm mưu hối lộ thẩm phán liên bang, lĩnh án tổng cộng 17 năm tù khi hẳn đã 72 tuổi(255) [(Davis)]. Sau khi kháng cáo bị bác, Marcello cũng đành ôm ca thiếc mà gõ vào cửa xà lim. Marcello phải gác bỏ danh hiệu Trùm Mafia và trở thành tù nhân số 16225-034-A, và được cấp một chỗ ở miễn phí trong Viện cải huấn liên bang Texarkana, bang Texas. Không đến nỗi bị xích thành chuỗi nhưng ở đó cũng chẳng tốt lành hơn bất kỳ chỗ nào khác trong khuôn khổ của ngành tư pháp. Và ít lâu sau, tuổi tác, cộng thêm bao năm tháng ăn nhậu vô độ, bắt đầu đè nặng lên hẳn.

Những cơn xây xẩm, suy sụp thể lực và thần kinh, và nhịp tim không ổn đã khiến các nhân viên y tế trại giam e rằng Marcello rồi sẽ bị một cơn đột quỵ hoặc đau tim (hội chứng tổn thương não thứ cấp, thiếu máu cục bộ hoặc tăng huyết áp trước đột quỵ, nếu bạn quan tâm tới tiểu tiết). Cuối tháng 2.1929, Marcello được chuyển từ bệnh viện trại giam đến Trung tâm y khoa Wadley gần đó để xét nghiệm. Và trong thời gian xét nghiệm ấy hẳn được các nhân viên cải huấn giám sát chặt chẽ(256) [(FBI AIRTEL từ Dallas SAC gửi Giám đốc FBI; Hồ sơ CIA 175A-DL-109-7; Hồ sơ lưu trữ 124-10267-10456; ngày 11.4.1989)].

Vào khuya ngày 28.2.1989, James Cates và Vincent Brown, sĩ quan cải huấn liên bang, là hai người đang làm nhiệm vụ canh giữ Marcello. Hẳn ta đang ngủ, được ràng vào giường bệnh với đủ thứ dây truyền nối với các máy móc theo dõi bệnh tình, và lát sau hẳn ta bắt đầu co giật và nói lảm nhảm. Có lúc Marcello lại ngỡ Cates và Brown và các vệ sĩ của mình, và nói rằng đã đến lúc phải trở về New Orleans thôi. Nhưng có điều gì khác lạ trong những câu lảm nhảm của Marcello mà Cates ghi nhận là “...cực kỳ rối rắm và lộn xộn, nhưng có lúc lại rõ ràng và súc tích”. (chuyện này không có gì khác thường với những bệnh nhân bị suy kiệt thể lực theo kiểu nào đó: lúc này họ chẳng biết mình đang ở đâu nhưng liền đó trí óc họ trở lại hoàn toàn minh mẫn và có thể kể chi tiết những chuyện nhiều chục năm về trước không chút sai sót).

Trong phiên trực của họ, Cates và Brown nhận thấy Marcello tiếp tục lằm bằm và cứ lúc tỉnh lúc thiếp đi. Nhưng rồi, khoảng 2 giờ 30 sáng, Marcello tỉnh dậy và nói câu này:

“Thằng Kennedy – Đ. M nó chứ. Tụi tao sẽ xử lý nó ở Dallas”

Đây không phải chuyện nghe nói; nó đã được ghi vào một tờ trình chính thức của FBI(257) [(Tài liệu kèm FBI AIRTEL; hồ sơ CIA 175A-DL-109-7; Tờ trình gửi J.D.Swinson, Jr.,Giám đốc trại giam; ngày 28.2.1989; một văn bản tường trình của sĩ quan James Cates)].

Marcello còn nói với Cates và Brown rằng hẳn ta mệt vì mới lái xe rồi người khác lại chở hẳn quay ngược từ New York về New Orleans(258) [(Tài liệu kèm FBI AIRTEL; hồ sơ CIA 175A-DL-109-7; bút lục ngày 13.3.1989 của cuộc phỏng vấn Sĩ quan cải huấn Vincent Earl Brown do FBI tiến hành. Điều tra ngày 2.3.1989; ngày ghi chép: 2.3.1989; Hồ sơ số DALLAS 175-109)]. Có lúc Marcello nói bằng tiếng Pháp(259) [(Tài liệu dẫn trên)]. Sau đó, vào hai lúc khác nhau, Marcello đã nói “Tụi tao sẽ tính cái thằng Đ. M. Kennedy đó ở Dallas”.

Cates lập tức báo cáo chuyện này với giám đốc trại giam, ông này báo về cho FBI. Một hồ sơ chính thức khác của FBI còn cho ta biết rằng Marcello được đưa ra khỏi Trung tâm Wadley ở Texarkana ngay ngày hôm sau và tức tốc đem về Trung tâm y khoa liên bang ở Rochester, Minnesota(260) [(Tài liệu kèm FBI AIRTEL; hồ sơ CIA 175A-DL-109-7; bút lục ngày 13.3.1989 của cuộc phỏng vấn bác sĩ Jerry Stringfellow do FBI tiến hành. Điều tra ngày 2.3.1989; ngày ghi chép: 2.3.1989; Hồ sơ số DALLAS 175-109)], tại đây FBI lập tức điều một nhóm nhân viên tới với mục đích rõ ràng là giám sát Marcello và xác định cho được “phương cách hữu hiệu nhất để khai thác thông tin từ tù nhân này”(261) [(Bản viển ký FBI; Hồ sơ CIA 175A-DL-109-3; Hồ sơ lưu số 124-10267-10460, ngày 10.3.1989)]

Vậy là đến đây chúng ta đã biết được năm người từng nghe thấy Marcello thừa nhận có dính líu tích cực vào vụ ám sát JFK. Hai trong số năm người đó, Frank Rogano và Edward Becker, có quan hệ với giới băng đảng giang hồ. Cả hai đều không có lý do hợp lý nào để nói dối tuy nhiên một số nhà nghiên cứu vẫn coi họ là không đáng tin cậy chỉ vì họ có dính líu tới giới giang hồ. Chuyện cũng tương tự như vậy cho nhân chứng thứ ba – một nhân chứng vô danh – được ghi trong hồ sơ FBI. Có lẽ hẳn ta cũng có liên quan tới giới giang hồ, cũng không có lý do gì để nói dối nhưng vẫn bị các nhà phản bác cho là không đáng tin cậy – tuy rằng ba trang đầy lời chứng của ông ta vẫn còn được FBI giữ kín, và hầu hết lời khai của nhân chứng này khi được công bố đều bị bôi đen.

Nếu những điều tay mật báo viên này phát biểu là không đáng tin cậy, thế thì vì lý do gì mà FBI giữ kín nó và không công bố cho dân chúng?

Chúng tôi sẽ không nín thở chờ đợi bất kỳ ai trả lời câu hỏi này. Vấn đề là chúng tôi còn hai nhân chứng nữa – không phải dân giang hồ, không phải mật báo viên, mà là hai sĩ quan cải huấn liên bang với thành tích công tác trong sáng và không hề có lý do gì để nói dối.

Chúng tôi để phần còn lại cho độc giả tùy nghi suy luận.

Cuộc Tranh Cãi Quanh Phát Đạn Vào Đầu

Nhờ phó đô đốc Burkley chu đáo dời chỗ bộ não của Kennedy, nên thế giới sẽ chẳng bao giờ biết được phát đạn gây tử vong đó được bắn ra từ đâu. Tuy nhiên, đứng đầu trong danh sách suy đoán là giả thuyết cho rằng viên đạn trúng đầu được bắn từ phía trước Kennedy khi đoàn xe di chuyển theo phố Elm. Cuốn *The Killing of a President* (“Vụ giết một tổng thống”) của Robert Groden khẳng định điều này mà không kèm những chữ như nếu, và hoặc nhưng gì cả; ông ta còn vẽ hẳn sơ đồ mô tả đường đạn bắt đầu từ hàng rào bảo vệ phía sau “Grassy Knoll” và kết thúc ở đầu Kennedy trong chiếc xe. Groden viết trong sách: “Phát đạn thứ năm, bắn từ phía sau hàng rào bảo vệ chân đồi, găm trúng thái dương phải của tổng thống... Viên đạn trở ra phía sau đầu...” (262) [(Groden, *The Killing of a President*)]

Sách của Groden là loại bìa giấy khổ lớn, nó bao gồm chủ yếu là các bức ảnh chen lẫn những đoạn văn bản, và đó là cuốn sách, có lẽ hơn mọi cuốn khác, nói được cho độc giả phổ thông tất cả những rối rắm của vụ ám sát JFK. Với những bức ảnh, Groden đã chỉ cho độc giả thấy, chứ không chỉ là kể cho độc giả biết, và nỗ lực này rất đáng biểu dương. Groden cũng là một cố vấn kỹ thuật cho bộ phim JFK của Oliver Stone và trong phim đó ta thấy sự mô tả hành động y như khẳng định của Groden: một tay súng phía sau hàng rào Grassy Knoll bắn phát đạn trúng đầu gây tử vong đó (263) [(Stone, Oliver, JFK, phần II, cảnh xử án)].

Tuy nhiên, để điều này là sự thực, người ta phải chấp nhận một điều bất thường về mặt đạn đạo học. Nếu một viên đạn súng trường có tốc độ cao hoặc trung bình bắn trúng thái dương bên phải của một người và trở ra phía sau đầu, thì viên đạn đó đã đi một đường hơi khác thường. Nó vào thái dương phải rồi rẽ một góc 90 độ trong cái đầu, rồi trở ra đằng sau. Tức là rẽ trái rất gắt. Và đó là điều bất thường về mặt đạn đạo...

Nhưng không phải là không thể xảy ra.

Các viên đạn chạy lung tung. Các viên đạn chạy dọc theo xương. Người ta từng biết các viên đạn di chuyển trong những điều kiện không hạn chế. Hoàn toàn có thể có chuyện một viên đạn tốc độ cao chui vào khuỷu tay một người và trở ra ở đầu anh ta. Những chuyện đó vẫn xảy ra. Thí dụ, một phần trong thiết kế cơ bản của loại súng M-16, là tạo một viên đạn bất định về mặt đạn đạo trong khi chiến đấu. Nó có một đầu đạn cực mảnh (đường kính chỉ có 5,56mm) đằng sau một khối thuốc nổ thông thường cho một viên đạn súng trường. Khi va chạm mục tiêu, thiết kế này sẽ làm tăng khả năng chạy lung tung của viên đạn bên trong mục tiêu thay vì đơn thuần vào rồi ra theo một đường thẳng, như kiểu ta thường gặp với các loại đạn cỡ lớn hơn (7,62mm) thường dùng hiện nay. Viên đạn càng lớn và khối thuốc đạn càng nhiều, sức công phá càng mạnh, và thường nó sẽ vào và ra theo một đạn đạo thẳng. Nhưng khi bạn có viên đạn mỏng hơn, nó có thể làm đủ chuyện kỳ quái sau khi vào trong cơ thể của mục tiêu.

Khẩu súng trường mà người ta nói Oswald đã sử dụng là một khẩu Mannlicher – Carcano nòng 6,5mm không mỏng như đạn của khẩu M-16, nhưng dứt khoát mỏng hơn những loại đạn súng trường thông thường (Nhưng dĩ nhiên, Oswald, nếu có bắn, thì không bắn từ Grassy Knoll). Dù thế nào thì cũng hợp lý khi khẳng định tính khả dĩ tin được trong kịch bản của Groden. Nó có vẻ khó xảy ra nhưng vẫn có thể xảy ra như thường. Thêm vào đó là hơn một chục nhân chứng tuyên bố rằng đã nhìn thấy một lỗ đạn lớn trở ra phía sau đầu của Kennedy (264) [(Groden, *The Killing of a President*)].

Nhưng bây giờ ta hãy suy luận chút đỉnh bằng cách quan sát vật chứng duy nhất đúng sự thật hiện có cho đến nay: một đoạn phim 8 ly dài 26 giây được quay vào ngày 22.11.1963 bởi một tay chơi phim nghiệp dư vốn làm nghề thợ may tên là Abraham Zapruder. Tờ báo Life, cơ quan đã mua được đoạn phim này, đã định nghĩa rõ tầm quan trọng của nó: “Trong tất cả nhân chứng về bi kịch này, cái mà ta hoàn toàn không thể hồ nghi đó là đoạn phim 8 ly của Abraham Zapruder”(265) [(Image of an Assassination, phim tài liệu video của MPI Teleproductions, H.D.Motyl đạo diễn và sản xuất, 1998)]

Nhân chứng con người có thể phạm vô số sai lầm của con người. Một số nhân chứng có thể quên, một số lẫn lộn, và một số khác; một cách vô thức; đã để cho lời chứng của họ bị ảnh hưởng bởi những gợi ý khéo léo. Một số nhân chứng có thể nói dối (và trong vụ ám sát JFK, một số nhân chứng đáng kể có vẻ đã chết một cách hơi sớm). Nhưng một ống kính thì không biết nói dối, cũng không thể phạm những lầm lẫn của con người. Khi được chĩa vào đúng chỗ, ống kính sẽ chẳng có lựa chọn nào khác ngoài việc ghi nhận sự thật tuyệt đối, và trong ngày Kennedy bị giết, ống kính của Zapruder lại chĩa vào đúng chỗ. Nó ghi nhận ngay khoảnh khắc của cái có lẽ là biến cố gây tranh cãi nhất – và cũng kinh hoàng nhất – trong lịch sử nước Mỹ.

Bởi vì trong đoạn phim đó, người ta thấy đầu của Tổng thống John F. Kennedy nổ tung.

Nhưng trong vụ nổ đó, và trong nhiều thập niên sau biến cố đó, công chúng Mỹ đã bị chìm trong sự lẫn lộn. Hầu như rằng phát đạn thật sự giết chết Kennedy cũng chính là phát đạn bắt đầu cuộc chạy đua của những tay mê nghiên cứu vụ JFK để lao vào đủ thứ giả thuyết. Ngày nay, cho dù có những cuốn sách như Case Closed của Posner (vốn ủng hộ giả thuyết Oswald là tay súng đơn lẻ làm chuyện đó một mình) thì những đánh giá cá nhân phổ biến nhất có vẻ như ủng hộ lý thuyết chung cho rằng (1) JFK bị giết do một âm mưu; (2) Báo cáo của Ủy ban Warren là một tập hợp những lời nói dối do chính phủ bịa ra; và (3) bằng chứng và những lời khai nhân chứng quan trọng mà chúng có thể dễ dàng bác bỏ Báo cáo Warren và những kết luận của các cuộc điều tra sau đó đều bị ngụy tạo, biến cải, tiêu huỷ hoặc bỏ qua.

Các tác giả của sách này đồng ý với ba điểm nêu trên. Nhưng có lẽ còn một điểm thứ tư cũng còn được công chúng đánh giá cao: đó là chuyện phát đạn vào đầu gây tử vong đã được bắn từ Grassy Knoll.

Nhưng, chúng tôi không hoàn toàn tin vào điều đó.

Ta hãy trở lại những điều chúng tôi đã trình bày cách đây vài đoạn: ống kính không biết nói dối. Nếu sự thật có một con mắt, thì đó là ống kính và những gì nó ghi được vào phim, và trong đoạn phim của Zapruder, khung hình 313, chúng ta thật sự thấy cái đầu Kennedy nổ. Với những độc giả không được xem đoạn phim này, chúng tôi thành thực kêu gọi bạn hãy mua, mượn hay mượn một bản in thuộc loại tốt nhất, rõ nhất: đó là cuộn The Men Who Killed Kennedy (tập 1; “Người đã giết Kennedy”) của A&E Home Video sản xuất năm 1987, và bộ phim JFK của Oliver Stone năm 1991 (trong cảnh xử án ở gần cuối phim, Stone sử dụng một phần lớn của đoạn phim Zapruder), hoặc, gần đây hơn, vào tháng 6.1998, là phim Image of an Assassination (“Hình ảnh của một vụ ám sát”) của hãng MPI (ấn bản kỹ thuật số của đoạn phim nhựa gốc)

Hãy kiểm một bản và xem đi. Xem đi xem lại nhiều lần. Nếu trước đây bạn chưa từng xem, thì hãy chuẩn bị cho cú sốc của nó vì nó trông rất kinh, đoạn phim gây nhiều bối rối, và bạn sẽ thấy máu, những mớ não vung vãi, và những mẫu sọ bung ra từ thái dương bên phải của Kennedy.

Hãy xem hình ảnh thấp thoáng trong phim cho thật kỹ.

Với chúng tôi, những mẫu sọ từ thái dương bên phải của JFK trông giống một vết đạn trở ra hơn, tuy những người theo giả thuyết phát đạn tử vong xuất phát từ Grassy Knoll vẫn cho rằng đây là vết thương đạn găm vào. Tuy quả thực rằng Grassy Knoll nằm ở phía trước – bên phải của chiếc xe chở JFK khi nó chạy dài gần hết phố Elm, vào thời điểm chiếc xe Lincoln mui trần vào đến vị trí ở đó đầu Kennedy bị nổ, một phát đạn từ Grassy Knoll hẳn đã gần như bắn thẳng góc vào đầu Kennedy. Giả thiết phổ biến nhất cho rằng một tay bắn tỉa đằng sau hàng rào gỗ quanh Grassy Knoll đã bắn gần như thẳng vào thái dương bên phải của Kennedy. Nhưng trong đoạn phim Zapruder, chúng ta lại thấy mẫu sọ rơi ra từ thái dương bên phải. Chúng ta thấy một vết đạn vào ở chỗ hẳn phải là vết đạn ra nếu quả thực phát đạn tử vong được bắn từ phía Knoll. Nếu một tay bắn tỉa ở phía Knoll đã bắn trúng đầu JFK ở hướng xe chạy như vậy, viên đạn ắt phải đi vào thái dương phải của Kennedy, trong khi theo hầu hết những bài học đạn đạo, mẫu sọ rơi ra phải được thấy ở phía bên trái đầu Kennedy.

Chúng tôi không tranh luận về ý tưởng cho rằng không phải chỉ có một tay bắn tỉa tại quảng trường Dealey ngày hôm đó. Chúng tôi cũng không tranh luận chuyện có một tay bắn tỉa đứng sau hàng rào Grassy Knoll. Hàng chục nhân chứng, trong đó có cả cảnh sát(266) [(Duffy)] – thực tế, tám mươi phần trăm các nhân chứng tại quảng trường Dealey, theo nhà nghiên cứu Robert Groden(267) [(Groden, The Killing of a President)] – khai báo rằng các phát đạn được bắn ra từ khu Grassy Knoll. Gordon Arnold, vừa mới qua huấn luyện cơ bản, đã lao ngay xuống đất ở trước hàng rào Knoll khi ông ta nghe tiếng súng trường nổ sau lưng mình(268) [(Trong cuốn The Killing of a President của Robert Groden, những ảnh chụp thực cho thấy cảnh sát và người dân chạy đổ về phía Knoll(269) [(Benson)] Groden, The Killing of a President)]. Chính Abraham Zapruder, khi quay những đoạn phim bắt tử ấy, đang đứng trên một vỉa hè xi măng cạnh Grassy Knoll, và cho dù ông ta khai báo rằng những phát súng được bắn ra từ phía sau lưng ông ta, điều đó cũng đặt tiếng súng bắn từ phía sau hàng rào ở Knoll(270) [(Duffy)]. Các chuyên gia của quốc hội, qua phân tích bằng chứng âm học, đã xác định rằng có khả năng 95% là có ít nhất một phát đạn được bắn ra từ Grassy Knoll nhưng rồi chúng ta được nghe nói rằng một uỷ ban khác của chính phủ (Ủy ban âm học đạn đạo) đã cho rằng các kết luận trước đó là không giá trị mà không giải thích tại sao(271) [(Hồ sơ FBI/Hồ sơ lưu số – 10006-10144/ Hồ sơ CIA 62-109060-2 ND NR 8235)]. Theo chúng tôi thì đó quả là một trò ngớ ngẩn; đó chỉ là một trò ma mãnh khác của chính phủ thôi. Làm thế nào mà “Ủy ban âm học đạn đạo” (rồi tới gì nữa? Uỷ ban về dụng cụ giữ sống lưng của JFK chắc?) không chỉ phủ nhận một xác định về kỹ thuật của các chuyên viên thuộc quốc hội mà còn gạt bỏ lời khai của cả chục nhân chứng mà không thêm nói một lời để giải thích tại sao họ gạt bỏ lời chứng ấy. Cái gì đây? Không lẽ tất cả những người đó đã bịa đặt ra cùng một câu chuyện? Cả dân thường lẫn cảnh sát? Ngay cả thành viên của đội mô tô hộ tống cũng nói họ tin rằng những phát đạn là bắn ra từ Knoll(272) [(Duffy)].

Vậy đó, chúng tôi hy vọng độc giả thấy rõ rằng chúng tôi tin thật có những phát đạn được bắn ra từ sau hàng rào ở Grassy Knoll – nhưng không phải phát trúng đầu, và có thể thậm chí không có phát nào trúng ai cả. Thực vậy, nhiều người đã tuyên bố rằng phần đằng sau – bên phải của cái đầu Kennedy đã bị bắn tung(273) [(Grodén, *The Killing of a President*)]. Nhưng đó không nhất thiết là điều chúng ta thấy trong đoạn phim Zapruder. Độ phân giải của mẫu phim cũ này, cho dù là bản dùng kỹ thuật số, không phải là toàn bích. Các chi tiết bị mất âm thanh, hình ảnh mờ, chuyển động, nên điều xảy ra trong tích tắc ghi được trong Khung hình 313 khiến ta hầu như không thể xác định điều đó một cách rõ ràng được. Do đó thật khó nói chắc rằng phần nào đó ở phía sau đầu JFK đã bị bắn tung hay không bắn tung. Với chúng tôi, có vẻ như thái dương bên phải bị bắn tung. Phải, Kennedy có vẻ như giật ra sau đúng lúc hoặc ngay sau khoảnh khắc trúng đạn nhưng điều này có thể giải thích dễ dàng là do lực quán tính khi xe tăng tốc. Từ quan điểm của chúng tôi, ít nhất, một phát đạn từ Grassy Knoll không thể tạo được cảnh mà chúng ta thấy trong đoạn phim Zapruder.

Để tạo được cảnh trên, viên đạn trúng đầu hẳn phải đến từ phía sau Kennedy, chứ không phải từ Knoll ở phía trước Kennedy. Hơn nữa, như cách chúng tôi lý giải đoạn phim này, phát đạn trúng đầu không những phải xuất phát từ phía sau Kennedy, và trong trường hợp này các vị trí khả thi nhất cho một tay bắn tỉa sẽ là toà nhà Kho sách giáo khoa Texas, Cao ốc Dal-Tex (cả hai đều ở lề trái phố của Elm), và Cao ốc Dallas Records hoặc Pháp đình hình sự (ở phía trái của phố Elm). (Ngay Robert Groden cũng thừa nhận khả năng có ít nhất một phát đạn được bắn từ nóc cao ốc Dallas Records)(274) [(Grodén, *The Killing of a President*)]

Bây giờ, để thêm vào cuộc tranh luận, ta hãy bổ sung thêm vài nhân chứng nữa, ba người đã nhìn thấy xác Kennedy tại Bệnh viện Parkland.

Bác sĩ Marion Jenkins, bác sĩ Robert McClelland và cha cố Oscar Huber, người tiến hành những nghi lễ cho Kennedy. Cả ba người đều nhận thấy chỗ trông như vết đạn chui vào thái dương ở bên trái Kennedy(275) [(Duffy)] điều này sẽ xác định một vết đạn trở ra ở thái dương bên phải, và khả năng này có vẻ có lý nhưng chỉ làm vấn đề thêm rắc rối khi nó mâu thuẫn với những nhân chứng khai rằng họ thấy một vết đạn trở ra ở đằng sau bên phải của cái đầu Kennedy.

Như thế hết câu hỏi này đến câu hỏi khác, nhóm nhân chứng này mâu thuẫn với nhóm khác. Bác sĩ Ronald F. White trong bài viết sôi nổi cho tập *Assassination Science* (“Khoa học ám sát”), mô tả vụ sát hại JFK như là “khởi đầu của một thời Hậu hiện đại tại Mỹ”, và nó là một “tiếng lao xao lẫn nhảm của đủ thứ giọng đã tạo nên ngành sử học về ám sát”(276) [(Fetzer)]. Trong một nghĩa rộng, điều này không thể nào đúng hơn: có quá nhiều cái miệng lấp báp, quá nhiều nhân chứng, quá nhiều “cuộc điều tra” của những cơ quan điều tra kém cỏi, đã biến mọi khía cạnh của vụ ám sát JFK thành một hiện tượng giống như một kiểu phim X-files. Cho đến gần đây mới thấy có các chuyên gia đích thực, không thiên vị, khởi sự mở một hướng đi khoa học vào vụ nghi án này. Một thí dụ đáng được trân trọng giới thiệu là cuốn *Assassination Science* nói trên (đây là một cuốn sách tuyệt vời và thuộc loại phải-đọc cho bất kỳ ai quan tâm tới vụ ám sát JFK; không may, độc giả trung bình cần có bằng tiến sĩ vật lý, tội phạm học và giải phẫu học thì mới khai thác được tác phẩm này!) Nhưng những nỗ lực như vậy, mặc cho chi tiết

về thuật ngữ chuyên môn, v.v... chính là điều mà độc giả cần có để phân biệt vàng thau, tức là: một phân tích khoa học về các bằng chứng và cả những suy đoán nữa.

Một thí dụ “dễ cho độc giả hơn” về sự khảo sát của các chuyên gia không thiên vị là một điều đã xảy ra gần đây cuối mùa hè 1998, và nó không dính gì đến những nhà khoa học trong một phòng thí nghiệm.

Phòng thí nghiệm ở đây chính là quảng trường Dealey.

Các nhà quản trị Associated Television (một công ty truyền hình có trụ sở chính ở Los Angeles) đã chi một khoản tiền lớn để thuê quảng trường Dealey của chính quyền Dallas trong một khoảng thời gian đủ để các chuyên gia đạn đạo tới đó làm một số việc mà lẽ ra phải được làm từ lâu. Với những trang bị đo lường hiện đại và tinh vi nhất, các chuyên gia này tiến hành khảo sát vấn đề viên đạn trúng đầu một cách tỉ mỉ – và khoa học – hơn bất kỳ cuộc khảo sát nào từng được làm trước đây. Nỗ lực này đã soi rọi những ánh sáng chưa từng có vào vấn đề này, và kết quả có lẽ đã chứng tỏ chính xác nơi xuất phát của viên đạn trúng đầu đó.

Và với đa số những nhà giả thuyết, nó cũng là một kết quả đầy ngạc nhiên.

Yù tưởng này nảy sinh khi đồng tác giả Brad O’Leary của sách này thuyết phục Associated Television sang Nga để quay một phim tài liệu dựa trên những hồ sơ KGB mới tìm được có liên quan đến Oswald và vụ ám sát Kennedy. Bộ phim này đã phát sóng nhiều lần trong chương trình The Learning Channel. Trong những cuộc phỏng vấn rất ráo rỏi với nhiều cấp thẩm quyền kỹ thuật hàng đầu của Nga (cũng như các cấp chỉ huy của KGB trước đây), trung tá Nikolai Martinnikov, một chuyên gia đạn đạo hàng đầu làm việc ở Phòng thí nghiệm tội phạm liên bang Nga, đề xuất kỹ thuật hiện đại sử dụng tia laser thử nghiệm – chính xác như một phương cách để khảo sát “các giả thuyết về viên đạn trúng đầu” khác nhau để xác định chính xác nơi nào tại quảng trường Dealey là nơi bắn ra phát đạn gây tử vong ấy. Điều này dẫn tới tiểu mục kế tiếp của chúng tôi:

Tái Dựng Hiện Trường Quảng Trường Dealey

Ba mươi lăm năm sau cái chết của Kennedy, quảng trường Dealey được phong toả cho một cuộc nghiên cứu chưa từng có, và những chuyên gia uy tín được mời tham gia, những con người với khả năng chuyên môn không thể phủ nhận:

Anthony Larry Paul: một chuyên gia đạn đạo hiện trường với hơn 30 năm kinh nghiệm trong việc dựng lại hiện trường tội phạm; một giảng viên đạn đạo học cho FBI và sở cảnh sát của Los Angeles và Philadelphia.

Heinz Thummed: một chuyên gia về laser ứng dụng và một nhà tiên phong về vận hành laser; Thummed là nhà khoa học đầu tiên nghĩ ra cách nhìn bằng laser cho ngành chế tạo vũ khí trên ba thập niên qua.

Ronald L. Singer: Nhà tội phạm học hàng đầu của Phòng thí nghiệm tội phạm học Hat Tarrant.

Bác sĩ Vincent DiMaio: nhà bệnh lý học pháp y nổi danh toàn quốc với nhiều sách giáo khoa và bài viết kỹ thuật đã định ra một số tiêu chuẩn trong lĩnh vực này. DiMaio là trưởng ban khám nghiệm y học ở San Antonio, Texas.

Robert Groden: có lẽ là nhà nghiên cứu JFK nổi tiếng nhất. Groden đã viết một số sách bán rất chạy và, nhờ kỹ năng của một chuyên viên nhiếp ảnh, có lẽ ông đã cho độc giả thấy được rất nhiều điều gây tranh luận chung quanh vụ ám sát JFK.

Paul định nghĩa các mục đích căn bản, những thiết kế và động cơ tối hậu của việc tái dựng hiện trường này bằng cách giải thích, “chúng ta sẽ tái tạo lại kịch bản cảnh nổ súng – càng nhiều kịch bản càng tốt – bằng cách dùng công nghệ laser để xác lập các đường bắn của đạn”. Singer tăng thêm mối quan tâm đặc biệt của nhóm vào việc trắc nghiệm “một số giả thuyết khác, một số vị trí khác, và xem đích xác những gì chúng ta có thể loại bỏ – và tôi nghĩ đây thực sự là con đường các bạn phải đi – với bất kỳ nghiên cứu nào thuộc loại này – bạn loại bỏ những giả thuyết bấp bênh bên lề và càng loại bỏ được nhiều giả thuyết thì ta càng tới gần sự thật. Giống như Sherlock Holmes nói, một khi bạn loại trừ được tất cả những điều không thể xảy ra, thì cái còn lại chính là sự thực”. Với việc sử dụng mắt nhìn laser, dự án này sẽ có thể xác định giả thuyết nào trình bày rõ nhất chuyện đã xảy ra vào ngày 22.11.1963. Sau cùng, DiMaio tổng kết các mục tiêu của nhóm là “trình bày bằng chứng khách quan trong vụ này là gì, loại bỏ một số huyền thoại về bản chất của các vết đạn trên người Kennedy và các vũ khí, rồi để cho mọi người tự phán xét. Tôi chỉ quan tâm khía cạnh khoa học”. Ngay lập tức, các nhà khảo sát chuyên nghiệp được mang tới hiện trường để trắc nghiệm phương tiện, một công việc cực kỳ quan trọng. Ba vị trí trắc nghiệm được xác định để đánh dấu sự di chuyển của JFK dọc theo phố Elm, một trước lúc Tổng thống bị bắn, điểm thứ nhì đánh dấu phát đạn thứ nhất, và điểm thứ ba ở nơi trúng đạn vào đầu. Điều tối quan trọng là những vị trí trắc nghiệm ấy được chọn một cách độc lập, không dựa vào báo cáo Warren, nên nhóm thí nghiệm này đi thẳng tới tận nguồn: đoạn phim Zapruder. Dùng một máy phóng ảnh cho từng khung hình, từ vị trí chính xác nơi Abraham Zapruder đã đứng khi quay đoạn phim đó, nhóm này có thể đánh dấu chính xác từng bối cảnh quay. (Và sau đó, nhóm này so sánh những hình dạng sắp đặt của họ với những sắp đặt của Ủy ban Warren – chúng giống nhau)

Nhưng ngay chính chiếc xe cũng có những đòi hỏi về độ chính xác, nên một chiếc xe thử nghiệm được đem tới, không chỉ tương tự mà là y hệt như chiếc Lincoln mui trần chở JFK trong ngày định mệnh ấy, cùng với những đặc điểm về trục thứ cấp, dàn treo và các bánh xe. Điều tối quan trọng là chiếc xe vận hành theo đúng kiểu của chiếc xe chở Kennedy hôm đó.

Kế tiếp, những hình nộm chính xác được dùng để thay cho Kennedy và Thống đốc Connally, những bộ khung dẹt tiền có thể được dựng vào đúng vị trí tư thế của Kennedy và Connally trên xe khi bị bắn. Những vấn đề khác cũng được xem xét tỉ mỉ: những nhánh cây nay đã ngăn đường đạn bắn từ một số cửa sổ nào đó, việc tu sửa mặt đường và ngay cả tổng trọng lượng của sáu người có mặt trên xe hôm đó. Và sau khi tất cả những điều kiện này được thoả mãn, cảnh được diễn lại trên con đường – đó là phố Elm tại Dallas, Texas.

Các mắt nhìn laser đã bố trí vào chỗ, chiếc xe trắc nghiệm được đặt đúng vị trí, nhóm khởi sự làm việc, và từ sáng đến tối những việc đo đạc, tính toán và những phát bắn trắc nghiệm

bằng laser đã lần lượt được tiến hành.

Rồi đến những kết quả đầy ngạc nhiên

Nhiều giả thuyết đã mau chóng bị loại bỏ. Một số nhà nghiên cứu từ lâu đã nghi rằng phát đạn trúng đầu có thể đã được bắn ra từ điểm tiếp giáp nơi hàng rào của Grassy Knoll gặp chân đế bê tông của chiếc cầu vượt, nằm xa phía trước chiếc xe chở JFK. Một cách lý tưởng, vị trí này sẽ là một chỗ ngắm bắn rất tốt cho một tay bắn tỉa... nhưng đường bắn lại không thẳng. Một phát đạn bắn từ đó không chỉ làm vỡ tung kính chắn gió của chiếc xe, mà nó cũng không thể bắn trúng đầu JFK theo một kiểu phù hợp với vết thương mà ta thấy trong đoạn phim Zapruder. Do đó, giả thuyết về đường bắn này bị loại bỏ.

Một giả thuyết khác cũng bị loại bỏ là giả thuyết cho rằng phát đạn vào đầu được bắn từ một máng xối ở phía trước chiếc xe. (Theo năm tháng giả thuyết này mất đi sức thuyết phục cho đến khi một tập trong bộ phim The X-Files được chiếu gần đây miêu tả lại giả thuyết này). Nhưng một lần nữa, các kết luận khoa học của nhóm lại cho rằng phát đạn trúng đầu xuất phát từ vị trí đó là không thể có được.

Thứ ba (và có lẽ gây thất vọng cho nhiều người say mê tìm hiểu vụ JFK), các thành viên trong nhóm nhất trí loại bỏ giả thuyết nổi tiếng nhất trong các giả thuyết – Giả thuyết Grassy Knoll, vốn được trình bày xuất sắc trong phim của Oliver Stone. Nhưng giả thuyết này dễ dàng bị loại bỏ vì nó không ở vị trí xác lập được những đường bắn cần thiết giải thích được không những các vết thương của Kennedy mà cả những vết thương của Connally nữa. Có thể rằng đã có tay bắn tỉa nấp sau hàng rào Knoll... nhưng những kết quả trắc nghiệm của nhóm chứng tỏ rõ ràng rằng không phát đạn nào từ vị trí đó trúng được Tổng thống.

Vậy thì phát đạn chết người ấy đến từ đâu?

Sự thực, điều mà nhóm trắc nghiệm xác định ban đầu là tất cả mọi phát đạn bắn trúng Kennedy và Connally đều xuất phát từ phía sau chiếc xe. Một số trục laser từ phía sau được thiết lập, và vị trí bắn tốt nhất được tìm thấy là cửa sổ ngoài bìa tầng thứ sáu của kho sách giáo khoa, điều đó không làm gì ngoài việc chứng thực những kết luận của Ủy ban Warren, ngoại trừ...

Vị trí bắn tốt thứ nhì cũng được xác lập. Tầng hai của cao ốc Dal-Tex.

Trong tổng kết phân tích cuộc nghiên cứu toàn diện này, Ronald Singer kết luận, “Điều thứ nhất tôi muốn nói là tôi rất hài lòng với những gì chúng tôi đã làm được. Tôi thực sự biết được nhiều hơn tôi mong đợi...Tôi nghĩ điều tốt nhất mà chúng tôi đã làm dựa trên những đường đạn thiết lập bằng laser từ khu Grassy Knoll cũng như từ cầu vượt, tôi nghĩ chúng tôi đã cho thấy rõ ràng rằng với bằng chứng khoa học chắc chắn, thì không thể có một phát đạn trúng đầu Tổng thống Kennedy từ những nơi đó”. Và tuy hầu hết những kết quả trắc nghiệm cho thấy rằng tất cả những phát đạn trúng được vào người JFK cũng như Connally có lẽ đều xuất phát từ kho sách giáo khoa, nhưng giả thuyết cao ốc Dal-Tex cũng không thể bị loại bỏ. Groden đã nói rõ nhất về tầm quan trọng của sự đáng tin dựa trên khoa học này: “Một trong những điều có ý nghĩa nhất mà chúng ta lấy được từ cuộc trắc nghiệm này là việc tìm ra rằng có một khẳng

định bổ sung cho một điểm bắn tình nghi mà nó đã bị nghi ngờ từ hơn 30 năm qua, và đó là vị trí trên tầng hai của cao ốc Dal-Tex”.

Tóm lại, điều này rõ ràng gợi ý tới bằng chứng là có ít nhất hai tay bắn tỉa.

Sau đó, các kết luận của nhóm được trình bày cho chính nhân vật đã ban đầu đề nghị trắc nghiệm bằng tia laser, chuyên gia đạn đạo của Nga, Trung tá Nikolai Martinnikov thuộc cảnh sát liên bang Nga và ý kiến của ông ta một lần nữa khẳng định những phát hiện của nhóm đạn đạo học Mỹ. “Tôi muốn các bạn chú ý tới sự kiện rằng, dựa trên nghiên cứu này, điều có thể nói chắc chắn đó là các phát đạn đều xuất phát từ phía sau”, Martinnikov kết luận. Và ông ta cũng đồng ý rằng Cao ốc Dal-Tex là một vị trí “không thể loại bỏ ra khỏi cuộc nghiên cứu”. Và bây giờ chúng ta biết rằng những vị trí bắn khả thi từ phía sau là tầng sáu của kho sách giáo khoa và tầng hai của Cao ốc Dal-Tex(277) [(Mọi thông tin và tài liệu phỏng vấn liên quan đến việc dàn dựng lại Quảng trường Dealey lấy từ phim tài liệu video The Secret KGB/JFK Assassination Files (Associated Television, 1998))].

Lại thêm một khẳng định khoa học nữa cho rằng không có chuyện một tay súng đơn lẻ đã giết John F.Kennedy, mà phải là một âm mưu toa rập nhiều người.

NHỮNG QUAN HỆ QUÁ TÂM

“...hắn ta được Antoine Guerini tiếp cận và đề nghị “hợp đồng” giết Tổng thống Kennedy...”

- HỒ SƠ 62-109060-8260 của FBI(278) [(Tài liệu FBI, số lưu trữ 124-10001-10395; Loạt hồ sơ: HQ; Hồ sơ CIA số 62-109060-8260, đề ngày 19.2.1988)]

Giữa thập niên 1980, nhà báo Steve Rivele tìm ra một mẫu thông tin suýt nữa phá sập các bức tường quanh giả thuyết về vụ ám sát JFK. Một số độc giả có thể đã nghe chuyện này nhưng với ai chưa biết, chúng tôi muốn kể lại ở đây và thêm vào đó một vài lý giải.

Trong quá trình nghiên cứu của mình, không rõ làm cách nào Rivele tìm ra một tay anh chị Marseille bị tù tên là Christan David. David là một tay buôn lậu bạch phiến làm việc cho Antoine Guerini, ông trùm bạch phiến Marseille. Theo Rivele, David đã dần dần tiết lộ điều mà y coi là hiểu biết của y về vụ ám sát Kennedy, để trả ơn Rivele đã tìm cho y một luật sư nhằm giữ cho y không bị trục xuất về Pháp, nơi y bị truy nã vì tội giết người.

David kể chi tiết một câu chuyện ly kỳ, dính đến các tay ám sát chuyên nghiệp, Mafia Mỹ và dân giang hồ Marseille, những mối liên hệ mà chúng tôi rất ủng hộ. Với Rivele, David kể rằng Antoine Guerini đã tới gặp y, vào tháng Năm hay Sáu gì đó năm 1963, và yêu cầu y nhận thực hiện hợp đồng ám sát Tổng thống Kennedy – đặc biệt, David còn được yêu cầu kết hợp với một “nhóm bắn thuê chuyên nghiệp” để làm vụ này. Nhưng David bảo với Rivele là y đã từ chối bởi vì vụ này rủi ro cao quá; việc giết Kennedy trên đất Mỹ đặt ra quá nhiều vấn đề tổ chức và thực hiện phải giải quyết cho dù có được chút lạc quan. Nên đã có người khác nhận đề nghị này của Guerini – chính xác là ai thì không rõ – nhưng David, trong những năm sau đó, có nghe ngóng được chút chi tiết, vì những bạn bè của y biết những thành viên của nhóm “bắn thuê” sau cùng đã được phái đi để giết Kennedy.

David khẳng định có bốn phát đạn đã được bắn vào JFK. Hai phát bắn từ phía sau (một trúng lưng Kennedy, một trúng Thống đốc Conally. Phát thứ ba được bắn từ phía trước xe – vị trí của Grassy Knoll – gây vết thương chí mạng trên đầu JFK, trong khi phát thứ tư bắn từ phía sau và hụt). David còn nói rằng người bắn từ Grassy Knoll là dân thế giới ngầm Marseille tên là Lucien Sarti, kẻ thường xuyên ăn mặc giả quân đội và cảnh sát địa phương khi thực hiện hợp đồng sát nhân. Ban đầu, chuyện này cực kỳ hấp dẫn vì nó có vẻ hậu thuẫn cho giả thuyết rất phổ biến của Oliver Stone vốn cho rằng phát đạn vào đầu là do một ai đó mặc đồng phục cảnh sát Dallas(279) [(Stone, Oliver, JFK, phần II cảnh xử án; Turner, Nigel, The Men Who Kill Kennedy (ghi chú: Mô tả tốt nhất cho giả thuyết của Rivele dựa trên những lần ông ta phỏng vấn Christian David là cuộc phỏng vấn chính Rivele, có trong chương “The Force of Darkness” trong The Men Who Kill Kennedy. Ngoài ra, một bản tóm lược có thể thấy trong Who’s Who in the JFK Assassination của Michael Benson (tr 100-101; 313 và 381); bản tóm lược của chính quyền nằm trong Tài liệu FBI, số lưu trữ 124-10001-10395; Loạt hồ sơ: HQ; Hồ sơ CIA số 62-109060-8260, đề ngày 19.2.1988. Một hồ sơ FBI khác cũng ghi chép thứ tự cuộc điều tra của Rivele về David và Nicoli: Hồ sơ FBI, số lưu trữ 124-10001-10391; Hồ sơ CIA số 62-109060-8264, đề ngày 14.12.1987)] bắn từ sau hàng rào gỗ của cơ sở Grassy Knoll.

Tay súng thứ hai được coi như có dính líu vào vụ này là một tay anh chị Marseille tên là Sauveur Pironti và kẻ thứ ba là một người Marseille nữa tên là Joseph Bocognani(280) [(UPI, bản tin quốc tế buổi chiều, 26.10.1988)]. Theo Rivele, David còn giải thích rằng ba người này, sau khi thoả thuận được hợp đồng, đã bay từ Marseille tới đầu đó gần Mexico City khoảng một tháng trước khi xảy ra vụ ám sát. Ba tay bắn thuê lưu lại Mexico City khoảng hai tuần, rồi họ đi xe hơi tới Brownsville, Texas, nơi họ sử dụng hộ chiếu Ý để qua biên giới Mexico-Mỹ. Từ Brownsville, họ được một thành viên Mafia Chicago đón (Sam Giancana lúc này đang làm trùm Mafia ở Chicago) rồi chuyển đến một “nhà an toàn” ở Dallas, Texas. Bây giờ tại Dallas, ba tay ám sát có thời gian để đánh giá về mặt chiến thuật khu vực Dallas mà xe chở JFK sẽ chạy qua; họ khảo sát kỹ lưỡng khu vực này và chụp hình những vị trí then chốt.

Sau vụ ám sát, Sarti, Pironti và Bocognani đáp máy bay riêng từng người từ Dallas tới Montreal, Canada, sau đó họ được đưa về cứ địa Marseille(281) [(Tài liệu FBI, số lưu trữ 124-10001-10395; Hồ sơ CIA số 62-109060-8260, đề ngày 19.2.1988)].

Suy nghĩ kỹ, những mối dây ám sát dính tới dân giang hồ Marseille nghe có vẻ hợp lý hơn những giả thuyết phổ biến khác vốn kết tội cho CIA và tập đoàn quân sự – công nghiệp. Những gì Christian David tiết lộ với Rivele còn trực tiếp hàm ý rằng Carlos Marcello có tham gia vào vụ này(282) [(Tài liệu dẫn trên)].

Khi kết hợp những mối dây suy diễn này cộng thêm thông tin đáng buồn mà David cung cấp, ta không ngạc nhiên khi thấy nền tảng cuộc nghiên cứu về vụ ám sát JFK bị chấn động dữ dội...

Nhưng không lâu.

Sau khi nhận được thông tin của David, Rivele đã khôn ngoan kiểm chứng lại, và anh ta yêu cầu David hợp tác chút đỉnh, vì chỉ riêng lời chứng của David thôi chắc chắn sẽ bị khai thác mổ xẻ vì chính David là một tay tội phạm, sát nhân và buôn bán bạch phiến. Nên David cho Rivele biết tên một người khác, một tay Marseille phân phối bạch phiến tên là Michel Nicoli. Nicoli hiện là mật báo viên và nằm trong Chương trình Bảo vệ nhân chứng của Mỹ; nhờ được miễn truy cứu tội lỗi Nicoli được cấp một lý lịch mới để đổi lại việc làm chứng cho DEA trong các vụ xử tội buôn bán bạch phiến. Hồ sơ có ghi rằng Nicoli được FBI và DEA coi như một nguồn thông tin đáng tin cậy. (Sau cùng, bây giờ thì ông ta chẳng có lý do gì để nói dối vì đã nằm trong Chương trình Bảo vệ nhân chứng; chính phủ Mỹ bây giờ là kẻ bảo vệ cho ông ta). Rivele tuyên bố rằng Nicoli đã thực sự khẳng định câu chuyện của David, sau đó Rivele báo cáo chuyện này với giới chức Mỹ, nhưng chính ở đây mà những phát hiện của Rivele bắt đầu mất đi sức mạnh của nó.

Ngày 8.2.1988, Nicoli được chính thức thẩm vấn về chuyện này bởi Michael Tobin, một nhân viên cao cấp thuộc Ban điều tra bạch phiến của DEA, và Donald Pierce, đặc viên giám sát của FBI. Bản tóm lược chính thức của cuộc thẩm vấn này nói như sau:

“Nicoli xác định một số trong những điều David nói nhưng chỉ ở mức độ chung chung... Nicoli còn nói thêm rằng vào cuối năm 1965, ông ta, Christian David, Roger Bocognani, Lucien

Sarti, Sauveur Loule Pironti... ở trong một quán cà phê ở Buenos Aires. Họ nói chuyện bình thường nhưng loáng thoáng có ai đó nói điều gì, không phải ông ta hoặc David nói, khiến ông ta nghĩ rằng bọn họ (Bocognani và/hoặc Sarti) có dính líu vào vụ sát hại Tổng thống Kennedy”.

Nghe vẫn còn hấp dẫn hả, phải không? Nhưng ta hãy đọc tiếp tại sao DEA và FBI không còn hào hứng gì với sự “cộng tác” của Nicoli:

“Trong mức tối đa mà Nicoli có thể nhớ được thì ‘họ’ {ám chỉ Sarti, Bocognani và Pironti} có nói gì đó về việc đi Mexico năm 1963, rồi sang Mỹ, và họ có làm gì đó”(283) [(Tài liệu dẫn trên)].

Họ có làm gì đó à? Nếu ba tay “bắn thuê” này đã xâm nhập vào vụ ám sát rùm beng nhất trong lịch sử, thì không lẽ Nicoli không nhớ được chuyện đó? Chẳng lẽ ông ta không nhớ lại được điều gì chi tiết hơn chuyện “họ có làm gì đó” sao?

Họ đã làm gì? Hay họ đi xem phim One Step Beyond? Họ nổi dãi AND? Hay họ đã giết Kennedy?

Do đó, không khó gì việc hiểu ra tại sao giới chức Mỹ quyết định không phí thì giờ điều tra tiếp chuyện này. Việc Nicoli thừa nhận “họ đã làm gì đó” thì không phải là kiểu cộng tác tích cực. Uy tín một mật báo viên đáng tin cậy của Nicoli hôm đó đã bị sụt giảm vài nấc.

Nhưng khoan đã, coi nào. Vẫn còn cái gì đó để tìm hiểu tiếp, phải không? Chính ba người đó, ba tay ám sát mà Christian David tuyên bố là đã được thuê giết Kennedy. Tại sao không điều tra họ?

Sarti, Bocognani và Pironti thực ra đã bị điều tra ít lâu sau khi thông tin này được đưa lên truyền hình Anh. Hoá ra không ai trong số ba người đó được tiếng là dân ám sát chuyên nghiệp. Thay vì thế, họ chỉ là những tay du thủ du thực Marseille bán lẻ ma tuý. Hơn nữa, hai trong số họ còn dưới 20 tuổi vào lúc JFK bị ám sát. Hai trong ba còn dưới 20, nghĩa là cùng lắm họ mới mười chín. Trẻ ranh.

Thôi nào.

Làm sao tin được chuyện một tay trùm bạch phiến ranh ma và thế lực như Antoine Guerini lại hợp đồng mấy đứa dưới 20 để làm một vụ ám sát chính trị gay go nhất trong lịch sử? Nếu Kennedy còn sống, Guerini có nguy cơ mất sạch mọi thứ. Nhưng chúng ta có nên tin rằng hẳn ta phải mấy cậu trai đi làm cái công việc dẫm máu ấy không? Chúng ta có nên tin rằng những thanh thiếu niên Pháp ấy đã theo dõi chu đáo Quảng trường Dealey như thế, cải trang thành cảnh sát Dallas như thế và sắp xếp một tam giác tuyệt hảo đan chéo các đường bắn để giết được Kennedy không? Khó tin lắm.

Ngoài ra, sau khi bị điều tra, cả ba người đó đều được chính quyền địa phương làm chứng là không hề có mặt ở bất kỳ đâu gần Dallas, Texas ngày 22.11.1963 cả. Sarti là công nhân bến tàu, Pironti đã đi quân dịch và đang cạo sần trên một con tàu phá mìn của Pháp còn Bocognani thì

đang ở tù(284) [(“Empty revelations over Kennedy’s assassination” Manchester Guardian Weekly, 6.11.1988)].

Và sau khi khảo sát kỹ hơn, chúng tôi tìm ra vài lỗ hổng trong câu chuyện của David. Một hồ sơ tóm tắt khác của FBI(285) [(Hồ sơ FBI, số lưu trữ 124-10001-10391; Hồ sơ CIA số 62-109060-8264, đề ngày 14.12.1987)] viết rằng David đã nói với Rivele rằng tình báo Pháp đã thuê David năm 1961 để ám sát Patrice Lumumba, thủ lĩnh quân sự của Congo thuộc Bỉ. David cũng tuyên bố rằng CIA đã thuê Lucien Sarti để làm cùng công việc đó! Nhưng chỉ cần nghiên cứu sơ qua các sự kiện là ta thấy ngay những tuyên bố này chỉ là trò ngốc nghếch.

Ngày 2.12.1960, Lumumbo bị lực lượng chống đối cầm tù, và ông bị sát hại một tháng rưỡi sau đó, ngày 17.1.1961(286) [(Encyclopedia Britannica, “Lumumba, Patrice (Hemery)”)]. Tại sao tình báo Pháp và CIA lại phái những tay ám sát đi giết một người đã bị cầm tù và lãnh án tử hình? David tuyên bố đã ký hợp đồng làm việc này năm 1961 sao? Lumumba chỉ còn sống được 17 ngày trong năm đó. Ông ta đang ở trong tù và đã bị kết án. Do đó, việc đặt hàng bí mật ám sát Lumumba thì cũng tựa như đào mồ John Wilkes Booth lên và tống giam cái xác ấy vì tội đã giết Lincoln.

Luật sư của David, Henri Juramy, còn làm thêm những trò ngớ ngẩn nữa. Juramy tuyên bố nắm được một lá thư viết tay trong đó David tiết lộ tỉ mỉ những điều y biết về vụ ám sát Kennedy. Lá thư này, chúng tôi được cho biết, là đã được niêm phong và cất kỹ, và chỉ thị của David cho Juramy là không được mở lá thư đó ra cho đến khi David được phóng thích.

Một thứ đơn giản được gọi là trát toà đòi có thể giải quyết được vấn đề này, và chúng tôi chỉ có thể đặt nghi vấn về tay nghề luật sư của Juramy thôi, bởi vì nếu có thông tin gì thực sự mới trong lá thư bí mật ấy, Juramy có thể dễ dàng dùng nó để thương lượng nhận tội và hưởng khoan hồng hoặc đạt một thoả thuận phóng thích sớm cho thân chủ của mình. Juramy hẳn là một trong những luật sư chỉ có thể tìm được khách hàng bằng cách quảng cáo giấc khuya trên truyền hình.

Không, bây giờ đã khá rõ ràng điều gì thực sự đã xảy ra liên quan đến những tiết lộ “động trời” của David. Bằng cách trộn lộn những lời nói dối với một ít sự thật, câu chuyện của David kể cho Rivele thoát nghe thì có vẻ chân thật, và từ đây rõ ràng David đã lợi dụng tài điều tra và mối quan tâm của Rivele để đẩy ông ta vào cuộc tìm kiếm vô vọng. Tại sao David làm như thế? Bằng cách dẫn dụ Rivele với những lời nói dối pha chút sự thật, David chẳng có gì để mất và nếu được thì được tất cả trong ước muốn tuyệt vọng là không bị trục xuất về Pháp. Và bằng cách tuyên bố mình biết chuyện ám sát Kennedy, giới chức Mỹ có thể dễ dàng chấp thuận cho y điều đó. Trong các nhà tù Mỹ, David chẳng phải lo gì cho mạng sống của mình, nhưng chuyện sẽ không như vậy trong nhà tù Pháp nơi chắc chắn đã có vài hợp đồng muốn thanh toán David. Đó là trò xưa như trái đất trong lịch sử loài người. Trộn lẫn sự thật và dối trá để nghe dễ tin hơn. Không phải những lời dối trá trộn lẫn với sự thật đã dành được sự ủng hộ của công chúng đối với cuộc chiến của Mỹ tại Việt Nam đó sao? Dối trá không trộn lẫn với sự thật trong báo cáo của Ủy ban Warren để thuyết phục công chúng Mỹ rằng chỉ có một thằng điên thân Cuba đã giết Kennedy đó sao?

Bây giờ những lời nói dối của Christian David đã bị phơi bày. Nhưng cái lỗi sự thật y trộn vào đó là gì?

Chúng tôi tin rằng David đã nói thật khi ám chỉ rằng trùm ma túy Marseille Antoine Guerini đã thuê người ám sát JFK. David chẳng phải lo gì lắm chuyện trả thù khi tiết lộ sự dính líu của Guerini. (Guerini đã chết năm 1967, em trai hắn ta đã bị tù, tập đoàn bạch phiến Marseille đã bị các kẻ thù của Guerini thôn tính, bọn này sẽ rất mừng khi thấy sự dính líu của Guerini bị tố cáo trước thế giới). Nhưng sự dính líu của Guerini mở ra con đường dẫn tới một mối liên hệ không chối cãi được của lý luận, động cơ và cơ hội. Mối quan hệ của Guerini với các trùm Mafia Mỹ Carlos Marcello, Santos Trafficante và Sam Giancana là cũng không thể phủ nhận được.

Nhưng Guerini còn có một mối liên hệ sinh tử hơn – mối liên hệ ảnh hưởng rất lớn đến quyền lực và lợi nhuận của hắn cũng như quyền lực và lợi nhuận của bè lũ Mafia Mỹ – và mối liên hệ đó là Ngô Đình Nhu ở Nam Việt Nam.

ÂM MƯU

“{Tổng thống Johnson} cho hay rằng ông nghĩ âm mưu này có tính quốc tế...”

- WALTER CRONKITE(287) [(Tuyên bố của Cronkite với Associated Press năm 1992; Cronkite đang kể lại những gì Lyndon Johnson nói với ông ta trong cuộc phỏng vấn năm 1970 với hãng CBS, tuy rằng những ý kiến tham khảo đó phải được cắt khỏi nội dung được phát sóng; như tường thuật trong Benson.)]

Một từ nghe dữ dội và sắc mùi hội kín chính trị. Một từ sôi sục với sự bí ẩn và mờ ám. Một cách biểu trưng, nó được định nghĩa như một thoả thuận cùng nhau tiến hành một công việc phi pháp, xấu xa và phản trắc. Một sự kết hợp hoặc cùng nhau hành động, cứ như bởi những mưu đồ xấu xa.

Những mưu đồ xấu xa? Theo định nghĩa của đa số người, một nỗ lực có tính toán trước bởi nhiều thành phần nhằm ám sát một nguyên thủ quốc gia có thể thích hợp với từ này. Thí dụ, ít có ai phản đối chuyện tội ác có tổ chức là một thực thể bao trùm của “cái xấu”. Kiếm lợi nhuận từ nỗi tuyệt vọng của người khác? Từ việc nghiện ma túy? Nghiện cờ bạc? Sách báo phim ảnh khiêu dâm và bán dâm nữ – và cả nam nữa – để thoả mãn những cơn nghiện của họ?

Chắc chắn rồi. Nếu trên đời này từng có một “mưu đồ xấu xa”, thì chính là đây. Nhưng ý định của chúng tôi không phải là thảo luận về những khái niệm đạo đức đó. Chúng ta đang bàn về một điều cụ thể hơn.

Công việc làm ăn.

Những giả thuyết phổ biến về vụ JFK có nói tới lợi nhuận kinh doanh – và nhất là thiệt hại lợi nhuận – như một động cơ sát hại Kennedy. Đó là một suy đoán rất thuyết phục: Kennedy bị giết do một âm mưu giữa CIA, thế giới ngầm và tập đoàn quân sự – công nghiệp, vì với ba thế lực này, việc Kennedy nắm quyền đã đe dọa quyền lợi kinh doanh của họ. Kennedy đe dọa CIA vì ông đã sa thải giám đốc CIA Allen Dulles và giám đốc kế hoạch Richard Bissell (người tham gia điều hành chiến dịch Vịnh Con Heo) cũng như nhiều nhân vật thế lực khác có quan hệ với CIA(288) [(Gorden, The Killing of a President.)]. (Và không kỳ lạ sao khi Dulles sau đó được bổ nhiệm vào Ủy ban Warren?)

Nhưng các tác giả của sách này thấy khó mà tin được rằng có bất kỳ nhóm người nào của CIA – tổ chức có nhiệm vụ phục vụ tổng thống – lại thông đồng với nhau ở một mức nào đó để giết ông ta. Một “phần tử bất hảo”? một nhóm những nhân viên bất mãn toa rập với nhau? Có thể lắm. Những ý tưởng cho rằng những thành viên quan trọng của CIA cấu kết nhau để giết Kennedy thì không thuyết phục. Nếu có tổng thống nào đã khiến CIA trông như một tổ chức ô hợp của những thằng ngốc thì đó không phải Kennedy, mà đó là Johnson, người có sự tin cậy quá đáng vào tổ chức này đã góp phần dẫn đến những thất bại quân sự tồi tệ nhất và mức thương vong cao nhất cho quân Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Nếu CIA là những bậc thầy về hoạt động bí mật trong cuộc chiến đó, thì cũng hợp lý khi vạch rõ rằng họ đã không làm tốt công việc của mình lắm. Cho dù các nhà nghiên cứu JFK có cần cù mở rộng các mối liên hệ và

các động cơ có thể có thì CIA cũng không dính vào đó. Họ là những người yêu nước mạnh mẽ phục vụ cho quốc gia và tổng thống. Ít có bằng chứng nào gọi lên một điều ngược lại.

Chúng tôi cũng nghĩ như thế đối với cái được gọi là “tập đoàn công nghiệp – quân sự”. Chúng ta có nên tin rằng quân đội âm mưu giết JFK vì họ muốn tiếp tục cuộc chiến tranh Việt Nam không? Chúng tôi đã dẫn những hồ sơ cụ thể chống lại giả thuyết cho rằng JFK định rút lui khỏi cuộc chiến. Hay một nhóm quân nhân sẽ giết Kennedy để ngăn không cho những doanh nhân nào đó làm giàu nhờ những hợp đồng cung cấp quân dụng? Yù nghĩ này nghe vô lý khi bạn xét nó một cách khách quan. Các nền kinh tế dựa trên chiến tranh thường suy thoái dần; chúng là những lỗ rò làm thất thoát tiền đóng thuế của người dân và tăng thêm lạm phát và bất ổn xã hội. Suốt trong lịch sử, các nền kinh tế tiệm thoái đã dẫn đến cách mạng. Nước Mỹ chẳng thu được lợi lộc gì trong chiến tranh Việt Nam, mà chỉ tiêu phí ngày càng nhiều tiền thuế. Chắc chắn CIA và quân đội biết điều này, và lợi lộc duy nhất mà hai lực lượng này kiếm được là đảm bảo rằng cuộc chiến được chấm dứt càng nhanh càng tốt, nhưng hơn chục năm nay chúng ta cứ bị nhồi nhét ý tưởng rằng các lực lượng đó muốn tiếp tục một cuộc chiến vốn chỉ có thể dẫn đến – và thực sự đã dẫn đến – sự bất mãn của quần chúng, sự phản nộ và nổi loạn trên qui mô cả nước.

Nên với hai lực lượng này, nỗ lực muốn tiếp tục cuộc chiến tại Việt Nam quả là một mâu thuẫn của lý luận.

Tuy nhiên, bọn băng đảng Mỹ lại là chuyện khác. Chúng ta đã nghe rằng Mafia Mỹ giết Kennedy vì ông ta thất bại trong vụ Vịnh Con Heo, làm thiệt hại nhiều lợi nhuận từ cờ bạc của chúng. Chúng ta đã nghe Mafia Mỹ giết Kennedy để trả thù việc Robert Kennedy dùng Bộ Tư pháp để quấy rối chúng. Nhưng sự thực, việc Robert tấn công tội phạm chẳng đem lại được bao nhiêu án tù cho các đầu lĩnh Mafia. Chắc chắn, Mafia Mỹ ghét anh em Kennedy và chẳng thích trông thấy họ trên đời này. Họ xem anh em nhà Kennedy là những kẻ phản bội cùng cực, vì cha của họ – Joseph Kennedy – cũng từng là dân giang hồ, xây dựng sản nghiệp gia đình nhờ buôn rượu lậu. Và cũng quã là Mafia đã giúp JFK được đắc cử năm 1960 bằng cách can thiệp vào việc kiểm phiếu muộn ở Illinois. Nhưng một mình điều đó thì cũng chưa thành một lý do đủ mạnh để họ tiến hành một vụ ám sát rủi ro và phức tạp nhất trong lịch sử. Qua những yếu tố này, ta thấy khi mạo hiểm như vậy thì họ có nguy cơ là bị mất rất nhiều.

Anh em Kennedy là một con ruồi trâu đối với Mafia, một chuyện quấy rầy như bọn muỗi vo ve trong buổi picnic. Và còn thêm yếu tố nào tạo ra động cơ không? Chắc chắn là có rồi.

Nhưng chúng ta đồng ý rằng Mafia Mỹ có một lý do nặng ký hơn để góp phần trong âm mưu giết Kennedy.

Bạch phiến.

Hơn bất kỳ lý do nào liên quan đến Mafia, hơn bất kỳ lý do gì khiến Mafia muốn JFK chết, John Kennedy đã đe dọa mạnh mẽ con bò sữa lớn nhất của Mafia: sự an toàn cho việc buôn bán bạch phiến trị giá hàng tỉ đô la mỗi năm. Từ thập niên 1930, chuyện làm ăn với lợi nhuận phi mã nhất của Mafia là bạch phiến. Mỗi năm lợi nhuận lại càng tăng, theo đà tăng của số con

nghiên tuyệt vọng sẵn sàng làm bất cứ gì để mua được món hàng đó. Và những lợi nhuận ấy đã khiến chuyện làm ăn ở Thị trường chứng khoán New York chỉ là trò vớ vẩn. Đến cuối thập niên 1950, việc phân phối bạch phiến là nguồn lợi lớn nhất của Mafia, và cũng là nguồn cội lớn nhất tạo ra quyền lực của thế giới ngầm. Cờ bạc, môi giới bán dâm, bảo kê ư? Tất cả những trò làm ăn luôn thắng lợi trước đây của Mafia này đã phải lui xuống hàng thứ yếu so với doanh số bạch phiến.

Trong hai chương trước, chúng tôi đã dành khá nhiều thời gian để định ra một số điểm quan trọng không trực tiếp liên quan đến giả thuyết của chúng tôi, và bàn về những điều tổng quát quanh JFK vốn đã trở nên chi tiết hơn nhờ có thông tin mới và những hồ sơ được công bố gần đây. Nhưng bây giờ ta hãy trở về với cốt lõi vấn đề...

Về trình tự thời gian, âm mưu giết Kennedy hẳn là có trước âm mưu của Kennedy nhằm lật đổ Ngô Đình Diệm ở Nam Việt Nam, và chúng ta thấy mầm mống của âm mưu này đã được gieo trồng cẩn thận bởi một loạt những chính khách hàng đầu trong chính phủ Kennedy. Với những độc giả vẫn chưa tin rằng chính phủ Mỹ hậu thuẫn việc lật đổ một quốc gia đồng minh, thì sau đây là một vài minh chứng đã được ghi thành hồ sơ:

“Trong giai đoạn từ tháng 8 đến ngày 1 tháng 11, chính phủ Mỹ đã phê chuẩn và khuyến khích âm mưu lật đổ chính quyền Nam Việt Nam. Nước Mỹ, qua một loạt những hành động công khai, đã cự tuyệt chế độ Diệm và, thông qua việc ngưng viện trợ, đã khuyến khích các lãnh tụ phe đảo chính hành động chống lại chính phủ này. Chính phủ Mỹ duy trì liên lạc mật với các tướng lĩnh suốt từ lúc lên kế hoạch đến khi tiến hành và tìm cách cố vấn cho họ về những phương án khác nhau. Ngay sau cuộc đảo chính, Mỹ cố vấn cho các tướng lĩnh về việc xây dựng một chính phủ mới và dành cho nó sự công nhận tức thời”(289) [(Thượng nghị sĩ J. W. Fulbright, Chủ tịch Tiểu ban đối ngoại, viết trong lời nói đầu cho “U. S. Involvement in the Overthrow of Diem, 1963” được biên soạn bởi ban đối ngoại Thượng viện, 20.7.1972.)].

Đoạn văn đó là của Thượng nghị sĩ J.W.Fulbright, Chủ tịch Ủy ban đối ngoại Thượng viện.

Và đây là một tài liệu khác:

“Về cuộc đảo chính quân sự lật đổ Ngô Đình Diệm, Mỹ phải chịu hết phần trách nhiệm của mình. Bắt đầu từ tháng 8.1963 chúng ta đã cho phép, phê duyệt và khuyến khích những âm mưu đảo chính của các tướng lĩnh Việt Nam và chỉ thị ủng hộ trọn vẹn cho chính phủ kế nhiệm. Tháng 10, chúng ta đã cắt viện trợ cho Diệm bằng một tờ chối thẳng thừng, bật đèn xanh cho các tướng lĩnh. Chúng ta đã duy trì liên lạc mật với họ suốt từ lúc lập kế hoạch đến lúc tiến hành đảo chính và tìm cách xem xét lại các kế hoạch hành động của họ và đề nghị về thành phần chính phủ mới. Như thế, khi chín năm cầm quyền của Diệm đi đến một kết thúc đẫm máu, sự thông đồng của chúng ta trong cuộc lật đổ này đã làm tăng thêm phần trách nhiệm và sự dính líu của chúng ta với một Việt Nam không người lãnh đạo”(290) [(The Pentagon Paper, tập II (Boston; Beacon Press, 1972))]

Đoạn này là của Thượng nghị sĩ Mike Gravel, bình luận về một công trình nghiên cứu về chính sách ngoại giao Mỹ. Không nhằm nhấn mạnh luận điểm quá mức, nhưng ngày

24.11.1998, lại thêm minh chứng nữa về sự thông đồng của JFK đã được đem ra ánh sáng khi 37 cuộn băng ghi âm của tổng thống được giải mật và công bố, và trong một cuộn băng trong số ấy, chính Kennedy đã nói “Chúng ta phải chịu rất nhiều trách nhiệm cho vụ này {vụ đảo chính}” (291) [(Dodds, Paisley, “37 JFK Tapes Made Public” (Associated Press, 25.11.1998)]. Đó là chính miệng Kennedy nói, thừa nhận trách nhiệm của Mỹ.

JFK còn nói gì nữa trong những cuộn băng ghi âm các buổi họp nội các ấy? Sau đây là một vài mẫu thông tin:

Ngày 29.10.1963 từ 4 giờ 25 đến 5 giờ 15 chiều, giám đốc phân cục CIA William Colby giải thích cho JFK rằng con số các lực lượng chống Diệm và thân Diệm thì tương đương nhau (mỗi bên khoảng 10.000 người). Robert Kennedy phản ứng trước thông tin này với sự nản lòng và nói “Diệm có đủ lực lượng để bảo vệ chính mình...”. Và Colby đồng ý. Nên điều chúng ta thu được ở đây thì không chỉ là chuyện một đầu não CIA khuyến cáo JFK hoãn cuộc đảo chính lại, mà cả em trai của JFK cũng có ý kiến như vậy. Và sau lần góp ý này, Tổng thống Kennedy đã trả lời ra sao?

Ông ta nói thế này: “Tôi chắc rằng cuộc đảo chính nào cũng có kiểu như vậy. Nó luôn luôn có vẻ cân bằng, cho đến khi có ai đó hành động”.

Thật khó mà tưởng tượng ra một câu trả lời vô trách nhiệm hơn của một tổng thống trước các ý kiến cố vấn. Sau đó, cũng trong phòng họp nội các, Robert Kennedy lại tiếp tục cố gắng và thuyết phục JFK huỷ bỏ hoặc tạm hoãn cuộc đảo chính ấy lại. “Tôi thấy chuyện này không có lý chút nào, nói thẳng là thế. Chúng ta đang đặt toàn bộ tương lai của đất nước đó – và cả Đông Nam Á nữa – vào bàn tay của một ai đó mà ta chưa hiểu rõ lắm {Dương Văn Minh}... Nếu vụ này thất bại, tôi nghĩ Diệm sẽ yêu cầu chúng ta rút khỏi đất nước của ông ta ngay... Ông ta sẽ có đủ, với guồng máy tình báo của mình, để biết rằng đã có những tiếp xúc này và những cuộc trao đổi này {giữa nhân viên CIA Lucien Conein và các tướng thuộc phe đảo chính} và ông ta sẽ bắt bớ nhiều người. Họ sẽ nói rằng Mỹ đứng sau vụ này. Tôi nghĩ mình sắp rơi tuột vào một thảm họa”.

Bộ trưởng ngoại giao Dean Rusk và tướng Maxwell Taylor cũng đồng ý. Nhưng sau khi được đại sứ Cabot Lodge bảo đảm rằng cuộc đảo chính có cơ may thành công rất lớn, JFK quyết định tiến tới đồng ý cuộc đảo chính. {Tất cả những thông tin trên, và nhiều hơn nữa, liên quan đến những băng ghi âm của Nhà Trắng mới được công bố đều có thể tìm thấy trong bài báo “The Tale of the Tapes: JFK and the Fall of Diem; Three Weeks Before His Own Assassination, President Kennedy Launched a Coverup in the Assassination of the President of South Vietnam”, của Ken Hughes trên tờ The Boston Globe, ngày 24.10.1999}

Được rồi, vậy ta hãy đi tiếp, dĩ nhiên mục tiêu chủ yếu của Kennedy trong vụ đảo chính này là anh em Diệm và Nhu – hai người có những hoạt động chống tín đồ Phật giáo một cách gay gắt đã đe dọa uy tín của JFK ở quốc nội cũng như quốc tế. Nhưng nếu có gì thì toàn gia đình Diệm có thể so sánh với một con bạch tuộc mà một cái vòi nhỏ nhất của nó cũng có thể làm hỏng hết kế hoạch.

Một trong những cái vòi đó là người em dâu của Diệm, thường được gọi là bà Nhu, theo ngôn ngữ bình dân thì gọi là “Bà Rồng cái” (Dragon Lady) và “Đệ nhất phu nhân Việt Nam”. Người phụ nữ này ăn nói phóng túng và gây nhiều tranh cãi đến độ các phóng viên thường nhầm lẫn nghĩ bà là vợ Ngô Đình Diệm, trong khi thực ra bà là vợ của Ngô Đình Nhu, em trai và cố vấn của Diệm, đồng thời là chỉ huy lực lượng phòng vệ dân sự {Thanh niên cộng hoà}, cảnh sát mật, và các mạng lưới tình báo và phản gián của Nam Việt Nam.

Tên hồi con gái của bà Nhu là Trần Lệ Xuân; bà sinh ra trong một gia đình Phật giáo giàu có nhờ cộng tác với Pháp. Cha của bà, Trần Văn Chương, là một luật sư uy tín; mẹ của bà có dòng dõi hoàng tộc – một kiểu gia đình Kennedy ở châu Á. Tất cả những điều tốt đẹp của cuộc đời đều dư thừa cho bà Nhu ngay từ khi lọt lòng, và cũng như mẹ, bà bước vào đời trong cảnh đài các trong khi cả nước còn quần quai trong nghèo đói và sự áp bức của Pháp. Được biết tới vì nhan sắc hơn là trí thông minh, Lệ Xuân chưa bao giờ học giỏi và sau cùng bị đánh rớt khỏi một trường trung học tư thục có học phí rất cao, thậm chí chưa từng học viết tiếng Việt, nhưng bà lại trở thành phần thưởng cho cả gia đình khi được cưới gả vào nơi giàu có và quyền thế. Sự thực, chính mẹ của Lệ Xuân, bà Chương, có lẽ đã đưa nỗ lực này đến những cực điểm đáng ngạc nhiên. Người ta đồn bà có nhiều quan hệ lãng nhãng với những đàn ông trẻ – tức là tầng lớp ưu tú của giới quý tộc. Phải chăng bà ta sẵn tìm chàng rể tương lai cho con gái mình? Có thể như vậy lắm vì một trong nhiều tình nhân qua đường của bà sẽ cưới con gái bà, một tay trí thức tây học con nhà giàu. Tên ông ta là Ngô Đình Nhu.

Năm 1943, Lệ Xuân cải theo đạo Thiên chúa và kết hôn với Nhu trong một đám cưới linh đình. Bây giờ Lệ Xuân chính thức trở thành bà Nhu. Bà mau chóng đẻ cho Nhu bốn đứa con trong khi vợ chồng bà đứng ngoài cuộc chiến Pháp – Việt Minh, sống trong cảnh xa hoa, kẻ hầu người hạ, tại biệt thự của gia đình họ Ngô ở Đà Lạt. Nhưng năm 1955, họ chuyển ngay về dinh Tổng thống khi Diệm trở thành nguyên thủ quốc gia qua cuộc bầu cử do CIA sắp đặt. Nhu lập tức đứng bên anh trai mình, giúp ông ta tạo hình một quốc gia mới qua việc áp bức dân Phật giáo, sử dụng viện trợ Mỹ sai mục đích, và sau cùng biến thị trường thuốc phiện địa phương thành một cỗ máy lợi nhuận khổng lồ khi bắt được mỗi làm ăn với tập đoàn bạch phiến Marseille.

Nhưng bà Nhu, với bản tính năng động, không chịu ngồi yên và ăn kẹo trong dinh Tổng thống trong khi Diệm và chồng mình đang điều hành một quốc gia. Nên bà ta quyết định tạo dựng chỗ đứng cho mình. Một mặt, bà thành lập lực lượng thanh nữ cộng hoà; mặt khác bà dựng đài tưởng niệm Hai Bà Trưng. Nhưng bức tượng lại có nét mặt tương tự bà Nhu. Thỉnh thoảng để phô trương thanh thế bà lại phát động những phong trào bảo vệ đạo đức kiểu Thiên chúa giáo như cấm mở những viện thẩm mỹ, đóng cửa các quán rượu (tuy chính bà cũng là tay uống rượu giỏi và tự hào về sắc đẹp của mình). Bà ủng hộ những cuộc trưng cầu dân ý để chống phá thai, ngừa thai, ngoại tình và li dị. Dân chúng Việt Nam quen phản ứng dữ dội trước những trò này của bà, vì chính anh bà, Trần Văn Khiêm, cũng là tay ăn chơi nổi tiếng Sài Gòn, cặp với các cô gái, hoang phí tiền bạc trong các sòng bài, và sử dụng thế lực gia đình để bắt các chủ tiệm lớn ở Sài Gòn nộp tiền bảo kê. Sự thực, bà Nhu được gán cho biệt danh bà Rồng cái, nhưng cũng là Bà hoàng nước đôi.

Nên nhớ, chính người phụ nữ này đã gọi việc tự thiêu của tu sĩ Phật giáo là “nướng thịt” và gọi những cuộc phản đối của họ với chính phủ Diệm là hành động của đám dân bị “nhiễm độc” vì chủ nghĩa cộng sản, cũng người phụ nữ này đã phát biểu “Cứ để họ tự thiêu và chúng ta sẽ vỗ tay”.

Một người ngoại hạng, phải không?

Nhưng hơn bất cứ người khác, bà Nhu – vì nhất quyết can dự vào chuyện chính trị – đã xem đóng góp lớn nhất của bà ta cho đất nước là liên tục lên án chính phủ Mỹ, kẻ đã giúp chính phủ của bà ta chống lại Việt Cộng bằng tiền bạc, vật dụng và con người(292) [(Tóm lược cuộc đời, hôn nhân và hoạt động của bà Nhu được mô tả chi tiết rất tốt trong Vietnam: A History của Karnow.)].

Nên cũng không ngạc nhiên chuyện bà ta bị đánh rớt ở trường trung học.

Thực vậy, bà Nhu đã tiến hành một chiến dịch bôi bác nước Mỹ ngay từ ngày bà bước vào dinh Tổng thống. Nhưng chủ yếu, những phê phán gay gắt của bà đối với Mỹ chẳng bao giờ vượt quá những tờ báo của chính quyền Nam Việt Nam.

Cho đến khi xảy ra sự đàn áp Phật giáo.

Mùa hè 1963, khi các tu sĩ Phật giáo bắt đầu tự thiêu để phản đối chế độ Diệm, sự phẫn nộ chung đã đánh động tới báo chí quốc tế, và cùng với nó là những tuyên bố bài Mỹ rất cay đắng của bà Nhu.

Đột nhiên Kennedy và Bộ ngoại giao của ông ta nhận ra bà Nhu cũng tai hại cho viễn tượng tái đắc cử năm 1964 của Kennedy không kém gì Nhu và Diệm. Trong khi đó, để làm tình hình tồi tệ hơn, bà Nhu lại xin thông hành sang Mỹ để tiến hành một vòng diễn thuyết qua nhiều thành phố. Chuyện này cứ như trái bom với Văn phòng bầu dục của Kennedy. Ban đầu chiến thuật là từ chối cấp chiếu khán... nhưng cái giá cao phải trả cho chuyện đó là những phê phán gay gắt hơn của bà Nhu trước các hãng tin quốc tế hoạt động tại Sài Gòn. Việc này lại càng gây khó cho Kennedy hơn nữa.

Rồi có ai đó nảy ra một ý nghĩa.

Vào tháng 6, nếu không nói là sớm hơn, Nhà trắng bắt đầu nghiêm túc xem xét về khả năng đảo chính Diệm, bắt nguồn từ thông tin về cuộc gặp gỡ giữa cố vấn Michael Forrestal trong Hội đồng an ninh quốc gia với Đại sứ Nam Việt Nam tại Mỹ, Trần Văn Chương (chính là bố của bà Nhu). Chương nói với Forrestal vào mùa xuân 1963 rằng chế độ áp bức của Diệm không thể thắng được cuộc chiến và đề nghị rằng giải pháp duy nhất là dùng vũ trang lật đổ Diệm(293) [(FRUS, Vol. III)]. Điều này rõ ràng đã khiến Kennedy phải suy nghĩ, và sau đó, Nhà trắng bắt đầu lên kế hoạch với các tướng lĩnh chống Diệm nhằm đạt mục đích đó. Nhưng bà Nhu là một trở ngại hiển nhiên cho kế hoạch. Là kẻ lăm mồm nhất trong nhóm ba người nhà Diệm, cái chết của bà ta trong cuộc đảo chính có thể gây nghi ngờ cho những người chống đối Kennedy, nhất là những kẻ biết rõ ông ta có dính líu đến các âm mưu ám sát Castro sau vụ Vịnh Con Heo(294) [(Tài liệu của Hội đồng an ninh quốc gia (qua Ủy ban Rockefeller); Sổ lưu trữ

1781000210406; Hồ sơ CIA: ASSASSINATION MATERIAL MISC. ROCK/CIA.]]. Nhưng ở đâu đó trên đường dây, một bóng đèn tắt phụt và vấn đề được giải quyết.

Kennedy, Lodge, McNamara, các ông Bundy và những người còn lại của Bộ ngoại giao, đến cuối mùa hè 1963, đã biết rằng các tướng lĩnh Nam Việt Nam sắp tiến hành một cuộc đảo chính. Nhà trắng biết điều đó vì Nhà trắng tiếp tay khởi động chuyện này và phát tín hiệu đồng ý cho các tướng lĩnh. Nhưng một điều mà Nhà trắng không biết, đó là cuộc đảo chính sẽ nổ ra chính xác là vào ngày giờ nào. Lúc đó Kennedy và Bộ ngoại giao chỉ biết rằng nó sẽ xảy ra khoảng mùa thu 1963.

Phải chăng là sự tình cờ ngẫu nhiên khi chính phủ Mỹ, trước đó đã từ chối không cho bà Nhu nhập cảnh, đột nhiên lại cấp chiếu khán cho bà ta vào mùa thu 1963?

Ngày 7.10.1963 bà Nhu nổi tiếng bài Mỹ được nhập cảnh vào Mỹ và bắt đầu chuyển diễn thuyết ồn ào và gay gắt của mình, qua nhiều trường đại học lớn như Georgetown, Princeton, Howard,... để vận động sự ủng hộ của ông chồng và ông Diệm (và tiếp tục chỉ trích chính phủ Kennedy); ngoài ra bà còn trả lời mấy cuộc phỏng vấn truyền thanh và thậm chí còn xuất hiện trong những chương trình truyền hình như Meet The Press, The Today Show, và chương trình của David Susskind. Nhà trắng biết rằng họ phải chịu đựng cảnh này một thời gian, nhưng họ biết rằng một khi cuộc đảo chính xảy ra, mọi chuyện bà Nhu nói sẽ hoàn toàn biến mất khỏi trang nhất các báo.

Chuyện xảy ra đúng như vậy.

Khi Diệm và Nhu chết trong cuộc đảo chính, bà Nhu làm rùm beng với báo chí Mỹ...nhưng lúc đó chẳng còn ai quan tâm nữa. Những lời đe dọa và khích bác của bà Rồng cái đối với Mỹ bị báo chí làm ngơ khi họ tập trung chú ý vào vụ đảo chính. Ít lâu sau, bà ta bị trục xuất khỏi Mỹ, để lại nhiều hoá đơn khổng lồ chưa thanh toán tại khách sạn Beverly Wilshire. Bà ta qua Paris, rồi sang Rome để sống với các con ở đó, và suốt từ đó, bà ta im lặng một cách kỳ lạ về cái chết của chồng và anh chồng, chỉ sống ẩn dật trong một biệt thự tối tăm mà người ta đồn là thuộc sở hữu của giáo hiệu Thiên chúa giáo.

Nhưng hồi 1963, nỗi e sợ của Kennedy đối với cái miệng tai hại của bà Nhu đã được thu xếp ổn. Sau vụ đảo chính, bà ta không thốt ra một lời phản đối nào nữa.

Vậy là, Phần I của kế hoạch rất thành công, nhưng còn những phần khác cần thu xếp nốt, và một trong những phần đó là cha bà Nhu, ông Trần Văn Chương, Đại sứ Nam Việt Nam tại Mỹ. Kennedy rất cần sự ủng hộ của Chương cho cuộc đảo chính này (một điều Chương đã gợi ý hồi mùa xuân với cố vấn Michael Forrestal của Hội đồng an ninh quốc gia trong một cuộc họp được bảo mật). Không có bằng chứng tuyệt đối nhưng có thể nói rằng có rất nhiều lời đồn cho rằng Tổng thống Kennedy đã đích thân gặp Đại sứ Chương vào tháng 8 và yêu cầu ông ta từ nhiệm chức đại sứ, vì lợi ích quốc gia.

Đó là tin đồn.

Nhưng không kì lạ sao khi Đại sứ Chương đã từ chức ít lâu sau lần gặp mặt mà người ta đồn

đại đó? Và kể đó, Chương cũng đi một vòng diễn thuyết, phản bác lại những phê phán của con gái mình đối với nước Mỹ.

Có vẻ hơi như...hơi kỳ quặc, phải không? Nhưng đó chính là chuyện đã xảy ra.

(Chuyện có lẽ còn kỳ lạ hơn là chuyện hai thập niên sau, Chương và vợ bị ám sát tại nhà riêng của họ tại Washington DC, và kẻ sát nhân bị kết án là con trai của họ, em bà Nhu – Trần Văn Khiêm. Khiêm không hề bị chính thức xử hay kết án mà chỉ bị an trí vào bệnh viện tâm thần St. Elizabeth. Tuy nhiên, ông ta cứ nhất định mình vô tội, và tuyên bố rằng bố mẹ ông ta bị giết bởi vì họ biết được về “vụ ám sát Kennedy” (295) [(Howard, Alison, “Suspect in 2 Deaths Resists Drugs”, The Washington Post, 6.12.1991)]).

Hãy trở lại với năm 1963, hai trở ngại đối với kế hoạch lật đổ Diệm của Nhà trắng đã được giải quyết. Nhưng vẫn còn nhiều nữa, và trở ngại lớn là người anh trai lớn nhất và ảnh hưởng nhất của Diệm, Tổng giám mục Ngô Đình Thục, đại diện Vatican tại Nam Việt Nam.

Gọi ông Thục là người cấp tiến thì còn hơi nhẹ (cuối đời, ông ta bị Giáo hội Thiên chúa giáo cắt phép thông công không phải một mà tới hai lần, vì những hoạt động dị giáo (296) [(Associated Press, “Pope to Have First Meeting with Vietnamese Catholics”, 14.8.1993)], và gọi ông là kẻ tham nhũng thì hơi lịch sự (Thục bóp nặn tiền viện trợ quân sự Mỹ từ các tỉnh trưởng (297) [(FRUS, IV)]).

Thục cũng là một khối cồng kềnh cản trở kế hoạch của Nhà trắng. Chuyện các bạo chúa chính trị bị giết trong lúc xảy ra đảo chính là một lẽ, nhưng Tổng giám mục Thục là nền tảng gia tộc của nhà họ Ngô, và ông cũng bị những kẻ chống đối thân Phật giáo thù ghét. Nói chính xác hơn, nếu Thục còn có mặt ở Nam Việt Nam khi đảo chính xảy ra, Kennedy sẽ gặp nhiều rủi ro hơn khi người ta khám phá rằng chính phủ của ông đã hỗ trợ cuộc đảo chính bằng tin tình báo, tiền bạc và vũ khí. Điều này sẽ gấn Kennedy – một Thiên chúa giáo – với một hành động chính trị đem lại cái chết cho một Tổng giám mục Thiên chúa giáo, một chuyện sẽ khó được dân Mỹ thiên chúa giáo chấp nhận.

Nên cũng không khó tưởng tượng ra những gì Kennedy đã thảo luận với Giáo hoàng trong chuyến viếng thăm Vatican bất ngờ của ông vào đầu tháng 7. Đột nhiên người ta quyết định triệu tập Ngô Đình Thục đến Rome để dự một hội nghị giám mục trong quãng thời gian dự định nổ ra cuộc đảo chính.

Thêm một vấn đề được giải quyết. Nói cách khác, Thục là một trở ngại cho kế hoạch lật đổ Diệm và Nhu, và vậy đó, tự nhiên trở ngại đó được dọn sạch. Tình cờ ngẫu nhiên chăng?

Diệm có em trai thứ tư – một người em vô hại – đi xa giữ vị trí một sứ thần ngoại giao ở Anh. Kennedy không cần phải ưu tư về ông ta, và chúng tôi đã nói tới chuyện gì đã xảy ra với người em thứ năm, Cần, đại diện của chính phủ tại Trung phần: sau khi đảo chính nổ ra, Cần bị quân của Dương Văn Minh giết chết sau khi ông ta đã được Lodge hứa hẹn bảo vệ.

Trên đây, chúng tôi đã lược qua bằng chứng không thể phủ nhận về một âm mưu từ phía Nhà trắng của Kennedy nhằm lật đổ chính phủ Nam Việt Nam, hệ quả của nó là cái chết của

tổng thống Diệm.

Chúng tôi ghi nhận rằng, hơn bất cứ gì khác, đây là mảnh đất màu mỡ trên đó âm mưu ngược lại đã được gieo hạt, đó là âm mưu đã dẫn đến cái chết của tổng thống Kennedy.

NHỮNG NGƯỜI TRONG BÓNG TỐI

“Họ {FBI} cảm thấy rằng Jean {Souetre} đã biết ai hoặc chính hẳn ta đã ám sát Kennedy”

- BÁC SĨ LAWRENCE ALDERSON(298) [(Phỏng vấn bác sĩ L.M.Alderson qua điện thoại của J.Gary Shaw – 1855.10.1977; 4:30 chiều)]

Bây giờ một số đầu mối lụn vụn lỏng lẻo đã được nối kết lại, và chúng ta đã tái khẳng định được âm mưu của chính JFK nhằm lật đổ nguyên thủ của một nước đồng minh, ta hãy trở lại với chương 17 và những tên gọi trực tiếp liên quan đến cái mà chúng ta tin là hồ sơ quan trọng nhất về vụ JFK đã từng được công bố cho đến nay: hồ sơ 632-796 của CIA

Chúng ta đã có Jean Rene Souetre, một tay OAS khủng bố, và là người có lẽ đã mượn tên của một cựu binh Pháp kháng chiến trong Thế chiến 2 nhưng đã trở thành đầu lĩnh buôn lậu bạch phiến cho Guerini và tập đoàn ma túy Marseille.

Và, nhờ bằng chứng ấy, chúng ta biết được rằng Souetre đã ở Dallas, Texas vào buổi chiều Kennedy bị ám sát. Và chúng ta cũng biết rằng trong vòng 48 giờ sau vụ ám sát, Souetre đã được bộ phận nào đó của Bộ Tư pháp Mỹ đón đi và bí mật đưa ra khỏi nước Mỹ(299) [(Tài liệu CIA 632-796)].

Souetre có những động cơ mạnh mẽ nhất để mưu sát Kennedy. Hẳn đào ngũ khỏi quân đội Pháp tại Algeria để tham gia tổ chức cánh hữu OAS. Đó là một tổ chức thù ghét Kennedy vì ông này gây áp lực buộc DeGaulle phải cho Algeria được độc lập trọn vẹn đối với khối Liên hiệp Pháp. Ngoài ra, OAS cũng không xa lạ với hành vi ám sát (đó là một phần trong tôn chỉ hoạt động của họ); họ đã ám sát nhiều cảnh sát, quân nhân và viên chức chính phủ trong chiến dịch khủng bố của họ, và những tay bắn tỉa thường xuyên được sử dụng để làm những việc này. Hơn nữa, OAS đã nhiều lần mưu ám sát Tổng thống Pháp DeGaulle, và chúng ta biết rằng chính CIA cũng cho rằng Souetre có dính líu đến ít nhất là một trong những lần mưu sát đó(300) [(Tài liệu CIA CSCI –3/776.742)]

Do đó, Souetre rõ ràng là một người có động cơ, phương tiện, kỹ năng và quá trình thụ huấn để đảm nhận công việc hạ sát Kennedy. Nhưng chúng ta cũng biết rằng Souetre và Mertz có biết lẫn nhau ở thời điểm nào đó (cuối thập niên 1950 đến đầu thập niên 1960) và làm sao chúng ta biết điều đó? Bởi vì Souetre đã thừa nhận điều đó trong hai cuộc phỏng vấn vào năm 1983 và 1999(301) [(Hurt, tr. 419; Phỏng vấn Souetre của Monique Lajournade, 9.6.1999)].

Như thế, là một tay khủng bố nên thật hợp lý về mặt thực tiễn khi Souetre sử dụng tên của kẻ thù Michael Mertz khi đi đây đi đó vì những mục đích mờ ám. Hẳn sẽ để lại dấu vết mà nó sẽ dẫn ngược, không phải về tới chỗ hẳn, mà tới người mà hẳn căm ghét.

Nhưng có một khả năng rất quan trọng mà 632-796 không xem xét tới.

Có thể Jean Rene Souetre không phải là người mà Bộ Tư pháp Mỹ bí mật trục xuất khỏi Dallas ngay sau cái chết của JFK. Có thể đó thực sự là Mertz, nhưng đội tên của Souetre.

Chúng tôi tin điều này.

Có ba lý do tại sao chúng tôi nêu luận điểm này ra để chúng ta xem xét. Thứ nhất, Michael Victor Mertz cũng có quá trình huấn luyện, kỹ năng và kinh nghiệm trận mạc như Souetre, nếu không muốn nói là nhiều hơn. Mertz là anh hùng trong lực lượng Pháp kháng chiến; trong hai năm ông ta đã giết nhiều lính Đức trong lãnh thổ Đức chiếm đóng. Lực lượng Pháp kháng chiến gồm những chiến binh du kích với những chiến thuật chủ yếu là phá hoại và ám sát. Phương pháp định vị tam giác giữa các tay bắn tỉa cũng thường được dùng để đối phó với những sĩ quan Đức trên trận địa. Và đây chính là cuộc sống của Mertz khi ông ta chỉ huy đơn vị kháng chiến tinh nhuệ của mình trong Thế chiến 2. Nói cách khác, Mertz rõ ràng có kỹ năng được trui rèn qua trận mạc và cần thiết cho việc ám sát một tổng thống.

Thứ nhì, ông ta cũng có động cơ vững chắc để muốn Kennedy phải chết. Kennedy – và Bộ Tư pháp do em trai Robert của ông ta chỉ đạo – đang tiến hành một cuộc chiến toàn diện chống Mafia, nhất là các ông trùm tội phạm có tổ chức Carlos Marcello, Sam Giancana và Santos Trafficante, tất cả những kẻ điều hành hệ thống phân phối bạch phiến trên đất Mỹ, và tất cả những kẻ nhận hàng từ các lò bạch phiến Marseille của Antoine Guerini. Và chúng ta biết rằng Mertz đã trực tiếp làm việc cho tập đoàn bạch phiến đó. Cuộc tấn công của Kennedy nhắm vào các trùm Mafia Mỹ đã đe dọa sự ổn định của thị trường ma túy, mà điều này lại đe dọa sự ổn định của thị trường bạch phiến Marseille của Guerini. Hầu như tất cả bạch phiến bán cho con nghiện Mỹ đều xuất phát từ Marseille sau khi nó được chế biến từ thuốc phiện do Ngô Đình Nhu cung cấp. Do đó, Guerini và tập đoàn của y sẽ thiệt hại rất lớn – mất thị trường lớn nhất của họ – nếu Kennedy có thể duy trì cuộc chiến chống Mafia Mỹ.

Mertz cũng sẽ thiệt hại rất nhiều: nguồn tiền bạc, lối sống, và quyền lực. Lý do thứ ba, và là lý do hàng đầu, khiến chúng ta nghĩ Mertz sử dụng tên của Souetre tại Dallas hơn là trường hợp ngược lại thì dựa trên một điều hoàn toàn khách quan.

Jean Rene Souetre đích thực đã được nhà báo Pháp Jacques Chambaz nhận diện và tìm ra tông tích năm 1983. Souetre không chỉ thừa nhận có biết Michael Mertz trong quá khứ, hẳn ta còn hàm ý rằng họ còn là kẻ thù của nhau trong một thời gian dài, và quan trọng hơn nữa, hẳn còn khẳng định Mertz đôi khi còn dùng tên Souetre khi đi đây đi đó(302) [(Hurt)].

Bây giờ ta hãy nhìn lại một số mẫu ghép còn chưa rõ cũng như cuộc phỏng vấn tường tận nhất từng được thực hiện với Jean Rene Souetre.

CUỘC PHÒNG VẤN SOUETRE NĂM 1999

“Người ta không thể nói rằng Mertz là một anh hùng thời chiến, ông ta thực sự chỉ là một kẻ sát nhân”

- JEAN RENE SOUETRE

Chúng ta có nhiều chi tiết liên hoàn để suy diễn trong chương này: nhiều nhận xét kỳ lạ dựa trên những sự kiện rất thuyết phục có trước, “một điều bất hảo” trong lẫn lộn nhiều thứ, và trên hết là một cơ hội để nghe chính Jean Souetre phát biểu về vấn đề này.

Thật kỳ lạ khi ta nhìn kỹ hơn vào tập thể người Pháp cứ xuất hiện ở đây, ban đầu là trong cái chết của Diệm, rồi đến cái chết của Kennedy. Về vụ sát hại thứ nhất, chúng ta phải nhớ rằng Diệm, Nhu và bà Nhu là người Việt về mặt chủng tộc, nhưng về văn hóa họ là người Pháp. Họ lớn lên trong nền văn hoá Pháp, được giáo dục tại Pháp, và sử dụng tiếng Pháp lưu loát. Chuyện cũng tương tự như vậy với các tướng lĩnh đảo chính đã lật đổ và giết chết Diệm khi Mỹ bật đèn xanh cho họ. Và lý do chính yếu khiến chính những tướng lĩnh ấy tin cậy nhân viên CIA Lucien Conein là bởi vì ông này có gốc Pháp và đã hoà nhập vào ngôn ngữ và phong tục (và điều này giải thích tuyên bố của Conein rằng ông ta thấy rất quen thuộc không những với các tướng lĩnh nổi loạn mà với cả phần lớn những tay anh chị gốc đảo Corse sống tại Sài Gòn. Bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ McNamara, trong cuộn băng ghi âm được công bố gần đây, đã gọi Conein là “một người Pháp không ổn định”). Về vụ ám sát Kennedy, chúng ta lại có thêm hai người Pháp nữa được nhắc tới trong hồ sơ 632-796 (Mertz và Souetre), Tổng thống Pháp Charles DeGaulle (người đã đích thân gắn huy chương cho Mertz sau Thế chiến 2 và sinh mạng của ông được cứu vãn phần lớn nhờ việc Mertz xâm nhập vào trại giam các thành viên OAS), nhiều nhân viên SDECE Pháp đã bảo vệ Mertz, trong nhiều năm, khỏi các án tù vì buôn bán bạch phiến, và ngay cả trùm Mafia Mỹ Carlos Marcello cũng ra đời ở Tunisia (một xứ bảo hộ của Pháp) và lớn lên trong khu Pháp kiều ở New Orleans. Giữa tất cả những điều đó, chúng ta có tập đoàn bạch phiến quốc tế, đặt tổng hành dinh ở Marseille, Pháp, và do anh em Guerini người Pháp điều hành. Nguồn cung phần lớn nguyên liệu thuốc phiện cho họ là thông qua Nhu và kẻ trung gian là Rock Francisci, cũng là một người Pháp.

Bây giờ ta hãy gặp một người Pháp nữa, giống Rock Francisci, đã sống gần như suốt đời ở Đông Nam Á. Người này là Matthew Franchini. Bề ngoài ông ta được mô tả như một thương gia trọng nguyên tắc và là một chủ khách sạn đáng kính (ông ta sở hữu khách sạn Continental nổi tiếng ở Sài Gòn). Tuy nhiên sự thực thì Franchini là bộ não đằng sau các chuyến hàng thuốc phiện của Rock Francisci từ Sài Gòn sang các lò bạch phiến Marseille(303) [(McCoy)]. Tại sao điều này quan trọng thế? Vì Franchini là một khâu vô giá trong đường dây chỉ huy của thế giới ngầm Marseille, nếu không muốn nói là đường dây chỉ huy tập đoàn bạch phiến toàn cầu. Franchini cung cấp cho Marseille sản phẩm morphine vốn được Rock Franchini chở thoải mái về Sài Gòn (những chuyến bay do Nhu bảo kê). Lúc đó chính Franchini là người thu xếp để chuyển hàng an toàn tới Marseille, dĩ nhiên là cũng được bảo kê bởi những nhân viên SDECE vốn đã bảo kê cho Mertz. Một nhân vật đặc biệt quan tâm đến sự an toàn của nguồn cung cấp này đã đích thân tới Sài Gòn để gặp gỡ các trùm bạch phiến từ các nơi trên thế giới, và người

đó chẳng là ai khác hơn Santos Trafficante(304) [(McCoy)].

Nhưng hầu hết những nguồn tài liệu về Matthew Franchini là những nguồn “vô danh” của toà đại sứ Mỹ và những nguồn tương tự. Còn có ai khác có thể nói với chúng ta về Franchini, một ai đó sẵn sàng để người khác nhận diện?

Có đấy. Jean Souetre.

Mùa xuân 1999, đồng tác giả O’Leary của sách này hợp đồng với nhà nghiên cứu Pháp Monique Lajournade, người có thể xác định Souetre vẫn còn làm việc trong vai trò giám đốc quan hệ đại chúng của sông bạc Divonne, tại Divonne les Bains, nước Pháp. Ngày 9.6.1999, Souetre rất hoan hỉ đồng ý cho phỏng vấn, và sau đây là những gì hắn nói về Matthew Franchini:

“Ông ấy là dân đảo Corse. Tôi biết rằng họ đã dính vào việc buôn bán bạch phiến, và chính milieu {băng đảng} của dân Corse chuyên làm vụ này. Mertz đã có quan hệ với họ từ lâu, và hoàn toàn có thể họ là nhà cung cấp {bạch phiến} cho ông ta”.

Sau cùng, một người trong “nghề” xác nhận cho điều mà chúng ta đã tuyên bố từ lâu. Bây giờ chúng ta hãy xem Jean Souetre nói gì về con người mà chúng ta tin là một trong những tay bắn tỉa tại Quảng trường Dealey trong ngày 22.11.1963 đó: Michael Victor Mertz.

Nhưng trước hết hãy gạt bỏ mọi nghi ngờ cho rằng Mertz và Souetre là một người. Sau cùng, hai người này có những đặc điểm tương tự. Về điều này, Souetre nói: “Phải, thật kỳ lạ, bởi vì chúng tôi đều là đại úy dù. Chúng tôi có cùng kiểu hành xử về thể chất, bởi vì có cùng quá trình huấn luyện. Người ta thường có những thái độ tương tự nhau. Nhưng cũng có vấn đề tuổi tác, và Mertz hắn là lớn hơn tôi mười tuổi, và ông ta đã ở trong lực lượng kháng chiến trong Thế chiến 2. Nhưng sự thực, nếu bạn biết ông ấy, bạn sẽ thấy là không thể tin được”.

Chúng tôi không nghi ngờ điều đó. Thực vậy, Mertz lớn hơn Souetre mười tuổi (ông ta sinh năm 1920, Souetre sinh năm 1930). Khi Mertz đang chỉ huy các chiến sĩ du kích chống Đức, Souetre mới 13 tuổi.

Bây giờ hãy xem Souetre còn nói gì khác.

Hỏi: Ông gặp Mertz khi nào?

Đáp: “Trong thời kỳ OAS; ông ta là một trong những barbouze đã xâm nhập OAS, đóng vai một người ủng hộ tích cực. Công việc của ông ta là xâm nhập tổ chức của chúng tôi và phôi bày, tổ giác các mạng lưới. Nên tôi có cơ hội gặp ông ta. Lúc đó là cuối thập niên 1950 đầu thập niên 1960, trước khi tôi bị bắt. Và có lẽ tôi còn gặp ông ta sau đó, tôi không nhớ nổi.

“Vì Mertz, nhiều thành viên OAS đã bị bắt. Không phải ai cũng biết ông ta. Ông ta thường tự giới thiệu là đại úy dù để làm quen với các thành viên trong tổ chức và trở nên gần gũi hơn. Vào lúc đó chúng tôi không có thời gian để điều tra gốc tích và các hoạt động trước đó của các thành viên mới. Ông ta thực sự đã gây thiệt hại cho tổ chức.

“Sau này, một khi đã biết về ông ta, tôi nghĩ ông ta đã được chuyển đi nơi nào khác. Thường thì người ta không giữ một mật viên khi hắn ta bắt đầu trở nên không đáng tin cậy nữa. Các tổ chức mật vụ Pháp quan tâm đến ông ta vì hai lý do: thứ nhất để bảo vệ DeGaulle, người đi công du rất nhiều và định sang thăm Mexico và Nam Mỹ. Như trong mọi tổ chức mật vụ khác, người ta cố gắng xác định những người có thể gây nguy hiểm. Tôi nghĩ ban đầu Mertz cũng được sử dụng như thế. Nhưng chắc chắn ông ta không được phép tiếp xúc với những người đang chuẩn bị ám sát Kennedy. Có thể Mertz đã được sử dụng để thông tin cho mật vụ Pháp về vụ này, và để tố giác láo OAS”.

Hỏi: Ông nghĩ sao về chuyện Mertz có thể sử dụng tên của ông?

Đáp: “Tôi nghĩ rất có thể Mertz đã ở Mỹ, vào thời điểm Kennedy bị ám sát, và sử dụng tên của tôi”.

Hỏi: Năm 1984, trong một phỏng vấn ngắn với Jacques Chambaz cho tờ Quotidien de Paris, ông có đề cập rằng Mertz là một trong những kẻ thù của ông. Có phải ông đã xem Mertz là một kẻ thù không?

Đáp: “Mertz đã thâm nhập OAS với mục đích duy nhất là phá hoại. Ông ta là một mật viên của một tổ chức chống lại chúng tôi; nên ông ta là kẻ thù của chúng tôi”

Hỏi: Ông có nghĩ ông ta có góp phần trong việc ám sát Kennedy?

Đáp: “Điều tôi thấy rất lạ là ông ta đã có mặt ở đó, tại Dallas trong ngày xảy ra tội ác với tên của tôi. Ông ta làm gì ở đó vào ngày ấy? Rõ ràng ông ta biết rằng sắp có chuyện xảy ra, và biết rằng đội tên đại uý Souetre ông ta có thể đổ tội cho CNR”

Hỏi: CNR là gì?

Đáp: “Đó là tên gọi sau này của OAS. Vào lúc đó, CNR đang xây dựng những quan hệ tích cực với một số thành viên của Lầu Năm Góc, như những thành viên cánh hữu có tư tưởng chống cộng mạnh mẽ và tìm được những ý tưởng chung trong những quan hệ với CNR. Vì có khả năng nhận được giúp đỡ từ phía người Mỹ, một số người Mỹ nào đó, nên hiển nhiên mật vụ Pháp {SDECE} làm việc cho DeGaulle phải ngăn chặn những quan hệ đó bằng mọi cách và một người trong bọn họ phải làm cho chúng tôi trông có vẻ như những con người điên loạn, dị thường. Mật vụ Pháp sẽ làm bất cứ gì để ngăn chặn những quan hệ giữa chúng tôi với người dân Mỹ”.

Hỏi: Ông biết gì về Mertz và hoạt động của ông ta trong Thế chiến 2, và về ý nghĩ cho rằng ông ta là anh hùng thời chiến?

Đáp: “Một anh hùng thời chiến à? Mertz đã bị bắt vào lính Đức, đó là những dân vùng Alsace – Lorraine bị Quốc xã động viên; ở đó hẳn Mertz chẳng làm gì nhiều, có lẽ ông ta đã đào ngũ để gia nhập lực lượng Pháp kháng chiến, nhưng đó là lực lượng kháng chiến do Gandoin lãnh đạo, một nhánh kháng chiến thân cộng ở khu vực Tulle thuộc Creuse. Đó là về cuối cuộc chiến, trong một giai đoạn khi phe cộng sản mạnh trở lại. Họ giết tất cả những người cánh hữu có thể trở thành thù nghịch với cộng sản trong tương lai. Theo thông tin chúng tôi có được về Mertz,

chúng tôi biết rằng ông ta cũng có mặt trong vụ này, rằng ông ta đã tham gia vào những vụ sát nhân vỡ lòng đó. Người ta không thể nói rằng Mertz là một anh hùng thời chiến, ông ta thực sự chỉ là một kẻ sát nhân, và được sử dụng như một kẻ sát nhân mà thôi”.

Hỏi: Việc ông ta thâm nhập OAS không giúp ông ta ngăn chặn được một âm mưu ám sát DeGaulle của OAS sao?

Đáp: “Tôi không biết. Điều đó rất có thể”.

Hỏi: Khi làm việc cho tập đoàn bạch phiến Marseille, ông ta cũng là tay chân của SDECE?

Đáp: “Ông ta luôn thuộc về một tổ chức. Ông ta nằm trong một tổ chức mật ít được biết tới của giới barbouze dưới quyền chỉ huy của M. Sanguinetti, một kẻ chống OAS và sử dụng những người như Mertz để xâm nhập OAS... Bọn barbouze luôn sẵn sàng cho mọi chuyện và được sử dụng theo kiểu đó bởi Sanguinetti, kẻ luôn ủng hộ Mertz và giúp hắn thoát ra khi gặp tình thế khó khăn”.

Hỏi: Ông có biết gì về mối nghi ngờ rằng Mertz, vì nằm trong giới barbouze, nên đã được phép tiếp tục vận chuyển bạch phiến mà không sợ bị bắt giữ?

Đáp: “Khi Mertz bị bắt, ông ta không ở tù lâu, vì Sanguinetti lại kéo ông ta ra, nên ông ta có thể tiếp tục những việc làm xấu xa của mình”.

Hỏi: Hồ sơ 632-796 của CIA nói rằng một trong ba người này (ông, Mertz hoặc Roux) đã có mặt ở Dallas vào ngày Kennedy bị giết. Ông có biết ai tên là Roux không?

Đáp: “Tôi không nhớ ra ai mang tên đó. Tôi tin rằng người có mặt tại Dallas hôm đó là Mertz đội tên tôi vì những lý do tôi đã nêu trên”.

Hỏi: Ông có thể nói gì về đầu mối bạch phiến của Mertz và họ có thể có liên hệ với Đông Nam Á như thế nào?

Đáp: “Bạn biết đó, họ là một băng đảng mật và không có dấu vết rõ ràng, hỗn hợp một chút ma túy, chút mafia, tổ chức bán dâm – cái này xen với cái kia. Ở đây bạn cũng thấy chút cái này hay cái nọ. Mafia duy trì hoạt động buôn bán ma túy, và đám barbouze mà Mertz có liên hệ chắc chắn có liên lạc với những người ở Việt Nam. Nguồn cung cấp thuốc phiện trong giai đoạn chủ yếu là từ Đông Nam Á”.

Hỏi: Hồ sơ 632-796 của CIA ghi rằng trong vai trò một thành viên OAS ông đã tiếp xúc với CIA ở Lisbon và nhờ họ hậu thuẫn cho các hoạt động chống DeGaulle. Điều đó đúng không?

Đáp: “Không, họ không ủng hộ những hoạt động chống DeGaulle. Quả thực là tôi đã có tiếp xúc với CIA ở Lisbon, gặp nhân viên CIA phụ trách Tây Âu. Chúng tôi, CNR, đã có liên lạc với nhân viên ấy, nhưng với mục đích là lập một chương trình phát thanh thuộc loại chủ yếu là chống cộng Chúng tôi tìm người giúp đỡ, tìm hỗ trợ tài chính từ phía Mỹ để lập một đài phát thanh như thế. Nhưng kế hoạch không hề thành công vì cái chết của Kennedy. Sau đó Mỹ cũng cắt giảm ngân sách cho những kế hoạch như vậy”.

Hỏi: Ông nghĩ gì về tất cả những chuyện đang xảy ra quanh vụ JFK hiện nay?

Đáp: “Điều khiến tôi ngạc nhiên nhất là chuyện Mertz chưa từng bị thẩm vấn. Thứ nhất là ông ta có mặt ở nơi xảy ra biến cố, rồi ông ta bị FBI trục xuất, chuyển qua Canada. Người ta không tổng khứ một kẻ tình nghi tội vạ như thế. Người ta cố gắng khai thác thông tin từ ông ta. Ông ta đang làm gì ở đó? Rõ ràng là đã không có một cuộc điều tra nghiêm túc. Kết quả là, Mertz có thể tiếp tục những hoạt động phi pháp của mình. Tôi thấy thật kỳ lạ là giới thẩm quyền Mỹ – những người có thể dễ dàng tìm ra tôi – lại không hề truy tìm Mertz để thẩm vấn nghiêm túc. Khi họ tìm đến tôi, tôi đã chứng minh được rằng tôi không phải kẻ có mặt ở Dallas, rằng tôi chưa từng tới nước Mỹ. Thế thì có thể là ai khác nữa? Tôi tin rằng Mertz đã ở đó vào ngày đó. Tại sao họ không tin? Từ đó, vì thông tin này dẫn tới thông tin khác, họ lẽ ra phải thẩm vấn Mertz, ông ta là kẻ nhận lệnh từ Sanguinetti, chuyển các thông tin đi. Ông ta lẽ ra phải bị thẩm vấn và khai ra những gì ông ta biết, ít nhất là về những quan hệ với mafia, qua những đường dây của ông ta, những gì ông ta đã làm trong việc buôn bán ma túy và những điều đại loại như thế. Ông ta chẳng bao giờ bị thẩm vấn hoặc chú ý. Thay vì thế, ông ta đã chết trong một lầu đài sang trọng tại Pháp, để lại cả đồng tiền bạc. Tôi có thể nói thật với bà rằng một sĩ quan quân đội Pháp kiếm chẳng được bao nhiêu tiền đâu.

“Tôi tự hỏi tại sao. Tại sao Mertz được mật vụ Pháp bảo vệ trước người Mỹ? Có thể rằng mật vụ Pháp sợ Mỹ sẽ khám phá ra sự thật chăng?

“Tôi hoảng thật sự khi nghe nói rằng người Mỹ muốn phỏng vấn tôi. Họ tiếp cận tôi theo một kiểu rất lạ, họ bảo: “Chúng tôi đang chuẩn bị một cuốn sách”, họ nói, “một cuốn sách về OAS. Tôi bảo họ: “Nghe đây, tôi có thể kể cho các ông nghe những gì đã xảy ra, những gì tôi biết về OAS”. Nên người Mỹ đến đây và tôi chờ đợi họ bởi vì tôi có thể mừng tượng ra cảnh tôi bị mang qua Mỹ để thẩm vấn về OAS. Thực vậy. Bạn biết trong những kênh tiếp xúc đó người ta có phương tiện để làm ai đó bốc hơi. Nên tôi đã có những đề phòng...

“Thế là những người Mỹ tới, tự giới thiệu và nói với tôi họ đang chuẩn bị một cuốn sách về OAS và câu hỏi thứ nhất của họ là “Ông đang làm gì ở Dallas vào ngày Kennedy bị ám sát?” “Tại sao các ông tới đây?”. Tôi hỏi: “Tôi không có mặt ở đó và chẳng có gì để nói”.

“Họ bỏ đi theo kiểu ta thường nói, một tay trước mặt, một tay sau lưng. Sau này tôi khám phá ra họ là dân CIA.

“Tại sao lại là tôi, chứ không phải Mertz? Tôi thấy thật là là ông ta chưa từng bị thẩm vấn.

“Dù gì đi nữa, Mật vụ Pháp hẳn cũng đã biết về việc chuẩn bị vụ ám sát nhưng đã không đưa thông tin này cho giới chức Mỹ. Hoặc có thể thông tin đã được chuyển đi và nó đã bị ém nhem”

Rồi Souetre nói thêm về khả năng Mertz đội tên Souetre: “Điều đó sẽ dễ dàng cho Mertz, nhờ sự hỗ trợ của Sanguinetti. Trước hết, để có được giấy tờ bạn phải có người làm, và chỉ có Vụ thông tin là làm được chuyện đó. Và để có thể luồn lách theo kiểu ông ta đã làm và nhất là với hồ sơ của ông ta mà cảnh sát nắm được, ông ta hẳn phải có sự giúp đỡ rất lớn từ cấp cao.

“Tất cả những sự kiện đều cho ta thấy rằng mật vụ Pháp, các tổ chức song hành, barbouze

và các thứ như thế, đều có dính líu trong lĩnh vực này, điều đó chứng minh sự hiện diện của Mertz tại Dallas vào ngày xảy ra tội ác ấy.

“Nhưng tôi thấy thật kỳ lạ là người Mỹ chẳng bao giờ cố đào bới sâu hơn. Bây giờ thì Mertz đã chết được năm năm rồi. Họ có rất nhiều thời gian để đi gặp cảnh sát Pháp với một uỷ ban nghiên cứu. Một uỷ ban như thế đã tới tra tấn tôi. Họ có thể làm tương tự với Mertz. Tôi đã nói với họ những gì tôi đang nói với bà đây”.

Hỏi: Ông tin rằng Mertz được các giới chức cao hơn bảo vệ?

Đáp: “Ông ta được bảo vệ rất kỹ, ông ta luôn được cứu ra khỏi các tình huống khó khăn bởi các ông chủ của mình. Tôi chẳng thể cho bà một manh mối gì về họ. Tôi chỉ có thể gửi cho bà bản sao hồ sơ cảnh sát về ông ta. Thật lạ khi thấy rằng sau khi ông ta đã làm mọi chuyện như thế...”

Hỏi: Làm sao ông có được những hồ sơ đó?

Đáp: “Tôi có thể nói với bà rằng tôi lập tức quan tâm tới Mertz khi nhận ra chiều hướng của các diễn biến. Tôi tự nhủ mình phải tìm ra càng nhiều chuyện về nhân vật này càng tốt. Một kẻ giống như ông ta có dáng dấp hoàn hảo của một tên gangster. Và điều đó có lý. Ông ta cưới bà đó, Martel, kẻ nằm trong một băng đảng còn dính líu nhiều hơn. Nếu bạn có được một hệ thống nhà thổ ở Canada bạn phải có sự bảo kê nào đó, ít nhất là bảo kê riêng chống lại các kẻ thù. Tôi tin rằng Martel có liên quan tới mafia. Bọn mafia thậm chí có thể đã cộng tác trong các hoạt động của ông ta. Vợ của Mertz sẽ không hé môi...Bà ta không cần tiền vì đã đủ giàu. Người ta không thể hỏi mua hồ sơ về chồng bà ta. Những người như vậy thường không để lại bất kỳ hồ sơ nào. Nhất là khi Mertz đã được huấn luyện trong nghề barbouze, ở đó người ta được dạy cách không để lại cái gì cả, không bao giờ để lại các ghi chép, không bao giờ giữ bất kỳ ghi chép gì. Chỉ có khi nào bạn muốn đe dọa tiết lộ ông chủ của mình; nhưng trong trường hợp này ông chủ lại quá mạnh: đe dọa tiết lộ với Sanguinetti có lẽ quá khó. Và dĩ nhiên Sanguinetti sẽ chẳng bao giờ nói gì cả.

Hỏi: Về chuyện Mertz buôn bán ma túy, ông có nghĩ tôi sẽ tìm được điều gì đó trên báo chí không?

Đáp: “Từ thời kỳ đó thì có thể, nhưng tôi không chắc chắn đó là lúc nào. Tôi chẳng có bằng chứng nào về chuyện đó vì tất cả chỉ là lời đồn lan truyền trong giới tụi tôi, nhưng chắc chắn là có những đường dây giữa các cơ quan công quyền Pháp từ DGSE để kiếm tiền tài trợ cho các chiến dịch của họ bằng cách sử dụng trò buôn bán ma túy tại Mỹ. Và Mertz đặc biệt có thể sử dụng các cơ quan lính Mỹ được giải ngũ về Mỹ để vận chuyển trong hành lý của họ những lượng ma túy đáng kể.

“Tôi nghĩ rằng vào thời đó, chuyện này đã bị Cục ma túy Mỹ khám phá và hẳn đã có ít nhiều tiếng vang trên báo chí. Nhưng đây chẳng phải điều có thể khai thác được. Bây giờ cũng vậy, làm rùm beng chuyện này lên cũng chẳng có lợi gì cho Pháp. Người Mỹ hiện nay và nhất là Cục ma túy phải có thông tin về chuyện này trong tàn thư của họ”.

Hỏi: Và đây là lúc Mertz bị bắt?

Đáp: “Ông ta bị bắt rồi mau chóng được thả ra nhờ sự can thiệp của Sanguinetti. Nếu người Mỹ yêu cầu cảnh sát Pháp bắt Mertz, ta hoàn toàn có thể tin rằng Sanguinetti sẽ có khả năng giúp ông ta được phóng thích mau chóng. Điều đó bà có thể tìm thấy trên báo chí thời đó”.

Đến đây là kết thúc cuộc phỏng vấn, và ta có thể thấy rằng Souetre rất sẵn sàng cung cấp thông tin. (Sanguinetti – tên riêng là Alexandre – là cánh tay phải của Bộ trưởng Nội vụ Pháp Roger Frey, người mà bạn đọc đã gặp trong chương 11 và 14. Frey là người chữa cháy cho DeGaulle, và Sanguinetti là kẻ được giao nhiệm vụ tiến hành chữa cháy. Hẳn ta là sĩ quan liên lạc giữa SDECE và chính phủ, tương tự như một cố vấn an ninh quốc gia hàng đầu của Mỹ). Tuy nhiên chúng ta có thể hiểu rằng Souetre phải cẩn thận trong lời ăn tiếng nói: xem lại những cuộc phiêu lưu trong quá khứ của hẳn thì ai mà lại không cẩn thận lời nói? Thí dụ, hẳn không bao giờ nói với chúng ta rằng hẳn tin Mertz là một trong những kẻ ám sát Kennedy; thay vì thế, hẳn nói rằng hẳn tin Mertz – một kẻ sát nhân – đã ở Dallas trong khi xảy ra vụ sát nhân lớn nhất trong lịch sử Mỹ, và Souetre cũng nói rằng Mertz dễ dàng biết trước những chuẩn bị cho vụ ám sát JFK thông qua những đầu mối trong thế giới ngầm. Souetre cũng rõ ràng rất thận trọng về những nguồn tin của mình, như ta thường thấy ở một con người có kinh nghiệm về hoạt động bí mật như hẳn ta. Tương tự, chúng ta chỉ có thể hy vọng hẳn ta bảo vệ được chính mình xét qua việc tên tuổi của hẳn nằm trong hồ sơ 632-796 cạnh tên Mertz. Đó là lý do tại sao Souetre, thông qua những đường dây riêng của mình, đã thu được hồ sơ bắt giữ Mertz (xem phụ lục P) và lý lịch ông này. Hồ sơ bắt giữ chứng tỏ Mertz đã có hơn 30 năm vi phạm pháp luật, và hồ sơ này ghi chi tiết những chuỗi vi phạm dài: tấn công và đe dọa, trộm cắp, tàng trữ vũ khí trái phép, giết người, bỏ trốn để tránh bị truy tố, tham gia bạo loạn, làm giả giấy tờ, đe dọa sát hại cảnh sát, cùng rất nhiều án phạt tiền và phạt tù, chưa kể tới bản án năm năm về tội buôn bán bạch phiến sang Mỹ và Canada.

Sau cùng, điều hay nhất kể đó chúng ta tìm ra là một bức ảnh của chính Mertz. Mertz chết năm 1955, nên không thể có một bức ảnh ông ta – một anh hùng thời chiến – trong bất kỳ mục cáo phó nào sao? Còn những ảnh chụp trước khi ông ta chết thì sao? Hầu hết những anh hùng thời chiến đều được chụp hình vô số lần, nhưng...

Việc tìm kiếm rộng rãi nhiều văn khố Pháp cũng không tìm ra một ảnh chụp nào của nhân vật này.

Có thể là “những quyền lực cấp cao” đã thủ tiêu những ảnh chụp nhân vật này trong một nỗ lực che giấu sự thật. Làm việc cho tập đoàn bạch phiến quốc tế đầy thế lực của Antoine Guerini (với nguồn cung thuốc phiện đều đặn từ Ngô Đình Nhu) Mertz có động cơ và phương tiện, và có thể dễ dàng sử dụng những đầu mối quen biết trong Mật vụ Pháp để cải trang thành chiến sĩ OAS Jean Rene Souetre. Không hợp lý sao khi những quan chức Pháp nào đó, biết sự thực về Mertz, nên đã thủ tiêu mọi ảnh chụp ông ta?

Được rồi, không ảnh chụp, nhưng còn hồ sơ xử án ở Pháp thì sao? Chính ở đây Souetre đã chỉ cho Monique Lajournade đi đúng hướng để tìm thêm thông tin về Mertz.

Trong khi tìm những bài báo đầu thập niên 1970 có đề cập tới lần bắt giữ Mertz, Lajournade đã truy ra một số tên họ của những người trong ngành tư pháp Pháp, những người có thể giúp bà tìm hồ sơ tội phạm nào đó của Mertz. Như Souetre đã ám chỉ trong cuộc phỏng vấn, hầu như không có thông tin nào loại đó còn tiếp cận được tại các văn khố Pháp. Tuy nhiên, với nhiều công sức điều tra và một chút may mắn, bà đã tìm ra đúng cái thứ mà tất cả chúng ta đều tìm kiếm: hồ sơ ghi chép về các hoạt động tội phạm của Mertz và nhất là việc buôn lậu bạch phiến của ông ta, tất cả trong dạng các hồ sơ toà án chuẩn bị cho vụ xử Mertz tại Paris (xem Phụ lục O-1 và O-2).

Lần thẩm vấn trước toà này, diễn ra ngày 5.7.1971, đã chính thức kết án Mertz (cùng với các trùm bạch phiến khác trong đó có Achille Cecchini) là vi phạm Luật quốc gia về tội phạm liên quan đến ma túy. Những cáo trạng và ý định truy tố này được đưa ra bởi Toà đại hình quận 16 (tương đương với một toà liên bang của Mỹ). Hồ sơ chính thức này chứng tỏ rõ ràng rằng những tác giả trước đây chỉ có thể kết tội theo những điều được nghe nói: rằng Michel (Michael) Victor Mertz là một tội phạm chuyên nghiệp từng buôn bán khối lượng lớn bạch phiến vào đất Mỹ và nhận thù lao từ những tay điều hành giới giang hồ Marseille. Cuối cùng, sau hơn một thập niên thu lợi nhuận khổng lồ từ việc buôn bán bạch phiến, Mertz đã bị bắt, qui án và kết tội. Hồ sơ toà án Pháp này chứng tỏ điều đó.

Lajournade đã tìm được thông tin quý giá trong chuyến điều tra tại Pháp. Trong khi đó, hai nhà nghiên cứu khác của đồng tác giả O'Leary là Tim McGinnis và Brett Ruhkamp, có lẽ đã làm được khám phá kỳ lạ nhất. Sau hơn một tháng hỏi thăm tài liệu ở Văn khố Quốc gia, và hầu như không gặp chút may mắn với DEA và các hồ sơ cũ của Cục Ma túy Mỹ, cuối cùng, vào tháng 6.2000, họ được cấp phép để nghiên cứu một thùng hồ sơ. Một trong những hồ sơ đó là một báo cáo chi tiết của Bộ Tư pháp Mỹ gửi cho Sở Ma túy Mỹ, và chủ đề của báo cáo là về những hoạt động bạch phiến của Pháp đầu thập niên 1960, một thời điểm khi sự dính líu của Mertz đang ở quy mô lớn nhất (xem Phụ lục Q để thấy tờ bìa báo cáo này). Bản báo cáo nêu chi tiết nguồn cung cấp thuốc phiện Lào từ Nam Việt Nam cho các lò bạch phiến Marseille, và nó đề cập rõ ràng đến tất cả đồng sự thể lực của Mertz (Francisci, Simonpieri, Venturi, Cecchini, anh em Guerini, v.v...)

Vậy mà tên của Mertz không hề được nhắc tới.

Hãy nhớ, báo cáo này được viết ra trong thời điểm khi các cơ quan bảo vệ pháp luật của Pháp và Mỹ đang hợp tác chặt chẽ với nhau trong cuộc chiến chống ma túy. Hơn nữa, sự thông đồng của Mertz với tất cả những kẻ được đề cập trong báo cáo đã được xác minh bằng nhiều hồ sơ về phía Pháp.

Phải chăng có phần tử nào đó trong cơ quan công quyền Mỹ đã tẩy xoá mọi đề cập đến Mertz, có lẽ cũng chính là phần tử đã lo cho ông ta thoát khỏi Dallas, Texas, hai ngày sau khi JFK bị ám sát?

ĐỪNG NHÌN NHỮNG KẺ THÙ, HÃY NHÌN VÀO BÈ BẠN

“Johnson đưa ra giả thuyết rằng ‘Kennedy có lẽ đã bị giết để trả thù cho cái chết của Tổng thống Diệm của Nam Việt Nam, ba tuần trước đó’”(305) [(Nechiporenko)]

Nhờ những dữ kiện có trong 632-796, chúng ta biết chắc chắn rằng một ai đó (rất có thể là Mertz) đã được bí mật trục xuất khỏi Dallas, Texas, hai ngày sau khi JFK bị giết chết. (Người đó khó có thể là Souetre vì Souetre, nhiều năm sau, đã được giới thẩm quyền Mỹ thẩm vấn và chứng tỏ vô can). Nhưng điều quan trọng hơn từ quan điểm của một vụ “che giấu sự thật” không phải ở chuyện ai đã bị trục xuất mà là những tình huống chung quanh vụ trục xuất. Chắc chắn Ủy ban Warren có một mối quan tâm đặc biệt đối với một sự cố như vậy nếu thực tế Ủy ban Warren không dính líu vào âm mưu che giấu sự thật. Nhưng 37 năm lịch sử đã chứng tỏ rằng Ủy ban Warren hoàn toàn không trung thực chút nào. Ngoài ra, người ta có thể nghĩ rằng sự hiện diện của một kẻ bị tình nghi có liên quan với OAS tại Dallas ngay trong ngày Kennedy bị giết có thể gây một mức báo động nào đó cho Bộ Tư pháp Mỹ. Người ta sẽ nghĩ rằng những giới chức Bộ Tư pháp này sẽ lập tức bắt giữ ngay nhân vật đó, hay ít nhất cũng câu lưu để thẩm vấn. Hơn nữa, chúng ta có thể nghĩ rằng các giới chức đó sẽ báo cáo về sự hiện diện của nhân vật này cho những nơi cần thiết, trong đó có Ủy ban Warren, bộ phận được chính thức thành lập năm ngày sau đó thông qua Chỉ thị hành pháp 11130. Nhưng cả vụ trục xuất lẫn sự hiện diện của “Souetre” tại Dallas không hề được báo cáo với Ủy ban. (Hoặc có thể đã được báo cáo, và bằng chứng quan trọng này đã bị Ủy ban Warren gạt bỏ như họ đã gạt bỏ vô số thông tin và bằng chứng có thể mâu thuẫn với kết luận của họ vốn cho rằng JFK bị giết bởi một tay súng đơn lẻ tên là Lee Harvey Oswald).

Thay vào đó, Bộ Tư pháp miễn cán của nước Mỹ thấy rằng nên bí mật tống khứ tay khủng bố này ra khỏi lãnh thổ, càng lặng lẽ và nhanh chóng càng tốt, và từ đó về sau họ chẳng bao giờ hé một lời về chuyện ấy.

Tại sao?

Họ hẳn đã có chỉ thị gói gọn toàn bộ sự vụ lại, đúng không? Và rốt cục Bộ Tư pháp Mỹ nhận những chỉ thị này từ đâu?

Từ văn phòng Bộ trưởng Tư pháp Mỹ: Robert F. Kennedy.

Chúng ta biết rằng Robert Kennedy đã dùng quyền lực của Bộ Tư pháp để che giấu rất nhiều chuyện trong quãng đời sự nghiệp ngắn ngủi của ông ta, và tất cả những trò che giấu ấy đều trực tiếp liên quan đến ông anh tổng thống của mình. Chúng ta biết Robert che giấu việc lưu trữ những bức ảnh khám nghiệm tử thi và bộ não JFK vốn là bằng chứng cực kỳ quan trọng. Và chúng ta cũng biết rằng Robert đã quyết chí che giấu sự dính líu trực tiếp của hai anh em ông ta trong các kế hoạch lật đổ – và ám sát – Fidel Castro sau vụ Vịnh Con Heo(306) [(Tài liệu của Hội đồng an ninh quốc gia (qua Ủy ban Rockefeller); Số lưu trữ 1781000210406; Hồ sơ CIA: ASSASSINATION MATERIALS MISC.ROCK/ CIA (2); Biên bản của Nhóm đặc vụ chiến dịch

Mongoose, 4.10.1962; Posner, “Cracks in the Wall of Silence”)]. Tất cả để bảo vệ tên tuổi gia đình Kennedy, và nhất là tên tuổi John F. Kennedy. Và bây giờ có vẻ như quá rõ ràng chúng ta lại biết thêm một trò che giấu nữa của Robert. Xét về chuyện đưa một tay khủng bố chống Kennedy vào Dallas trong ngày xảy ra vụ ám sát và rồi cái chỉ thị kỳ quái cho trục xuất hẳn ta ngay sau đó, thì một chỉ thị như thế có thể xuất phát từ đâu? Ai có được quyền lực để chỉ thị làm một việc hiển nhiên vi phạm qui tắc thi hành luật pháp như thế?

Chỉ có người ở vị trí trên cùng.

Để hậu thuẫn cho qui kết này, chúng ta biết rằng các viên chức INS đã nhận những chỉ thị ưu tiên hàng đầu từ Washington yêu cầu chặn bắt một công dân Pháp tại Dallas ngay sau vụ ám sát JFK(307) [(Hurt)]. Một chỉ thị kỳ lạ như thế sẽ xuất phát từ đâu? Ai ở trong Bộ tư pháp Mỹ có khả năng bảo đảm rằng một chỉ thị phi chính qui như thế sẽ được thi hành?

Có lẽ đó không phải cậu bé đưa thư rồi.

Cũng không kỳ lạ sao khi ngay sau đám tang Kennedy, tổng thống Pháp DeGaulle bắt đầu nói với báo chí cũng như các cố vấn rằng ông ta tin JFK bị giết do một âm mưu về phía Sở cảnh sát Dallas? Đúng vậy, và nó cũng được nói rõ ràng trong một hồ sơ FBI mà mãi đến 1993 mới được giải mật(308) [(Hồ sơ lưu trữ 180-10022-10291; Hồ sơ CIA 62-109060-5819; Tựa: “DeGaulle Viewed Death of JFK as a Conspiracy; 20.10.1967)].

Điều này có vẻ trái khoáy một cách kỳ lạ nếu không muốn nói là kỳ quái.

Trong những ngày kế tiếp sau một biến cố bi thảm làm chấn động thế giới, và khi hầu hết các nguyên thủ quốc gia đang ngổ lòng chia buồn với chính phủ và nhân dân Mỹ, thì Charles DeGaulle – một người bạn và đồng minh lâu năm – lại đóng một dấu bôi bác lên cái chết của Kennedy bằng việc tung ra lời đồn không cơ sở và đột ngột này.

Có vẻ như DeGaulle muốn mò tìm một phương cách để phân tán tư tưởng ngay trong giờ phút mà các bộ phận phân tích của Mỹ đang nỗ lực tập trung vào công tác khổng lồ nhằm điều tra cái chết của JFK. Rồi đột nhiên nguyên thủ của một trong những quốc gia đồng minh sâu sắc nhất lại tung ra một nhận định về cảnh sát Dallas?

Tại sao DeGaulle làm thế?

Hơn nữa, tại sao Robert Kennedy ra lệnh cho trục xuất một kẻ có khả năng ám sát anh ông ta, thay vì ra lệnh bắt giữ?

Hai sự kiện đó là những cú đánh hoàn toàn không thể tin được vào lý luận... trừ phi ta nghĩ tới một động cơ ngấm ngầm cực kỳ hữu lý, và chúng tôi cho rằng động cơ này có thể truy nguyên về tận Sài Gòn và dinh Tổng thống của Diệm.

Robert Kennedy yêu và ngưỡng mộ anh mình, nhưng sau 22.11.1963, JFK đã chết, chẳng có gì mang ông ấy trở lại cuộc sống được. Là Bộ trưởng Tư pháp, nhiệm vụ tối hậu của ông ta là bảo đảm an ninh tuyệt đối cho tổng thống thông qua Cục Mật vụ, và chúng ta đều thấy ông ta đã làm công việc của mình ra sao.

Sau vụ kém cỏi khủng khiếp này, và khi anh mình đã nằm trong lòng đất, Robert chẳng còn lại gì để bảo vệ ngoài thanh danh của ông anh mình trong lịch sử, thanh danh gia đình và những hy vọng chính trị tương lai của chính ông ta. Và đây là một công việc ông ta không được xử lý kém cỏi. Robert biết rằng một cuộc điều tra đại qui mô của liên bang về cái chết của JFK chắc chắn sẽ dẫn tới những sự kiện có thể phá hỏng di sản Kennedy. Điều tra sâu rộng hơn sẽ phát hiện rằng Sam Giancana đã thao túng vụ kiểm phiếu Illinois giúp JFK đắc cử tổng thống năm 1960.

Không, công chúng Mỹ sẽ không vui vẻ với thông tin này, họ cũng không hài lòng gì khi biết ra rằng Tổng thống Kennedy đã theo đuổi những âm mưu lật đổ và ám sát Fidel Castro trước và sau vụ Vịnh Con Heo và hiện còn có nhiều kế hoạch khác trên bàn làm việc(309) [(Xem Phụ lục N)]. Và tương tự, nếu không muốn nói là hơn nữa, dân Mỹ sẽ nghĩ gì về tên tuổi nhà Kennedy nếu họ biết được rằng JFK đã phê chuẩn, cho phép, và tiếp tế cho một cuộc đảo chính đã đem tới cái chết cho Tổng thống Diệm ở Nam Việt Nam, một đồng minh của Mỹ? Một con người và một chính phủ mà John F. Kennedy đã công khai ủng hộ bằng tiền thuế và xương máu của nước Mỹ?

Thực vậy, nếu cử tri Mỹ giữa thập niên 1960 biết được rằng người mà họ đã bầu làm tổng thống đã một mặt tuyên bố chống lại mỗi đe dọa cộng sản bằng cách gửi mỗi năm nửa tỉ đô la tiền thuế (cùng với 15.000 lính) cho chính phủ Diệm nhưng mặt khác lại ủng hộ một âm mưu quân sự nhằm tiêu diệt Diệm, những cử tri Mỹ ấy có lẽ sẽ không bỏ phiếu cho Kennedy trong kỳ bầu cử năm 1964. Họ cũng không muốn bỏ phiếu cho Robert Kennedy năm 1968 nữa.

Robert Kennedy và bố của ông ta hẳn phải cực kỳ ngu dốt mới không biết điều này. Và với JFK đã nằm trong mộ, thì sự nhất trí hợp lý trong gia đình sẽ phải là Hãy chấm dứt những mất mát và giữ gìn lấy những gì ta còn lại.

Nên sẽ là hợp lý, phải không, nếu té ra Michael Mertz thực sự là kẻ được nhanh chóng và bí mật đưa ra khỏi Dallas? Không phải rất có thể rằng sau sự cố, Mật vụ Pháp nhận ra sơ suất to lớn của mình và đã thừa nhận với DeGaulle. Nay, chúng ta gặp vấn đề lớn ở đây. Hoá ra một trong những tay đã giết Kennedy lại là dân buôn bán bạch phiến Marseille từng giúp chúng ta phá tung OAS và cứu mạng của ông đấy? Kịch bản này không giải thích được việc DeGaulle vội vàng đổ lỗi cho Sở cảnh sát Dallas một cách hết sức kỳ quái đó sao?

Để thông tin như thế này được công bố cho toàn thế giới – và nhất là cho nước Mỹ – vào năm 1963 hoặc 1964, phản ứng của công chúng sẽ rất tai hại. Nó sẽ không những tiêu diệt mọi nỗ lực chính trị xa hơn cho Robert Kennedy, mà nó còn tiêu diệt ý nghĩ của dân chúng về gia đình Kennedy nói chung và ký ức thần tượng về JFK nói riêng. Nó cũng sẽ tiêu huỷ các quan hệ ngoại giao, niềm tin và độ đáng tin cậy của Mỹ ở nước ngoài, và vĩnh viễn ghi dấu lên chính phủ Mỹ như một chính phủ không hề ngần ngại trong việc lật đổ và ám sát các nguyên thủ quốc gia không thuận theo những yêu cầu chính trị của Mỹ.

Và sự kiện tiên báo này đưa chúng ta tới luận điểm kế tiếp...

SÀI GÒN

FBI, trong nhiều hồ sơ, đã đánh dấu bà Nhu và Chính phủ Nam Việt Nam là những tình nghi ám sát JFK(310) [(a) Tài liệu FBI – Số lưu trữ 124-10054-10045, Hồ sơ CIA 62-109060-4257, 22.6.1966 (phiếu phân loại của hồ sơ, mục Chủ Đề, ghi “JFK, SUSPECT, MADAME NHU”). Tài liệu này có nói tới những lá thư từ một người Đức có bí danh KG3 gửi cho FBI; các lá thư khẳng định rằng bà Nhu dự phần trong âm mưu giết JFK; (b) Tài liệu FBI – Số lưu trữ 124-10052-10263, Hồ sơ CIA 62-109060-4257, 14.11.1966 (phiếu phân loại của hồ sơ, mục Chủ Đề, ghi “JFK, SUSPECT, MADAME NHU”); đây là một trong vài tài liệu kể lại lời khai của thủy thủ chuyên nghiệp Eric Lintrop, người đã nhiều lần thông báo cho FBI rằng ông ta nghe được các sĩ quan Thổ Nhĩ Kỳ nói chuyện về việc bà Nhu dính líu đến vụ ám sát JFK; (c) Bản dịch của FBI ngày 6.12.1963 các lá thư nặc danh từ Hà Lan gửi cho FBI, trong đó người viết thư khẳng định rằng bà Nhu có dính líu đến vụ ám sát JFK (xem Phụ lục F, G và H)]

JFK và nhóm cố vấn trong bộ ngoại giao đã làm rất hoàn hảo việc che kín dấu vết của họ trong vụ xâm nhập Vịnh Con Heo và những kế hoạch sau đó của Nhà Trắng nhằm ám sát Castro, cũng như rất nhiều chuyện khác. Người ta phải thấy dân Mỹ đã bị Nhà Trắng nhồi nhét những lời dối trá hữu hiệu đến thế nào suốt bao thập niên qua. Hãy tập trung chú ý vào Cuba một chút để diễn đạt luận điểm của chúng tôi. Trong nhiều thập niên, các sách sử rõ ràng đã tạo ấn tượng rằng vụ xâm nhập Vịnh Con Heo là sản phẩm của tổng thống Eisenhower, và Tổng thống trẻ tuổi vị tha John F. Kennedy đã thừa kế cái kế hoạch xấu xa này do một thất bại không tránh được. Chúng ta được dạy bảo rằng Kennedy chẳng muốn dính dáng gì tới chuyện đó nhưng bị buộc phải chấp nhận chiến dịch này vì quá nhiều công phu dàn xếp của chính phủ đã đầu vào đó. Chúng ta được lý giải rằng Vịnh Con Heo là một cỗ máy đã chạy sẵn trước khi JFK đắc cử, và cái máy đó không thể tắt đi được, và chính John Kennedy là người phải nhận cái kế hoạch tai hại của Eisenhower/Nixon thuộc đảng Cộng hoà ngay ngưỡng cửa Nhà Trắng khi JFK nhậm chức tổng thống. Dĩ nhiên, qua thời gian, chúng ta biết được những điều ngược lại – và sách vở cũng như báo chí cho đến tận cuối năm 1998 vẫn tiếp tục lan tràn, chứng tỏ JFK đã dính líu sâu đậm thế nào trong vụ này.

Nhưng trở lại năm 1963 thì sao?

Dân Mỹ không biết chút xíu nào về việc Kennedy, ngay sau lễ nhậm chức, đã hăng hái ủng hộ một đề xuất nhằm lật đổ Castro, họ cũng không hề biết rằng Kennedy hăng hái cho phép CIA duy trì hoạt động chính trị và phá hoại chống Castro tại Cuba(311) [(Kornbluh, Peter (ed.), Bay of Pigs Declassified, (the New Press, New York, 1998)]. Người dân Mỹ không biết chút gì, rằng ngay cả sau khi thất bại trong vụ Vịnh Con Heo, chính phủ Kennedy đã sốt sắng kêu gọi lập thêm những kế hoạch lật đổ Cuba và dàn dựng những biến cố có thể hợp pháp hoá trước công chúng một cuộc xâm lược qui mô lớn của Mỹ(312) [(Tài liệu của Hội đồng an ninh quốc gia (qua Ủy ban Rockefeller); số lưu trữ 1781000210406; Hồ sơ CIA: ASSASSINATION MATERIALS MISC.ROCK/ CIA (2); Biên bản của Nhóm đặc vụ chiến dịch Mongoose, 4.10.1962; Posner, “Cracks in the Wall of Silence”)], họ cũng không hề biết rằng chính phủ Kennedy đã đồng ý kế hoạch của CIA nhằm tuyển mộ những tay Mafia Mỹ như Sam Giancana và John

Roselli để ám sát Castro(313) [(Tài liệu có tựa COMMISSION ON CIA ACTIVITIES WITHIN THE UNITED STATES; phỏng vấn đại tá CIA Sheffield Edwards (qua Ủy ban Rockefeller); Hồ sơ lưu trữ 178-10002-10352; Hồ sơ CIA A-II (A) CHRON – ASSASSINATIONS, ngày 9.4.1975. Đây là một tài liệu li kì không chỉ chứng minh rằng CIA tuyển mộ dân Mafia để mưu ám sát Castro bằng thuốc độc mà còn chứng tỏ rằng Robert Kennedy đã biết rõ chiến dịch này, rằng ông ta đã không phản đối gì cảm và ông ta đã ra lệnh cho Đại tá Sheffield tường trình cho mình mọi kế hoạch ám sát Castro khác)]. Xem ra, Kennedy hình như có một chính sách và tư tưởng duy nhất một chiều đối với những chính phủ nước ngoài bất đồng với ông ta: giấu mặt lật đổ. Thú nhất là Castro của Cuba, rồi Diệm ở Nam Việt Nam. Không, công chúng Mỹ năm 1963 không hề nghe nói về điều đó.

Một điều khác họ không hề – và chẳng bao giờ – được nghe nói tới, đó là 17 ngày sau khi JFK bị ám sát, FBI nhận được thư từ một nguồn tin vô danh ở Hà Lan trong đó khẳng định rằng bà Nhu và chính phủ Nam Việt Nam chịu trách nhiệm về vụ ám sát JFK(314) [(Bản dịch của FBI ngày 6.12.1963 cho lá thư nặc danh gửi FBI từ Hà Lan, trong đó người viết thư khẳng định rằng bà Nhu có dính líu đến vụ ám sát JFK (xem Phụ lục F-2)]].

Rồi FBI nhận được thư của một thủy thủ chuyên nghiệp tên là Eric Lintrop khẳng định rằng ông ta đã chặn được một thông tin từ quân đội Thổ Nhĩ Kỳ nói rằng kẻ giết John F. Kennedy đã được thuê mướn bởi bà Nhu và chính phủ Nam Việt Nam(315) [(Tài liệu FBI – Số lưu trữ 124-10052-10263, Hồ sơ CIA 62-109060-4257, 14.11.1966)].

Và còn nữa: FBI nhận được thư từ một người Đức tự xưng mình là KG3 khẳng định rằng kẻ giết JFK đã được chính phủ Nam Việt Nam thuê mướn(316) [(Tài liệu FBI – Số lưu trữ 124-10054-10045, Hồ sơ CIA 62-109060-4257, 22.6.1966 (phiếu phân loại của hồ sơ, mục Chủ Đề, ghi “JFK, SUSPECT, MADAME NHU”). Tài liệu này có nói tới những lá thư từ một người Đức có bí danh KG3 gửi cho FBI; các lá thư khẳng định rằng bà Nhu dự phần trong âm mưu giết JFK)].

FBI đã điều tra kỹ lưỡng tất cả ba đầu mối này, tất cả ngay sau cái chết của JFK, nhưng không bao giờ công bố thông tin lạ lùng này.

Tại sao?

Dĩ nhiên, những nhà phê bình sẽ gào lên rằng ba báo cáo có nguồn khác nhau nhưng không có gì cụ thể đáng tin cậy gửi cho FBI nói về việc chính phủ Nam Việt Nam dính líu vào vụ ám sát Kennedy về lâu dài thì chẳng có chút giá trị gì.

Chúng tôi đồng ý.

Nhưng cái món chẳng chút giá trị ấy bắt đầu trông như một trái núi nghi ngờ khi ta bắt đầu khảo sát nhiều yếu tố bao hàm khác. Hãy nhìn vào thời điểm. Ba tuần sau khi Diệm và Nhu bị ám sát, JFK bị giết ở Dallas. Như đã đề cập ở các chương trước, bà Nhu đang làm một vòng diễn thuyết tại Mỹ khi vụ đảo chính Diệm nổ ra. Lúc đó bà ta đang ở Los Angeles, và khi biết rằng một vụ đảo chính đang manh nha ở Sài Gòn, bà ta lập tức tổ chức họp báo và lớn tiếng phê phán chính phủ Mỹ. Trong cuộc họp báo, bà ta nói:

“Một sự bất công tàn bạo như vậy đối với một đồng minh trung thành thì không thể bỏ qua, và những người thuận theo nó thì sẽ phải trả giá. Tôi không tin nhưng nếu các tin tức đúng là sự thực, nếu quả tình gia đình tôi đã bị hạ sát một cách phản trắc với sự đồng tình chính thức hoặc không chính thức của chính phủ Mỹ, tôi có thể nói trước với tất cả quý vị rằng câu chuyện tại Việt Nam mới chỉ là màn mở đầu”(317) [(Trần Lệ Xuân, còn gọi là bà Ngô Đình Nhu, “Statement by Madame Nhu on the Death of South Vietnam’s President”, The New York Times (2.11.1963) (Chuyện JFK bị giết 20 ngày sau khi bà Nhu lớn tiếng đưa ra lời đe dọa này không phải là chuyện đáng chú ý sao?)]].

Nghe như một lời đe dọa, phải không? Và thật lạ lùng. Người phụ nữ này, sau cùng, sang Mỹ để vận động sự ủng hộ cần thiết đến tuyệt vọng của công chúng đối với chính phủ của mình, và rồi lại tung những lời lẽ tạc đạn vào báo chí Mỹ. Quá lỗ cho việc vận động Mỹ ủng hộ.

Những điều bà ta nói không chỉ khẳng định một mối nghi ngờ của bà ta rằng chính phủ của bà đã biết trước một cuộc đảo chính do Mỹ đỡ đầu, nó còn hàm ý một đe dọa trả thù đối với thủ phạm: chính phủ Mỹ.

Ba tuần sau khi bà Nhu đưa ra lời đe dọa này, JFK bị bắn chết.

Thôi được. Đó là một sự trùng hợp lạ lùng. Nhưng về thực tế, có thể nào bà Nhu, bây giờ chỉ còn một mình – vì chồng và tổng thống anh chồng đã bị giết – có thể nào bà ta, cùng với mấy thành viên gia đình và vài người trung thành với Diệm còn lại ở Sài Gòn, lại có thể dàn xếp một cú rửa hận nhắm vào Kennedy? Trong ba tuần?

Điều đó là không thể được. Chiến dịch mờ ám dẫn đến vụ ám sát JFK hẳn phải cần, ít nhất, nhiều tháng để tiến hành và thực thi. Tổ chức một cú trả thù nhắm vào Kennedy trong ba tuần sẽ gần như là không thể được khi ta xét tới việc tuyển chọn người, bố trí hậu cần, vận chuyển người và trang bị, và tất cả việc hoạch định chiến lược và chiến thuật. Chắc chắn, nó có thể thực hiện trong ba tuần, nhưng chúng tôi cảm thấy khó có thể được.

Thay vì thế, hoàn toàn có thể tin được khi giả định rằng không chỉ có bà Nhu, mà cả ông chồng Nhu nắm cảnh sát chìm và ông anh chồng tổng thống đã biết trước từ lâu rằng Kennedy và các đầu não Bộ ngoại giao Mỹ đang có kế hoạch và chuẩn y vụ đảo chính Diệm.

Nếu điều này không đúng, làm sao Nhu tích trữ vũ khí và đạn dược tại những địa điểm “bí mật” từ trước khi đảo chính thực sự xảy ra? Chúng ta đã thấy rõ ràng các nỗ lực của CIA đã thông báo được vị trí của những địa điểm này cho tướng Minh và các đồng sự của ông ta nhưng đó chưa phải điểm chủ yếu. Tất cả những gì mà điều đó muốn chứng minh là, CIA là một tổ chức tình báo hữu hiệu hơn tổ chức cảnh sát chìm của Nhu. Sau cùng, tại sao Nhu cho tích trữ vũ khí đạn dược ở các địa điểm bí mật nếu ông ta không nghi ngờ trước về một vụ lật đổ đang manh nha?

Chúng tôi chứng tỏ rằng không có nghi ngờ gì trong vụ này cả. Nhu và Diệm đã biết trước rất rõ ràng Dương Văn Minh và các tướng lĩnh đang lập kế hoạch lật đổ. Sự thực, ý kiến này là không tranh cãi được...

Stanley Karnow, nhà báo nổi tiếng và là phóng viên về Chiến tranh Việt Nam, cho chúng ta biết rằng các nhân viên phản gián của Nhu cài được dụng cụ nghe lén trong Toà đại sứ Mỹ tại Sài Gòn(318) [(Karnow)]

Dựa trên sự kiện ngày nay đã sáng tỏ là Toà đại sứ Mỹ ở Sài Gòn đã bị nghe lén, chúng ta có thể kết luận rằng mọi cuộc đàm thoại giữa Đại sứ Lodge và đầu mối CIA Lucien Conein đều bị Nhu và những nhân viên phản gián nghe rõ từng lời. Lodge và Conein (cũng như Lodge và những người khác gắn liền với phái bộ ngoại giao Mỹ) rõ ràng đã thảo luận chuyện Nhà Trắng ủng hộ cuộc đảo chính trong khuôn viên toà đại sứ.

Điều này có nghĩa là bằng phép suy diễn đơn giản Nhu và Diệm đã biết được điều gì đang xảy đến với họ. Nên cũng hợp lý khi Nhu và Diệm đã có những biện pháp phòng vệ, chẳng hạn như tích trữ vũ khí và đạn dược ở những địa điểm bí mật. Nói rõ hơn, những con bọ nghe lén của Nhu trong toà đại sứ Mỹ đã làm sáng tỏ rằng Nhu và Diệm đã biết Kennedy đang cố làm cho họ bị lật đổ và thậm chí bị giết chết. Nhưng hãy tạm gác những con bọ nghe lén trong văn phòng của Lodge và hãy nói chuyện về hệ thống băng ghi âm trong chính Nhà Trắng của Kennedy. Chúng tôi đã nói chuyện 37 cuộn băng ghi âm những buổi họp giữa Kennedy và ban chỉ huy của ông ta tại Nhà Trắng và trong Phòng Nội các đã được công bố ngày 24.11.1998. Tại sao những cuộn băng ấy được bảo mật trong hơn ba thập niên là chuyện ta chỉ có thể suy đoán (hoặc, thực ra, đó cũng không phải điều ngạc nhiên vì hàng núi dữ liệu về JFK đã bị giữ ngoài tầm tay công chúng trong thời gian tương đương như vậy hoặc còn lâu hơn), nhưng các cuộn băng của Nhà Trắng từ 25.10.1963 đã ghi những thảo luận giữa Kennedy và giám đốc CIA John McCone. Ai chắc cũng biết McCone và phụ tá là William Colby đã tích cực thúc giục JFK cho ngưng vụ đảo chính lại. Đây là một lý do khác nữa. McCone có lý do để tin rằng tướng Paul Harkins (sĩ quan thâm niên tại Việt Nam) đã bí mật tiết lộ âm mưu đảo chính cho Diệm biết! “Nói cách khác, Diệm có bằng chứng rằng Kennedy đang âm mưu lật đổ mình”(319) [(Hughes, Ken, “The Table of the Tapes: JFK and the Fall of Diem; Three Weeks Before His Own Assassination, President Kennedy Launched a Coverup in the Assassination of the President of South Vietnam”, The Boston Globe, 24.10.1999)]. Ai cũng biết rằng Harkins xem Diệm như bạn thân, và ai cũng biết rằng Harkins rất chống đối kế hoạch lật đổ. Và bây giờ chỉ huy CIA (người tiếp cận được những nguồn tin tình báo rộng rãi và chính xác nhất trên thế giới) hàm ý ông ta có lý do để tin rằng Harkins, vô tình hay hữu ý, đã cho Diệm hay sắp có một cuộc đảo chính, phải nói rằng khó mà phủ nhận độ đáng tin cậy của nguồn tin này.

Thông tin này chỉ gia tăng bằng chứng rằng Nhu và Diệm đã biết trước Kennedy đang mưu lật đổ mình. Họ biết rằng đã có hợp đồng để mua đứt mạng sống của họ.

Giả sử, nếu bạn biết một ai đó đang mưu giết bạn... bạn sẽ làm gì? Nhắm mắt lại và cầu cho nó qua đi chẳng? Báo “cảnh sát” cho dù bạn biết trước “cảnh sát” là bất lực?

Trong trường hợp này, đa số người ta sẽ tìm cách ra tay trước. Giết kẻ thù trước khi kẻ thù kịp giết mình.

Đó là bản năng sinh tồn căn bản, một phản ứng của con người từ khi giống người xuất hiện trên đời. Sống sót chống lại kẻ áp bức mình. Xu hướng căn bản và sơ khai nhất..

Nhưng chúng ta biết có một điều không bao giờ bị tiết lộ trong Tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn, đó là ngày giờ đích xác nổ ra đảo chính. Các tướng lĩnh nổi loạn không bao giờ cho chúng ta biết đích xác lúc nào vụ đảo chính nổ ra. Chúng ta cũng biết rằng một số ngày giờ tiến hành đã bị đình hoãn lại – điều đó hẳn Nhu và Diệm đã biết nhờ những con bọ nghe lén. Hơn nữa, chúng ta biết rằng Diệm, vào ngày 1.11.1963, đã gặp Lodge lúc 10 giờ sáng và có đề cập đến tin đồn về một cuộc đảo chính nhưng rồi đã mau chóng gạt qua một bên (rõ ràng đã quá tin vào khả năng của Nhu trong việc hạ gục những kẻ chống đối). Diệm thậm chí còn hẹn sớm gặp lại Lodge và thu xếp những bất đồng giữa họ với nhau(320) [(Karnow)]. Lodge chỉ gạt đầu cho qua chuyện. Nhưng ta có thể thấy rõ những gì đang xảy ra ở đây. Lodge đã xoa dịu Diệm vì ông ta biết rằng Diệm sẽ sớm bị lật đổ, và Diệm xoa dịu Lodge vì ông ta biết rằng Kennedy sẽ sớm bị hạ sát.

Vấn đề duy nhất ở đây là vụ đảo chính đã xảy ra sớm hơn Diệm tính toán. Chúng ta đồng ý rằng Diệm và Nhu (cùng với đồng mưu ở Marseille và Mafia Mỹ) đã có kế hoạch ám sát John F. Kennedy. Nhưng Diệm và Nhu đã bị ám sát trước khi kế hoạch của họ được tiến hành.

Làm sao mà Diệm và Nhu không biết được rằng kế hoạch tiêu diệt họ đã sẵn sàng đâu vào đó? Với những con bọ nghe lén trong tòa đại sứ Mỹ? Và với 100.000 nhân viên tình báo của Nhu? Cho rằng tất cả những người này không biết thì sẽ là phi lý. Không ai ngốc đến thế, mà Nhu và Diệm là những con người rất khôn ngoan. Họ đã khôn ngoan hơn hẳn các kẻ thù suốt trong chín năm nắm quyền, đương đầu với rất nhiều vận xui, và đã sống sót trên vị trí quyền lực. Họ ăn chắc rằng lần này họ cũng sẽ làm được như vậy. Nhưng họ đã tính sai.

Sự dính líu của Nam Việt Nam trong vụ ám sát Kennedy thực sự được định hình đáng tin hơn so với sự dính líu của Liên Xô (điều này đã bị chứng tỏ là sai), so với trường hợp một mình Oswald đơn lẻ (điều này cũng bị chứng tỏ là sai) và so với sự dính líu của cái gọi là tập đoàn quân sự – công nghiệp vì họ muốn làm một số triệu phú được giàu hơn bằng cách leo thang cuộc chiến với chính phủ Johnson.

Khả năng một vụ lật đổ Diệm thì một ngàn lần đe dọa đối với một số quyền lực hơn mối đe dọa của chuyện Kennedy can thiệp vào những khoản trợ cấp và lợi nhuận đối với một số công ty như Bell Helicopter và General Dynamics. Đơn giản là chúng tôi không tin rằng Kennedy bị giết bởi một số nhà công nghiệp hay trùm dầu hoả Texas. Chúng tôi không tin rằng Kennedy bị giết bởi CIA vì CIA tức giận ông ta sau thất bại trong vụ Vịnh Con Heo. Và chúng tôi không tin rằng một tên điên lẻ loi như Lee Harvey Oswald lại có thể thực hiện vụ ám sát gay go nhất trong lịch sử với một khẩu súng trường cổ lỗ và thiếu chính xác.

Thay vì thế, chúng tôi tin rằng vụ ám sát JFK là một âm mưu đã được tính toán trước giữa Mafia Mỹ, giang hồ Marseille và cấp cầm quyền cao nhất của chính phủ Nam Việt Nam.

AI ĐÃ GIẾT DIỆM VÀ JFK?

“Ông ta {JFK} đã giết Diệm, và rồi chính ông ta cũng lĩnh chuyện đó”

- TỔNG THỐNG LYNDON JOHNSON

Vậy chúng ta có cái gì? Chúng ta có bằng chứng rằng chính phủ JFK đã ủng hộ cuộc đảo chính lật đổ Diệm ở Nam Việt Nam trong một nỗ lực mà họ đã công phu cực khổ để giấu nhem không cho công chúng Mỹ biết. Kennedy và ban chỉ huy của ông ta đã làm hết sức để hỗ trợ việc giết hại những lãnh đạo của một nước đồng minh. Thuần túy, đơn giản, và đã được chứng tỏ.

Chúng ta có bằng chứng rằng Diệm và Nhu đã biết trước âm mưu của Kennedy chống lại họ, và thêm những bằng chứng cho thấy cái chết của Diệm và Nhu có khả năng tiêu diệt tập đoàn bạch phiên quốc tế.

Kể đó, chúng ta có ba khảo sát các hồ sơ còn bảo mật của FBI nêu đích danh bà Nhu và chính phủ Nam Việt Nam là những kẻ tình nghi trong vụ ám sát JFK.

Chúng ta có bà Nhu công khai tuyên bố với tờ New York Times:

“...nếu quả tình gia đình tôi đã bị hạ sát một cách phản trắc với sự đồng tình chính thức hoặc không chính thức của chính phủ Mỹ, tôi có thể nói trước với tất cả quý vị rằng câu chuyện tại Việt Nam mới chỉ là màn mở đầu”.

Hơn nữa, còn có một sự kiện ít được biết tới nhưng vẫn là một sự kiện. Các bạn có biết rằng người kế nhiệm JFK, Lyndon Baines Johnson, đã nhiều lần khẳng định rằng những người Nam Việt Nam đã tham gia vào âm mưu giết hại Kennedy không? Một nguồn thông tin là từ chính miệng Phó tổng thống của Johnson, Hubert Humphrey. Humphrey kể với chúng ta trong tự truyện của ông rằng Tổng thống Johnson có nói: “Chúng ta có nhúng tay vào việc giết ông ấy {Diệm}. Bây giờ chuyện đó xảy ra ở đây”(321) [(Humphrey, Hubert H., *The Education of a Public Man* (University of Minesota Press, 1991))].

Chúng ta cũng có rất nhiều tác phẩm đã xuất bản nói những điều tương tự: rằng Tổng thống Johnson nghi ngờ Diệm và Nhu – trực quyền lực chính trị của chính phủ Nam Việt Nam năm 1963 – có can dự trực tiếp vào vụ ám sát Kennedy(322, 323, 324, 325) [(Nechiporenko;;; Power, Thomas, *The Man Who Kept Secrets: Richard Helms and the CIA* (Alfred A. Knopf, 1979));; Shesal, Jeff, *Mutual Contempt* (Norton, 1997));; Summers, Anthony, *Conspiracy* (Paragon House, 1989)]. Gần đây hơn, trong tác phẩm *Sons and Brothers* (“Các con trai và anh em trai”) in năm 1999, học giả giữ Thư viện Kennedy Richard D. Mahoney tiết lộ rằng Johnson đã nói điều tương tự – nhưng còn cụ thể hơn – với phụ tá của JFK là Ralph Dungan vài ngày sau khi chôn cất JFK. Johnson kéo Dungan vào Phòng Bầu dục và nói: “Tôi muốn nói cho ông nghe tại sao Kennedy chết. Trùng phạt của thần thánh thôi. Ông ta đã giết Diệm, và rồi chính ông ta cũng lĩnh chuyện đó”(326) [(Mahoney, Richard D., *Son’s & Brothers* (Arcade, 1999))].

Để tóm gọn lại, ta có một cái nhìn khái quát về xúc cảm này, từ cuốn *The Assassination of John F. Kennedy* (“Vụ ám sát John F. Kennedy”) của James P. Duffy và Vincent L. Ricci:

“Trong những năm ở Nhà Trắng, Johnson được ghi nhận là đã nhiều lần bày tỏ ý kiến rằng trách nhiệm cho vụ ám sát là thuộc về... những người ủng hộ Tổng thống Ngô Đình Diệm của Nam Việt Nam...” (327) [(Duffy)].

Hãy thêm vào điều này: chúng tôi đã trình bày tài liệu cho thấy KGB của Liên Xô đã lập tức được Khrushchev chỉ thị phải tiến hành điều tra riêng về chuyện ai đã giết John F. Kennedy (328) [(Tài liệu FBI – Số lưu trữ 124-10144-10086, Hồ sơ CIA 52-109060-4321, 1.12.1966, giải mật ngày 15.8.1995)].

Hãy nhớ, Khrushchev và Liên Xô rất kinh hoàng khi biết tin về vụ ám sát JFK. Tại sao? Vì ở vị trí đối thủ chính trị ý thức hệ với Mỹ (và về mặt kỹ thuật, cũng là kẻ thù của Mỹ trong cuộc chạy đua sản xuất đầu đạn hạt nhân) Khrushchev và KGB đều biết rõ rằng Oswald – người được định tội ám sát JFK – đã cố gắng vượt tuyến, và mặc dù KGB đã hoàn toàn loại bỏ không tuyển hẳn ta làm mật viên cho bất kỳ công việc nào của KGB, thì chuyển du lịch của Oswald sang Liên Xô cũng có thể bị các cơ quan tình báo Mỹ ghi nhận. Khrushchev đã làm hết sức để chứng tỏ cho Mỹ thấy rằng Liên Xô không tuyển dụng Oswald cho KGB và Liên Xô không dính líu theo bất kỳ kiểu nào vào vụ ám sát JFK. Nếu không phải như thế, thì tại sao Khrushchev đích thân trao toàn bộ hồ sơ KGB về Oswald cho Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Dean Rusk vào ngày an táng JFK? Chúng ta biết điều này là đúng vì nó được ghi trong hồ sơ 62-109060-4321 của FBI (329) [(Tài liệu dẫn trên)]. Hơn nữa, chúng ta biết, cuộc điều tra riêng của KGB cho phép họ kết luận rằng Lee Harvey Oswald không hề có được những gì cần thiết để thực hiện một vụ ám sát.

Trong một cuộc phỏng vấn cuối năm 1998, tướng Nikolai Leonov, sĩ quan cấp chỉ huy của KGB, người đã gặp Oswald tại Toà đại sứ Liên Xô tại Mexico (người sau này trở thành Trưởng ban chiến dịch KGB và trưởng đơn vị phân tích của KGB) cũng khẳng định dứt khoát rằng Oswald thiếu các năng lực cần thiết. Cho đến hôm nay ông ta vẫn còn nghi vấn không chỉ về sự ổn định tình cảm của Oswald mà cả về khả năng tác xạ của hắn nữa, và trong buổi phỏng vấn nói trên, ông ta đã nói rằng thật là “cực kỳ vô lý” khi nghĩ rằng Oswald có thể giết Kennedy.

“Khi tôi gặp hắn, vào tháng 9 {năm 1963} hắn ta đã hoàn toàn không thích hợp với loại công việc như thế”, Leonov bảo đảm với chúng tôi, nhấn mạnh rằng triển vọng Oswald giết được Kennedy là “Tuyệt đối không thể có được!” (330) [(Phỏng vấn Tướng KGB Nikolai Leonov, trong phim video *The Secret KGB/ JFK Assassination Files* (1998), Associated Television)].

Một người Nga nổi tiếng khác cũng có ý kiến về chuyện này là cựu chủ tịch Liên Xô và người đoạt giải Nobel: Mikhail Gorbachev. Gorbachev, người có tên tuổi sẽ đi vào lịch sử vì đã dân chủ hoá – và làm tan rã – Liên Xô cũng như tiến hành chính sách “công khai”; chưa bao giờ công khai phát biểu về vụ ám sát JFK, cho đến mãi sau này. Sau đây là những gì Gorbachev nói trong một cuộc phỏng vấn năm 1998 trong bộ phim tài liệu *The Secret KGB/ JFK Assassination Files* (“Bí mật các hồ sơ ám sát JFK của KGB”) của hãng Associated Television đã phát sóng toàn quốc năm 1999.

Khi được hỏi cụ thể rằng ông có tin điều khẳng định của Ủy ban Warren rằng Lee Harvey Oswald là tay súng duy nhất không, Gorbachev trả lời:

“Ông muốn tôi trả lời câu hỏi này, một câu hỏi mà cả nước Mỹ không trả lời được sau bao nhiêu năm tiến hành điều tra sâu rộng. Được rồi, tôi nghĩ tôi rất nghi ngờ chuyện nó phản ánh được những gì đã xảy ra vào thời điểm đó... Tôi thực sự không tin rằng Ủy ban Warren đã trình ra một bức tranh thực tế về những gì đã xảy ra. Tôi không tin vào bức tranh đó...”(331) [(Phỏng vấn cựu Chủ tịch Liên Xô Mikhail Gorbachev, trong phim video The Secret KGB/ JFK Assassination Files (1998), Associated Television)].

Gần đây hơn, Đại tá Ilya Semyonovitch Pavlotsky, sĩ quan cao cấp nhất của đơn vị điều tra KGB, đồng ý với Leonov, và tung thêm một quả bom nữa, “Nhóm của tôi, chuyên ban phân tích, đã kết luận rằng Tổng thống Kennedy không bị giết bởi Oswald. Có rất nhiều khác biệt ý kiến trong KGB nhưng có một điều chúng tôi đồng ý là, khả năng của Oswald quá kém, anh ta không thể tiến hành việc đó được”.

Nhưng rồi Pavlotsky nói với chúng ta một điều còn chấn động hơn, phần lớn những điều đó lại hậu thuẫn cho chủ điểm của cuốn sách này.

“Kennedy bị bắn chết bởi một tay sát nhân chuyên nghiệp được thuê mướn bởi các mật viên Pháp và Nam Việt Nam. Đơn vị của chúng tôi biết rằng người Mỹ đã tiếp tay lật đổ Tổng thống Ngô Đình Diệm của Nam Việt Nam, người mà họ đã đưa lên nắm quyền để chống lại cộng sản. Người em Diệm là Ngô Đình Nhu cũng bị giết, và việc này cắt đứt nguồn cung thuốc phiện mà Nhu đã giúp bọn mafia người Corse buôn lậu sang Marseille. Những người Corse đã chế biến thuốc phiện thành bạch phiến và chở qua Mỹ, tại đây bọn Mafia Mỹ lo việc phân phối. Nhóm chúng tôi tìm ra rằng bọn người Corse đã thuê tay bắn tĩa Michael Mertz, đôi khi còn có tên là Jean Rene Souetre, để tiến hành vụ ám sát với sự cộng tác của các ông trùm Mafia Mỹ”(332) [(Phỏng vấn Đại tá KGB Ilya Semyonovitch Pavlotsky, trong phim video The Secret KGB/ JFK Assassination Files (1998), Associated Television)].

PHẦN KẾT

“...chúng ta phải chịu phần lớn trách nhiệm cho vụ này {cuộc đảo chính}. Tôi lẽ ra không bao giờ được phép chấp thuận việc đó...”

- TỔNG THỐNG JOHN F. KENNEDY

(333)- [(Dodds, paisley, “37 JFK Tapes Made Public” (Associated Press, 25.11.1998))]

Động cơ. Phương tiện. Cơ hội. Trong gần 40 năm ba chữ đó đã là những mấu then chốt điều tra trong nỗ lực giải thích vụ nghi án ai giết tổng thống Kennedy, và tại sao. Một điều tương tự ở bất kỳ vụ điều tra sát nhân thông thường nào; sau khi thu được bằng chứng cụ thể, kiểm chứng và đánh giá chúng, những người điều tra sẽ đi tới ước đoán về những kẻ đáng tình nghi nhất, cân nhắc động cơ, phương tiện và cơ hội cho chúng thực hiện tội ác.

Chúng tôi cảm thấy rằng những nỗ lực chung của ba phía (giới giang hồ Marseille của Guerini, đầu não của Mafia Mỹ, và Diệm – Nhu) đã cho thấy đủ cả động cơ, phương tiện và cơ hội để hạ sát JFK hơn các giả thuyết từng được công bố.

Nhưng đã nói, ba thành phần trên có các động cơ tương tự nhau và/ hoặc cùng chia sẻ với nhau để muốn thấy JFK bị giết. Em trai Kennedy đang tiến hành cuộc chiến qui mô chống Mafia Mỹ, và nếu những nỗ lực của Kennedy nhằm loại bỏ Diệm và Nhu thành công, thì Mafia Mỹ sẽ chịu thiệt hại gấp đôi vì nguồn cung bạch phiến ổn định của chúng sẽ bị cắt và có khả năng bị tiêu diệt. Tương tự, cái chết hoặc việc truất phế Diệm và Nhu sẽ không chỉ đe dọa tiêu diệt quyền kiểm soát của giới băng đảng Corse/Marseille đối với tập đoàn bạch phiến toàn cầu, mà nó còn làm rối tung hệ thống và làm phân hoá hoàn toàn một trong những guồng máy tội phạm có tổ chức mạnh nhất thế giới. Thứ ba, nguồn lợi nhuận thuốc phiện của Diệm và Nhu sẽ bị chấm dứt, và quan trọng hơn, họ đã biết rằng một vụ đảo chính do Mỹ hậu thuẫn sẽ kết liễu luôn mạng sống của họ. Và cũng đừng quên những hệ quả rối rắm của thất bại trong vụ Vịnh Con Heo: không riêng Mafia Mỹ mất đi sự nghiệp sòng bạc ở Cuba, mà cả băng đảng Marseille cũng mất nữa(334) [(Benson)].

Diệm và Nhu với nguồn thuốc phiện dễ kiếm đã cho họ phương tiện đầu tiên để phát động một vụ ám sát. Khả năng của Mafia Mỹ trong việc tìm ra một nạn nhân tế thần và chuyên chở những sát thủ nước ngoài vào và ra khỏi Mỹ một cách trót lọt chứng tỏ họ có phương tiện tốt, và đó là chưa nói tới hàng chục sĩ quan cảnh sát Dallas đã lĩnh lương hoặc chịu sự khống chế nào đó của Mafia. Sau cùng, Antoine Guerini và giới giang hồ Marseille đã có được phương tiện tuyệt hảo để cung cấp những sát thủ được huấn luyện kỹ cho việc này. Và sự gắn bó đã ghi trong hồ sơ giữa Michael Victor Mertz với Guerini là một yếu tố quan trọng không thể phủ nhận.

Xét vì thế, ba thành phần này, với tất cả các bộ phận tổ chức vận hành đã sẵn sàng, rõ ràng đã có cơ hội để giết JFK, và chúng ta tin rằng họ đã chụp cơ hội và đã thành công.

Sau cùng, dĩ nhiên, mọi cuốn sách từng được viết về vụ ám sát Kennedy sẽ vĩnh viễn chỉ là

một giả thuyết của người viết. Có quá nhiều nhân chứng đã chết. Quá nhiều bằng chứng đã bị tiêu huỷ, sửa đổi hoặc biến cải. Quá nhiều lời dối trá và quá nhiều thông tin sai lạc, ngay cả từ phía chính phủ Mỹ, đã được bịa ra và nhồi nhét cho công chúng bao lâu nay. Và cũng có quá nhiều sự thật đã bị ém nhem vĩnh viễn.

Tình trạng này khiến tác giả chỉ còn lại giả thuyết của mình, và dựa trên đó họ xây dựng lại các dữ kiện khách quan và những chuỗi diễn biến của lý luận và lịch sử.

Chúng tôi hy vọng rằng độc giả nhận thấy chuỗi diễn biến của lý luận và lịch sử của chúng tôi ở đây là có đủ tính thuyết phục, và chúng tôi hy vọng rằng chúng tôi đã cung cấp được những dữ kiện khách quan (một số trong đó chưa từng có ai viết ra, một số khác chúng tôi tin rằng đã bị bỏ qua hoặc cố tình gạt sang một bên vì nội dung của chúng có thể rọi ánh sáng khác vào vấn đề này) đủ để hậu thuẫn cho những nghi ngờ của chúng tôi. Ngoài ra, chúng tôi hy vọng rằng độc giả nhận thấy cuốn sách này lý thú và gợi suy nghĩ. Chúng tôi hy vọng rằng nó sẽ thúc đẩy quý vị suy nghĩ thêm về bi kịch của ngày 22.11.1963, vượt ra ngoài báo cáo của Ủy ban Warren thối nát và vượt ra ngoài những điều mà chính phủ Mỹ vẫn còn một mực quả quyết sau bao nhiêu đó năm trời.

Hết

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>